VănHọc

TẠP CHÍ SÁNG TÁC NHẬN ĐỊNH VĂN NGHỆ

hai mươi năm văn học việt nam hải ngoại
tác giả & tác phẩm
trần long hồ ● vĩnh hảo ● nguyễn hữu trí
trần diệu hằng ● phan ni tấn

quay cuồng trong điệu vũ
andrew lâm
linda lê: "ôi gia đình, ta căm ghét ngươi"
bùi bích hà

và các truyện ngắn của
thơ thơ ● trần hoài thu ● kinh dương vương
phùng nguyễn ● hồ đình nghiêm ● cổ ngư
hoài ziang duy

thơ
nguyễn xuân thiệp ● trần hồng châu ● ngu yên
hoàng ngọc biên ● nguyễn thị thanh bình
phan ni tấn ● cao xuân tú ● tường vi ● hoàng bích dào

SỐ 116 ● THÁNG 12 NĂM 1995

VănHọc

TẠP CHÍ SÁNG TÁC NHẬN ĐỊNH VĂN NGHỆ

Phát hành mỗi đầu tháng

❖

Chủ Nhiệm: Châu Văn Thọ
Biên Tập: Nguyễn Mộng Giác
Nguyễn Xuân Hoàng
Mai Kim Ngọc
Tổng Thư Ký: Thạch Hãn

Đại diện Văn Học ở Canada:
Mr. Nguyễn Minh Đức, 1905 Tupper, Montréal,
Quebec, CANADA H3H 1N7
Phone: (514) 342-6270

❖

Đại diện Văn Học ở Âu châu:
Mrs. Lê Tất Luyện, 15 Place Souham, 75013, Paris,
FRANCE
Phone: 45-831-912

❖

Đại diện Văn Học ở Úc châu
Mr. Nguyễn Khắc Phú, 14 Lester Road, Padstow,
NSW 2221, AUSTRALIA
Phone: (02) 771-1770

❖

Đại diện Văn Học ở Houston, Texas
Mr. Ngu Yên, 2055 Westheimer # 130
Houston TX 77098
Phone: (713) 524-6262

Thư từ, bài vở, tiền bạc, xin gửi về
Văn Học
PO Box 1359
Garden Grove, CA 92642-1359
USA
Phone: (714) 894-8535

Số đăng ký tại Thư Viện Quốc Hội Hoa Kỳ: ISSN–0885–128X

VănHọc

Số 116, tháng 12 năm 1995

VĂN HỌC	2	thư toà soạn
TRẦN VĂN TÍCH	3	nhà viết sử và tiểu thuyết
CAO XUÂN TỨ	11	*trong xanh-mắt*
BÙI BÍCH HÀ	12	Linda Lê...
NGU YÊN	16	*lời của linda nguyễn & đều đều*
THỤY KHUÊ	17	phân tích bài Nguyệt Cầm
HOÀNG LỘC	23	*ra tù, về lại hội an*
HAI MƯƠI NĂM VĂN HỌC HẢI NGOẠI		
TÁC GIẢ & TÁC PHẨM		
TRẦN LONG HỒ	24	*trả lời phỏng vấn*
TRẦN LONG HỒ	26	người chị
TƯỜNG VI	43	*trăng sáng vườn thu*
HOÀNG BÍCH ĐÀO	43	*ý thu*
VĨNH HẢO	44	*trả lời phỏng vấn*
VĨNH HẢO	45	những ván cờ
NGUYỄN HỮU TRÍ	57	*trả lời phỏng vấn*
NGUYỄN HỮU TRÍ	58	một lời thề
PHAN NI TẤN	63	*ba điệu lý*
TRẦN DIỆU HẰNG	64	*trả lời phỏng vấn*
TRẦN DIỆU HẰNG	67	tự truyện của bóng
HOÀNG NGỌC BIÊN	76	*thần thoại việt nam*
PHAN NI TẤN	78	*trả lời phỏng vấn*
PHAN NI TẤN	80	bài ca đoàn tụ
ANDREW LÂM	83	quay cuồng trong điệu vũ
THƠ THƠ	89	lưỡi dao cạo
NGUYỄN THỊ THANH BÌNH	92	*thơ cho chim nhỏ*
TRẦN HOÀI THƯ	94	bãi chiến
NGUYỄN XUÂN THIỆP	98	*kẻ sĩ nga sơn, nửa thế kỷ soi dòng lịch sử*
	99	*con chim màu đỏ*
HOÀI ZIANG DUY	102	mỗi ngày mỗi xa
CỐ NGU	111	chuyện năm mươi năm
HỒ ĐÌNH NGHIÊM	116	đường dèo
TRẦN HỒNG CHÂU	126	*ta hờn người đi trước...*
PHÙNG NGUYỄN	128	điện thư
KINH DƯƠNG VƯƠNG	132	ba truyện thật ngắn
TẠ QUỐC TUẤN	137	giữa người đọc và người viết
NGUYỄN HUY THẠCH	140	ghi chép
VĂN HỌC	146	toà soạn với bạn đọc

Tác giả và Văn học giữ bản quyền, 1994-1995

© Copyright by authors and Văn Học. All rights reserved, 1994-1995

Thư Toà soạn

Đây là số báo kết thúc một năm 1995 nhiều thay đổi của tạp chí Văn Học, và như quí bạn đọc đã thấy, những thay đổi cải tiến của Văn Học đều đáng mừng, được bạn đọc khắp nơi khen ngợi, được văn hữu ủng hộ và khích lệ.

Sau số báo này, Văn Học sẽ ra số đặc biệt Xuân Bính Tý 1996. Vì Tết Nguyên đán theo Âm lịch cách Tết Dương lịch đến gần hai tháng, nên Văn Học số 117 & 118 Xuân 1996 sẽ phát hành vào ngày 15.1.1996. Như thường lệ, số báo này là số đôi cho hai tháng 1 và 2.1996, dày trên 250 trang, với nhiều bài vở có giá trị do văn hữu bốn phương đóng góp.

Tháng 12 hằng năm cũng là thời hạn một số khá lớn bạn đọc hết hạn mua báo một năm. Trên nhãn gửi báo dán trên bì, phần cuối của dòng đầu tiên, có ghi tháng và năm hết hạn ghi danh mua báo dài hạn. Xin quí bạn đọc xem lại và gia hạn kịp thời để Ban Chủ biên Văn Học có đủ phương tiện ấn hành tờ tạp chí. Mọi cố gắng cải tiến về nội dung và hình thức của tờ báo sẽ trở thành vô ích, nếu không có sự hỗ trợ cụ thể của quí bạn đọc.

Trở lại nội dung của số báo này, loạt bài "Hai mươi năm Văn học hải ngoại" kỳ này giới thiệu Trần Long Hồ, Vĩnh Hảo, Nguyễn Hữu Trí, Trần Diệu Hằng và Phan Ni Tấn. Đặc biệt, Văn Học trân trọng giới thiệu với quí bạn đọc hai người viết trẻ sáng tác bằng ngoại ngữ: Linda Lê ở Pháp qua bài giới thiệu của Bùi Bích Hà và Andrew Lâm ở Mỹ qua bản dịch truyện ngắn của Thạch Hãn; các tiểu luận văn chương của Trần văn Tích, Thụy Khuê; truyện ngắn của Kinh Dương Vương, Trần Hoài Thư, Hoài Ziang Duy, Phùng Nguyễn, Hồ Đình Nghiêm, Thơ Thơ, Cổ Ngư; thơ của Nguyễn Xuân Thiệp, Cao Xuân Tứ, Tường Vi, Hoàng Bích Đào, Ngu Yên, Trần Hồng Châu, Hoàng Ngọc Biên, Phan Ni Tấn, Nguyễn thị Thanh Bình. Đặc biệt trong phần thơ, Văn Học vui mừng giới thiệu với quí bạn đọc một loạt thơ của Nguyễn Xuân Thiệp, mà theo nhận định của Văn Học, mang rất nhiều nét độc đáo mới mẻ cho làng thơ hải ngoại.

Văn Học

Nhà viết sử và tiểu thuyết (*)

Trần Văn Tích

Đối với vấn đề hư cấu ở truyện lịch sử, điều cốt yếu phải giải quyết là mối quan hệ giữa sự thật lịch sử và sáng tạo nghệ thuật, cũng có nghĩa là mối quan hệ giữa hiện thực dĩ vãng và quyền năng tưởng tượng. Có người muốn tách bạch hai điều này vì cho rằng một bên là lịch sử, thuộc phạm vi khoa học đòi hỏi tính chính xác chân thực tuyệt đối; một bên là văn học, cần tôn trọng và phát huy trí sáng tác mỹ học. Thực ra khoa học lịch sử trình bày những sự kiện và quá trình diễn biến của sự kiện còn văn học (ở truyện lịch sử) thì thể hiện cuộc sống và tâm hồn con người gắn liền với các sự kiện và quá trình diễn biến ấy. Cho nên Georges Duhamel (*Nuit de la Saint Jean*, Préface, Mercure de France) đã nhìn thấy con đường song song mà tiểu thuyết gia và sử gia cùng theo: "Tôi cho rằng nhà tiểu thuyết là nhà viết sử của hiện tại còn nhà viết sử là nhà tiểu thuyết của quá khứ" (*Je tiens que le romancier est l'historien du présent alors que l'historien est le romancier du passé*).

Văn học cũng như sử học có tác dụng cung cấp những kiến thức đa dạng về tính chất cuộc sống của con người trong những quốc gia và những thời đại khác nhau. Cũng như sử học, văn học mang tính khai hóa. Nhà văn chân chính bao giờ cũng là người mở đường, người nghiên cứu những lĩnh vực cuộc sống chưa được nhiều người biết đến. Nhà sử học có lương tâm luôn luôn là người vượt ra khỏi thời cuộc để có cái nhìn bao quát, người tường thuật trung thực các biến chuyển liên quan đến từng thời đại để lưu lại cho đời.

Cả sử học lẫn văn học đều có cùng một đối tượng: nắm bắt con người trong cộng đồng.

Tiểu thuyết *Le rouge et le noir* (Đỏ và đen) của Stendhal mang phó đề *Chronique du XIXe siècle* (Biên niên sử thế kỷ XIX) với nội dung kể lại chuyện của Julien Sorel, một thanh niên nhiều tham vọng, không tiền

thân được bằng con đường võ nghiệp (đỏ) nên theo con đường tu hành (áo đen), kết cuộc bị xử tử. Nhân vật chính là một nguyên mẫu có thực ngoài đời, nhà tiểu thuyết mượn nó làm phương tiện đề cao nghị lực, tán dương khát vọng chinh phục, biểu dương lý tưởng tự chủ. Các câu chuyện kể về quãng đời niên thiếu của Giáo hoàng Paul III là chất liệu dựng một truyện khác, *La Chartreuse de Parme* (Tu viện dòng Chartreux ở Parme): Stendhal kể về Fabrice, một thanh niên quí tộc khao khát vinh quang và tình yêu, trước theo nghề binh bị sau lại rẽ cương làm linh mục và gần gụi lại người yêu; đứa con và người yêu chết, Fabrice vào nhà tu kín. Nhà tiểu thuyết rõ ràng là nhà sử học của hiện tại. Ngược lại cũng Stendhal khi viết *Chroniques italiennes* (Biên niên sử Ý) hay Prosper Mérimée qua chập bút *Chronique du règne de Charles IX* (Ký sự triều đại Charles thứ IX) lại lấy sử học làm nguyên liệu cho tiểu thuyết và tác phẩm của P. Mérimée, mô tả những cảnh tàn sát trong thời kỳ chiến tranh tôn giáo, có thể được xem như pho tiểu thuyết lịch sử đầu tiên của Pháp văn, làm mẫu mực cho thể loại này. Cho nên Tạ Triệu Chiết đời Minh trong *Ngũ tạp trở* cho rằng phàm viết từ tiểu thuyết cho tới tạp kịch, hý khúc thì hư thực nên mỗi thứ một nửa (*phàm vi tiểu thuyết cập tạp kịch hý văn, tu thị hư thực tương bán*). Trước tác lịch sử là trình bày chân lý của những sự kiện lịch sử để làm sáng tỏ các qui luật của lịch sử, khai thác tinh thần của lịch sử. Còn viết tác phẩm văn nghệ có đề liệu lịch sử là lấy dữ kiện lịch sử làm chỗ dựa để xây dựng hình tượng nghệ thuật, phản ánh qui luật của lịch sử, phát huy tinh thần của lịch sử. Thể loại trước xây dựng trên sự tồn tại người thật việc thật; năm tháng, tên tuổi nhất nhất đều phải phù hợp với chân lý khoa học, không thể có một điểm hư cấu, một tý bịa đặt. Thể loại sau đặt để cơ sở trên sự kiện cơ bản, hành động chủ yếu, tư tưởng chủ yếu của nhân vật; chỉ cần có căn cứ lịch sử là đủ, dựa vào những yếu tố đó mà tiến hành sáng tạo nghệ thuật.

Nhưng nếu sử học vốn có truyền thống *"chép những chuyện quan hệ đến nhà vua hơn là những chuyện quan hệ đến sự tiến hóa của nhân dân trong nước"* (Trần Trọng Kim. *Việt Nam sử học*. Tựa) thì nhà viết tiểu thuyết có khuynh hướng tìm nguồn sáng tạo trong xã hội, trong quần chúng. Cho nên hiện tại có tầm quan trọng đối với tiểu thuyết gia hơn. Nhà viết sử chỉ có thể viết về những sự kiện, những thành tích lớn của dĩ vãng; phụ trách viết về hiện thời thuộc chức năng của báo chí, thể loại mà nhà làm sử trong thâm tâm có phần nào coi thường. Tuy nhiên trong xu thế chung của thời đại, sử học đang dấn thân theo con đường *"khởi đi từ hiện thực xã hội hèn mọn nhất, từ ngôi chợ làng quê, từ cửa hàng con phố thị, từ cái quan của người cho vay nặng lãi, để mà đi lên, qua từng 'lớp lang', từ thời gian địa lý chuyển sang thời gian xã hội"* (Pierre de Boisdeffre. *Histoire de la littérature*

francaise des années 30 aux années 80) (1).

Những tác phẩm văn học lớn từ trước đến nay bao giờ cũng chứa đựng những hiểu biết hết sức sâu rộng về con người và xã hội. Tiếp xúc với những tác phẩm văn học ấy, chúng ta hiểu được một cách phong phú trật tự xã hội, phong tục tập quán của những thế hệ tiền nhân. Dựng lại những bức tranh rộng lớn của cuộc sống, nhà văn giúp người đọc hiểu sâu hơn ý nghĩa thâm kín còn ẩn giấu trong cuộc sống, thấu triệt được nội dung và tác dụng những hoạt động diễn biến lịch sử của dân tộc mình. *Hoàng Lê nhất thống chí, Trịnh Nguyễn diễn chí, Thượng kinh ký sự, Vũ trung tùy bút* v.v... là những dẫn chứng thuộc lĩnh vực văn học nòi giống chúng ta.

Tất nhiên văn học không thể truyền đạt những sự kiện lịch sử có tính nhất quán theo trình tự thời gian của chúng từ một góc độ chính xác có tính chất tài liệu như khoa học lịch sử. Nhưng ngược lại, sử học cũng không thể bày tỏ được số phận của những người phụ nữ trong chế độ phong kiến qua các biểu hiện số phận riêng tây của một Đặng Thị Huệ. Mặc dù vậy, văn học và sử học vẫn gần gụi nhau, gặp gỡ nhau trong mục đích chung là phát hiện, trình bày chân lý của lịch sử cũng như bộ mặt nói chung của lịch sử xã hội và con người. Nhìn văn hóa Trung Hoa càng thấy rõ sự hòa đồng văn với sử. Nhiều sử gia là nhà văn: Khổng Tử, Tư Mã Thiên, Tư Mã Quang. Ngay từ thời Tiên Tần đã có những bộ sử đọc quyến rũ như tiểu thuyết. Những bộ truyện lớn nhất, danh tiếng nhất, được truyền bá rộng rãi nhất, được dân chúng hâm mộ nhất là các bộ *Tam quốc chí, Thủy hử, Đông Chu liệt quốc, Tây Hán chí* v.v... chúng đều là lịch sử tiểu thuyết. Rất nhiều tuồng hát mượn đề tài trong sử. Nhiều chương trong *Sử ký* là kiệt tác về văn học cổ điển chữ Hán. Ngày xưa *văn sử bất phân, văn triết bất phân.*

Về phương pháp, cả sử gia lẫn tiểu thuyết gia đều dựa vào những nguyên tắc định lý gần giống nhau. Cả hai đều chấp nhận rằng con người là kết quả của môi trường xã hội. Cả hai đều tin vào mối quan hệ nhân quả vật chất. Sử học gạt bỏ không thương tiếc truyền thuyết. Nội dung một số câu chuyện trong *Thánh kinh* chỉ là thực phẩm tinh thần của đức tin. Các sự việc dù nhỏ bé vẫn có giá trị của chúng dưới nhãn quan của nhà viết sử và nhà dựng truyện. Nếu Pascal bảo giá cái mũi của Cléopâtre ngắn hơn thì đã thay đổi được cục diện thế giới thì Maupassant chủ trương người sáng tác phải biết bố trí một cách khôn khéo những tiểu sự để thể hiện nội dung tư tưởng tác phẩm (2).

Dù viết sử hay viết truyện, luôn luôn ngòi bút vẫn vương cái tâm con người. Cho nên dấu ấn tâm lý học là điều không thể tránh. Trong rất nhiều trường hợp, ức thuyết sử học là ức thuyết tâm lý. Câu chuyện của

nàng Điểm Bích nhận lệnh vua Trần thử thách đạo hạnh thiền sư Huyền Quang, nghi án về hành động tố cáo với chúa Trịnh của Ngô Thì Nhậm trong vụ án Canh Tý v.v... ghi trong các bộ chính sử nước nhà mang sắc thái truyện kỳ nặng hơn sử liệu. Khi sử nước Pháp trình bày tâm trạng những người *thermidoriens* âm mưu lật đổ Robespierre thì rõ ràng nó đã tranh lấy công việc của nhà viết tiểu thuyết. Vả lại sự kiện lịch sử thường nhuốm khí vị tiểu thuyết. Ngay lối tìm cách tách rời các sự kiện lịch sử ra khỏi dòng thời gian luân lưu liên tục cũng đã mang dáng dấp tiểu thuyết rồi: sử gia có xu hướng xem một sự kiện nào đó là sự kiện lịch sử dựa vào tính cách đại diện, tính cách tiêu biểu của nó. Ngày quốc khánh Pháp là để tưởng nhớ vụ cướp ngục Bastille, mới đây người ta kỷ niệm rầm rộ hai trăm năm ngày đó. Nhưng rất có thể từ thực chất, tự bản thân, đấy chỉ là một biến cố chẳng quan trọng gì cả; nó chẳng qua chỉ mang lại tự do cho vài ba kẻ loạn trí hay một vài con cháu của Cựu chế; dẫu vậy, thiên hạ vẫn cho đó là một đại sự, một khánh sự tiêu biểu cho tiến trình chấm dứt chế độ quân chủ chuyên chế. Trình bày vụ phá ngục Bastille như là một sự kiện lịch sử, đó là việc làm của nhà viết tiểu thuyết. Tất nhiên chẳng phải vì thế mà chuyện này trở thành tưởng tượng, nó càng không phải là hư cấu. Cái được gọi là cướp chính quyền ở Hà Nội trong sử hiện đại nước nhà dưới con mắt của những người thấy tận mắt là gì nếu không phải chỉ là sự sách động của một đám cán bộ cộng sản tép riu trong khi bọn cộng sản gộc như Hồ Chí Minh, Võ Nguyên Giáp đều chưa có mặt ở Hà Nội?

Cho dù viết sử hay viết truyện, thu ngòi bút cũng chọn phong cách tốt nhất để mô tả một thời đại là tìm cho được những cá nhân đặc thù, những con người ngoại khổ, những anh hùng anh thư. Ngay đối với khoa "sử học mới" thì đối tượng cũng vẫn vậy, tuy rằng nó không còn là những ông vua bà chúa. Tất nhiên nhân vật tiểu thuyết là nhân vật hư cấu còn nhân vật lịch sử thì không. Nhưng một con người in dáng đứng lớn lao hay bi đát của mình vào tiến trình sử học vẫn có thể được nhìn qua rất nhiều bức truyền thần dị biệt. Gia Long thấy tên mình trang trọng gắn cho một ngôi trường nữ trung học của chế độ quốc gia; Nguyễn Ánh là đại biểu cho chế độ quân chủ phản động nhất trong sử nước nhà theo nhãn quan của người cộng sản. Vai trò J.F. Kennedy từng và đang được xét lại. Nhiều nhà sử học muốn tìm hiểu tâm lý của một nhân vật thực trong lịch sử đã thu nhặt thông tin trong hồ sơ lý lịch của nhân vật tiểu thuyết: khi khảo sát về chế độ *Restauration* ở Pháp, có sử bút đã đọc say mê *La comédie humaine* (Tấn tuồng đời) của Honoré de Balzac. Nhiều trường hợp ở vào thế tiếp tuyến: công việc viết sử mang yếu tính nghệ thuật và dáng dấp tiểu thuyết.

Nhưng khi sáng tác phẩm khoác áo tiểu thuyết lịch sử thì tình hình đổi khác.

Trước hết, hư cấu chẳng thể qua mặt lịch sử. Vì dầu có rất nhiều điểm giống nhau, nhà viết sử lại xử sử theo phép qui nạp còn nhà văn thì hành động theo lối diễn dịch. Sử gia dựa vào tài liệu, tư liệu; tiểu thuyết gia căn cứ vào khái niệm, quan niệm. Sáng tác phẩm nhằm vào con người, các bộ sử nhằm vào xã hội. Đành rằng không ai cấm nhà dựng truyện đặt con người vào trong bối cảnh xã hội và trong thực tế, điều này luôn luôn xảy ra, bắt buộc phải xảy ra; tuy vậy, con người vẫn là trung tâm chú ý, đối tượng chủ yếu, nổi bật của văn học nghệ thuật. Nhà văn có thể rung động trước những hiện tượng của toàn tể xã hội, khắc khoải trước những sinh hoạt của tập thể cộng đồng; nhưng cái khao khát nhất mà nhà văn muốn thể hiện vẫn là con người với những số phận nhiều màu nhiều vẻ của nó. Vả lại, thiên nhiên, xã hội được mô tả trong văn học là thiên nhiên, xã hội đã được khúc xạ qua lăng kính cảm thụ của nghệ sĩ. Cái rốn của tiểu thuyết vẫn là hình tượng nhân vật; cho nên có thể nói rằng trong một chừng mực nào đó, văn học là viện bảo tàng lịch sử của những nhân vật. Sử gia cũng có thể rất mực lưu tâm đến con người nhưng cái đích nhắm tới của những Ngô Sĩ Liên, Phan Phu Tiên vẫn là một *kỷ*, một thời đại, một xã hội, một nền văn minh, một tòa văn hóa. Cho nên những tiểu thuyết lịch sử giá trị là những sáng tác phẩm pha trộn được hài hòa sử học và hư cấu: *Notre-Dame de Paris* của Victor Hugo, *L'Espoir* của André Malraux. Bộ *Tam quốc chí diễn nghĩa*, tuy chỉ có *"bảy phần sự thật, ba phần hư cấu"* theo giới nghiên cứu phê bình sử học chữ Hán, vẫn là một thành công lớn của sáng tác mỹ học (3).

Nhưng dầu sao tiểu thuyết vẫn là tiểu thuyết, sách sử vẫn là sách sử. Chúng có giới hạn phân minh của chúng. Về phương diện này và đọc Kim Dung, thấy tác giả Hương cảng phạm hai sai lầm nghiêm trọng.

Thứ nhất, hư cấu của tác giả có khi đạp nhiều sự thật sử học xuống đất đen. Đặc biệt là về các niên đại. Là trung tâm của tiểu thuyết như đã trình bày nên nhân vật phải được coi trọng tối đa trong sáng tác, coi trọng về mọi mặt: chi tiết hộ tịch, thần thái ngoại hình, biểu hiện nội tâm, ngôn ngữ giao tiếp, hành động ứng xử. Thông thường, nhà văn phải làm một phiếu "lý lịch công an" cho nhân vật chính cùng các nhân vật trung tâm. Kim Dung đôi khi đã không làm điều này, ví dụ đối với Đoàn Dự (**) như chúng ta đã thấy và đây là một lỗi lầm ấu trĩ không tha thứ được.

Thứ hai, Kim Dung nhiều khi không phân biệt được sự cẩn thận của nhà chép sử với việc sáng tạo của nhà viết truyện. Chẳng hạn ở *Lộc đỉnh ký*, mạch diễn biến của truyện lắm khi bị cắt ngang để dành chỗ cho ghi chú hay chú thích:

— quyển 1, trang 60 ghi phụ chú của tác giả (dưới hình thức *footnote*) liên quan đến chuyện kỳ ngộ giữa Tra Y Hoàng và Ngô Lục Kỳ theo *Liễu trai chí dị*, đồng thời nhắc đến bài Tựa sách của Cô Thặng;

— quyển 2, trang 314 có lời chú của tác giả về vụ vua Khang Hy tìm cách loại trừ Ngao Bái, chép y nguyên văn một đoạn trong *Thanh sử cảo*;

— quyển 15, trang 2706: lời chú của tác giả về vụ quân đội nổi loạn ở Mạc tư khoa;

— quyển 21, trang 3648: lời chú về chuyện tướng Mông cổ Bạt Đô tấn công vây hãm thủ đô nước Nga v.v...

Làm công việc chú thích đó là của nhà biên khảo. Ghi chú thích vào tiểu thuyết như vậy trở thành lẩn thẩn, chối mắt.

Về chi tiết cũng có những sai sót đáng trách (nêu không phải là do lỗi của người dịch). Công chúa con đầu lòng Sùng Trinh hoàng đế bị vua cha chặt đứt một cánh tay khi Lý Sấm đánh vào Bắc Kinh. Đọc *Lộc đỉnh ký* quyển 10, độc giả không biết cánh tay bị chặt là trái hay phải:

— theo các trang 1753, 1754, 1755 thì công chúa còn tay mặt;

— theo hai trang 1797, 1801 thì lại là tay trái nguyên vẹn.

Đành rằng chẳng ai dùng cứ liệu dẫn ra từ tiểu thuyết lịch sử để viết công trình nghiên cứu sử học nhưng dẫu sao, những khuyết điểm vừa nêu cũng làm giảm giá trị sáng tác phẩm. Những khuyết điểm đồng loại không bao giờ có khi chúng ta đến với Victor Hugo, Alexandre Dumas, Walter Scott.

Không hợp khẩu vị ý thức hệ nên truyện chưởng bị người Cộng sản dèm pha, chỉ trích.

Vũ Hạnh trong *Tìm hiểu văn nghệ* nhìn thấy *"biểu hiện thứ hai là sự thoát ly bằng một ngả lối mơ hồ của loại hoang đường quái đản, qua loại sách võ hiệp, phiêu lưu vong mạng và sách ma quái phỉnh lừa."* Trần Hữu Tá trong *Từ điển văn học* cho rằng *"để hấp dẫn tuổi trẻ và kích thích thị hiếu người đọc, Kim Dung còn thêu dệt những mối tình đuổi bắt rắc rối tay ba, tay tư, thậm chí tay bảy, tay tám. Tình yêu éo le, phức tạp trong truyện là nhằm thỏa mãn những ham muốn đen tối. Tình yêu là tất cả, là cứu cánh, là lẽ sống, là chỗ về của những cao thủ. Thực chất đó là một thứ tình yêu hưởng lạc, thoát ly, chạy trốn thực tại..."* Mối tình tay bảy tay tám là của Vi Tiểu Bảo. Mối tình tay ba tay tư là của Đoàn Dự, Đoàn Chính Thuần. Vi Tiểu Bảo chẳng những thành công trên tình trường, gã còn thành công trên hoạn lộ, trên chiếu bạc, trên... đường đi trốn. Gã và mẹ là Vi Xuân Phương với hơn một nửa tá bà vợ đào thoát về miền Vân Nam, vua Khang Hy cũng đành thúc thủ chẳng làm sao tìm ra gã. Nhân vật đó có những nét đặc biệt, kể cả trong tình ái, vậy tình yêu của gã có "chạy trốn thực tại" đâu? Chạy trốn về Đại lý thì có. Hai cha con Đoàn thế tử vốn thuộc sắc dân thiểu số nếu so với người Hán.

Đại lý có phong tục tập quán, lễ giáo đạo đức của mình; chẳng hạn cho phép con trai con gái cùng cha khác mẹ lấy nhau. Ngoài ra, vào thời Đoàn Dự và Vi Tiểu Bảo, chế độ đa thê rất phổ biến ở phương Đông. Vậy có gì đáng chỉ trích nếu nhà văn đưa tập quán đó vào cốt truyện? Huống chi cũng có nhiều nhân vật Kim Dung chỉ kết tóc xe tơ với một người: Lệnh Hồ Xung và Nhậm Doanh Doanh, Trương Vô Kỵ và Triệu Minh, Thạch Thanh và Mẫn Nhu, Hư Trúc và công chúa xứ Tây Hạ v.v... Có người vợ chết sớm nhưng không hề tái giá, chẳng hạn Hoàng Dược Sư. Nhiều người trọn đời chung thủy với một hình bóng, dẫu tình yêu của họ hoàn toàn vô vọng: Nghi Lâm, Chu Chỉ Nhược, Mai Phương Cô v.v... Mỗi cá nhân một hoàn cảnh. Có vừa vĩ đại vừa tầm thường thì mới là con người. Người cộng sản, theo các tín điều thanh giáo của họ, không muốn con người làm người. Họ đạo đức giả một cách lố bịch.

Ông Trần Hữu Tá viết tiếp: *"Lối thoát cho mọi người lạc đường là "đạo", là "thiền". (...) Kim Dung đưa tư tưởng "thiền" ra như một thứ pháp bảo vạn năng giải quyết mọi xung đột, thức tỉnh mọi tâm hồn. Dù độc ác, gian tà đến đâu, chỉ cần mấy câu "kệ" là kẻ sát nhân dã "ngộ", và thiền môn trở thành tụ điểm cho mọi cuộc đời sau những tháng năm chém giết."* Nhà biên soạn từ điển muốn đề cập đến sự giác ngộ của Tạ Tốn, Mộ Dung Bác, Tiêu Viễn Sơn. Không muốn tin theo giáo lý nhà Phật là quyền của người cộng sản. Nhưng tại sao lại phỉ báng người viết tiểu thuyết khi những nhân vật hư cấu trải qua những tình huống, những hoàn cảnh hợp với tư tưởng Phật giáo? Ai cũng biết là Thiền tông phản đối tiệm tu, chủ trương kiến tính thành Phật, đốn ngộ thành Phật, thậm chí không cần tọa thiền. Tịnh thổ tông còn tuyên bố chỉ cần tụng niệm Nam mô A di đà Phật là có thể đến được nước Phật. Các thành ngữ *Khổ hải vô biên, hồi đầu thị ngạn* (Bể khổ không bờ, ngoảnh đầu lại là đã đến bến), *Phóng hạ hồ đao lập địa thành Phật* (Bỏ dao giết thịt xuống, lập tức thành Phật)—câu thứ hai này cũng do đại lão hòa thượng Độ Ách nói cùng Tạ Tốn ở cuối truyện *Cô gái Đồ long*— vẫn được dùng trong quần chúng Trung Hoa, ngay cả trên lãnh thổ Hoa lục ngày nay. Vậy tại sao tín đồ Mác Lê lại biếm nhẽ nhà văn Hương Cảng?

Cả Vũ Hạnh lẫn Trần Hữu Tá đều không chịu cho tưởng tượng cất cánh bay cao trong truyện chưởng. Lập trường của Vũ Hạnh đã được đan cử ở trên. Còn Trần Hữu Tá thì mai mỉa: *"Võ Kỵ, Đoàn Dự, Dương Qua, Du Thản Chi, Lệnh Hồ Xung... mau chóng trở thành 'cao thủ võ lâm' có 'nội lực thâm hậu' (...) nhờ những tình huống ly kỳ phi lý"*. Đâu phải chỉ có truyện võ hiệp mới trình bày những *tình huống ly kỳ phi lý*. Hai ông Vũ Hạnh, Trần Hữu Tá lúc còn để chỏm chắc đã say mê nghe kể những *tình huống ly kỳ phi lý* trong chuyện cổ tích. Lớn lên, hai ông hẳn đã đọc truyện Nôm dân tộc. Hai ông đã thấy Lục Vân Tiên mù bỗng trở lại sáng, đã thấy *dấu giày*

từng bước in rêu rành rành của Đạm Tiên, đã thấy các cô gái trong truyện Nôm biết bao người rơi vào tay bọn ác ôn lưu manh nhưng vẫn bảo toàn được trinh tiết. Hai ông có lẽ đã biết Tề Thiên Đại Thánh là nhân vật nào, hai ông có thể đã đọc *Phong thần diễn nghĩa*. Jules Verne trước đây, các nhà sáng tác tiểu thuyết dự tri khoa học hiện đại hẳn cũng đã có tác phẩm lọt được vào đôi mắt mang cặp kính "chủ nghĩa hiện thực xã hội chủ nghĩa" của hai ông. Các ông nghĩ sao về những trường hợp vừa kể? Khoa học có thể rất tiến bộ nhưng những định ngữ *hoang đường* của ông Vũ Hạnh, *phi lý* của ông Trần Hữu Tá vẫn cứ có đất dụng võ trong các tác phẩm văn học nghệ thuật. Xin đừng dùng con dao đã cùn đã mẻ của ý thức hệ để chặt cho kỳ được đôi cánh của sự tưởng tượng nơi nhà văn.

Trong hình thái nghệ thuật là tiểu thuyết, tất cả vấn đề vẫn chỉ là ở chỗ biểu hiện những cảm nghĩ của nhân vật, vốn là yếu tố tạo nên sức sống nội tâm của nhân vật. Tính cách của nhân vật văn học không phải là tính cách xã hội học, tính cách tâm lý học, tính cách sinh lý học mà là tính cách thẩm mỹ. Ngay đến nhân vật trung tâm các tác phẩm tự truyện của một nghệ sĩ lớn—chẳng hạn *Le petit Chose* (Thằng nhóc con) —cũng không đơn thuần là hình chụp truyền thần của tác giả, của Alphonse Daudet. Một sáng tác tự thuật có giá trị chẳng bao giờ chịu đặt mình ngang hàng với những trang ghi chép tiểu sử. Phương thức cấu trúc hình tượng, phương thức bộc lộ quan điểm, sự đánh giá của tác giả đối với cuộc sống đưa lại những nguyên tắc và những biện pháp không giống nhau trong việc xây dựng nhân vật. Thật là hẹp hòi và chủ quan khi người cộng sản chỉ chăm chăm bắt Vi Tiểu Bảo, Đoàn Dự học tập cải tạo để trở thành những định hình thần kinh theo khuôn mẫu Pavel Corsaghin hay *Rười Trâu*.

Viết truyện lịch sử, tiểu thuyết gia tôn trọng sự thật còn bối cảnh tiểu thuyết lại gây nên vẻ thật. Hư cấu giữ chức năng của một tấm kính phản chiếu lại sự thực, nhưng mà là sự thực biến dạng một cách tinh tế. Đến lượt mình, giới thưởng ngoạn hoàn tất công trình nghệ thuật qua tham gia tích cực vào quá trình giải mã tác phẩm tùy theo cảm giác và cảm tưởng cá nhân. Tiểu thuyết Kim Dung không phải là... đề cương văn hóa của "Đảng". Đừng gán cho truyện chưởng tính cách thiêng liêng, đừng xem chúng là tư liệu chỉ đạo. Chỉ nên đọc hiểu chúng và nhất là chế biến chúng theo khẩu vị từng người, một cách hoàn toàn tự do. Vào thập niên 1840, người Pháp từng nêu câu hỏi: "Dumas có làm cho độc giả suy nghĩ không? ít lắm. Mơ mộng? Không bao giờ. Lật sang trang sau? Luôn luôn." Cả Alexandre Dumas lẫn Kim Dung đều viết nhiều truyện dưới hình thức đăng từng kỳ trên nhật báo. Cho nên câu văn mầu nhiệm "Đoạn tiếp ở số kế tiếp" (*La suite au prochain numéro*) mà BS Véron phát hiện để mô tả loại roman-feuilleton cũng có thể áp dụng cho Kim Dung. Nhà văn hư

Trong xanh-mắt
CAO XUÂN TỨ

chân chim đá động trước phòng
nhện choàng búng dậy, bút tung sợi chằng
thuốc phà nửa ngụm, chơi ngang
bơi trong xanh-mắt khói vàng, phải thu?

mùa ròng, chín ngón tay du
soi trong xanh-mắt, lõ mù con ngươi
thu, vườn dâm trái trong tôi
chín trong xanh-mắt, thu ơi, hái giùm...

cấu nên cuộc đời, phù phép cho người chết sống lại; còn người đọc thì ở đâu cũng có chỗ đứng của mình: nơi thâm cung Thanh triều, trên Quang minh đỉnh, trong hầm đá xứ Tây hạ... Nhịp đập dồn dập của tiểu thuyết là ở đấy, hơi thở rạt rào của truyện chưởng cũng là ở đấy.❐

Chú thích

(*) Trích từ *Văn Sử Y Dược trong truyện chưởng Kim Dung* sắp do Thanh Văn xuất bản.

(**) Xem "Họ Đoàn nước Đại Lý" trong *Văn Sử Y Dược trong truyện chưởng Kim Dung*.

(1) A partir de la réalité sociale la plus humble, du marché de village, de l'échoppe citadine, de la boutique de l'usurier, et à monter, à travers des "plans étagés", du temps géographique au temps social.

(2) L'habileté de son plan consistera (...) dans le groupement adroit de petits faits constants d'où se dégagera le sens définitif de l'oeuvre.

(3) Từ đây trở lên, một số ý kiến được rút từ A. Chassang et Ch. Senninger. *La dissertation littéraire générale. Les grands genres littéraires*. Hachette. Paris. 1992. p.305-308.

Linda Lê: "Ôi gia đình! Ta căm ghét ngươi"

Bùi Bích Hà phỏng dịch

Trong sinh hoạt văn học hải ngoại, ngày càng xuất hiện nhiều người Việt Nam viết bằng ngôn ngữ của xứ sở nơi họ định cư. Ở Pháp, bên cạnh Kim Lefèvre, Phan Huy Đường, báo chí Pháp vừa đây đã đặc biệt lưu ý một khuôn mặt mới toanh, trẻ măng (32 tuổi) vừa góp tiếng nói trên văn đàn: cô Linda Lê. Văn phong, cung cách thể hiện của Linda Lê gợi nhắc André Gide với cùng cái âm điệu bi phẫn "Ôi gia đình! Ta căm ghét ngươi!"

Mỗi khi cất tiếng nói, Linda Lê có vẻ đắm chìm vào nội tâm cô. Bao giờ cô cũng thong thả, nét mặt khép kín, đôi lúc đanh lại. Dường như những thanh âm phát ra làm cổ họng cô đau đớn. Người ta có cảm tưởng mỗi chữ, mỗi lời cô nói lên đều đã được cô cân nhắc, chọn lựa, thông qua cả một quá trình khó nhọc nhằm loại bỏ những từ ngữ không thích hợp với nội dung tư tưởng cô muốn diễn đạt. Vì thế, những câu nói của cô có lúc kéo dài thành những khoảng im lặng, giọng cô dịu đi, vài chữ lơ lửng trong không gian đợi câu nói sắp tới, nhiều khi cô làm một cử chỉ thay vào đấy và cố lục lọi tìm một từ ngữ chính xác hơn. Toàn thân cô tham dự vào câu chuyện. Mái tóc dài của cô đong đưa nhịp nhàng với chiếc đầu cúi, khuôn mặt đăm chiêu đuổi theo một động từ vuột khỏi trí nhớ, đôi mắt nheo nheo. Đối với cô, mỗi câu hỏi đem theo nó sự căng thẳng cùng cực.

Với sự thận trọng lựa chọn lời nói thật khác thường, Linda Lê gợi nhắc thời thơ ấu của cô, chuyện định cư tại Pháp và chuyện cô bước vào thế giới văn chương.

Sinh ra tại Đà Lạt năm 1963, miền đất có khí hậu lạnh duy nhất phía nam Việt Nam còn gọi là Hoàng triều cương thổ, tuổi thơ của Linda Lê nhịp nhàng với cuộc chiến tranh trên quê hương cô. Theo lời Linda Lê là một cái họ xuất xứ từ miền bắc. Thân phụ cô là một kỹ sư làm việc với người Mỹ, đã di cư vào nam năm 54, sau khi đất nước bị chia cắt.

Khi nói về ông, Linda không dấu được nỗi cảm thương buồn bã:

"Đối với cha tôi, chuyến đi là một đoạn tuyệt vời nguồn cội. Ông lúc nào cũng xem tôi như một môn đệ. Bản tính ông ít sân si, không nặng về tư hữu và không bảo thủ."

Nói về mẹ, cô đổi giọng:

"Mẹ tôi sinh trưởng trong một gia đình thế giá. Lẽ ra cha mẹ tôi đừng lấy nhau thì hơn."

Cô cười, cắt nghĩa rõ thêm:

"Thì tốt cho cả hai ông bà và cả tôi."

Hình ảnh bà mẹ quyết đoán bàng bạc khắp trong tác phẩm của Linda Lê, đặc biệt nổi bật trong cuốn tiểu thuyết mới nhất nhan đề *Les Dits d'un idiot*.

"Đối với mẹ tôi, cuộc hôn nhân của bà là một thất bại. Gia đình phía mẹ tôi không thuộc thành phần khoa bảng. Mẹ tôi nghiêng về sự hiện diện của người Pháp, người Mỹ. Cha tôi sống khép kín. Chỉ có bạn bè của mẹ tôi lui tới và được đón tiếp tại nhà. Mọi người sính nói về những chuyện bên Tây hay bên Mỹ. Lúc đó, cảm giác thất trận đã rõ. Ai cũng thèm muốn số phận những người có quốc tịch Pháp vì họ có thể ra đi."

Linda Lê có quốc tịch Pháp vì phía bên ngoại cô mang quốc tịch này từ năm 1930. Cô được giáo dục rất nghiêm khắc.

"Tôi không được tự do giao du. Bạn bè chúng tôi là do mẹ tôi chọn lựa. Chúng tôi phải ăn mặc nghiêm chỉnh: áo có cổ viền đăng ten, cài khuy kín, tay mang găng để da không bị bắt nắng. Tôi nhớ có một hôm chị tôi gởi mấy bài thơ đăng báo, khi báo ra, chúng tôi phải mua lén để đọc. Đối với mẹ tôi, làm thơ là chuyện vô tích sự, con người phải bỏ chân xuống đất mà đi, phải học để mưu cầu sự sống."

Sinh hoạt của Saigon chủ yếu là thương mại, đời sống văn hóa hầu như không có. Linda Lê theo học ở trường trung học Pháp cùng với ba chị. Học trường Pháp có nghĩa là biệt lập với các trẻ Việt Nam khác. Chương trình học được giảng dạy bằng Pháp ngữ, họ chỉ nói tiếng Việt ở nhà và bây giờ thì Linda Lê nói là "tôi quên hết tiếng mẹ đẻ rồi."

Khi Saigon mất, cô mới học lớp đệ tứ. Cô kể lại "Học trò thưa thớt, khiến tôi có cảm giác như trốn học đi chơi. Cuộc sống hàng ngày rất cam go. Rất nhiều bạn bè của tôi đã ra đi ngay lúc Saigon sụp đổ, tuy nhiên chúng tôi không sợ gì cả vì biết chắc chúng tôi rồi cũng sẽ ra đi. Tôi như đang ở trong kỳ nghỉ hè, sáng sáng dậy sớm đi lãnh phiếu thực phẩm. Không khí hãi hùng bao phủ thế giới người lớn nhưng đối với trẻ con chúng tôi, đây là cơ hội phục thù ngàn năm một thuở. Tôi còn nhớ lúc bấy giờ tin đồn loan truyền là tất cả báo chí ngoại quốc đều bị cấm chỉ. Những nhà nào còn giữ ít nhiều loại sách báo này đều vội vàng tìm cách tiêu hủy hết. Mặc dầu vậy, ngay tại thành phố Saigon (mà Linda phát âm như một

cô đầm là Sógon), người ta không nhìn thấy bộ mặt chiến tranh, khác với thời điểm những năm từ 1963 đến 69 khi tôi sống ở Đà Lạt."

"Năm 1969 (*), trong cuộc tổng công kích của cộng sản, thành phố bị dội bom và tôi phải di tản. Lúc đó đúng là chiến tranh. Nay thì tại Saigon chúng tôi chỉ bị thường xuyên sống trong đè nén đến ngạt thở, chịu đựng nhưng tiếng đập cửa ban đêm, những cuộc hỏi thăm và lục soát. Có thể nói mọi người sống trong không khí chiến tranh tuy không phải là chiến tranh thực sự."

Linda Lê muốn vượt thoát nền giáo dục hà khắc trong gia đình cô và chiến tranh cùng một lúc: "Tôi chỉ chăm chăm một ý nghĩ trong đầu: đi Pháp để tiếp tục việc học."

Tại thư viện nhà trường, Linda làm quen với văn chương. Tác phẩm *Les Misérables* của Victor Hugo, *La Comédie humaine* của Balzac làm cô say mê.

"Tôi đã dùng rất nhiều thời giờ để mưu tính việc thoát thân. Tôi tìm đủ mọi cách để chạy rông ngoài đường. Đó là một lối lăn xả vào đời sống, nó làm nảy sinh trong lòng tôi sự yêu thích các đô thị lớn. Tôi chỉ có hai nỗi đam mê: bố tôi và thành phố này. Tôi muốn thấy mình tháo vát, có khả năng ứng xử trong một thành phố nổi tiếng với nhiều thử thách gay gắt."

Tại nhà trường, nữ tiểu thuyết gia tương lai Linda Lê như người lữ khách bên đường, hệt như thời gian sau này cô sống bên Pháp.

"Tôi thấy các cô thiếu nữ trẻ bận tâm hơi nhiều về những chuyện tình lãng mạn. Họ hơi trẻ con. Tôi ít thoải mái giữa các bạn cùng trang lứa với tôi. Họ hay tổ chức họp mặt bó túi bên hồ bơi hay dạ vũ trong khi bản chất tôi rất hoang dã và liều lĩnh."

Năm 1977, bà thân mẫu Linda Lê quyết định cả nhà sẽ ra đi ngoại trừ thân phụ cô sẽ ở lại. Gia đình cô gồm bà ngoại, mẹ cô và bốn chị em cô xuất cảnh qua Pháp.

"Tôi phải nhìn nhận là mẹ tôi rất can đảm và gan dạ. Một mình bà nuôi nấng chị em tôi trong nhiều năm dài. Chúng tôi thuộc thành phần Pháp kiều hồi hương vì trên giấy tờ, chúng tôi là công dân Pháp."

Cuộc hành trình tới đất Pháp chẳng có gì thần tiên cả. Vừa đặt chân đến Roissy, cả nhà lập tức được chuyển tới trung tâm tiếp cư ở Sarcelles. Sáu mẹ con bà cháu sống tạm vài ngày trong một gian phòng nhỏ vì bà mẹ không muốn phiền nhiễu bà con họ hàng đã định cư lâu năm ở Pháp.

"Sau đó, chúng tôi được lệnh phải rời đi. Chúng tôi tới Le Havre và sống ở đây bốn năm. Chị lớn của tôi kiếm được việc làm."

Chính là trong những năm trung học ở Le Havre mà Linda Lê gặp gỡ vị nữ giáo sư đầu tiên đã khơi dậy trong cô tình yêu văn chương. Bà thúc

đẩy cô viết và mở đường cho cô về Paris.

"Tôi đọc Proust vào thời gian này. Bỗng nhiên như có một ai đó, đầy ắp nhiệt tình, đã tháo cũi xổ lồng cho tôi. Tôi còn nhớ người này là một giáo sư dự khuyết vừa trượt bằng thạc sĩ." (Linda cười).

Nói về khoảng thời gian sống ở Le Havre, Linda hay gợi nhắc những buổi trưa của cô ở thư viện tỉnh (khiến người ta cũng nhớ đến Sartre trong tác phẩm *La Nausée* của ông). Linda thường xuyên đến thư viện một cách cần mẫn vì cả hai lý do: cô ham thích đọc sách và không muốn ở nhà.

"Đối với tôi, các thư viện công cộng vừa là phương cách giúp tôi chạy trốn vừa cho tôi những vùng trời ẩn nấp. Nơi đây là căn phòng tuổi thơ, là nghĩa trang hay nhà tù, như Thomas Bernhard từng nói."

Nếu có ai bảo với Linda Lê rằng chẳng có viên quản thủ thư viện nào thích nghe so sánh nơi làm việc của họ với một nghĩa trang cả thì Linda vẫn cứ khăng khăng với cách lý luận làm mất lòng của cô:

"Trong thư viện, mỗi tác giả có nơi yên nghỉ của họ, hệt như trong nghĩa trang vậy. Tôi thích nơi này vô cùng. Tôi muốn trở thành quản thủ thư viện hay người giám trang."

Nghĩa là mẹ cô sẽ để cho cô sống ở Paris sau khi cô hoàn tất bậc trung học. Linda lấy được bằng tú tài vào năm 1981. Được sự khuyến khích của một giáo sư dạy tiếng Pháp, cô khởi đi với hai năm tại trường Henri đệ tứ. Thời gian này, cô sống tại một cư xá nữ sinh viên trên đường Docteur-Blanche thuộc quận 16. Trong trí tưởng mẹ cô, đây là nơi tương đối có đủ sự bảo đảm tử tế cho con gái bà.

Hai năm ở trường Henri IV, cũng như những năm sau tại đại học Sorbonne, không làm cho Linda thoát ra khỏi cái tâm thức cô đơn vốn vẫn giữ cô đứng bên lề các sinh hoạt của bạn bè đồng môn.

"Tôi ham muốn viết lắm nhưng tôi chưa đủ mạnh dạn. Có một lúc tôi đã muốn tập trung chuyên chú vào việc học thế nhưng, may quá, tôi thi trượt vào trường Đại học Sư phạm. Sự thất bại này có tác dụng tốt cho tôi. Tôi lại có cái cảm giác hoàn toàn tự do như cái ngày tôi đậu tú tài, mảnh bằng dắt lưng, tôi bước chân qua cánh cửa gia đình."

Được học bổng, Linda lấy vài lớp rồi ở nhà đọc sách.

"Tôi gặp được một người bảo bọc an toàn cho tôi, và khuyến khích tôi viết. Trong vòng một năm, tôi viết xong cuốn *Un si tendre vampire*. Tôi gởi bản thảo tới nhiều nhà xuất bản và La Table Ronde là nhà xuất bản đầu tiên trả lời tôi. Câu chuyện như thế đấy thôi."

Trong sáu cuốn sách đã phát hành, thế giới tiểu thuyết của cô phản chiếu những nỗi đau thương, bất hạnh, nhưng nỗi thống khổ, lầm than và một định mệnh tăm tối bủa vây kiếp người.❐

Phỏng theo tạp chí văn học *Le Matricule Des Images* tháng 10/95

(*) Cuộc tập kích của Cộng sản xảy ra vào Tết Mậu Thân 1968 (ghi chú của người dịch).

Lời của Linda Nguyễn
NGU YÊN

Người Việt gói bánh ít bằng lá chuối
Họ nói: thơm và ngon
Tôi ăn
Mẹ hỏi: Ngon không?
- O.K.
- Hỗn! Không được O.K.
- Dạ. Ngon.
- Thơm không?
Dạ. Thơm.
Tôi ghét mùi lá chuối!

Đều đều
NGU YÊN

Sáng nào cũng thế cha đi làm
Chim chim chim tìm mồi
Mẹ lau nhà đi chợ nấu ăn - ăn ăn ăn
Lưng ong gánh mật dập mật vỡ mật quên
hương hoa hồng
Đêm nào cũng thế tóc cha bạc mầu
Kiến thợ lừ đừ rúc vào hang sâu
Mẹ nối tiếp thói quen giống cái
Con thiêu thân chết sáng ánh đèn

Con trâu con dế con vi trùng sống chết đều đều
Con người con vật con trời đều đều như nhau
Đều đều ngày ngày đóng vào quan tài
Đều đều bước chân đội mây cầu thang
Đều đều buồn buồn
Đều đều bình thường
Đều đều kinh hoàng
Đều đều đều đều.

Phân tích bài "Nguyệt Cầm" của Xuân Diệu

Thụy Khuê

Nguyệt cầm

Trăng nhập vào dây cung nguyệt lạnh
A *Trăng thương, trăng nhớ, hỡi trăng ngần*
Đàn buồn, dàn lặng, ôi đàn chậm
Mỗi giọt rơi tàn như lệ ngân.

Mây vắng, trời trong, đêm thủy tinh
B *Lung linh bóng sáng bỗng rung mình*
Vì nghe nương tử trong câu hát
Đã chết đêm rằm theo nước xanh.

Thu lạnh càng thêm nguyệt tỏ ngời,
C *Đàn ghê như nước, lạnh, trời ơi ...*
Long lanh tiếng sỏi vang vang hận
Trăng nhớ Tầm Dương, nhạc nhớ người ...

Bốn bề ánh nhạc: biển pha lê,
D *Chiếc đảo hồn tôi rợn bốn bề.*
Sương bạc làm thinh, khuya nín thở
Nghe sầu âm nhạc đến sao Khuê.

Xuân Diệu

Bài "Nguyệt Cầm" của Xuân Diệu, cảm hứng "Tỳ Bà Hành"[1], là bài thơ mới, âm hưởng cổ điển, mang tính chất cơ bản của thi ca. Nguyên lý song song xuất hiện liên tục dưới nhiều dạng:

- Về mặt hình thức, thơ 7 chữ, 4 câu, 4 khổ. Trong 112 chữ, có 5 trăng,

2 nguyệt, 4 đàn, 3 lạnh, 3 nhạc, 2 nước v. v.... Đặc biệt, khổ một (A) có tới 4 trăng, 1 nguyệt, 3 đàn, và trăng là nguyệt là đàn: cả ba đều có thể chung một nghĩa. Toàn bài gồm ít nhất 9 nhóm từ song song tương đồng ngữ nghĩa:

thủy tinh	—	pha lê	—	trong		
lặng	—	vắng				
buồn	—	hận	—	sầu		
ghê	—	rợn				
hỡi	—	ôi	—	trời ơi		
tàn	—	chết	—	nhập	—	hồn
thương	—	nhớ				
lunglinh	—	long lanh				
lệ	—	giọt	—	sương		

- Về mặt nội dung, khổ một (A) song song với khổ ba (C): bày ra sự đối diện (hay nội cảnh) giữa trăng và đàn. Khổ hai (B) song song với khổ bốn (D): dàn phần ngoại cảnh (thiên nhiên, trời đất), và tâm cảnh người nghe hoặc người ngắm nguyệt cầm.

Trước hết, nguyệt cầm là gì? Ngay tựa đề đã vô cùng hàm súc. Nguyệt Cầm. Nguyệt và cầm: hai yếu tố tương đồng ngữ nghĩa, trùng phùng hình ảnh. Từ vừa đơn, vừa ghép, tuy hai mà có thể trở thành một, hoặc biến hoá đến vô cùng: Trăng là nguyệt, là đàn (đàn hình tròn như trăng), mà còn có thể là người kỹ nữ, là thi sĩ, là anh, là em, là tôi, là ta, ...

Trên bình diện phân tích hình vị thì như thế. Nhưng nếu xét nguyệt cầm trên bình diện cấu trúc thi ca, sự đối xứng và tương đồng ngữ nghĩa giữa nguyệt và cầm có thể mở ra những giải thích sau đây:

1. Nếu nhìn nguyệt cầm như một cấu trúc tỉnh lược chủ từ và hư từ, thì Nguyệt cầm là đàn trăng: đàn trăng mở ra 3 bối cảnh:

- (đánh) đàn (dưới) trăng
- (nghe) đàn (dưới) trăng
- đàn (ngắm) trăng

Nguyệt cầm còn là trăng đàn: trăng đàn mở ra ba cảnh khác:

- trăng (đánh) đàn
- trăng (nghe) đàn
- trăng (ngắm) đàn

2. Nếu nhìn nguyệt cầm dưới dạng cấu trúc ẩn dụ, thì Nguyệt có thể là em: Nguyệt cầm = em đàn. Nguyệt cũng có thể là anh, và đàn là em:

- Anh (nghe) đàn
- Anh (nghe) em (đàn)
- Anh (ngắm) đàn

- Anh (ngắm) em (đàn)

Tóm lại mười một bối cảnh trên đây có thể hàm ngụ trong hai chữ nguyệt cầm.

Bước vào bài thơ, câu đầu:

Trăng nhập vào dây cung nguyệt lạnh

Hai chữ dây cung mập mờ ý nghĩa, làm môi giới cho tình và ý. Dây vừa là dây đàn mà cũng là dây tơ. Cung vừa là cung Hằng, vừa là cung tơ. Câu thơ đưa ra nhiều hình ảnh chập trùng: Trăng nhập vào trăng? Trăng nhập vào dây đàn? Trăng nhập vào cung tơ? Mà trăng là ai? Nếu trăng là anh: Anh nhập vào cung trăng? Anh nhập vào cung đàn? Hay anh nhập vào em? "Trăng - nguyệt" -ẩn dụ cổ điển- nhờ sự táo bạo và mãnh lực của chữ nhập, vướng mắc vào dây, vương tơ (ngầm). Trăng đắm trong ẩm ướt của vùng nguyệt lạnh, gợi lên hình ảnh nồng nàn đầy nhục cảm mà cũng vô cùng dịu dàng, tế nhị, thanh khiết.

Chuyển sang câu hai:

Trăng thương, trăng nhớ, hỡi trăng ngần

tính cách đối xứng giữa trăng thương và thương trăng, trăng nhớ và nhớ trăng, tạo nên sức tương ái nhớ thương - thương nhớ giữa đôi bên. Sự kết hợp với chữ hỡi - là tiếng gọi xa, gọi mà không chắc người nghe có nghe tiếng mình không (*Trời hỡi! làm sao cho khỏi dối.* -Hàn Mạc Tử) - tạo nên khoảng cách muôn trùng giữa hai đối tượng: trăng và đàn.

Nếu "Trăng nhập vào dây cung nguyệt lạnh" mở ra bối cảnh gần gụi da diết "Trăng nhập đàn" thì "Trăng thương, trăng nhớ, hỡi trăng ngần" dẫn đến niềm nhớ thương đòi đoạn, và sự phân chia nghìn trùng xa cách giữa đôi bên. Vì thế hai câu thơ trên trở thành cặp phạm trù song song đối đẳng. Tiếp đến: "Đàn buồn, đàn lặng, ôi đàn chậm" và "Mỗi giọt rơi tàn như lệ ngân" có sự chuyển đề: đàn đang từ vị trí khách thể ở hai câu thơ đầu:

Trăng nhập vào dây cung nguyệt lạnh
Trăng thương, trăng nhớ, hỡi trăng ngần

bỗng chuyển sang vị trí chủ thể ở câu 3, câu 4:

Đàn buồn, đàn lặng, ôi đàn chậm
Mỗi giọt rơi tàn như lệ ngân

Nhận xét thứ nhì: Tuy "Đàn buồn, đàn lặng, ôi đàn chậm" vẫn giữ nguyên cấu trúc hình thức như "Trăng thương, trăng nhớ, hỡi trăng ngần", nhưng ở đây tĩnh từ buồn và lặng đã thay thế động từ, biến trạng thái tĩnh thành động, khiến cho mệnh đề đàn buồn trở nên đa nghĩa: tiếng đàn buồn? người đánh đàn buồn? hay đàn đang gẩy khúc nhạc buồn? ...và đàn lặng cũng mang những ngụ ý: tiếng đàn lặng đi? người kỹ nữ ngưng

đàn? hay khúc nhạc bổng dưng im bặt? ... cho thấy cách tạo hình ở "Đàn buồn, đàn lặng, ôi đàn chậm" khácvới cách tạo hình của "Trăng thương, trăng nhớ, hỡi trăng ngần". Câu thơ kế tiếp "Mỗi giọt rơi tàn như lệ ngân" tiếp tục mô tả tiếng đàn và tâm cảm người gẩy đàn. Chữ tàn gieo vào giữa câu thơ như nỗi trớ trêu của định mệnh. Tàn: Tàn cung? Tàn canh? Tàn phai? mà cũng có thể là tàn nhẫn, rơi vào chính giữa câu thơ, chia loan, rẽ thúy, tạo nên những tác dụng:

- Phân chia câu thơ làm hai vế so sánh: Mỗi giọt rơi = như lệ ngân.
- Chia rẽ chủ ngữ "giọt lệ" ra làm hai nhân cách khác, hai hình ảnh khác: giọt rơi, lệ ngân.
- Hai hình ảnh này và dư âm này tác động một lần nữa xuống nỗi đau thương ly cách giữa trăng và đàn.
- Tàn còn có nghĩa tàn cung là bặt tiếng đàn, là tàn tạ như tiếng đàn rơi xuống, tan đi, vỡ ra ...
- Và tàn còn có thể là tàn phai, như nhan sắc người kỹ nữ trong khoảnh khắc tàn canh, rỏ mỗi tiếng đàn như ngân một giọt lệ.

Toàn bộ bốn câu thơ có cấu trúc song song, đối đẳng, nhà thơ tận dụng sự đối xứng giữa những cặp phạm trù (trăng - đèn), (gần - xa), (ngoại cảnh - tâm cảnh), dùng những ngụ ý, hàm ngôn tạo mối tương quan giữa những điều nói và những điều không nói, giữa thực và hư, giữa tĩnh và động, để mở ra đến vô cùng, sự gần gụi và xa cách giữa trăng và đàn.

Sang tiết đoạn B, tác giả đổi thay phong cách:

B
Mây vắng, trời trong, đêm thủy tinh
Lung linh bóng sáng bỗng rung mình
Vì nghe nương tử trong câu hát
Đã chết đêm rằm theo nước xanh.

B mang cấu trúc văn xuôi, với những mệnh đề tiếp cận có tính cách giải thích, bổ nghĩa cho nhau (vì... đã...). Sự bắc cầu trực tiếp bằng một mệnh đề xé hai (enjambement avec rejet mà Xuân Diệu[2] mượn trong thơ Pháp) liên kết chặt chẽ câu thơ trên với câu thơ dưới, kết hợp bốn câu thành một phát ngôn có trình tự nhất định: "**Mây vắng, trời trong, đêm thủy tinh lung linh bóng sáng bỗng rung mình vì nghe nương tử trong câu hát đã chết đêm rằm theo nước xanh**"

Tuy nhiên, câu trên vẫn là thơ vì những mệnh đề tuy liên tục và có trình tự trong ý, nhưng thiếu chủ ngữ và vị ngữ nên không "thành văn": Mây vắng, trời trong, đêm thủy tinh là ba hình ảnh độc lập, dị biệt nhưng song song về nghĩa: Mây vắng = trời trong = đêm thủy tinh.

Nhịp cầu thứ nhất liên kết đêm thủy tinh với lung linh bóng sáng, bật ra hai khả năng diễn nghĩa:

- hoặc là có hai cảnh tượng song song: **Đêm thủy tinh lung linh** và **bóng sáng bỗng rung mình**.
- hoặc là cả cái "đêm thủy tinh lung linh bóng sáng" đó bỗng rung mình.

Giải thích thứ hai này ngụ ngầm ý nghĩa: Mây vắng và trời trong cũng rung mình như đêm thủy tinh vì ba yếu tố trên cùng một chức năng ngữ nghĩa và cấu trúc trong câu.

Tại sao rung mình? Vì tất cả đều nghe nương tử trong câu hát. Đến đây sự bắc cầu trở nên huyền nhiệm: Động từ "đã chết" bơ vơ, buông lỏng, không có chủ ngữ. Ai đã chết? Nương tử đã chết? Câu hát đã chết? hay là tất cả những nhân vật: mây, trời, đêm thủy tinh, bóng sáng kia, vì nghe nương tử hát mà cùng tự tử trong đêm rầm dưới nước xanh, như huyền thoại Lý Bạch ôm trăng nhẩy xuống dòng Dương Tử?

Tiết đoạn B kết hợp hài hòa khái niệm thẩm mỹ giữa Đông -Tây, trong cấu trúc hình thức và nội dung thi ca.

Tiết đoạn C trở lại cuộc tương kiến giữa Đàn và Trăng:

C
Thu lạnh càng thêm nguyệt tỏ ngời,
Đàn ghê như nước, lạnh, trời ơi ...
Long lanh tiếng sỏi vang vang hận
Trăng nhớ Tầm Dương, nhạc nhớ người ...

Âm hưởng và giai điệu trong tiết đoạn này ngẫu hứng từ tiếng đàn của người kỹ nữ trong Tỳ Bà Hành, nhất là "Đàn ghê như nước, lạnh, trời ơi ..." và "Long lanh tiếng sỏi vang vang hận":

Nước tuôn róc rách, chẩy mau xuống ghềnh
Nước suối lạnh, dây mành ngừng đứt
Uyết tuyền lưu thủy hạ thán
Thủy tuyền lãnh sáp huyền ngưng tuyệt

và chính dư âm tiếng đàn đã làm cho thiên nhiên âm nhạc và con người tương tư nhau: *Trăng nhớ Tầm Dương, nhạc nhớ người* làm cho hiện tại luyến lưu dĩ vãng, làm cho sự cách biệt giữa không gian và thời gian, nghệ thuật và tình người ngắn lại, nhưng cũng lại trải ra biền biệt đến vô cùng, và mở đường cho bốn câu thơ cuối:

D
Bốn bề ánh nhạc: biển pha lê,
Chiếc đảo hồn tôi rợn bốn bề.
Sương bạc làm thinh, khuya nín thở

Nghe sầu âm nhạc đến sao Khuê.

Tiết đoạn D, song song với tiết đoạn B, trở lại quang cảnh vũ trụ và tâm cảnh người nghe đàn, ngắm trăng: Câu 1 mở ẩn dụ thành ẩn tượng so sánh:

Bốn bề ánh nhạc: biển pha lê,

Thi sĩ giao hòa âm nhạc với ánh trăng thành một biển sáng có âm thanh pha lê.

Chiếc đảo hồn tôi rợn bốn bề.

Lần đầu tiên, nhân xưng tôi xuất hiện trong thơ. Sự hiện diện của thi sĩ, đơn côi tuyệt đỉnh. ẩn dụ "chiếc đảo hồn tôi" và tâm cảm "rợn bốn bề" phù trợ nỗi hoang lạnh cho hai đoản ngữ "chiếc đảo" và "hồn tôi", kèm thêm bốn hình vị độc lập chiếc - đảo - hồn - rợn đều mang ẩn nghĩa đơn chiếc, hoang vắng, âm hồn, ghê rợn, ... nói lên sự lạc lõng gây gây của thi nhân trong cõi trần âm u hoang lạnh. Niềm tâm sự ấy đắm trong khung cảnh:

Sương bạc làm thinh, khuya nín thở

Tình huống "Sương bạc làm thinh, khuya nín thở" nối tiếp với "Chiếc đảo hồn tôi rợn bốn bề", như để giới thiệu thiên nhiên "Sương bạc" với không và thời gian "khuya", những nhân tố mới này cùng "làm thinh" và "nín thở" để:

Nghe sầu âm nhạc đến sao Khuê.

Thi sĩ đã đem nội tâm của con người hòa cùng âm nhạc, ném vào vũ trụ hành tinh.❐

1. Tỳ Bà Hành:
Ngưng tuyệt bất thông thanh tạm yết *Ngừng dứt nên phút bặt tiếng tơ*
Biệt hữu u sầu ám hận sinh *Ôm sầu mang giận ngấn ngơ*
Thử thời vô thanh thắng hữu thanh *Tiếng tơ lặng ngắt bây giờ càng hay.*

2. Theo lời Xuân Diệu kể trong *Confession d'un poète*, thì Huy Cận là người đầu tiên sử dụng *enjambement avec rejet*:

Thúc dậy nắng vàng ngang mái nhạt
Buồn gieo theo bóng lá đung đưa
Bên thềm - Ai nấn lòng tôi rộng
Cho trải mênh mông buồn xế trưa.

Ra tù, về lại Hội An

HOÀNG LỘC

còn ta, một buổi quay về
phố xưa đời bỏ tình lìa, cũng thôi
nhớ gần lòng đã chia đôi
nhớ xa cát lở sông bồi đó em.

hiểu nhau đến nửa mắt nhìn
vẫn xanh rêu giữa vùng quên lãng buồn.

ta về với phố tang thương
giấc mơ xưa dễ điếng hồn gọi nhau
qua sông lạnh mỗi vai cầu
ơi ta quán nhỏ cúi đầu hỏi thăm.

hiểu nhau đến giọt lệ thầm
vẫn khô trên những tháng năm biệt mù.

về, ta gặp phố sầu u
ta-yêu-em với ta-tù-tội đây
hình danh giữa một hình hài
hắt hiu từng sợi mưa ngoài bến sông.

hiểu nhau đến cả tấm lòng
vẫn nghe như để vô cùng hợp tan.

ta về đây với Hội an
chết trong em với diêu tàn trong ta
đứng dưng ôi một hiên nhà
cơn điên bưng mặt khóc òa bởi đâu
thế mà mang tiếng hiểu nhau
không nghĩa xưa chẳng nghìn sau nữa rồi.

về, ta sững cuộc đổi đời
đổi đời ta nhỏ hơn đời đổi em
còn nhau đâu mà rông tìm
mất ngay từ thuở chưa chim nối kia.

chẳng ra chi buổi ta về
thế nên đời bỏ tình lìa cũng thôi.

trần long hồ

Tiểu sử:

Tên thật là Trần Trúc Quang, sinh tại Vĩnh Long, lớn lên tại Saigon, bác sĩ y khoa, hiện hành nghề tại Falls Church, Viginia, Hoa Kỳ.

Tác phẩm:

- *Ngày Quanh Quẩn*, tập truyện ngắn, Minh Văn xuất bản, 1991.
- *Niềm Vui Ung Thư*, tập truyện ngắn, Minh Văn xuất bản, 1992.
- *Cõi Sa Mù*, quyển 1, trong bộ trường thiên Dung Thân, Minh Văn xuất bản, 1992.
- *Kẻ Đào Mồ*, tập truyện ngắn, Minh Văn xuất bản 1993, tái bản 1995.
- *Cửa Địa Ngục*, quyển 2, trong bộ trường thiên Dung Thân, Minh Văn xuất bản 1993. *Bóng Thiên Đường I*, quyển 3, tập 1, trong bộ trường thiên Dung Thân, Minh Văn xuất bản 1994.
- *Người Chị*, tập truyện ngắn, Minh Văn sẽ xuất bản vào cuối năm 1995.
- *Bóng Thiên Đường II*, quyển 3, tập 2, trong bộ trường thiên Dung Thân, Minh Văn sẽ xuất bản vào cuối năm 1995.

Trả lời câu hỏi của Văn Học:

1. *Sống trong một hoàn cảnh mà thì giờ vốn hiếm hoi và văn chương chữ nghĩa vốn là món hàng xa xỉ, điều gì đã thúc đẩy anh chị đi vào/ tiếp tục đi vào lãnh vực văn chương?*

Tôi vốn mê văn chương từ nhỏ, bắt đầu viết từ thuở còn ở bậc trung học, cho nên, một điều gì đó thúc đẩy tôi viết đã có từ dạo đó. Mặc dù tôi ngưng viết từ năm 1975, bằng đi cả 14 năm, đến năm 1989 tôi mới viết lại. Suốt khoảng thời gian dài im lặng như vậy, điều gì đó vẫn tồn tại trong tôi. Ở hải ngoại, đời sống quá sức bận rộn, công việc y khoa chiếm hết thì giờ, tuy nhiên, không chiếm hết tâm trí tôi. Vì vậy, cái điều gì đó chính là sự say mê đã thúc đẩy tôi tiếp tục viết. Nói say mê có lẽ chưa hết ý, phải nói mê viết gần như một sứ sì ke (chữ dùng của anh Nguyễn Mộng Giác). Nó lôi cuốn mình, không dứt ra được. Còn những lý do khác như, sự mong muốn tỏ bày, sự khao khát tâm sự, ... có lẽ, phàm là người viết ai cũng có tâm trạng đó. Đối với riêng tôi, sự nhung nhớ quê nhà, yêu thương đất nước là một động lực rất mạnh cho người cầm bút. Với tâm trạng lưu vong của kẻ tha hương, lúc nào cũng hoang mang về chốn dung thân của mình, tôi vẫn nghĩ rằng, đối với tôi, dù có sống bao năm ở hải ngoại đi nữa, một khi ta không thay đổi được màu da thì ta vẫn là kẻ bên lề, không thể nhập cuộc. Tôi không bao giờ nghĩ rằng, suốt một đời mình phải dung thân nơi xứ lạ, chốn quê người. Đối với quê hương, dù bao nhiêu tuổi đi nữa tôi vẫn cảm thấy mình là một bào thai, cần cuống rún, cần mẹ. Do đó, sự khốn khổ của người dân, sự đau đớn của quê hương chính là niềm trăn trở khôn nguôi cho người cầm bút. Do đó, đối với tôi, xa quê hương càng lâu, càng bị thúc đẩy phải viết.

2. *Anh/chị viết về cái gì? Viết như thế nào? Viết cho ai đọc?*

Vấn đề mà tôi thường viết thuộc về quê hương, người dân, xã hội, và thân phận của mỗi con người Việt Nam. Những xáo trộn, rung chuyển của quê hương hay sự thống khổ của người dân là những chấn động không thể nào nguôi ngoai trong lòng tôi. Những ưu tư dằn vặt của kiếp đời lưu vong, những oan trái xâu xé và bất công trong xã hội, và tình người cay nghiệt trong cuộc sống tha hương là những vết hằn trong tâm não tôi. Cho nên, là một kẻ cầm bút, tôi có nhu cầu phải viết lại. Câu hỏi, viết như thế nào? Tôi xin trả lời. Trước kia tôi viết lên giấy, nhưng trong những năm gần đây tôi không "viết" nữa mà chỉ "đánh" vào máy điện toán. Tôi có thể "đánh" bất cứ lúc nào, khi rảnh rỗi, mỗi lúc một chút, mỗi ngày một ít. Tôi viết, để đó,

lần hồi gom đủ thành bài. Thường thường tôi viết tại nhà thương hoặc trong phòng mạch, năm hay mười phút cũng viết được. Nếu không có thì giờ viết thì tôi nghĩ tới một vấn đề, một bài viết, rồi cất giữ đó, giống như để dành, khi rảnh thì ngồi xuống viết ngay. Không hiểu tại sao, càng bận rộn tôi càng viết được. Còn câu hỏi cuối cùng, viết cho ai đọc? Câu hỏi mới thoạt nghe, tưởng dễ, nhưng ngẫm lại thấy khó. Dễ là, viết cho độc giả đọc, khó là, độc giả gồm những ai? Nói về mặt thứ tự thời gian trước: viết cho các vị chủ bút, trong ban biên tập đọc trước. Kế đến, độc giả là quảng đại dân chúng bên ngoài. Tôi thích viết cho những độc giả loại sau hơn. Tuy vậy, tôi không chìu theo thị hiếu chung của độc giả. Có lẽ sự ích kỷ của mình còn mạnh quá chăng, tôi viết cho tôi đọc trước thì phải? Còn nói về mặt không gian, độc giả không có giới hạn là ai. Tôi không viết để nhắm vào bất một loại độc giả nào. Độc giả là người đọc mà còn là người thầy cho người viết. Độc giả là người Việt, đọc tiếng Việt, ở mọi nơi, trong nước, hải ngoại.

Đã mấy ngày rồi, ông Cật cứ cảm thấy mí mắt bên trái giật liên hồi. Nó giật từng chập, chỉ có mí trên thôi, mấp máy như có ai khều nhè nhẹ lên làn da khô, nhăm nhúm. Chuyện mí mắt giật vẫn xảy ra, thỉnh thoảng ông bị một lần, mỗi lần chỉ vài ba phút, rồi thôi. Nhưng lần này, mí mắt ông giật lâu quá, đến ba ngày rồi. Ông tin rằng, có chuyện gì không tốt xảy ra. Hiện tại ông chỉ sống một mình trong căn nhà già này, vợ ông đã chết cách đây ba năm. Ông có ba người con nhưng họ đã có gia đình và đã ở xa ông từ lâu. Ông nghe tiếng Mỹ không thông, nói không rành, lái xe không được. Ông chẳng giúp được ai, ngược lại, chúng chỉ giúp cho ông. Thế thì không nên lo cho chúng làm gì, ông tự nhủ như vậy, mình nên lo mình. Ông lẩm bẩm, sáu mươi tám tuổi rồi, nay đau mai bệnh, biết sống được bao lâu.

Ông Cật nhúng cái chậu trà Phúc Kiến bonsai vào nước, rồi để vào cái khay cho ráo. Ông cẩn thận tỉa bớt mấy nhánh non mới nhú.

Cây bon sai này của một ông bạn già, lớn hơn ông Cật đến bảy tuổi. Ông ta cho ông cây bonsai đúng một tuần trước khi ông ấy qua đời. Do đó ông Cật quí nó lắm, ông vốn thích uống trà, nay lại được cây trà bonsai, vui biết bao. Hơn nữa, cây bonsai lại là vật kỷ niệm của người bạn đã quá cố. Mỗi lần ông thấy cây bonsai, y như ông thấy lại bạn.

Ông Cật xoay trở cây bonsai, xịt cho nó chút nước lên cái thân nâu xám xù xì, đầy cục u, với mấy cành cây khúc khuỷu, và mớ lá xanh nhỏ

xíu.

Mí mắt ông Cật lại giật từng chập. Ông bỏ cái bình xịt xuống thành cửa sổ. Ông ngước nhìn lên trời, lo lắng.

Nền trời xanh lơ và những tảng mây trắng xám như tự thuở nào. Màu trắng và xám bệt lên nhau, chẳng theo một cung cách riêng, và không bị gò bó trong một khuôn khổ nào cả. Chúng thong dong, an nhiên, và tự tại. Chúng không cần một chỗ ở nhất định như ông, không thiết một hình hài còm cỏi như ông. Bao năm rồi, hơn nửa thế kỷ, mỗi lần nhìn trời, ông đều có cảm giác phiêu diêu, thong thả. Ông không biết ông có cái thói quen nhìn trời khi có chuyện lo lắng từ hồi nào. Chỉ biết tự những ngày xa xưa ông là đứa trẻ cô độc, thường sớm lo lắng cho số phận mình. Ông đã thấy trời mây như thế rồi.

người chị

trần long hồ

Hôm nay, trời xanh và mây vẫn trắng xám. Trời đất, ông ngẫm nghĩ lại, đâu có thay đổi gì, họa chăng có lòng người đổi thay mà thôi.

Ông Cật đang suy nghĩ miên man, bất chợt có tiếng điện thoại reo vang.Hôm nay là ngày thứ tư, buổi sáng, mới hơn tám giờ. Các con cháu ông chỉ gọi trong ngày thứ bảy và Chủ nhật. Còn bạn bè ông, ít khi gọi sớm như vậy.

Ông Cật uể oải nhấc điện thoại lên. Một giọng Bắc, già, từ bên kia đầu giây hỏi léo nhéo điều gì. Ông chưa kịp hiểu người ấy nói gì vì ông bị kích thích dữ dội bởi cái giọng quen quen và mang âm hưởng Bắc chính tông đó.

Ông Cật di cư vào Nam vào năm 1954, giọng nói ông và những người khác bị thay đổi nhiều. Đã lâu rồi, ông chưa được nghe giọng Bắc còn giữ đặc sệt sắc thái quê hương của ông như vậy.

Ông còn đang ngẩn ngơ thì giọng người bên kia hỏi lớn hơn:

— Xin lỗi, cho tôi nói chuyện với chú Cật.

Giọng nói quen quá khiến ông Cật cảm thấy hồi hộp. Ông cố nhớ người này là ai. Tại sao hắn biết tên ông mà ông không biết hắn. Tại sao hắn gọi ông bằng cách xưng hô thân mật "chú Cật" như vậy. Cái kiểu gọi của hắn, rõ ràng hắn lên vai đàn anh với ông rồi.

Ông Cật còn thẩn thờ nghĩ ngợi thì giọng kia lại hỏi:

— Xin hỏi, có chú Cật có ở nhà không?

Giọng người này quen quá, ông Cật không muốn suy nghĩ tiếp nữa, ông đáp, giọng cau có:

— Tôi là Cật đây, xin lỗi ai ở đầu giây vậy?

Người bên kia vừa nghe xong, chợt im bặt. Ông Cật không nghe âm

thanh nào khác ngoài tiếng "re re" nho nhỏ trong điện thoại. Ông cảm thấy bực bội định gác điện thoại thì người kia lại hỏi, giọng nhỏ và khàn đục, có vẻ xúc động:

— Chú Cật đấy à!

Ông Cật nổi cáu, gắt:

— Tôi là Cật đây, xin lỗi ai đó?

Người kia đáp, lắp bắp qua ống nghe:

— Giời ơi! Chú Cật đấy sao.

— Tôi là Cật, xin lỗi ông là ai? Tôi không muốn đùa đâu nhá!

— Thế thì đúng là chú Cật rồi. Lúc nào chú cũng cáu gắt, không thay đổi gì cả.

Ông Cật không kềm nổi sự tức giận. Tự dưng trong buổi sáng đẹp trời có một tên "phải gió" gọi điện thoại kêu ông là chú này, chú nọ rồi lè nhè ra cái "thớ gì" mà bỡn cợt với ông là "hay gắt gỏng". Ông liền lớn tiếng nói:

— Này, tôi là Cật, ở đời không thay họ đổi tên, xin báo cho chú em đó biết, đừng có đùa giai như thế nhé.

Ông Cật vừa dứt lời, người kia hấp tấp nói, giọng vui vẻ:

— Thế thì đúng chú Cật rồi. Ối giời ơi, bao năm rồi tôi mới nghe lại tiếng nói của chú. Tôi là Xuân, anh Xuân của chú đây mà.

Nghe tới tên người bên kia đầu giây, ông Cật giật nẩy người. Ông lắp bắp hỏi:

— Anh Xuân nào?

— Ối giời ơi, chú Cật quên mất anh Xuân rồi à. Anh Xuân của chú mà chú lại quên cho đành.

Cái giọng Bắc rên dài ra, thê thiết, khiến ông Cật nhớ ngay ra người đối diện:

— Trời ơi, anh Xuân đấy à. Sao hôm nay anh lại gọi tôi? Anh đang ở đâu vậy?

Người tên Xuân vẫn giữ giọng xúc động:

— Chuyện dài lắm, từ từ tôi nói cho chú nghe. Bây giờ tôi đang ở thủ đô Hoa Thịnh Đốn của Hoa Kỳ.

Ông Cật giật mình, thảng thốt hỏi:

— Anh đang ở Hà Nội mà?

— Thế mới hay, tôi đang ở thủ đô tráng lệ của Hoa Kỳ và đang nói chuyện với chú Cật, người em của tôi.

Nghe tới đây, ông Cật vừa vui vừa bực bội. Ông cũng chưa biết tại sao ông có cảm giác lạ lùng như vậy. Ông đang tần ngần chờ đợi thì ông Xuân nói tiếp:

— Mẹ mất lâu rồi chú có biết không?

Ông Cật ậm ờ:

— Anh và tôi già như thế này thì mẹ làm sao còn sống cho được. Ông Xuân trách móc:

— Chú nghe tin mẹ mất mà chẳng xúc động tí nào sao?

— Buồn chớ, tôi biết bố mất lâu rồi nhưng khi mẹ qua đời thì tôi không được biết.

— Ừ, bố, mẹ, và chị Cầu đều mất, chỉ còn anh em ta mà thôi.

Ông Cật lặng thinh. Ông không xúc động chút nào. Ông không muốn nói điều gì và cũng không muốn tỏ bày cảm xúc của ông.

Ông Xuân, ý chừng biết được điều đó, cất giọng u oán:

— Tôi biết chú không thương mẹ và cũng không ưa gì bố.

Ông Cật vội cải chính:

— Anh Xuân đừng nghĩ thế! Tôi... tôi...

— Chú không cần phải giải thích, nếu tôi ở cương vị của chú, tôi cũng mang nỗi lòng như chú mà thôi. Bây giờ...

Ông Xuân chợt ngưng bặt. Ông Cật hồi hộp hỏi:

— Tại sao anh không nói nữa?

Ông Xuân thở dài bên kia đầu giây:

— Tôi biết chú đang chờ đợi điều gì?

Ông Cật im lặng cúi đầu. Ông có cảm giác như đang đối diện với ông Xuân, kẻ biết hết nỗi lòng ông.

Giọng ông Xuân trầm buồn:

— Tôi có viếng mộ chị Cầu một tháng trước khi sang đây...

Ông Cật nắm chặt cái điện thoại, run giọng hỏi:

— Đến bây giờ anh còn gọi là chị Cầu hay sao?

Ông Xuân thở dài qua ống nghe, hỏi lại:

— Chú muốn tôi xưng hô với chị Cầu như thế nào? Chú còn nhớ lời bố mẹ dặn hay không?

Ông Cật gật đầu như thể ông đang đối diện với ông Xuân:

— Tôi còn nhớ chứ.

— Nhưng sao chú lại muốn tôi đổi cách xưng hô?

Ông Cật hạ thấp giọng nói như than thở:

— Chuyện bố mẹ dặn đã quá lâu rồi...

Giọng ông Xuân gắt gỏng:

— Thế thì... chú cho là bố mẹ sai phải không?

Giọng bực bội của ông Xuân làm cho ông Cật nổi nóng:

— Tôi không nói bố sai nhưng tôi nói mẹ không đúng thì sao?

— À, à... chú láo nhỉ. Chú dám nói hổn với mẹ như thế.

Ông Cật gằn giọng:

— Tôi không nói hổn. Tôi chỉ muốn nói một điều đúng mà bao nhiêu

năm nay không ai dám lên tiếng. Còn anh, những chuyện anh cất giữ từ xưa tới giờ chỉ có lợi cho anh thì đương nhiên...

— Chú láo nhỉ, chú muốn dạy khôn tôi chứ gì!

Ông Cật bật cười:

— Anh xét lại xem sao? Tôi dạy khôn anh cũng phải lắm chứ. Anh nhỏ hơn tôi đến năm tuổi mà. Ngày anh mới được sinh ra đời, chính tôi đã khiêng nước, mang tả cho mẹ để săn sóc anh. Anh còn nhớ anh đã vòi vĩnh bao nhiêu chuyện. Ai đã dạy anh bao nhiêu trò chơi. Ai đã cõng anh trên lưng, làm bò cho anh cưỡi.

Ông Xuân xuống giọng nói:

— Những chuyện đó chỉ do chú nói mà thôi. Tôi không nhớ được.

Ông Cật hậm hực nói tiếp:

— Thế thì anh còn nhớ cái sẹo trên trán hay không?

— Chuyện này thì tôi nhớ.

— Thế thì cái sẹo của anh do ai gây ra?

— Do tôi té vào bậc thềm.

— Nhưng ai mang hết tội cho anh?

Ông Xuân càng xuống giọng nhỏ hơn, có vẻ xúc động:

— Chú chịu tội cho tôi, điều đó là tôi nhớ mãi... nhưng sao anh em ta lại cải nhau vì một chuyện đã xảy ra đã hơn sáu mươi năm rồi.

Ông Cật vẫn hằn học:

— Không chỉ vì cái sẹo mà là...

— Chú bớt giận, tôi không muốn cải nhau với chú vì những chuyện xa xưa nữa.

— Được rồi, tôi không muốn cải với anh nhưng với một điều kiện.

Ông Xuân bồn chồn hỏi:

— Chú muốn nói chuyện gì?

Ông Cật đáp thẳng thừng:

— Tôi không muốn nghe anh gọi hai tiếng "chị Cầu" nữa.

Ông Xuân thở dài đáp:

— Không được!

— Tại sao không được?

— Vì bố mẹ đã dặn phải gọi chị Cầu là "chị Cầu".

Ông Xuân tức tối hỏi:

— Anh nhận thấy chuyện đó đúng hay không?

Giọng bên kia đầu giây buông thỏng:

— Bố mẹ đã nói là đúng.

— Nhưng tôi muốn hỏi anh. Chính tự trong lòng anh có thấy chuyện đó đúng hay không?

— Tôi không thể trả lời chú được.

— Tại sao anh không thể trả lời được? Tôi đã biết bố mẹ nói như thế nào rồi. Bây giờ tôi muốn biết ý kiến tự trong lòng anh mà thôi. Anh có cho chuyện đó đúng hay không?

— Tôi không muốn nói trái lời bố mẹ.

Ông Cật gật gù:

— Thế thì anh cho là bố mẹ dặn điều đó không đúng.

Ông Xuân hấp tấp phản đối:

— Tôi không nói như vậy. Thôi, anh em ta không gặp nhau quá lâu rồi. Từ năm 1954 đến 1975 là hai mươi mốt năm. Từ năm 1975 đến 1995 là hai mươi năm nữa. Vị chi là bốn mươi mốt năm rồi. Tôi muốn gặp mặt chú, xem chú già như thế nào?

Ông Cật giữ giọng bực bội:

— Anh trẻ hơn tôi đến năm tuổi. Chắc chắn tôi phải già hơn anh.

— Chưa chắc, chú ở bên này sống no đủ thế nào cũng trông trẻ hơn tôi.

Ông Cật lắc đầu nguầy ngậy như tỏ thái độ với người bên kia d0ầu giây điện thoại:

— Nhưng tôi không muốn gặp anh cho đến khi nào...

— Thế thì chú muốn tôi làm gì?

Ông Cật đáp ngay:

— Tôi chỉ muốn anh bỏ hai chữ "chị Cầu" mà gọi là "dì Cầu".

— Không được.

Ông Cật hét lớn vào ống nghe:

— Tại sao không được?

— Tại vì bố mẹ đã bảo như thế!

— Bố mẹ bảo anh điều đó cách đây đã hơn sáu mươi năm. Chuyện đó lạc hậu lắm rồi, không còn đúng nữa, anh biết không? Anh nhỏ hơn tôi những năm tuổi nhưng tôi phải gọi anh là "anh". Chuyện này tuy không phải nhưng tôi chấp nhận được, còn...

Ông Cật xúc động quá không nói được nữa. Cả hai im lặng một lúc thật lâu. Mãi một lúc sau, ông Cật nói như năn nỉ:

— Hai tiếng "dì Cầu" mà làm anh khó nói đến thế sao?

Giọng ông Xuân khàn đục nhưng vẫn cương quyết:

— Chị Cầu là chị Cầu, không thể là dì Cầu được.

Nghe đến đây, ông Cật không kềm được cơn giận, la lớn:

— Sao anh cố chấp như vậy. Chuyện đã sai rành rành mà anh vẫn không chịu sửa đổi. Bây giờ, tôi gác máy. Khi nào anh chịu gọi hai tiếng "dì Cầu" thì tôi sẽ nói chuyện anh.

Ông Cật nói vừa xong, gác ống nghe lên ngay. Giọng nói bên kia đầu giây bị tắt nghẹn. Tiếng gọi "chú Cật" còn ngân vang trong máy. Bên

ngoài, mặt trời đã lên cao. Ánh nắng chiếu qua khung cửa sổ, in cái bóng ông Cật cụt ngủn trên sàn nhà. Trông cái bóng ông như một đứa bé tật nguyền. Nó cựa quậy, loay hoay. Hình thù nó biến đổi không ngừng. Ông Cật đi trở lại cây bonsai. Cái bóng ông bị kéo ra dài ngoẵn rồi biến mất. Ông cầm cái kéo tỉa lá nhưng ông không biết phải làm gì. Trước mặt ông, cây bonsai và mọi thứ chung quanh đều mờ nhạt.

Chị Cầu về nhà ông bà Thông năm chị vừa mười sáu tuổi. Bố mẹ chị là tá điền, làm ruộng cho dòng họ bà Thông đã mấy đời. Năm đó, ông Thông đã ba mươi còn bà Thông đúng hai mươi lăm tuổi. Gia đình ông Thông cưới bà về được tám năm, lúc đó bà vừa tròn mười bảy tuổi. Bố ông Thông mất sớm, còn mẹ đã qui y. Bố mẹ bà Thông vốn giàu có nhưng không có con trai, chỉ có một mình bà. Ông bà cụ đều qua đời sớm, để toàn bộ gia sản cho bà Thông. Do đó ông Thông trở thành người đàn ông giàu có và quyền thế trong vùng. Hai ông bà ở với nhau đã tám năm mà không có con. Bà Thông lo lắng về chuyện này lắm. Bà rước thầy thuốc, cố tìm cách chữa trị trong bao nhiêu năm. Sau đó bà đi lễ chùa cầu tự nhưng không có hiệu quả.

Một ngày kia có người mách cho ông bà biết một ông thầy bói rất giỏi, có tài biết hết quá khứ và đoán được mọi chuyện trong tương lai. Ông bà Thông tìm đến người thầy bói và được bảo rằng, gia đình bà vốn mắc lời nguyền từ đời trước, tuy bố mẹ bà đã qua đời nhưng sự nguyền rủa kia vẫn không dứt. Bà Thông cần phải tìm một người hầu cho ông để có con trước. Sau đó, họa may bà mới sinh nở được.

Ông bà Thông tin theo lời tiên tri đó và chị Cầu được bán về nhà ông bà để trừ nợ. Chị Cầu, tuy đẹp, nết na, nhưng xuất thân trong gia đình nghèo khổ, có thể nói là bần cùng. Mẹ chị chuyển bụng sinh chị lúc đi ngang một cây cầu, do đó ông bà cụ phán ngay cho chị cái tên theo định mệnh là Cầu. Từ đó, người con gái duyên dáng, xinh đẹp nhưng phải chịu cái tên kỳ cục ấy.

Ngày chị Cầu bị đưa về nhà ông bà Thông, trời âm u, mưa liên miên, ung thối cả đất đai. Trên trời xám xịt, mây vần vũ, dưới đất dậy bùn sình, lầy lội. Chị Cầu phải đi bộ dưới mưa, hơn mười cây số, trên đường ngập đầy bùn cao quá mắc cá. Chị lầm lũi đi theo người quản gia suốt một ngày, từ sáng đến chiều.

Khi chị về đến nhà ông bà Thông, trời cũng vừa sụp tối. Người quản gia đưa chị vào nhà bằng ngõ sau. Ông bà Thông tin lời thầy bói, cho rằng thân phận chị Cầu thấp hèn. Chị phải vào nhà bằng lối sau và phải bị cư xử theo đúng mức một cô hầu.

Chị Cầu được đưa vào nhà bếp. Đó là giang sơn của chị. Chỗ ngũ của

chị là một cái giường tre ộp ẹp, kê trong một góc bếp. Rồi chị được trao cho một bộ quần áo mới, phải tắm rửa sạch sẻ, tẩy cho hết bùn trên người và mọi thứ xem như là xấu xa trong con người của chị. Trời hôm đó u ám quá. Bà Thông nhìn qua cửa sổ, thấy ngoài trời tối đen, gió gào thét, và mưa vập dùi cả trời đất. Đêm kéo tới vội vả và âm u chưa từng thấy. Bà Thông cho là điềm trời không tốt nhưng phải vâng lời ông thầy bói. Bà cho chị Cầu ăn uống no đủ, súc miệng, thay quần áo, trang điểm thật đẹp. Chị Cầu vốn đã đẹp, nay được chưng diện nên càng đẹp hơn. Bà Thông ức lòng lắm nhưng phải làm theo lời tiên tri đã dạy. Đêm hôm đó phải là đêm cho ông Thông ăn nằm với chị Cầu. Bà Thông tin rằng, bao nhiêu điềm xấu và tai họa sẽ trút hết vào người chị Cầu. Chị là người gánh cái họa cho bà, như thế bà mới thoát tai họa của lời nguyền và sẽ sinh nở được.

Bà Thông cho dọn dẹp căn phòng trên nhà trước, cạnh phòng của hai ông bà.

Khi chị Cầu chuẩn bị xong, bà Thông đi xuống nhà dưới. Bà đuổi hết người làm về chỗ ngũ của họ. Bấy giờ trong bếp chỉ còn có hai người.

Không gian trở nên im lặng đến ngột ngạt. Ánh đèn cầy soi hai cái bóng nhảy múa lung linh trên vách. Bà Thông thấp, đẫy đà, mặc quần áo lụa màu mở gà, tóc quấn ngược ra sau gáy. Mặt bà tròn, mũi thấp, mắt nhỏ và sắc. Bà đứng thẳng người, nhìn chăm chăm vào chị Cầu đang đứng khép nép vào vách bếp. Chị Cầu còn nhỏ quá, dáng chị mảnh mai, gầy gò. Tóc chị để kẹp, dài phủ qua vai. Mặt chị thon đều, mũi cao, môi hồng múm mím. Chị vừa đẹp, vừa trẻ, lại ngây thơ, trong trắng. Sự rụt rè và lo lắng của chị Cầu càng làm cho chị đẹp hơn.

Bà Thông càng nhìn chị Cầu càng tức tối thêm. Bà chỉ muốn táng cho chị một bạt tai và đuổi chị tra khỏi nhà. Bà muốn tống chị ra ngoài trời mưa gió, cho chị lăn lộn trong bùn. Cho chị bị nhơ nhớp, cho chị bị vùi dập trong mưa giông, gió bão. Còn chị Cầu càng bị nhìn càng run thêm. Chị chỉ muốn được buông tha. Chị chỉ cầu xin bà tha cho chị về với bố mẹ.

Cả hai người phụ nữ im lặng một lúc lâu nhưng ngọn đèn vẫn soi hai cái bóng lao chao không ngừng. Bà Thông ý chừng nén được cơn giận, lạnh lùng bảo:

— Tôi mang chị về đây làm hầu chứ không cưới chị về làm vợ lẻ cho chồng tôi. Chị có biết không?

Chị Cầu nhỏ nhẹ đáp:

— Vâng ạ!

— Chị là tôi tớ trong nhà này. Chị phải gọi tôi là bà, gọi chồng tôi là ông, có hiểu không?

— Vâng ạ!

— Chị phải lo chuyện nấu ăn, cơm nước trong nhà. Chị chỉ được quyền ngũ với chồng tôi khi tôi cho phép. Chị phải sinh cho chúng tôi một đứa con, trai gái gì cũng được, hiểu không?

Chị Cầu im lặng. Những điều bà Thông nói sổ sàng quá làm chị vừa sợ hãi lại vừa xấu hổ. Trước khi bị đưa về đây, bố mẹ chị có dặn dò mọi chuyện rồi nhưng khi bà Thông nhắc lại chị vẫn cảm thấy ngỡ ngàng. Thấy chị im lặng, bà Thông chẳng những không nguôi giận mà còn lớn tiếng:

— Tôi nói thế chị có hiểu không?

— Dạ... vâng ạ!

— Khi chị sinh con, chị không phải là mẹ, chỉ có tôi là mẹ. Chị không có quyền xưng mẹ khi nói chuyện với con chị. Đứa con mà chị sinh ra sẽ gọi tôi là mẹ, gọi chị là chị, có hiểu không?

Chị Cầu cảm thấy kinh hoàng, cất tiếng van xin:

— Thưa bà...

— Cái gì, tôi nói thế mà chị không hiểu hay sao?

— Thưa bà, con hiểu nhưng xin ông bà cho con được là mẹ.

Bà Thông nhếch mép cười:

— Chị là một con ở, chị không có quyền làm mẹ. Nếu chị sinh được con tức nhiên tự chị phải hiểu chị đã làm mẹ rồi. Chị không được xưng hô mẹ con với nó.

Chị Cầu vẫn một mực van nài:

— Thưa bà, bà bảo con làm gì cũng được, chỉ xin bà...

Bà Thông quắc mắc, thét lớn:

— Tôi nói thế mà chị vẫn bướng phải không? Để tôi bảo tráng đinh đánh chị vài chục cây, thế nào chị cũng sẽ hiểu.

Chị Cầu kinh hãi, run rẩy đáp:

— Thưa bà, con xin vâng.

Bà Thông nhếch môi cười:

— Tốt, chưa hết đâu, còn chuyện này nữa, chị phải làm cho đúng. — Thưa bà, con nghe.

— Tốt, khi chị ngũ với chồng tôi, không được tâu hót, không được vuốt ve lấy lòng ông. Tôi ban phước cho chị được ngũ với chồng tôi, chị phải hiểu, không được làm bất cứ điều gì để rù quến ông. Chị có bổn phận nằm ngửa mà thôi, có sướng cũng không được rên xiết nghe chưa?

Chị Cầu không hiểu hết những gì mà bà Thông đã nói nhưng chị cứ run rẩy đáp:

— Vâng ạ!

— Được rồi, bây giờ chị theo tôi.

Chị Cầu riu ríu bước theo bà Thông đi lên nhà trên. Qua bậc thềm

nhà bếp, hai người vào trong hành lang dẫn lên nhà trước. Lối đi hẹp, chỉ vừa cho hai người sánh vai nhau. Nếu hai người đi chuyển song đôi sẽ chạm nhau nên chị Cầu lùi ra sau, cúi đầu lầm lũi đi theo bà Thông. Hai chân chị run đến độ không thể bước nổi.

Bà Thông dừng lại trước một căn phòng. Bà mở cửa, hất hàm ra lệnh:

— Chị vào trong này, từ giờ trở đi, chồng tôi bảo gì thì chị phải vâng lời. Chị trái ý ông, sẽ bị đòn, biết chưa.

Chị Cầu run giọng đáp:

— Vâng ạ!

Bên trong phòng tối lờ mờ. Chỉ có một cây đèn dầu nhỏ xíu treo trên vách. Chị Cầu không thấy rõ, phải tựa vào vách dõi mắt nhìn chung quanh. Chợt chị giật mình, suýt kêu rú lên. Trong phòng chỉ vỏn vẹn có một cái giường và trên đó có một người đàn ông đang ngồi yên lặng. Trong phòng tối quá nên chị Cầu không trông rõ được mặt ông ta. Chị sợ hãi đến độ muốn ngả quị xuống.

Người đàn ông biết chị Cầu run sợ lắm nên từ tốn nói:

— Tôi là ông Thông. Em là Cầu phải không?

Chị Cầu ấp úng đáp:

— Thưa ông, vâng ạ!

Ông Thông hạ thấp giọng nói:

— Em cứ gọi tôi bằng anh.

— Thưa ông, con không dám ạ.

— Không sao, trong này đâu có ai. Chỉ có anh và em thôi.

Chị Cầu run rẩy đáp:

— Thưa ông, con không dám ạ.

Ông Thông đưa tay ngoắc:

— Em đến đây.

Chị Cầu còn đang lựng khựng thì ông Thông đã nhoài người tới trước, nắm tay Chị Cầu kéo nhẹ về phía ông. Chị Cầu không dám kháng cự, bị kéo tuột vào lòng ông Thông ngay.

Đó là đêm đầu tiên làm nàng hầu trong đời chị Cầu. Chị vừa sợ hãi vừa không biết phải làm gì. Chị nằm yên, cứng đờ trong bất cứ tư thế nào mà ông Thông để chị như vậy. Ông Thông làm hết mọi chuyện còn chị nằm xụi lơ. Sự kinh hoàng làm chị Cầu trơ ra, chị không có một cảm xúc nào ngoài sự sợ hãi.

Sau này chị Cầu mới dần dần biết được ông Thông là một người đàn ông giàu có, lịch lãm, nhiều kinh nghiệm gối chăn.

Ông Thông rất kiên nhẫn trong đêm đó. Ban đầu ông chỉ hôn hít và vuốt ve chị. Còn chị thì co quắp người lại, run bần bật. Đến gần sáng thì chị bớt sợ vì ông Thông chỉ giữ ở mức đó. Tay ông sờ mó lung tung trên

người chị, miệng ông thì thầm hỏi thăm chị hết chuyện này đến chuyện nọ. Đến lúc chị mệt mỏi quá muốn nhắm mắt ngủ thì ông Thông mới tiến xa hơn. Tới đây thì chị phó mặc và thân thể chị cảm thấy trống trải dần. Nhưng khi ông Thông định nằm lên người chị thì chị cong chân, khép chặt đùi lại khiến ông không làm gì được. Thế là hết một đêm.

Sáng hôm sau, bà Thông kêu hai người đàn ông giúp việc vào giữ tay chân chị Cầu lại. Bà lấy cái roi dài quất vào người chị túi bụi. Chị Cầu đau đớn lăn lộn nhưng không biết vì sao.

Rồi đến đêm thứ hai, chị Cầu khuất phục. Cái đau đớn ban ngày ở những lằn roi phần nộ của bà Thông cộng với cái xót xa tận cùng nơi phần kín đáo nhất của người phụ nữ, thấm vào tận xương tủy chị. Bên cạnh nỗi đau đớn xé nát thịt da đó chị Cầu còn cảm thấy một sự tủi nhục vô cùng tận. Sự khổ đau đầu đời khiến chị muốn tự hủy thân mình. Bên cạnh chị, bây giờ, ông Thông đang nằm sãi tay, ngáy ồ ồ. Ngọn đèn dầu tuy mờ nhưng cũng đủ cho chị thấy cái thân thể nung núc mỡ, nhầy nhụa của ông Thông. Bên ngoài kia, gió không ngớt thổi và mưa đập dồn dập vào vách ván. Tiếng gào thét của gió, rên xiết của mưa càng làm tăng thêm nỗi đớn đau trong lòng chị Cầu. Chị nhìn lại thân thể mình. Chị càng cảm thấy ê chề hơn.

Chị Cầu sống trong nhà ông bà Thông, ban ngày chị làm việc quần quật dưới bếp, chuẩn bị thức ăn trong một cái khay, để trên một cái bàn con nơi ngưỡng cửa. Rồi chờ ông bà Thông ăn xong, chị mang cái khay cũng từ cái bàn đó trở xuống. Chị không được quyền bước lên nhà trên.

Bà Thông đã chuẩn bị nhiều chuyện. Bà đã dọ hỏi nhiều thầy thuốc nên biết những ngày cần thiết cho chị thụ thai. Bà hỏi ngày kinh của chị nên bà chỉ mang chị lên cho ông Thông khoảng một tuần trong tháng. Ban đầu chị Cầu không màng đến chuyện đó, nhưng dần dần chị cảm thấy một nhu cầu thâm sâu trong lòng chị. Sự sợ hãi ban đầu của chị không còn nữa, thay vào đó là sự náo nức trông chờ cái tuần lễ đặc ân của bà Thông.

Đêm đó, sau hai tuần lễ chờ đợi, chị Cầu đã bạo dạn hơn. Chị quên bẳng lời dặn của bà Thông. Chị và ông Thông đã hưởng thụ tận cùng chuyện vợ chồng. Khi chị rên xiết, quằn quại và ông Thông đang co rúm, ôm ghì chị thì bà Thông đột ngột mở tung cánh cửa. Bà xông vào hất tung ông Thông qua một bên và lấy roi quất tới tấp vào người chị. Tay roi, bà quất chị liên tục, còn miệng, bà chửi chị không biết bao nhiêu điều thậm tệ.

Đến khi ông Thông kéo được bà ra ngoài thì chị Cầu đã nằm rũ liệt. Chị bị một trận đòn nghiệt ngã trong giây phút vừa đạt được sung sướng tột cùng của một người đàn bà. Hôm sau, bà Thông chưa nguôi cơn giận.

Bà cho người vào đánh chị Cầu một trận nữa.

Sau đêm đó, chị Cầu không còn dịp nào gặp ông Thông. Bà Thông cho người canh chừng chị Cầu không cho ông Thông bén mảng đến gần chị. Rồi chính bà kiểm soát quần lót của chị vào những ngày cuối tháng.

Rồi những gì mà bà Thông trông đợi đã đến. Bà vui mừng khôn xiết khi biết chị Cầu thụ thai. Bà tin rằng lời tiên tri đã nghiệm. Chị Cầu thụ thai tức nhiên bà vừa toại nguyện lại vừa tránh được chuyện phải cho chị Cầu ngũ với ông Thông.

Cuộc đời nàng hầu của chị Cầu trở nên kiếp người ở đúng nghĩa. Chị chỉ còn bổn phận nấu ăn và hầu hạ ông bà Thông.

Ông Cật thẩn thờ buông cái kéo xuống. Ông nhìn lại, cây bonsai đã bị cắt trụi lủi. Trong lúc suy nghĩ miên man ông Cật đã cắt hết những nhánh ông phải tâng tiu để dành. Bây giờ cây bonsai chẳng còn hình thù đẹp đẻ gì nữa.

Ông chán nản nhìn qua cửa sổ. Nền trời vẫn xanh, mây vẫn trắng xám nhưng ông cảm thấy nặng trĩu trong lòng. Những chuyện của bảy mươi năm về trước, ông nghe kể lại, vẫn hằn trong tâm não ông.

Ông Cật quay nhìn cái điện thoại. Bây giờ ông thèm được nghe tiếng reng của nó. Chính ông dứt khoát gác ống nghe, nhưng rồi cũng chính ông là người mong mỏi ông Xuân gọi lại. Nếu ông Xuân gọi, ông không biết có đủ can đảm bắt buộc ông ta thực hiện điều kiện kia hay không.

Ông Cật ngồi phệt xuống ghế, mơ màng nhìn qua cửa sổ.

Vài tuần sau đêm đó những vết thương trên người chị Cầu cũng lành đi nhưng nỗi đau trong lòng chị không bao giờ nguôi được. Cái cảm giác tuyệt vời đêm đó vẫn hằn trong trí chị, nhưng chị đã thụ thai và cái thai đang lớn dần trong bụng chị. Bà Thông đã đạt được mục tiêu thì không còn lý do gì để chị gần gủi với ông Thông được nữa. Bà Thông bớt đối xử khắc nghiệt với chị. Bà cho người mua nhiều thức ăn chua và tất cả các món mà chị ưa thích. Ngoại trừ một chuyện, chị không được ngũ với ông Thông. Bà cho người canh chừng chị cả đêm lẫn ngày.

Thỉnh thoảng có những lúc bà Thông phải vắng nhà và đó cũng là lúc ông Thông bỏ sở làm, trở về nhà. Ông sai những người làm đi chỗ khác. Có khi ông vào bếp lúc chị đang lui cui thổi lò, có lúc chị đang rửa chén. Bất kỳ lúc nào, ông kéo chị ngay vào nhà tắm. Tội nghiệp chị Cầu, đời sống của một người vợ mấy thuở mới gặp người đàn ông mà chị xem là chồng. Chị đáp ứng ngay những gì mà ông Thông đòi hỏi. Chị hối hả đón nhận những rung cảm vợ chồng trong những tư thế bấp bênh, gấp

gáp. Thường thường trong những lúc như vậy, khi chị mới bắt đầu thì ông Thông đã xong cuộc.

Cuộc sống chị Cầu kéo dài như thế cho tới ngày chị sinh ra đứa con trai đầu lòng. Chị không có quyền đặt tên nó. Ông bà Thông đặt cho nó cái tên là Cật. Thật sự tên Cật là do bà Thông đặt cho đứa nhỏ. Ông Thông không tha thiết gì đến đứa con không phải dòng chính thức. Ông mặc cho bà muốn đặt tên thế nào cũng được. Thế là đứa bé mang tên Cật. Mẹ tên cầu, con tên Cật. Hai cái tên nghe chẳng êm ái chút nào. Tên như thế nào thì đời người như thế ấy. Mẹ bị đọa đày thì con cũng mang bao nỗi truân chuyên.

Bà Thông có vẻ thương yêu đứa nhỏ. Bà bồng bế nó suốt ngày. Bà tin theo lời tiên tri. Đứa nhỏ sẽ khích động tình mẫu tử, giúp bà có thể thụ thai và sinh nở. Do đó bà giữ đứa bé trong căn phòng ngày trước dành cho ông Thông và chị Cầu. Bà không cho phép chị Cầu bén mảng tới gần đứa bé. Bà bắt buộc chị gọi đứa bé là chú và xưng chị.

Chị Cầu không xem chuyện đó là buồn khổ nữa. Ngày nào chị còn thấy mặt đứa nhỏ, được chăm sóc cho nó là chị vui sướng, mãn nguyện. Sự hiện diện của đứa bé làm không khí trong gia đình trở nên êm ấm. Bà Thông bớt gắt gỏng vì đang ôm ấp mộng sinh nở còn chị Cầu được nhiều cơ hội săn sóc con. Phần ông Thông có được hai bà. Một người chính thức và một người thầm lén.

Thỉnh thoảng, có đêm ông Thông lần mò xuống bếp. Ông làm tình với chị Cầu trong cơn hồi hộp. Phần chị Cầu, ôm ấp ông trong sự lo lắng, thảng thốt. Chị phải tự bịt miệng mình, trân mình dồn nén cơn cảm xúc.

Rồi một năm trôi qua, bà Thông không thấy động tinh gì. Chẳng có dấu hiệu gì cho biết bà có thai. Sự tin tưởng vào lời tiên tri cũng phai nhạt. Bà trở nên cau có, gắt gỏng. Thế rồi thằng Cật bị tống xuống nhà bếp lúc vừa thôi nôi. Chị Cầu mừng lắm, hai mẹ con có nhiều dịp gần gủi nhau hơn.

Thế là thằng Cật lớn lên trong sự quên lãng của bố, thù ghét của mẹ, nhưng được lòng yêu thương thắm thiết của chị Cầu. Nó thương chị Cầu bằng tình yêu máu mủ của con đối với mẹ. Nhưng nó được mẹ dạy, phải gọi chị Cầu bằng chị. Tự thuở nhỏ thằng Cật không biết tại sao chị Cầu thương nó nhiều như vậy mà mẹ lại ghét bỏ nó. Cả ông Thông cũng thế, tuy ông không ghét thằng Cật nhưng ông chẳng chú ý đến nó.

Cho đến một ngày kia, khi thằng Cật lên năm tuổi thì mẹ nó mang bầu và sinh ra đứa em trai, tên là Xuân. Cả nhà đều mừng vui hớn hở. Và cũng từ đó cả nhà quên bẳng sự hiện diện của thằng Cật, ngoại trừ chị Cầu.

Thằng Xuân lớn lên trong sự cưng chìu, nâng niu của bố mẹ. Nhờ

thế, thằng Cật được hưởng phúc lây, ít bị ghét bỏ và ít bị đòn như xưa. Nhưng có một điều thằng Cật không bằng lòng là nó phải gọi đứa em là "anh". Nó và chị Cầu phải làm thêm công việc, giặt tả, hốt phân cho thằng Xuân. Thằng anh Xuân của nó càng lớn càng sinh ra nhiều chứng tật, phá phách, ham ăn... Bao nhiêu tội gây ra thì thằng Xuân chối biến, đổ thừa cho thằng Cật. Dĩ nhiên thằng Cật phải chịu đòn. Khi thằng Xuân muốn gì thì thằng Cật phải chìu theo ý anh. Thằng Cật phải làm bò cho anh cưỡi. Có lúc, thằng Xuân cưỡi lâu quá, tới khi Cật chịu không nổi thì máu đầu gối đã chảy ràn rụa.

Suốt quãng đời thơ ấu sống trong gia đình, thằng Cật không hiểu tại sao bố mẹ ghét bỏ nó mà thương thằng anh Xuân nhiều như vậy. Nó có hỏi chị Cầu thì chị ôm nó mà khóc. Chị không giải thích cho nó bất cứ chuyện gì. Đêm đến hai chị em ôm nhau ngũ, thằng Cật thường thấy chị Cầu ôm nó hôn rồi khóc. Nước mắt chị rơi ướt đẫm cả mặt nó.

Mặt trời đã lên cao. Nắng càng lúc càng chói chan nhưng không chiếu vào trong nhà nữa. Ông Cật nhìn trời và mây. Trời luôn xanh và mây vẫn trắng. Trời đất bao giờ cũng thanh bình và đầy khoan dung, độ lượng. Chỉ có con người không biết bao dung và thương yêu nhau mà thôi. Bất chợt ông cảm thấy mắt ông cay rồi nước mắt ứa ra nhòe nhoẹt hai bên má. Ông nghĩ đến mẹ ruột và người đàn bà mà ông phải gọi là mẹ. Ông không hiểu tại sao, lúc ấu thơ ông ngu đến như vậy, ông không biết gọi chị Cầu là mẹ.

Ông Cật đang suy nghĩ miên man chợt có điện thoại reo. Ông chồm tới nhấc ống nghe lên, từ bên kia đầu giây, giọng ông Xuân khàn đục:

— Chú Cật phải không? Tôi, Xuân đây.

Sau khi gác điện thoại ông Cật cứ cảm thấy xốn xang trong lòng. Ông vừa bực bội vừa luyến tiếc về chuyện đối xử có phủ phàng với người anh đã lâu năm không gặp. Bây giờ ông Xuân gọi lại, ông Cật cảm thấy vui trong lòng lắm, nhưng ông cứ giữ giọng nhát gừng:

— Anh Xuân đấy à! Anh đã suy nghĩ kỹ về lời đề nghị của tôi chưa?

— Bỏ qua chuyện ấy đi, chú Cật. Chúng ta có nhiều chuyện khác để nói với nhau mà.

Ông Cật vẫn hằn học nói:

— Anh không xem chuyện ấy là quan trọng thì chúng ta khỏi cần nói chuyện với nhau nữa.

— Chú Cật, từ từ đã...

— Này, anh còn cái sẹo trên trán không?

— Dĩ nhiên, cái sẹo vẫn còn trên trán tôi.

— Thế thì anh có nhớ vì sao anh có cái sẹo ấy không?

— Tôi vẫn nhớ, chú Cật à!

— Anh nhớ mà anh không xúc động sao?

Ông Xuân im lặng một lúc rồi nói với giọng buồn rầu:

— Lúc nào tôi cũng nhớ đến chú và... và... dì Cầu. Tôi hiểu bố mẹ đã quá khắc nghiệt với dì và chú.

Ông Cật vui vẻ nói:

— Được rồi, tôi sẽ đi gặp anh. Bây giờ anh cho tôi địa chỉ, tôi đi ngay.

Ông Cật lấy viết ghi lại số điện thoại và địa chỉ của ông Xuân. Ông bỏ tấm giấy vào túi, vội vả thay quần áo rồi đi ra bến xe bus.

Thằng Cầu lớn dần, hồn nhiên trong sự đọa đày của bố mẹ và tình thương của chị Cầu. Lúc thằng Cầu lên năm tuổi. Một đêm kia, đang ngũ, nó bỗng chiêm bao thấy chị Cầu là mẹ. Nó thảng thốt ôm chị Cầu và gọi... mẹ, mẹ. Nó kêu xong mới giật mình thức giấc. Trong bóng đêm lờ mờ, nó thấy chị Cầu ôm nó, hôn tới tấp vào mặt mũi và gọi nó là con, xưng mẹ. Chị Cầu nói như mê sảng nhưng nó biết chị không mê. Mắt chị mở lớn, ràn rụa nước mắt, nhưng miệng chị cười hớn hở. Thằng Cật cảm thấy sung sướng quá, nó tiếp tục gọi chị Cầu là mẹ và ôm hôn chị. Nó cảm thấy nước mắt chị Cầu mặn trên môi và trong miệng nó. Hai mẹ con cứ ôm nhau vừa kêu vừa khóc cho đến khi mệt quá, ngũ thiếp đi.

Từ đó, chị Cầu dặn dò thằng Cật cẩn thận. Hai người chỉ được gọi nhau là mẹ con khi đêm đến, vào giường. Còn ban ngày, thằng Cầu phải gọi chị Cầu là chị, xưng em. Còn chị Cầu phải gọi nó là chú, xưng chị.

Thằng Cật tuy nhỏ, mới năm tuổi nhưng khôn lắm, nó nhớ lời chị Cầu dặn và tuyệt đối làm theo. Trước mặt mọi người hai người xưng hô chị em, nhưng không có ai thì gọi nhau là mẹ con. Chị Cầu dành thức ăn ngon cho thằng Cật ăn trước từ dưới bếp. Nó ăn trước cả bố mẹ. Do đó thằng Cầu mới năm tuổi mà to cao như đứa trẻ lên chín hay mười. Nó có thể kéo nước giếng và xách nước cho chị Cầu. Ngày qua, thằng Xuân lớn lên, thằng Cật cũng lớn rất nhanh. Nhưng ông Thông bị bệnh và yếu dần. Thằng Cật không biết bố nó bị bệnh gì. Nó chỉ thấy ông ho cả ngày lẫn đêm, người ốm hốc hác.

Khi thằng Cật được bảy tuổi và Xuân vừa lên hai. Bệnh ông Thông càng nặng hơn. Một hôm Cật đang còng lưng kéo cái thùng gỗ đựng đầy nước ra khỏi bờ giếng, thì có tiếng la thất thanh phía sau. Cật quay lại thấy thằng Xuân lăn nhào xuống bực thềm. Chị Cầu đang đút cơm cho nó, vội bỏ bát cơm xuống đất, chạy bổ lại. Cật cũng buông thùng nước, lao mình tới để cứu anh. Nhưng hai mẹ con không đỡ kịp và thằng Xuân đã đập đầu vào thềm nhà. Máu nó chảy xuống ướt cả mặt. Chị Cầu chạy đến giữa sân thì Cật đã xốc thằng Xuân lên rồi. Thằng bé khóc ngất, vừa la

vừa dẫy giụa. Máu trên trán thằng Xuân cứ tuôn ràn rụa xuống mặt nó. Cật hoảng hốt, miệng la, tay đè lên vết thương thằng Xuân.

Trong lúc chị Cầu và thằng Cật đang kinh hoàng thì mọi người trong nhà chạy ra. Ông Thông bế thằng Xuân lên, cho người chạy kêu thầy thuốc. Bà Thông vừa khóc vừa lấy khăn lau máu cho thằng Xuân. Tuy máu ra nhiều nhưng thằng Xuân vẫn tỉnh táo, không ngớt kêu khóc. Biết con không bị nặng lắm bà Thông để thằng Xuân cho ông Thông săn sóc. Bà nhìn Cật một cách giận dữ. Bà nghĩ thằng Cật không chịu trông chừng anh hay nó cố tình xô thằng kia té. Dù lý do nào đi nữa bà Thông cũng cho là thằng Cật gây ra tội. Bà không nói không rằng, liền rút cây roi vừa to vừa dài, đập túi bụi vào đầu, vào cổ thằng Cật. Bà đứng trên bực thềm, còn Cật đứng dưới sân nên bao nhiêu đòn roi đều đánh trúng vào đầu và vai thằng Cật.

Bà Thông đánh quá mạnh khiến Cật té lăn xuống sân gạch. Nó ôm đầu, cuộn người lại để tránh đòn nhưng bà Thông vẫn đánh tới tấp. Bà vừa đánh vừa la hét còn thằng Cật hết lăn qua bên này lại trở qua bên kia. Dù nó cố tránh như thế nào đi nữa, cây roi của bà Thông vẫn không buông tha nó. Bao nhiêu sự tức tối của bà đều trút qua cây roi. Bà đánh thằng Cật càng lúc càng say máu. Một lúc sau, áo thằng Cật rách tơi tả. Máu trên đầu, mặt, và người nó bắt đầu tươm ra.

Không thể chịu nổi cảnh tượng đó, chị Cầu khóc thét lên, lao đến, phủ chụp lên người thằng Cật. Chị ôm Cật vào lòng, đưa lưng đỡ đòn roi của bà Thông. Thằng Cật không khóc và không kêu la chút nào. Nó cắn răng chịu đau. Nó không khóc nhưng chị Cầu khóc và kêu gào van xin bà Thông buông tha.

Giữa sân gạch rộng chỉ có hai mẹ con chị Cầu ôm nhau nằm phủ phục. Bao nhiêu người làm khác đều đứng dạt ra chung quanh. Bà Thông sai người lôi chị Cầu qua một bên, đổi cây roi khác, rồi tiếp tục quất thằng Cật tới tấp. Bây giờ, thằng Cật không cựa quậy chút nào nữa. Nó nằm im, không biết còn sống hay đã chết.

Trên thềm nhà, thằng Xuân đã được băng bó đàng hoàng. Nó đang chen mọi người, nhô đầu ra xem cảnh tượng ngoài sân.

Bà Thông thấy thằng Cật không nhúc nhích nữa, bà sợ nó chết nên tay roi chùn lại. Bà đánh nhẹ dần đi. Phần thằng Cật đau muốn ngất lịm đi nhưng nó không xỉu. Nó giả vờ nằm im giả chết. Trong óc nó, bấy giờ chỉ suy nghĩ một điều là làm sao giết được bà Thông cho hả giận. Nó nhủ lòng, khi lớn lên thế nào cũng xách dao chém chết bà Thông để trả hận thù.

Lợi dụng lúc bà Thông bắt đầu nguôi giận, chị Cầu vùng vẫy thoát khỏi tay mấy người làm, chị nhào đến ôm thằng Cật, kêu khóc thảm thiết.

Chị gào lên:

— Tội nghiệp con tôi, ối giời ơi, có ai cứu cho con tôi.

Bà Thông trợn mắt lên, thét lớn:

— Mày dám xưng hô như thế à! Bà đã bảo mày như thế nào?

Bà Thông vừa thét vừa chuyển cây roi qua tay kia, quất tới tấp vào đầu chị Cầu. Lần này thì bà đánh với hết sức mạnh, cây roi quất "vùn vụt", "tron trót". Chị Cầu chịu không nổi, ngã lăn ra sân. Bà Thông chồm người tới trước, đánh không ngừng nghỉ. Cây roi đánh tới đâu, quần áo chị Cầu rách tả tơi đến đó. Những lằn roi in hằn dấu rướm máu trên da thịt chị Cầu càng làm cho bà Thông dữ dằng hơn. Bà như con thú say mồi, nhất quyết dằn vật chị Cầu cho đã nư giận. Ban đầu chị Cầu còn kêu la, sau đó chỉ rên xiết nho nhỏ.

Đột nhiên thằng Cầu đang nằm yên trên sân gạch, vụt đứng dậy. Người nó bé xíu, dính đầy máu, nhưng thật lanh lẹ, nó lao đến húc vào bụng bà Thông. Nhưng sức nó chẳng được bao nhiêu, bà Thông gạt nó té văng về phía chị Cầu. Bây giờ hai mẹ con chị Cầu chỉ còn một cách là ôm nhau mà chịu đòn.

Bà Thông đánh một hồi có vẻ mỏi mệt, tay roi lơi dần. Ông Thông gạt phăng đám người làm, bước tới giật cái roi trong tay bà Thông rồi đẩy bà vào nhà trong.

Sau trận đòn nghiệt ngã đó, ông Thông gởi thằng Cật cho một người bạn nuôi. Nó bị mang đi trong lúc đau đớn, hôn mê. Kể từ đó nó không gặp chị Cầu nữa. Sau đó, bệnh ông Thông trở nặng. Trước khi chết ông cho phép chị Cầu được trở về nguyên quán.

Sau này Cật tìm về quê mẹ thì chị Cầu đã chết vì bệnh. Cật bỏ học nửa chừng rồi vào quân đội. Năm 1954 thì Cật trốn được vào Nam. Đến năm 1975, Cật bỏ chạy sang Mỹ. Còn Xuân được bà Thông cho học thành tài, đỗ đạt bác sĩ. Xuân hành nghề mát tay, giàu có. Lập gia đình có được bốn con, hai trai, hai gái. Xuân sống một đời sung túc và hạnh phúc. Còn bà Thông sống rất thọ. Đến năm 1982 bà mới mất. Lúc ấy bà được tám mươi tuổi.

Ông Cật bước ra khỏi phòng, đi dài theo hành lang ra khỏi khu chung cư người già. Ông vừa đi vừa ngước nhìn trời. Màu trời vẫn xanh và mây vẫn trắng, nhưng trời mù, ông Cật lẩm bẩm. Ông không tin cái câu: ở hiền gặp lành, ở ác gặp dữ. Chẳng lẽ nhân dân Việt Nam nghèo khổ, cơ cực đều toàn là những người ngày xưa ở ác hay sao. Tại sao có những người phải chịu hi sinh cả một đời như chị Cầu, mẹ ông, cho cuộc đời của những người khác.

Ông Cật cúi gầm mặt, lầm lũi đi. Ông không muốn nhìn trời nữa.

Trăng sáng vườn thu
TƯỜNG VI

Trăng sáng vườn thu, trăng nhớ ai
Sương khuya bàng-bạc nỗi u hoài
Cánh chim lạc bạn bay mòn-mỏi
Đêm vắng, trời cao, gió thở dài.

Dãy núi bên kia gợn khói sầu
Bên này bờ nước vỗ thương dau
Chờ ai, thôi hết, chờ ai nữa,
Gói ghém tình sâu đến kiếp sau.

Ý thu
HOÀNG BÍCH ĐÀO

Có ai gõ cửa mùa thu
Mà nghe ngưng bặt tiếng ru ngõ ngàng
Có ai mở lối cỏ vàng
Mà nghe hoa cúc thơm hàng đậu xưa
Có ai dệt những sợi mưa
Mà nghe trời sắp đong đưa cầu vồng
Có ai gửi nắng qua sông
Mà nghe lạnh lẽo về trong tâm hồn
Có ai khép cửa hoàng hôn
Mà nghe gió khóc về chôn chiều vàng
Có ai lỡ chuyến đò ngang
Mà nghe thơ thẩn du vang thở dài
Có ai giấu nỗi u hoài
Mà nghe thấp thoáng một vài ý thu.

Ông cố gắng rèn luyện từ tâm, tập biết tha thứ. Cũng may, ông Xuân, người anh bất đắc dĩ của ông đã gọi chị Cầu, mẹ ông, bằng hai tiếng "dì Cầu". Ông cảm thấy như thế, cũng đủ. Phần đời ông xem như đã chung cuộc. Còn mẹ ông, cả một đời bị đọa đày, bây giờ ông xin được hai chữ, để phục hồi vị thế của mẹ, "dì cầu".

Hai tiếng "dì Cầu" mà khó nói đến như vậy. Ông Cật vừa đi vừa lẩm thẩm nói với chính ông. Trời nắng chói chan, soi cái bóng ông cụt ngủn trên đường. ❐

vĩnh hảo

Tên thật: Vĩnh Hảo

Bút hiệu: lấy tên thật làm bút hiệu.

Năm và nơi sinh: 30-11-1958 tại Nha Trang.

Nguyên quán: Vỹ Dạ, Phú Vang, Thừa Thiên.

Vượt biển đến Thái Lan 1987, định cư Hoa Kỳ 1988. Hiện sống tại miền Nam California.

Tác phẩm đã xuất bản:

- *Mẹ, Quê Hương và Nước Mắt*, truyện ngắn (Hoa Cau xuất bản 1989, Chiêu Hà tái bản 1994).
- *Núi Xanh Mây Hồng*, truyện dài (Alpha xuất bản 1991).
- *Biển Đời Muôn Thuở*, truyện ngắn (Chân Nguyên xuất bản 1992).
- *Thiên Thần Quét Lá*, truyện ngắn (Chiêu Hà xuất bản 1993, tái bản 1995).
- *Phương Trời Cao Rộng*, truyện dài (Chiêu Hà xuất bản 1993).
- *Sân Trước Cành Mai*, tạp bút (Chiêu Hà xuất bản 1994).
- *Bụi Đường*, truyện dài (Chiêu Hà xuất bản 1995).

Trả lời Văn Học:

1. Sống trong một hoàn cảnh mà thì giờ vốn hiếm hoi và văn chương chữ nghĩa vốn là món hàng xa xỉ, điều gì đã thúc đẩy anh chị đi vào/tiếp tục đi vào lãnh vực văn chương?

Cái gì mình mê thích thì tự dưng phải có thì giờ cho cái đó. Không có ý cưỡng lại nỗi đam mê thì bị chính nó thúc đẩy.

Cái gì xa xỉ thì có cũng được, không có cũng không sao. Văn chương chữ nghĩa, như có người nói, giống như hơi thở, nên không phải là thứ xa xỉ. Chỉ có quay lưng với văn chương chữ nghĩa mới là thái độ xa xỉ mà thôi.

2. *Anh/chị viết về cái gì? Viết như thế nào? Viết cho ai đọc?*

Tôi viết về con người!

Viết như thế nào nghĩa là sao? Kỹ thuật viết? Hoàn cảnh viết? Thói quen khi viết? Sở trường, sở đoản?

Tôi viết suốt ngày, suốt đêm, trong khi làm việc, trong khi ăn, trong khi đi bộ, lái xe... thậm chí trong giấc ngủ. Viết trong đầu thôi. Khi nào chín mùi mới viết ra thành văn, thành lời và khi viết thì viết rất nhanh, viết say sưa, quên hết mọi thứ chung quanh. Cho nên có khi mấy tháng không viết chữ nào, có khi mấy tháng chỉ tập trung vào mỗi một công việc là viết.

Tôi không chú ý nhiều đến kỹ thuật, bút pháp, thể loại... Nếu có chăng một thứ chủ đề hay thể loại nào tôi thường sử dụng để hoàn thành tác phẩm của tôi thì đó là chủ đề và thể loại thích hợp, khiến tôi thấy thoải mái trong khi viết, chứ không phải vì chúng là chỗ sở trường.

Tôi viết cho con người đọc.

những ván cờ

vĩnh hảo

Đánh cờ tướng là một trò tiêu khiển thú vị lắm. Dàn binh bố trận, đưa quân mình sang xâm lấn nước người, đánh cho tan tác đội ngũ của đối phương, đánh cho tướng địch phải chắp tay đầu hàng. Vừa công vừa thủ, tiền quân hậu quân phối hợp chặt chẽ, chặn đánh quân thù trên từng tấc đất. Lúc thì xe pháo công thành, khi thì tốt ngựa bắt tướng; lúc thì thương tiếc quân sĩ, bảo vệ cả con tốt mọn, khi thì thí mạng bỏ cả xe tượng để giữ lấy chủ soái tối cao. Chẳng lúc nào là không thú vị.

Nhưng thú nhất là khi thắng. Vì thắng thì có thể vỗ đùi đánh đét một cái để tự ban thưởng sách lược chinh đông chinh tây tài ba của mình. Ngoài ra, còn là để mục kích cái đau khổ của kẻ đại bại. Còn thua ư? Ồ, quê lắm. Hai khóe miệng tự nhiên chảy xệ xuống, không sao nhích lên nổi. Nhưng cũng

phải rán cười, vì không cười thì có vẻ như muốn mặc nhiên thừa nhận mình dở mà cũng là tự công nhận cái tài giỏi của *thằng khỉ* đối phương đáng khét đang cười hí hửng ngay trước mặt. Nếu không cười gượng được thì cũng nói đôi lời vớt vát, chẳng hạn "tại tui sơ hở để chết mất con xe" hoặc, "tại tao lo tấn công quá nên quên thủ con tướng". Cười không nổi, nói không được, im lặng cũng chẳng xong thì chỉ có nước xách bàn cờ mà đập cho đối phương một trận. Em rượt anh, cha đuổi con có khi cũng chỉ vì thua một ván cờ (làm như thể đánh cờ với anh với cha thì phải làm bộ thua hoài vậy!). Sự thắng bại trong một bàn cờ có thể làm thay đổi nhiều thứ.

Tôi không phải là kẻ đánh cờ tướng chuyên nghiệp. Tôi chưa hề bỏ công để học cờ thế. Tôi biết đánh cờ, vậy thôi. Nhưng, có thể nói là do đánh cờ nhiều năm mà tôi có chút kinh nghiệm trong thế công cũng như thế thủ để bày được những ván cờ không mấy tệ. Đánh với kẻ cao tay thì dù thắng hay bại tôi cũng học được những nước hay; còn đánh với kẻ thấp cờ, tôi có được cơ hội để thí nghiệm những nước cờ táo bạo mà tôi chưa dám áp dụng với kẻ ngang cơ hay trên cơ mình. Nhưng trong suốt mười mấy năm, kể từ khi bắt đầu tập đánh cờ — lúc mười tuổi — chỉ có hai lần đấu cờ làm tôi nhớ đời. Hai lần đó đều là những bài học ý nghĩa và thú vị cho tôi. Những bài học này không nằm trong thế cờ mà nằm ở cái tâm. Đúng, cái tâm của người đánh cờ.

Lần thứ nhất xảy ra vào năm 1981, lúc tôi hai mươi hai tuổi. *Đối thủ* của tôi — phải sòng phẳng mà gọi như vậy — là một vị Thượng tọa lãnh đạo giáo hội Phật giáo có tiếng tăm. Trong khi chờ đợi thầy tôi (đi vắng chưa về), Thượng tọa bảo tôi bày cờ ra. Nghe danh ông, tôi đã thấy *khớp* rồi, nói chi dùng trí mà đấu với ông, dù chỉ là qua những quân cờ. Nhưng đánh thì cứ phải đánh. Trận địa, nếu không bày thì thôi, bày thì phải đánh và đánh thì phải đánh để thắng, không thể nương tay. Vài nước dọ dẫm, tôi lấy được tự tin rồi tấn công tới tấp. Quân tôi ồ ạt sang sông, bắt con tốt, chụp con xe, phá đại pháo, không chừa một mạng. Thành không cung trống, quân tôi ba mặt vây kín, bắt bí tướng già trong tướng phủ. Ông cười vang, khen rằng: "Khá lắm, khá lắm!" rồi bày ván khác. Tôi tự hỏi: "Sao lại có thể dễ dàng như vậy? Nghe nói ông là một trong các vua cờ mà... hay là ông thả mình ván đầu?" Nghĩ vậy, tôi dè dặt và bắt đầu lưu ý cách đánh của ông. Nước cờ của ông thật là kỳ quái. Mỗi con cờ mang cả sức mạnh của sự im lặng chịu đựng, con trước con sau hòa hợp nhịp nhàng trong một khối đồng nhất nhưng lại đa dạng, biến hóa. Ông dụng cờ trong thế thủ, nhưng thế thủ đó lại chính là thế công, chặt chẽ, kỳ bí, lúc ẩn lúc hiện, khi tấn khi thối, không nước nào mà không chứa đựng tiềm lực của sự chinh phục, cảm hóa. Thế đi của ông như nước chảy, như

mây trôi, trong khi lối đánh của tôi như lửa chụp, như núi đổ. Chận bắt, phủ đầu, tôi đuổi theo ông như cọp vồ rồng. Ông ung dung tự tại đưa đi những quân cờ khoáng đạt, bao dung; tôi hùng hổ, háo thắng đẩy tới những tinh binh hung tợn. Và cuối cùng, tôi lại thắng; thắng một một cách không ngờ; thắng trong sự ngỡ ngàng, kinh dị. Tôi muốn nhìn lại thế cờ tàn trước mặt nhưng ông đưa tay xóa đi và nói: "Khá lắm, con lại thắng thầy rồi!" Nhưng, không thấy có dấu hiệu gì trên nét mặt ông cho thấy ông bị thua hai ván. Mắt ông sáng lên và ông buông một tràng cười sảng khoái y như khi người ta vừa làm được một điều gì đắc ý trên đời. Tôi lui về phòng riêng mà thất thần, giao động. Không, tôi không thắng gì cả. Tôi như một đấu thủ quyền anh đấm vào hư không những cú đấm thôi sơn cực mạnh; và những cú đấm không có đối tượng đón nhận đó chỉ làm cho kẻ đấm thêm mệt nhọc, khó thở mà thôi. Không thể đón bắt được hư không; không thể thắng được sự tịch lặng bằng những âm thanh thịnh nộ; không thể chinh phục được cái *không* bao la bằng cái *có* nhỏ mọn. Và, không thể thắng được một cái tâm rỗng, sáng.

Tôi hầu như bỏ cờ tướng từ lúc đó. Nhưng bốn năm sau, ở trong tù, thời giờ rộng rãi, tôi bắt đầu đánh cờ lại cho khuây khỏa. Trong phòng giam hơn sáu mươi người, tôi không gặp tay cờ nào ngang sức. Tôi chịu khó đánh cờ với cả những người mới tập chơi và đôi khi tôi thua họ mà lòng tôi vẫn hững hờ như không. Đến đầu năm 1986, tôi mới gặp được đối thủ của tôi. Và đây chính là lần đấu cờ thứ hai mà tôi nhớ mãi trong đời.

Ông ta ở vào tuổi bốn tám hay bốn chín (có người đoán là trên năm mươi), nhưng trông mặt thì còn trẻ lắm. Ông bị giam ở phòng 6, bị các bạn cùng phòng trùm mền đánh cho một trận vì tội làm *ăng-ten*, tức là tội làm công việc báo cáo mọi sinh hoạt của phòng giam cho cán bộ trại. Lá bài ăng-ten bị lộ ở phòng 6, ông được cán bộ chuyển qua phòng 7 chúng tôi. Sự liên lạc qua lại giữa phòng 6 và phòng 7 rất dễ dàng, vì vậy, phòng chúng tôi nhận ra nhanh chóng tín hiệu của một cây ăng-ten mới. Ông được đón chào và tiếp xử một cách không mấy thân thiện cũng vì lẽ đó. Tuy nhiên, ông cũng tỏ ra là kẻ khoe khoang, khoác lác ngay từ những ngày đầu mới nhập phòng nên được đặt cho biệt danh là ông *Bô* (cái miệng nói bô bô) chứ tên thật của ông là Dự. Ngoài biệt danh Bô, hai yếu tố khác làm nổi bật cá tính của ông là: thứ nhất, sĩ quan Quân Lực Việt Nam Cộng Hòa, chức vụ thiếu tá, binh chủng không rõ ràng (lúc thì Thủy quân lục chiến, lúc thì Pháo binh, lúc thì Bộ binh, chẳng biết đâu mà mò); thứ hai, vô địch cờ tướng của trại giam B5, Biên Hòa. Ông có là vô địch cờ tướng của trại giam hay không thì phòng 7 này cũng chưa xác định được vì ông mới vào đây lần đầu; còn ông có là sĩ quan thứ thiệt hay không thì chỉ có cán bộ trại giam mới rõ mà thôi. Tôi thì nhận thấy mấy anh sĩ quan

Cộng Hòa thực sự thì ít khi nào đi rao với bạn đồng phòng rằng mình là sĩ quan cả, trừ khi gặp kẻ tâm đầu ý hợp. Cho nên chuyện ông là sĩ quan này nọ, xuất thân từ đâu, chẳng làm tôi quan tâm lắm. Nhưng chính cái đại danh *"vô địch cờ tướng của trại B5"* đã cho tôi chút hứng thú để lưu ý tới ông ta. Một cái gì đó ngủ yên trong tôi bị đánh thức dậy.

Trong vòng mấy ngày đầu tiên vào phòng, ông Dự đã dọ hỏi ngay những ai là người cao cờ nhất phòng. Người ta nói chỉ có vài cao thủ thôi, trong đó có tôi. Ông đã tìm được đủ cơ hội để ra chiêu dằn mặt những cao thủ đó và cũng đã chứng tỏ cái chức vô địch cờ tướng của ông không phải là ngoa cho lắm. Nhưng ông và tôi vẫn chưa có dịp đấu cờ với nhau. Trong khi tôi đang đánh cờ với người khác, thỉnh thoảng ông đến gần, im lặng quan sát. Tôi chỉ ngang cờ với những kẻ thấp nhất mà ông chấp cả xe pháo ngựa — có lẽ đó là nhận xét của ông khiến ông chưa có ý rủ tôi đấu cờ. Những tay cao cờ ít khi chịu hạ mình hay tốn thì giờ để đánh với kẻ mới tập chơi vì làm như vậy sẽ hư nước cờ. Tuy vậy, những người trong phòng vẫn cứ thừa nhận tôi là một cao thủ. Điều này khiến cho *nhà vô địch* hiếu kỳ, háo hức muốn đọ trận với tôi. Tôi bắt được cái nôn nả, bồn chồn của ông trong nhiều ngày. Ông nghĩ là tôi sẽ như những tay chơi cờ khác: ước mong được tiếp cờ với một vô địch (để học hỏi thêm hoặc nếu may mắn, biết đâu lại đoạt giải vô địch), nên ông chịu khó chờ tôi. Nhưng phần tôi, tôi biết sẽ có lúc ông tự mở lời thách đấu với tôi. Và tôi cứ chờ đợi ông.

Cái dịp đó đến vào dịp Tết Bính Dần, 1986. Ông Dự đứng ngoài *gà* — mách nước — cho một đối thủ của tôi (đây là cách để dọ nước cờ của tôi mà chẳng thiệt thòi gì cho ông nếu lỡ thua). Tôi đánh thắng và ngay lúc đó, tôi muốn ông cắn câu, tôi đùa với đối thủ của mình, làm như không biết có ông đứng bên cạnh:

"Thấy chưa, nước đó thắng là thắng, dù có Đế Thiên Đế Thích xuống cũng gỡ không nổi nói chi người phàm!"

Nghe vậy ông chen vào, đẩy đối thủ của tôi sang bên, nói với giọng ra vẻ tự nhiên:

"Mày dở quá, để tao đánh thử với ông thầy này coi."

Rồi ông tự động sắp cờ, mắt chẳng nhìn tôi:

"Thử vài ván đầu năm nhé ông thầy?"

Tôi chỉ cười và sắp cờ. Ông tự ý bỏ một pháo một ngựa của ông ra ngoài, chấp tôi. Một sự khinh địch thái quá. Tôi nén bất bình. Tôi biết nếu tôi đánh cờ với một cái tâm đầy tự ái và tức giận, tôi sẽ không thắng được ai, tôi nói:

"Tôi nghĩ là chú chấp tôi thêm con xe nữa mới ngang cờ đó."

"Con xe nữa? Giỡn hoài, ông thầy cũng thuộc loại khá, tôi đâu dám

bỏ xe. Hay là để thử vài ván rồi hãy tính, nhé!"

Trong phòng, người ta thấy ông đấu cờ với tôi liền tụ lại, xầm xì:

"Cao thủ gặp nhau rồi."

Nhiều người còn quảng cáo to hơn:

"Đến coi, đến coi! Kỳ phùng địch thủ. Tranh giải vô địch cờ tướng trại B5."

Nhờ trống pháo ngựa mà xe ông tiến nhanh, tấn công chớp nhoáng. Biết ông sở trường nơi cặp xe, tôi tập trung hai pháo hai ngựa của mình để *hạ* hai con xe của ông. Ông thua ván đầu, mất cả bình tĩnh. Ván kế tiếp ông cũng thua nốt, nóng nảy nói:

"Thôi đánh đồng đi, không chấp nữa!". Rồi ông lượm con pháo con ngựa ở ngoài vào. Hai ván kế tiếp đánh đồng mà ông vẫn cứ thua. Cả phòng giam la hét cổ võ tôi:

"Ông thầy hạ vô địch cờ tướng rồi!"

Ông tiếp tục sắp ván cờ khác nhưng đã đến giờ phát cơm, phải nghỉ. Ông miễn cưỡng rời bàn cờ để đi lãnh cơm. Bưng cơm đến chỗ tôi, vừa ăn ông vừa nói:

"Bữa nay tôi không được khỏe lắm. Hơn nữa tại tôi dễ ngươi, khinh địch nên thua. Chốc nữa ta lại bày ván khác nhé?"

"Đánh thì đánh. Mình rảnh rỗi mà, đánh cho đỡ buồn."

Tôi cười đáp ngay, không suy nghĩ, không từ chối. Ông đánh cờ rất hay, đánh với ông hào hứng lắm. Kể từ nhiều năm rồi, tôi ít khi nào thấy cao hứng với cờ tướng như khi được đánh với ông.

Thấy tôi đồng ý rồi, ông quay đi chỗ khác. Chờ ông đi rồi các bạn tù quanh tôi mới nói:

"Ông thầy đánh thắng tay nghe, cho ổng biết mặt. Vô địch, hứ, kỳ này cho chừa cái tật nói trạng nói dóc."

"Phải cho hắn biết thế nào là phòng 7!"

"Ông thầy mà hạ được hắn dài dài thì phòng 7 mình đoạt chức vô địch B5 đó."

"Hạ rồi, hồi nãy hạ xính vính rồi!"

Tôi im lặng quan sát chính nỗi lòng mình. Cái háo thắng của tôi chưa chết. Cái tôi nhỏ mọn này đang có vẻ đắc ý với những thắng lợi tầm thường. Danh dự của tôi, danh dự của phòng 7, đó là cái gì nhỉ? Nhưng, trong ván cờ, không ai mong đợi sự bại trận. Đấu là để phân định sự cao thấp, thắng bại. Người ta chỉ có thể vui lòng thua trong một trận đấu mà chính mình cho phép và trường hợp này chỉ có thể xảy ra khi họ thương hay nhường nhịn đối thủ, hoặc coi đối thủ như một kẻ tầm thường không đáng để so tài. Nhưng đối với một đối thủ cao cơ, tự đại, sự cho phép đó có vẻ như bất khả. Tôi phải thắng, đó là ý muốn tự nhiên. Thắng được

một kẻ vô địch khoác lác lúc nào cũng tự xưng mình *bách chiến bách thắng* là điều nên làm. Tôi hầu như quên mất mình là một tu sĩ.

Bàn cờ lại được bày ra. Sáu mươi mấy người trong phòng giam đều ủng hộ tôi, xúm xít quanh bàn cờ hoặc tụm năm tụm ba bàn tán, chờ đợi kết quả. Mọi sinh hoạt khác trong phòng giam đều trở nên thứ yếu. Tất cả đều như tập trung vào cuộc đọ sức lý kỳ trên bàn cờ. Ông Dự trở thành một chiến sĩ cô đơn, nhưng tôi có thể đọc thấy sự quyết tâm của ông hiện rõ trên nét mặt.

Phải công nhận là nước cờ của ông thật lão luyện. Không nước nào thừa, không nước nào lầm lỗ. Quân ông tiến nhanh như vũ bão giành thế chủ động. Quân cờ ông vùng vẫy ngang dọc như những hổ tướng tàn bạo, chém giết chẳng nương tay. Ông vây chặt cung cấm của tôi với sự phối hợp tinh diệu của các cánh quân lạnh lùng, vô cảm. Và tôi nhìn rõ, thật rõ, vẻ sắt máu dữ tợn trên những quân cờ màu đỏ của ông. Ông là một tay tinh tường về cờ thế. Vừa đánh ông vừa hô to tên những thế cờ y như người ta hô khẩu lệnh để điều binh ngoài trận địa. Điều này sẽ bất lợi cho ông nếu tôi cũng sành về cờ thế và binh pháp. Nhưng ông biết rõ tôi chẳng am tường gì về nó cả nên ông dùng nó để áp đảo tinh thần tôi, vừa để chứng tỏ ông đánh có bài bản, có kỹ thuật chứ không đánh một cách tài tử, lơ mơ như tôi. Tôi chẳng biết là tôi đã bày những thế trận gì. Có lẽ trong sách cờ thế không có tên gọi cho các nước cờ của tôi. Tùy theo thế công của ông mà tôi thủ, tùy theo chỗ hở của ông mà tôi phản công. Tôi đánh trong thế bị động, ứng biến. Cờ ông cao thì tôi cao theo, cờ ông thấp thì tôi thấp theo. Vì thế, cả ông lẫn tôi đều không ngờ là đôi lúc tôi lại có những nước cờ kỳ quặc, lạ lùng nhưng uyển chuyển và không kém phần bí hiểm. Tôi sực nhận ra rằng trước đây vị Thượng tọa kia đã từng đem cách đánh *vô chiêu thức* này để đánh với tôi. Sự khám phá đó làm tôi thích thú, hứng khởi. Nhưng chính cái hứng khởi này đã lấn áp ý niệm hơn thua trong tôi. Tôi rơi vào trạng thái mặc tình, tha hồ (*nhậm vận* — một thuật ngữ của Thiền học), bỏ mặc tất cả với một cõi lòng thênh thang, sảng khoái. Tôi thấy trước mắt mình, chính cái bàn cờ với những ô vuông ngăn chia hai cõi hai nước, một cánh đồng bát ngát mở ra dưới vòm trời cao xanh phảng phất những sợi mây trắng mỏng. Qua những cành lá xanh um của hai hàng cây chen bóng nghiêng ngã bên bờ sông tĩnh lặng, gió từ đâu kéo đến, đưa lên mùi hương ngai ngái êm nhẹ của ngàn hoa nội cỏ.

Tôi thua ván cờ đó. Cả phòng la ó, có ý trách tôi chểnh mảng. Họ nói, lý ra tôi phải thắng; từ thế thắng tôi đã rơi vào chỗ bại một cách vô lý.

Ván thứ hai cũng vậy, sắp thắng tôi lại thua. Ông Dự có vẻ đắc ý lắm nhưng vẫn chưa thỏa dạ. Ông hăm hở sắp ván khác rũ tôi đánh tiếp. Tôi

từ chối. Anh trưởng phòng 7 kéo tôi lại một góc phòng, nói hành nói hẹ:

"Ông thầy thả hắn ta hả? Sao sắp thắng rồi lại thua? Ông thương hại hắn ta phải không? Làm ơn làm phước đánh đàng hoàng giùm tôi đi. Ông phải nhớ rằng danh dự phòng 7 đặt vào tay ông đó. Đánh lại đi."

Nhiều người khác cũng xúm lại, thúc đẩy tôi. Ai cũng nhắc đến danh dự của phòng 7. Tôi trở lại bàn cờ. Ông Dự vẫn còn ngồi đó như muốn tận hưởng niềm vui của sự chiến thắng. Thấy tôi trở lại, ông hiểu ý ngay và sốt sắng sắp bàn cờ khác. Tôi im lặng ngồi xuống, cầm cờ. Lần này, tôi xua quân ào ạt, mũi tiến quân nhọc hoắc như dao găm, chọc thủng mọi thành trì, phá tan quân cấm vệ, xông vào bắt tướng. Một ván, hai ván, ba ván, rồi bốn ván, tôi đều thắng. Thắng vẻ vang. Thắng vì danh dự của phòng 7. Cả phòng reo hò tán thưởng, ca khúc khải hoàn. Ông Dự méo mặt đau khổ, rút về góc phòng. Tôi cũng im lặng rút về một góc. Tự nhiên thấy buồn.

Người ta thường nhân danh tập thể này để áp đảo, đánh bại tập thể khác. Nhưng thực ra, tập thể chỉ là một danh từ rỗng tuếch; nó chỉ là sự gá hợp gượng gạo của nhiều cái bản ngã nhỏ nhen. Những bản ngã nhỏ nhen này vì không chịu giam mình trong cái vỏ hạn hẹp, đã tự đồng hóa mình vào cái tập thể lớn hơn để thỏa mãn nhu cầu vùng vẫy chiếm hữu của nó. Danh dự của một tập thể chỉ là danh dự của cá nhân phóng đại ra chứ không gì khác. Cho nên, khi chiến thắng hay thất bại, tập thể vẫn cứ là tập thể, chỉ có từng cá nhân riêng lẻ kia mới thọ nhận được hạnh phúc hay đau khổ mà thôi. Nỗi khát khao hay ước vọng của tôi nhân danh một tập thể vẫn cứ là khao khát hay ước vọng của tôi: một sự vươn dậy của bản ngã.

Tôi đến chỗ ông Dự, định nói đôi lời gì đó để an ủi ông. Nhưng khi đến rồi, tôi chẳng biết phải mở lời thế nào để ông khỏi hiểu lầm là tôi chọc tức, hoặc sự việc tôi đến chỉ là muốn được xác nhận thêm rằng tôi đã thắng từ chính miệng ông ta. Quả nhiên ông ấy nghĩ vậy. Ông không thèm ngó tôi. Tôi hối hận là đã bước đến chỗ ông dù là với thiện ý. Ông vẫn chưa chịu thua. Ông không tin rằng lối đánh cờ *rừng rú* của tôi lại có thể thắng được kỹ thuật tinh vi trường lớp của ông được. Ông nói:

"Chưa đâu ông thầy ạ. Ông tưởng rằng qua mấy ván cờ đó ông có thể được coi là thắng tôi sao? Chỉ tại tôi chưa quen cái lối đánh lung tung không có chủ đích, không hợp binh pháp của ông mà thôi. Đánh cờ nhiều năm hẳn ông phải biết rằng khi người ta đã quen thuộc nước cờ của nhau rồi thì sự thế sẽ diễn ra trong một kết cuộc khác hơn chứ, phải không? Hơn nữa, sau lưng ông có mấy chục người ủng hộ, cổ võ, áp đảo tinh thần tôi."

"Dạ đúng, tôi đến đây để nói với chú cái ý đó. Rằng..."

"Không, không phải vậy. Ông đến đây để được nghe những lời ca ngợi của tôi đấy thôi."

"Chú Dự à, chú hiểu lầm rồi."

"Ông đừng nói nữa. Tôi nói ông nghe này, có ngon thì tối nay đánh ba ván nữa. Đánh độ đàng hoàng."

"Đánh độ? Nghĩa là sao?"

"Là đánh cá đó! Ai thua thì nộp cho người thắng một gói thuốc Samit và thua rồi thì coi như thua suốt đời, không cần phải đấu với nhau nữa. Sao, dám không?"

"Đâu có cần thiết phải làm như vậy, thưa chú. Chú biết mà, tu sĩ chúng tôi chơi cờ đã là quá trớn rồi, đâu nghĩ đến chuyện chơi bạc nữa!"

"Thấy chưa, ông sợ rồi. Điều đó cho thấy chuyện ông thắng tôi có vẻ như là may mắn, ngáp phải ruồi, chứ có hay ho gì!"

"Đúng, chó ngáp phải ruồi. Nếu chú cho rằng đánh cờ không phải để giải trí và chỉ có đánh độ mới phân được cao thấp thì tôi xin chịu thua vậy."

Tôi nói với giọng bình tĩnh, pha một chút khinh bạc trong đó, rồi quay về. Nhưng, ngồi vào chỗ của mình rồi, tôi mới nghe máu nóng chạy trong người. Một cái gì đó bị tổn thương. Tôi tự nhủ: "Tầm phào! Chuyện có đáng gì để phải tự ái, bận tâm. Đâu có cần phải tranh đua với những tâm hồn cờ bạc tầm thường!" Tôi nằm xuống định ngủ, nhưng anh trưởng phòng lại trờ tới, to nhỏ với tôi:

"Này, ông làm sao mà để ông Bô nói xéo tùm lum vậy?"

"Kệ ông ấy, để ý làm gì."

"Ổng nói gì mà chó ngáp phải ruồi đó. ổng còn nói gì mà vào chùa nghe sãi tụng kinh, còn ra trận thì chỉ nghe tướng chỉ huy thôi."

"Kệ ông, nói gì cũng được mà."

"Sao mà kệ, ổng còn nói là sáu mươi người hội đồng một mình ổng thì thắng là phải rồi."

"Ừ, là phải rồi."

"Tầm bậy! Ăn thua người cầm cờ chứ người ngoài đâu có tính."

"Tính cũng được, không tính cũng được."

"Không được, ông phải làm cho rõ chuyện này. ổng chưa phục, phải làm cho ổng phục. ổng nói ổng thách cá độ mà ông thấy sợ không dám phải không?"

"Tôi mà đi chơi cờ bạc với ông ấy à? Cho là ông ấy thắng đi, tôi thua. Vậy là xong."

"Không, ông không thể ngưng chiến. Phải đánh cho tới khi nào đối phương tâm phục mới thôi. Đối phương chưa phục thì cuộc chiến chưa ngã ngũ."

từ chối. Anh trưởng phòng 7 kéo tôi lại một góc phòng, nói hành nói hẹ:

"Ông thầy thả hắn ta hả? Sao sắp thắng rồi lại thua? Ông thương hại hắn ta phải không? Làm ơn làm phước đánh đàng hoàng giùm tôi đi. Ông phải nhớ rằng danh dự phòng 7 đặt vào tay ông đó. Đánh lại đi."

Nhiều người khác cũng xúm lại, thúc đẩy tôi. Ai cũng nhắc đến danh dự của phòng 7. Tôi trở lại bàn cờ. Ông Dự vẫn còn ngồi đó như muốn tận hưởng niềm vui của sự chiến thắng. Thấy tôi trở lại, ông hiểu ý ngay và sốt sắng sắp bàn cờ khác. Tôi im lặng ngồi xuống, cầm cờ. Lần này, tôi xua quân ào ạt, mũi tiến quân nhọc hoắc như dao găm, chọc thủng mọi thành trì, phá tan quân cấm vệ, xông vào bắt tướng. Một ván, hai ván, ba ván, rồi bốn ván, tôi đều thắng. Thắng vẻ vang. Thắng vì danh dự của phòng 7. Cả phòng reo hò tán thưởng, ca khúc khải hoàn. Ông Dự méo mặt đau khổ, rút về góc phòng. Tôi cũng im lặng rút về một góc. Tự nhiên thấy buồn.

Người ta thường nhân danh tập thể này để áp đảo, đánh bại tập thể khác. Nhưng thực ra, tập thể chỉ là một danh từ rỗng tuếch; nó chỉ là sự gá hợp gượng gạo của nhiều cái bản ngã nhỏ nhen. Những bản ngã nhỏ nhen này vì không chịu giam mình trong cái vỏ hạn hẹp, đã tự đồng hóa mình vào cái tập thể lớn hơn để thỏa mãn nhu cầu vùng vẫy chiếm hữu của nó. Danh dự của một tập thể chỉ là danh dự của cá nhân phóng đại ra chứ không gì khác. Cho nên, khi chiến thắng hay thất bại, tập thể vẫn cứ là tập thể, chỉ có từng cá nhân riêng lẻ kia mới thọ nhận được hạnh phúc hay đau khổ mà thôi. Nỗi khát khao hay ước vọng của tôi nhân danh một tập thể vẫn cứ là khao khát hay ước vọng của tôi: một sự vươn dậy của bản ngã.

Tôi đến chỗ ông Dự, định nói đôi lời gì đó để an ủi ông. Nhưng khi đến rồi, tôi chẳng biết phải mở lời thế nào để ông khỏi hiểu lầm là tôi chọc tức, hoặc sự việc tôi đến chỉ là muốn được xác nhận thêm rằng tôi đã thắng từ chính miệng ông ta. Quả nhiên ông ấy nghĩ vậy. Ông không thèm ngó tôi. Tôi hối hận là đã bước đến chỗ ông dù là với thiện ý. Ông vẫn chưa chịu thua. Ông không tin rằng lối đánh cờ *rừng rú* của tôi lại có thể thắng được kỹ thuật tinh vi trường lớp của ông được. Ông nói:

"Chưa đâu ông thầy ạ. Ông tưởng rằng qua mấy ván cờ đó ông có thể được coi là thắng tôi sao? Chỉ tại tôi chưa quen cái lối đánh lung tung không có chủ đích, không hợp binh pháp của ông mà thôi. Đánh cờ nhiều năm hẳn ông phải biết rằng khi người ta đã quen thuộc nước cờ của nhau rồi thì sự thế sẽ diễn ra trong một kết cuộc khác hơn chứ, phải không? Hơn nữa, sau lưng ông có mấy chục người ủng hộ, cổ võ, áp đảo tinh thần tôi."

"Dạ đúng, tôi đến đây để nói với chú cái ý đó. Rằng..."

"Không, không phải vậy. Ông đến đây để được nghe những lời ca ngợi của tôi đấy thôi."

"Chú Dự à, chú hiểu lầm rồi."

"Ông đừng nói nữa. Tôi nói ông nghe này, có ngon thì tối nay đánh ba ván nữa. Đánh độ đàng hoàng."

"Đánh độ? Nghĩa là sao?"

"Là đánh cá đó! Ai thua thì nộp cho người thắng một gói thuốc Samit và thua rồi thì coi như thua suốt đời, không cần phải đấu với nhau nữa. Sao, dám không?"

"Đâu có cần thiết phải làm như vậy, thưa chú. Chú biết mà, tu sĩ chúng tôi chơi cờ đã là quá trớn rồi, đâu nghĩ đến chuyện chơi bạc nữa!"

"Thấy chưa, ông sợ rồi. Điều đó cho thấy chuyện ông thắng tôi có vẻ như là may mắn, ngáp phải ruồi, chứ có hay ho gì!"

"Đúng, chó ngáp phải ruồi. Nếu chú cho rằng đánh cờ không phải để giải trí và chỉ có đánh độ mới phân được cao thấp thì tôi xin chịu thua vậy."

Tôi nói với giọng bình tĩnh, pha một chút khinh bạc trong đó, rồi quay về. Nhưng, ngồi vào chỗ của mình rồi, tôi mới nghe máu nóng chạy trong người. Một cái gì đó bị tổn thương. Tôi tự nhủ: "Tầm phào! Chuyện có đáng gì để phải tự ái, bận tâm. Đâu có cần phải tranh đua với những tâm hồn cờ bạc tầm thường!" Tôi nằm xuống định ngủ, nhưng anh trưởng phòng lại trờ tới, to nhỏ với tôi:

"Này, ông làm sao mà để ông Bô nói xéo tùm lum vậy?"

"Kệ ông ấy, để ý làm gì."

"Ổng nói gì mà chó ngáp phải ruồi đó. ổng còn nói gì mà vào chùa nghe sãi tụng kinh, còn ra trận thì chỉ nghe tướng chỉ huy thôi."

"Kệ ông, nói gì cũng được mà."

"Sao mà kệ, ổng còn nói là sáu mươi người hội đồng một mình ổng thì thắng là phải rồi."

"Ừ, là phải rồi."

"Tầm bậy! Ăn thua người cầm cờ chứ người ngoài đâu có tính."

"Tính cũng được, không tính cũng được."

"Không được, ông phải làm cho rõ chuyện này. ổng chưa phục, phải làm cho ổng phục. ổng nói ổng thách cá độ mà ông thầy sợ không dám phải không?"

"Tôi mà đi chơi cờ bạc với ông ấy à? Cho là ông ấy thắng đi, tôi thua. Vậy là xong."

"Không, ông không thể ngưng chiến. Phải đánh cho tới khi nào đối phương tâm phục mới thôi. Đối phương chưa phục thì cuộc chiến chưa ngã ngũ."

Tôi ngồi bật dậy:

"Hay, nói hay. Tâm phục, tâm phục. Vậy mà tôi không nghĩ ra kìa."

"Ông thầy đồng ý rồi hả? Tôi nói với ổng nghe?"

"Khoan, để coi lại đã. Tôi không thích đánh độ."

"Không sao, ông thầy chỉ đánh cờ thôi, còn tôi đánh độ."

"Không độ không được sao?"

"Ổng nói không độ ổng không đánh."

"Làm như là có độ mới kích thích được tinh thần chiến đấu vậy."

"Chú sao! Tự cổ chí kim, không cuộc chiến nào bày ra mà không nhắm vào chiến lợi phẩm cả."

"Trừ cuộc chiến của thầy tu."

"Niết bàn giải thoát không phải là chiến lợi phẩm của ông thầy sao?"

"Anh nói khéo lắm. Thôi được, tôi nhận lời."

Anh trưởng phòng hí hửng đi trao chiến thư và sắp đặt giờ quyết đấu. Giao ước được trọng tài đưa ra là im lặng đấu cờ; người ngoài không được mách nước hay hò reo cổ võ cho bất cứ bên nào; cầm quân cờ nào thì đi quân cờ đó, không được đổi quân cờ khác; nước cờ đã đi rồi không được đổi nước cờ khác; thời gian tối đa để suy nghĩ cho mỗi nước cờ là mười lăm phút; ba ván cờ sẽ phân thắng bại; thắng hai ván liên tiếp coi như đã thắng, không phải đánh ván thứ ba; thắng bại đã phân thì không viện lý do gì để thách đấu ván khác nữa.

Bao cặp mắt chú mục ngó vào bàn cờ. Không khí trong phòng giam im lặng một cách đáng sợ. Tôi không ngờ cái im lặng này lại kích thích nổi háo thắng và quyết tâm chinh phục của mình hơn là những hò reo ầm ĩ.

Tôi chọn quân cờ màu xanh như mọi khi để tỏ ra tôi xem ông Dự là kẻ cao hơn mình (vì quân cờ xanh được quyền đi trước ngay ván đầu, thường dành cho những kẻ thấp cờ hơn như mọi người thường nghĩ). Ông Dự có vẻ đẹp lòng trước thái độ lễ phép của tôi, nhưng không vì vậy mà cái vẻ đằng đằng sát khí của ông giảm đi. Ông tiến quân thần tốc, chặn đông đón tây, nước nào cũng bí hiểm, độc địa. Tôi lại bị rơi vào thế bị động, chỉ biết ứng biến theo thế công của ông. Nhưng thế cờ tôi như lò xo, ông càng ép mạnh thì nó càng bung xa, phản ứng tùy nghi, biến thủ thành công, biến nguy cơ thành lợi thế, đột kích chớp nhoáng. Tôi thắng ông ngay ván đầu. Trán ông lấm tấm mồ hôi hột. Ông kinh ngạc một lúc mới lấy lại được bình tĩnh để sắp ván cờ khác. Ông nuốt nước bọt một cách khó khăn rồi đi nước cờ đầu. Ván này, ông càng thận trọng hơn, đi những nước thật chắc nhưng e dè và thụ động. Ông thủ kín cung thành của mình khiến cho thế cờ của hai bên có vẻ như đang đình chiến để nghị hòa. Ngay lúc ấy, tôi bỗng thấy rằng không bao giờ, không bao giờ ông có thể thắng tôi được.

Tôi đưa quân mình len lỏi vào thế trận thủ thành của ông, thí cả pháo ngựa để mở đường. Đường trống, quân tôi ồ ạt tấn vào, khép chặt hai mặt công kích như hai cái càng bò cạp; mặt chính diện thì chọc thủng vào với cái đuôi mang đầy nọc độc. Ông Dự kinh hãi, mặt biến sắc. Nhưng tôi bỗng bật cười lên vì thấy rõ chỗ sơ hở của mình. Nếu không có cái cười đó có lẽ ông Dự đã ngỡ rằng ông thua rồi. Nghe tôi cười, ông trấn tĩnh, nhìn kỹ lại cờ một lúc rồi mắt ông sáng lên, vỗ đùi một cái, phản công. Thắng. Ông thắng ván đó. Ông thở phào một cái rồi cười rạng rỡ. Tôi chụp vai ông, tán thưởng:

"Chưa có nước nào hay tuyệt như vậy!"

Ông bàng hoàng, sửng sốt trước sự thích ý của tôi. Đôi ngươi ông có vẻ chết đứng trong vài khắc rồi lay động một chút trong nghi ngại.

Một huề. Phải có ván chung kết. Ván này sẽ là ván quyết định. Có vài tiếng xì xầm cho rằng tôi vờ thua để có một ván chung kết hồi hộp, gay cấn. Tôi biết không phải vậy. Tôi không vờ thua ván đó. Tôi chỉ không quyết chí thắng ván đó mà thôi. Trong một ván cờ mà cả hai bên đều không nhích đi được một bước nào thì hẳn nhiên chỉ có kẻ đã thắng được ván trước hoặc tự tin vào sức mình mới có thể dám liều lĩnh để phá nước mở đường mà thôi. Tôi không đánh liều ván đó thì ván đó có thể kéo dài hai ba tiếng đồng hồ với một không khí rất chán.

Ván chót này ông Dự lại thay đổi thế đánh. Ông đã lấy lại chút tự tin. Hơn nữa, thể diện của ông cũng như sự cá độ — mà tôi nghe nói là rất cao — không cho phép ông đầu hàng. Ông tranh thế chủ động, tả xung hữu đột, tung cả một đội tinh binh hùng hậu tràn sang nước tôi. Nước cờ của ông mang đầy cơ tâm quyết thắng. Nhìn những quân cờ của ông, tôi thấy được cả một đội quân quyết tử, hò hét vang trời với sự hỗ trợ của chiến xa, phản lực cơ và những cỗ pháo khạc lửa. Tôi thấy quân tôi, dân tôi gục xuống, ngã xuống từng mạng một. Tôi thấy nước tôi bị oằn xuống theo sức ép của ác tâm, rồi bị cày lên bởi những tàn phá kinh hồn của bom, của đạn, của lửa hận thù. Nhìn lại thế cờ của mình, tôi thấy chỉ là nước. Nước. Nước của một con sông êm đềm, lững lờ trôi đi, chảy uốn khúc qua các lũy tre xanh, chảy từ đầu làng đến cuối làng, chảy một cách nhu thuận, uyển chuyển và hiền hòa, chảy mãi mà bất biến, bất biến nhưng không dừng chết, không dừng chết mà lại đa hình, đa hình nhưng vẫn là một. Chỉ một thế đó thôi: chảy, chảy. Cờ tôi lấn bên này, tránh bên kia, khi tiến tới, lúc thối lui, đều là để tự vệ và tự tồn. Không tấn công nhưng không tỏ ươn hèn; không tranh thế nhưng không bỏ thế đứng. Thế của nó là chảy, chảy bất tận.

Vậy mà cờ tôi lại dồn cờ ông vào một thế bí không sao gỡ nổi. Chỉ hai nước cờ nữa thôi là ông phải xếp giáo qui hàng. Và để thắng ván này, tôi

chỉ có mỗi một cách đánh để chiến thắng chứ không có cách nào khác hơn. Tôi chỉ cần đi sai nước thứ nhất thì hỏng nước thứ hai; hỏng, không những không thắng được mà còn thảm bại nữa vì cờ ông cũng đang trong thế tranh thắng tối hậu với tôi. Nước cờ quả là độc đáo và hiểm hóc đến nỗi chỉ có ông và tôi, hai kẻ trong cuộc, mới nhìn thấy được mà thôi. Tôi không vội đi cờ. Tôi cũng không cần nhìn vào bàn cờ nữa. Nước thắng đã quá rõ ràng. Tôi nhìn ngắm ông. Trong ánh mắt ông, tôi đọc được sự xuôi tay, thất vọng. Hai má ông xệ xuống, đôi môi mấp máy run rẩy để lộ hai hàm răng đánh lập cập vào nhau. Nước da ông tái đi một cách bệnh hoạn. Con hổ hung tợn nay chỉ còn là một con thỏ già hấp hối. Danh dự của ông, một thời oanh liệt vẫy vùng của ông bây giờ tùy thuộc vào nước cờ quyết định của tôi. Tôi nói khẽ, vừa đủ cho ông nghe được:

"Thắng bại đã rõ rồi."

Lời tôi buông ra làm ông xụi người xuống như thể nãy giờ ông vẫn còn hy vọng là tôi sẽ không đánh đúng được nước cờ thắng. Tôi cầm ca nước uống một hớp thoải mái, xong tôi tằng hắng một tiếng, nói tiếp:

"Chà, khó xử quá há!"

Nghe vậy, mắt ông sáng lên thấy rõ. Ông vẫn còn hy vọng. Cái hy vọng này vừa lú lên thì đã phát triển theo cấp số nhân một cách hối hả để biến thành nỗi khát khao chiến thắng vừa bị đốn ngã trong ông. Sự hăm hở, ngoan cố của ông bỗng làm nẩy sinh trong tôi một chút nực cười và một chút ác ý. Tôi lại quên tôi là một tu sĩ. Trong tôi cũng có cái khát vọng chiến thắng như ông vậy. Trong một trận thư hùng quyết đấu, chỉ có sống hoặc chết, thắng hoặc bại. Cái bản ngã của tôi không muốn bại trận. Và vì nó biết trước nó sẽ thắng, nó bước đến chung cuộc bằng những bước lững thững kiêu bạc. Nó cố ý kéo dài thời gian kết thúc để lắng nghe nỗi bập bùng thống khoái của khát vọng chinh phục đồng thời là để tra tấn, hành hạ kẻ chiến bại hầu thỏa mãn cái ác tâm hiếu chiến của nó. Tôi lấy ngón tay gõ vào con xe xanh của mình — con xe quyết định ván cờ — nói bỡn một câu:

"Mày đó nghe, đừng có đi bậy à. Ăn hay thua cũng là mày thôi đó."

Ông Dự xanh mặt và đần người ra, rồi lẩm bẩm nói theo tôi một cách vô vọng:

"Ừ, ăn thua cũng là mày thôi."

Cả phòng giam chết lặng, im phắc. Tôi nghe hơi thở đứt đoạn và dồn dập của ông. Tôi từ từ nhấc con xe lên, tỏ cho ông thấy là tôi không chọn con cờ nào khác nữa. Cái hy vọng cuối cùng còn sót lại trong ông là tôi đi sai con xe đó. Chỉ một nấc xê xích thôi là sai bét cả. Tôi bật cười lên ha hả, sảng khoái như khi một mình bước lên đỉnh núi chót vót, khám phá cái đẹp vô cùng của đất trời thơ mộng. Trong khi đó, ông Dự không kìm hãm

được sự run bấn của mình. Ông ngước mắt nhìn tôi. Đôi mắt lạ lắm: có một chút thù hận và một chút khẩn cầu. Tôi tức khắc nhận biết tôi không thể thắng được ông bằng sự sát phạt sòng phẳng trong trận thế giữa hai cái bản ngã hiếu chiến và đầy khát vọng. Tôi từ từ đặt con xe xuống một cách nghiêm trang, cẩn trọng, như bước chân đầu tiên chạm nhẹ trên nền đá phong rêu của một ngôi đền cổ. Nhưng, đó là nước cờ sai. Ông Dự chớp nhanh đôi mắt một cái, sững người, ngước nhìn lại tôi như muốn hỏi: "Thật vậy sao?" Rồi ông rơm rớm nước mắt trong một vẻ kinh ngạc khó tả. Ông không tin nổi rằng tôi có thể chủ định một nước cờ tất bại phi lý như vậy. Ông khiếp hãi và bối rối trong vài giây rồi bất chợt, nỗi sung sướng tột độ của ông bùng ra, ông hét lên:

"Thắng rồi, tôi thắng rồi!"

Tôi lặng lẽ trở về góc phòng giam. Qua song sắt, tôi thấy hoàng hôn kéo xuống thật nhanh. Ngày Tết đã qua. Tuổi đời chồng thêm một lớp. Cuộc sống diễn ra trên một bàn cờ. Có kẻ thắng, có kẻ bại, có kẻ hơn, có kẻ thua; nhưng, bất biến hay không mới là điều thiết yếu.

Không. Không phải là một ván cờ, không phải là một bàn cờ phân ly những con người và những dòng đời mâu thuẫn đối nghịch, mà là cuộc sống. Cuộc sống là sự trôi chảy của một dòng sông êm đềm. Đôi khi có gợn sóng vào những chiều thu quạnh quẽ, nhưng đó cũng vẫn là những cái gì tất yếu vẽ nên bức tranh muôn thuở của cuộc đời. Ông Dự rón rén bước đến chỗ tôi như một tín đồ tội lỗi muốn xưng tội. Ông nói:

"Thầy đã thắng tôi."

Tôi cười, nói:

"Có ai thắng đâu." ❐

nguyễn hữu trí

Tiểu sử

Sinh ra và lớn lên tại Nhatrang. Tốt nghiệp trường Hàng hải Thương thuyền Việt Nam năm 1956. Muốn đi biển nhưng không có tàu vì năm đó người Pháp đem hết tàu về nước. Du học Mỹ năm 1958. Về Việt Nam dạy Anh văn tại trường Sinh ngữ Quân đội, Hội Việt-Mỹ, các đại học Y khoa, Văn khoa, Sư phạm, Cần Thơ, Vạn Hạnh. Trở lại Mỹ, nộp luận án Tiến sĩ Ngữ học tại Georgetown University năm 1981. Hiện dạy học tại Đại học cộng đồng Bắc Virginia và làm nghề phát thanh. Thuở thanh niên mơ làm thuyền trưởng tàu buôn nhưng mộng không thành. Bây giờ muốn làm nhà văn nhưng không dám nên đành dạy học và làm công chức đến mãn đời, nghĩa là đến khi hưu trí.

Tác phẩm Không có gì đáng kể. Ngoài tập truyện *Thằng Ngọ*, có viết thêm một số truyện ngắn đăng rải rác. Có một số bài viết bằng tiếng Anh cũng đăng rải rác, và biên tập sách và cassette dạy tiếng Việt trong bộ sách LANGUAGE/30 của nhà xuất bản Educational Services ở Washington, D.C.

Trả lời hai câu hỏi

1. *Tại sao viết?* Một trong nhiều cái dở của tôi là ít khi tôi hiểu rõ người đối thoại. Lý do tại sao chính tôi cũng không chắc. Có người bảo rằng lý do là vì tôi "ngoan cố" không chịu hiểu người khác. Có thể là như vậy; nhưng tôi thì nghĩ rằng mình cần hiểu mình trước đã rồi mới có thể cảm thông với người chung quanh. Từ ý nghĩ này, tôi cố gắng viết để khám phá những xúc cảm và ý tưởng của riêng mình

may ra sau đó có thể hiểu người khác dễ dàng hơn. Một lý do thứ nhì quan trọng không kém là vì đây là tiếng Việt. Tôi không muốn quên nó.

2. *Viết về cái gì?* Tôi rất muốn viết nhiều về nỗi cô đơn trong kiếp người —nghe sáo quá đi mất!— nhưng không/chưa biết viết thế nào nên đành viết lung tung.

Viết như thế nào? Thường thì rất chậm và luôn luôn thiếu kỷ luật.

Viết cho ai đọc? Ai thấy được và chịu khó đọc thì xin cám ơn.

Nếu biết sự thể như vậy tôi dại gì vào thăm ba. Không phải tôi tiếc thì giờ với ba. Nhưng điều khổ sở đối với tôi là suốt cả giờ đồng hồ tôi ngồi trước mặt ba, ông ấy chỉ nói vỏn vẹn có một câu. Nếu ông chỉ thốt ra câu nói ấy một lần rồi thôi thì có lẽ tôi ít đau buồn hơn. Đằng này ông trả lời câu hỏi của tôi rằng "Ba hành động như vậy chỉ vì ba muốn giữ trọn lời thề". Rồi sau đó, ông ngồi im như tượng đá trong cái mảng không gian chật hẹp kia mặc cho thời gian nặng nề trôi . Ông chỉ chép miệng lí nhí một câu đơn điệu "Cho trọn câu thề" mỗi khi bị tôi hỏi dồn. Nhiều lúc ông không nói một lần mà đã nhắc đi nhắc lại với giọng trầm trầm nghe như một điệp khúc vô cùng áo não. Âm thanh kia vô tình đẩy tôi vào thế giới siêu nhiên. Tôi chợt thấy một kẻ mất trí, miệng lắp bắp những tiếng mơ hồ ăn nhịp với những cái va đầu của y vào một bức tường trắng hếu. Gương mặt y tái nhợt gần cùng một màu với tấm ra trãi giường cũng màu trắng. Bị bao trùm bởi màu trắng bệnh hoạn kia tôi thấy lòng tôi choán ngập những cảm giác rờn rợn.

Giờ này ngồi đây ôn lại lần thứ nhì đi thăm ba trong tù tôi bình tĩnh hình dung gương mặt đổi thay theo từng chặng đời của riêng ông. Nét mặt hơi tinh nghịch của viên thiếu tá quân y trẻ trung kia đã mang lại những ngày tháng tràn đầy hạnh phúc cho gia đình, đặc biệt là cho mẹ và tôi. Lúc bấy giờ tôi là một đứa con gái sáu bảy tuổi được cha mẹ rất mực nuông chiều. Tuy vậy tôi cũng khó quên những lần khuôn mặt tươi cười của ba trở nên nghiêm nghị khác thường. Nhưng đó chỉ là những giây phút hiếm hoi không đáng kể. Hồi đó ba phục vụ trong một đơn vị tác chiến và sống xa nhà mấy năm trời ngoại trừ những lần về phép. Trong một trận đánh nọ ba bị thương nặng. Và gần sáu tháng nằm nhà thương sau khi giải phẫu, ba được lệnh thuyên chuyển về làm việc tại bệnh viện Cộng hòa. Tuy đã trải qua những ngày gian khổ và tận mắt chứng kiến những cái chết "phi lý" của đồng đội nhưng ba không hề đánh mất con người vui tính nơi ông. Trước đây tôi vẫn đinh ninh rằng bẩm sinh ba là

một k đời, vì trong những tấm hình của ông thuở thiếu thời lúc nào ông cũng miệng cười toe toét.

Định mệnh đã bắt tôi phải xa lìa khuôn mặt thân yêu kia trong một thời gian dài dằng dặc. Chính ba đã điện thoại về nhà bảo mẹ và tôi phải tức tốc ra bến Bạch Đằng xuống một chiếc tàu hải quân do một người bạn thân của ba làm thuyền trưởng. Định mệnh chắc chắn phải là một tên khổng lồ dùng bàn tay to tướng của hắn tóm trọn một lũ người ném xuống chiếc tàu kia. Trong đám người nhốn nháo nọ không có ba tôi. Khi biết được sự thật này, mẹ và tôi ôm nhau khóc. Ngày tháng qua tôi khôn lớn dần và dưới cái nhìn của tôi Định mệnh là một tên "xỏ lá" và bất công! Tuy biết rằng khó lòng thoát khỏi mạng lưới bủa vây của hắn, tôi vẫn thường thách thức Định mệnh trong cuộc sống của mình.

Cái ngày đến Mỹ theo diện HO, ba mang theo một nét mặt hoàn toàn lạ lẫm. Xa nhau ngần ấy năm mà khi gặp lại ba không nặn ra được một nét mặt tươi tắn với vợ con. Tôi lục lạo mãi nhưng không tìm ra một từ ngữ nào thật chính xác để miêu tả sắc diện của ông. Một điều không thoát khỏi sự chú ý của tôi là nụ cười hí hửng của ông không còn nữa. Nó đã bay đi đâu xa lắc không còn đậu trên môi ông. Thật ra, có đôi lúc rất hiếm hoi, tôi bắt gặp nó thoáng hiện trên gương mặt hiền từ của ba nhưng nó lại biến mất quá nhanh. Tôi thường tự hỏi nó tắt đi vào thời điểm nào trong cái khoảnh thời gian mười mấy năm trời xa cách ấy. Thoạt tiên, tôi định bụng hỏi ba vào những lúc ông vui vẻ nhưng những giờ khắc êm đềm kia dường như đã giảm đi theo tỉ lệ nghịch với thời gian ông sống ở miền đất mới. Cơ hội để tôi tâm sự với ông cũng theo đó giảm dần cho đến một ngày tôi không còn tha thiết với chuyện ấy nữa và đã từ bỏ ý định kia. Có điều tâm hồn tôi vẫn tiếp tục bị ray rứt vì sự thiếu vắng i trên môi ông. Đành rằng trải qua những năm tù tội dài đăng đẳng tính tình ông bắt buộc phải đổi thay. Nhưng tôi không ngờ nụ cười thanh thản Trời ban cho ông lại bị chính đồng loại của ông cướp mất.

một lời thề

nguyễn hữu trí

Trớ trêu thay, đời sống tự do nơi "miền đất hứa" cũng chẳng làm được gì để trả lại nụ cười ấy cho ông. Chẳng những thế, ngày qua tháng lại ông vô tình chứng tỏ rằng ông thiếu khả năng thích nghi với nếp sống xa lạ nơi đây. Tôi đâm ra nghi ngờ và nghĩ rằng ông ngoan cố không muốn hội nhập vào đời sống mới đấy thôi. Một đôi lần tôi van nài xin ba đổi thái độ khô khốc của ông. Tôi đau buồn khi nhận ra sự thật là chính cái khả năng thích ứng bẩm sinh của giống người cũng bỏ rơi ông để vĩnh viễn ra đi. Có lẽ là vô ý thức, ba đã lui dần vào khung trời dĩ vãng của một

thời xa tăm tắp. Hễ có dịp là ông kể cho tôi nghe những kỷ niệm tuổi học trò thuở thanh niên vô tư lự của ông. Và hầu như mỗi lần ông muốn dàn trải những hồi ức của ông trước mắt tôi, ông đều bắt đầu với câu "con biết không ..." Thoạt tiên câu hỏi không-cần-trả-lời này chẳng khiến tôi khó chịu chút nào, có lẽ một phần là vì tôi bị cuốn hút bởi "câu chuyện tình lãng mạn" của cha mẹ tôi. Nhưng về sau, khi tôi đã nằm lòng những tình tiết của câu chuyện đến độ tôi không cần vận dụng óc tưởng tượng thì cái câu mở đầu bất biến kia làm tôi phát điên lên được. Tôi muốn hét lên "Trời ơi! làm sao con biết được!" nhưng vì kính yêu ba nên tôi không nỡ thốt nên lời. Từ đó sự dồn ép cứ mỗi lần nghe chuyện lại càng tăng thêm làm cho đầu óc tôi nóng bừng lên.

Đến giờ phút này thì câu chuyện tình đẹp như mơ kia ở một thành phố có cái tên thơ mộng "thùy dương cát trắng" đối với tôi đã trở thành nhàm chán rồi. Lỗi của người kể hay của người nghe tôi không dám đoan chắc. Duy có một điều đã chiếm ngự lòng tôi —hay phải nói là ký ức tôi mới đúng. Dù muốn hay không tôi vẫn nhớ rõ không sót một tình tiết nào dù câu chuyện được kể bằng một thứ tiếng Việt rất xa lạ đối với tôi.

Con biết không? Bầu trời trong xanh không một gợn mây. Nước cũng một màu xanh như trời, có lẽ sậm hơn một tí. Gió ban mai thổi rất nhẹ như một bàn tay ngà ngọc, vỗ về. Mặt biển do đó lặng lờ giống như một mặt hồ chứ không cuồn cuộn từng lớp sóng ầm ì khi hoàng hôn xuống. Bãi biển sáng sớm vắng bóng người. Ba và mẹ khoan thai đặt những bước chân trần trên nền cát trắng đúng vào lúc mặt trời vừa nhú ở chân trời xa xa. Một ánh hồng rực rỡ báo hiệu một tương lai rạng ngời. Ba siết chặt tay mẹ và cả hai cùng đứng lại. Ba chỉ cho mẹ thấy những dấu chân trên cát vừa bị giòng nước nhẹ nhàng cuốn đi. Ba nói với mẹ rằng dù cho vũ trụ có đổi thay, tình yêu của ba dành cho mẹ sẽ không bao giờ phai nhạt. Mẹ nói không dấn do "em xin thề yêu anh mãi mãi". Cho tới giờ phút này ba vẫn còn thấy rõ những giọt nước mắt long lanh của hạnh phúc trên đôi gò má ửng hồng của mẹ. Lời "em hứa yêu anh trọn một đời" kia mẹ đã thủ thỉ với ba không chỉ bên bờ đại dương mà còn ở mọi nơi khác tro g thành phố êm đềm nọ...

Riêng đối với tôi, những lúc ngồi nghe ba kể lại câu chuyện tình đến lần thứ N+, tôi chỉ muốn gào lên. Vì không hét thành tiếng được cho nên tôi cảm thấy bất lực và tôi khóc nghẹn ngào. Tôi khóc không đầm đìa nước mắt. Ba có vẻ ngạc nhiên vì ông không thể nào hiểu nổi lý do của những giọt long lanh còn đọng lại trong tròng mắt tôi. Nói cho cùng, chính tôi cũng chỉ hiểu mù mờ tình cảm của riêng mình. Có một điều tôi biết chắc là tôi rất thương ba và muốn giúp ông khắc phục những khó khăn đang làm ông sờn lòng trong cuộc sống. Trở ngại lớn lao trước mắt tôi chính là vì cho tới giờ phút này ba vẫn nhìn thấy nơi tôi hình ảnh một

đứa con gái sáu bảy tuổi. Trong khi đó, tôi biết tôi đã lớn khôn. Hiển, hôn phu của tôi, không thể là chứng tích hay sao? Dĩ nhiên, tôi không dám vỗ ngực tự xưng khôn khéo hơn ai nhưng tôi cũng hiểu biết phần nào đâu là phải trái. Tôi đã tới tuổi búi tóc cài trâm; và nếu muốn, chẳng mấy chốc tôi có thể làm vợ và làm mẹ được rồi. Có một lần tôi kh ng đêm. Tim tôi đau thắt. Tôi không buồn mà chỉ thấy tuyệt vọng. Giọng đay nghiến ba thốt lên vô tình hay cố ý tôi không buồn hạch hỏi: "Đồ ranh con! Mày dở trò dạy đời tao đó hả?!" Suốt đời ba chưa bao giờ nói với tôi bằng một giọng đanh đá cá cày như vậy. Tôi chợt hiểu ra rằng không còn chút hy vọng nào cải hóa ba. Quả thật không có cách nào làm ông xiêu lòng. Thời gian và không gian chúng tôi cùng chia xẻ với nhau nhưng đời sống tâm linh của ông là cả một thế giới kín như bưng.

Bình tĩnh nhìn lại những điều bất hạnh xảy ra cho gia đình chúng tôi, tôi cảm thấy chính mình là người có tội. Tôi thiếu kiên trì và bỏ cuộc quá sớm. Đồng thời tôi cũng là một kẻ hèn nhát. Tại sao tôi không cố gắng thêm một chút nữa? Tại sao tôi không thu hết can đảm nhìn thẳng vào mặt ba và hét lên rằng "câu thề năm xưa của mẹ là một cái gì cũ rích rồi ba có biết không? Ba không còn xài nó được đâu. Ba mà ngoan cố đem nó ra làm hậu thuẫn cho hành động của ba thì rán lãnh hậu quả một mình đấy". ừ nhỉ, tôi không bền chí, thiếu can đảm mà còn dại dột nữa. Nếu tôi khôn ngoan đưa một chút dọa dẫm về "những hậu quả tai hại" vào những lời phân trần với ba thì biết đâu gia đình tôi chẳng đã tránh được thảm họa.

Thì biết đâu mẹ chẳng đã tránh được viên đạn "oán hờn" kia ngay giữa con tim thủy chung của mẹ. Tôi chắc rằng mẹ ra đi rất nhanh nên không cảm thấy đau đớn gì. ít ra mẹ cũng xứng đáng được hưởng ân sủng kia Trời dành cho mẹ. Một người gương mẫu như mẹ mà bắt phải chịu xót đau dằn vặt trước khi vĩnh viễn ra đi thì quả thật là quá bất công. Ngót hai mươi năm lớn lên trong sự cưu mang của mẹ tôi biết rõ lòng dạ chiều chồng thương con của bà. Ngày tôi ra thăm mộ không lâu sau tai ách kia, tôi không khóc mà chỉ tâm sự với oan hồn của mẹ: "Mẹ ơi! Con biết mẹ ngạc nhiên không hiểu vì đâu ba đã tự tay đánh mất người vợ hiền thục của ông. Con xin mẹ tha thứ cho ba. Tuy ba hành động nông nổi nhưng kẻ gây nên tội chính là con. Con là đứa hoàn toàn thiếu sót bổn phận đối với mẹ cha. Trước hết, con không thuyết phục nổi ba rằng ông Jones chỉ là một người bạn tốt của mẹ. Ông ấy có gia đình yên vui hạnh phúc. Ông ấy là xếp của mẹ nhưng không bao giờ có cử chỉ sàm sỡ với mẹ. Ông ính mẹ vì biết trước kia mẹ từng là cô giáo mặc dầu ngày nay, trong cuộc sống mới mẹ phải cam chịu với địa vị một người thư ký tầm thường. Ông ấy biết rõ mẹ có thừa thông minh nên muốn giúp ý kiến và tạo cơ hội

để mẹ đưa gia đình ta tới một tương lai tốt đẹp hơn. Câu chuyện chỉ giản dị có thế mà thôi. Con biết rõ như vậy và tin lời mẹ kể không một chút nghi ngờ. Tất cả những điều này con ra sức thuyết phục ba nhưng đều vô hiệu. Chắc mẹ cũng đã nhận thấy như con là ba không sống với hiện tại. Xét kỷ ba cũng không hoàn toàn sống trong quá khứ ngoại trừ bị ám ảnh quá nặng bởi một câu thề của một thời xa lắc xa lơ. Thưa mẹ, cái thiếu sót thứ hai của con là con đã trì hoãn chưa kịp nói cho mẹ đề phòng vì ba đã tình cờ bắt gặp mẹ đi ăn trưa với ông Jones. Ba đã hiểu lầm mẹ chỉ vì cái điểm tựa tâm lý của ba quá mong manh không chống đỡ nổi ông. Con thật tình khôn lường được là ba có thể hành động cùng quẩn như vậy. Mẹ ơi! xin mẹ tha lỗi cho con. Mẹ hãy mỉm cười nơi chín suối cho o an hồn mẹ sớm siêu thoát mẹ nhé. Con yêu mẹ vô cùng".

Ai là người đầu tiên nhận ra chân lý "họa vô đơn chí" vậy? Tính theo tuổi thọ trung bình thì tôi mới vừa qua khỏi tuổi trăng tròn và chưa đi hết một phần tư cuộc đời. Vậy mà tôi đã trải qua những biến động tưởng chừng nhận chìm tôi xuống đáy vực. Khi con tàu rời cảng Sài gòn hai mươi năm về trước, đối với người lớn là bỏ nước ra đi. Còn đối với tôi thì đó là ngày tôi phải xa lìa người cha thân yêu không biết bao giờ mới gặp lại. Rồi mới đây các biến cố dồn dập làm tôi lơi ngơi giữa giòng đời. Mẹ chết oan chỉ vì một câu thề mà bà vẫn giữ trọn. Cha vào tù cứ như những ngày tù tội ở quê nhà là chưa đủ. Trên cõi trần ai này tôi chỉ còn lại một người mến yêu duy nhất là Hiển. Nhưng đây mới chính là lúc "tai họa không đến một lần". Vị hôn phu mà tôi đặt hết kỳ vọng nơi anh đã phản bội tôi một cách trắng trợn. Hình dung lại buổi chiều hôm ấy tôi phát rùng mình, có lẽ một phần vì đó là ngày một trận tuyết lớn ập xuống thình lình. Mọi chuyến bay đều bị hủy bỏ nên chuyến đi ác xa của tôi phải dời lại. Tôi ở xa phi cảng và không muốn kẹt dọc đường nên cách tiện nhất là ghé lại căn chung cư của Hiển. Taxi vừa bỏ tôi xuống là tôi hí hửng đến mở cửa căn phòng bằng chiếc chìa khóa Hiển giao cho tôi giữ. Tôi mường tượng sẽ được người yêu ấp ủ trong tay và thầm nghĩ rằng Hiển sẽ ngạc nhiên thích thú. Phòng khách vắng vẻ khiến trong một chốc tôi lo lắng là chàng có thể mắc kẹt một nơi nào đó. Nhưng rồi có tiếng động và tiếng người từ phía phòng ngủ. Tôi bước nhẹ tới cánh cửa hé mở. Trước mắt tôi là Hiển và một người đàn bà lạ hoắc, cả hai đều lỏa lồ. Tôi lủi thủi ra đường, đứng chôn chân hứng lấy những bông tuyết rơi đều đặn lên tóc lên vai. Thân thể tôi giá buốt, tâm hồn tôi lạnh căm. Tôi quyết định làm một việc lâu nay tôi vẫn đắn đo. Tôi quyết liệt tuyên chiến với Định mệnh: "Được rồi! Từ nay trở đi, ta với ngươi là hai kẻ thù không đội chung trời. Ngươi đã thắng ta mấy keo, ta đành bó tay hàng phục. Ngươi đã tàn nhẫn bứng ta ra khỏi nơi chôn n hau cắt rốn. Bàn tay hung hãn của ngươi đã

ba điệu lý
PHAN NI TẤN

Lý sắc thu
áo xưa vàng rực cánh rừng
sang thu em bước ra mừng lá bay
mùa rơi xào xạc xuống đây
xuống tôi chút nắng cuối ngày vàng hoe

Lý hương sơn
nửa đời ở với sơn khê
nay chia cách vẫn không hề phai hương
ù. chẳng qua lẻo linh hồn
ngày đi sót lại bên cồn tiêu sơ

Lý chứa chan
đời anh kể bỏ bụi bờ
từ khi điệu lý phất phơ qua cầu
vô tình gót ngọc bước mau
đạp lên cái dạ anh sầu chứa chan

cướp lấy người mẹ thân thương của ta. Và cũng bàn tay kia của ngươi đã đẩy cha ta vào con đường tù tội. Tưởng chừng như vậy chưa đủ, ngươi còn bày trò xúi giục người yêu của ta phạm điều ô nhục. Đây là hành động xỏ xiên nhất của ngươi đối với ta. Ngươi đem chà đạp mối tình đầu thiêng liêng, không vẩn đục của ta để thay vào đó bằng những dục tình ô uế. Nhưng này, đường còn dài, ngươi chớ vội mừng! Ta thề sẽ tiếp tục ăn thua đủ với ngươi để xem rốt cuộc giữa ta và ngươi ai là kẻ ngã gục nơi đấu trường. Ta thách nhà ngươi đó!"

Lòng tôi bỗng se lại bởi một lời thề. Lời thề của Hiển tôi còn nghe rõ mồn một bên tai: "Anh sẽ yêu em trọn đời và chỉ một mình em thôi". Và buổi chiều hôm ấy một tai biến nữa đã đến trong đời tôi...

...Một trong hằng vạn câu chuyện mà khách bàng quan tình cờ nghe được mỗi ngày giữa cõi nhân gian tạm bợ này...Thiệt tội nghiệp con Xuân Hồng! Mẹ chết, cha ở tù, chắc vì vậy mà nó không chịu nổi.. Tao nghe nói nó uống tới hai ống thuốc ngủ ai mà cứu cho được... Thôi, thế cũng xong một đời...Mà cũng tội nghiệp cho thằng Hiển mất đi một vị hôn thê hiền lành, ngoan ngoãn... ❐

trần diệu hằng

Sinh năm 1952 tại Hà Nội. Theo gia đình di cư vào Sài Gòn 1954. Trung học Trưng Vương. Đại học Luật Khoa. Di tản sang Hoa Kỳ 1975. Học linh tinh vài ngành khác nhau trước khi tốt nghiệp M.I.S. tại California State University of Fullerton. Sinh sống bằng nghề chuyên viên phân tích dữ kiện dầu hỏa đã mười lăm năm. Hiện cư ngụ với gia đình tại quận Cam tiểu bang California.

Tác phẩm đã xuất bản:

Vũ Điệu Của Loài Công, tập truyện ngắn, 1984, tái bản 1986.

Mua Đất Lạ, tập truyện ngắn, 1986.

Chôm Chôm Yêu Dấu, tập truyện ngắn, 1989

Sẽ in *Tuyển tập truyện ngắn Trần Diệu Hằng* năm tới nếu mọi điều kiện thuận lợi.

1) *Sống trong một hoàn cảnh mà thời giờ vốn hiếm hoi và văn chương chữ nghĩa vốn là món hàng xa xỉ, điều gì đã thúc đẩy anh chị đi vào/tiếp tục đi vào lãnh vực văn chương?*

Tại sao ư? Câu trả lời ngắn nhất, đơn giản và trực tiếp nhất: trong tất cả những khả năng vặt vãnh của tôi như viết lách, ngâm thơ, ca hát, may vá, nấu nướng, trang trí nhà cửa..., viết là chuyện tôi biết làm một cách giỏi giắn nhất. Thời tiểu học, trung học cũng như đại học, môn học tôi xuất sắc nhất là luận văn, giảng văn, triết; môn học tôi dở nhất là toán và khoa học. Khi di tản sang Hoa Kỳ, cái sở đoản tệ nhất của tôi, kỳ diệu thay, lại nuôi dưỡng và cứu sống cái sở trường đang nằm bệnh thập tử nhất sinh. Văn chương quả là một món hàng xa xỉ, nhưng chẳng may, nó lại là cái khả năng tạm được nhất mà tôi

có được. Như câu trả lời tương tự của Beckett: "That's the only thing (writing) I'm good at" Điều khác biệt là cái sở trường của Beckett đưa ông vào ngôi nhà văn chương của thế giới, còn cái khả năng tạm được nhất của tôi thì có lẽ chỉ để ... trả lời phỏng vấn của báo Văn Học mà thôi. Tuy nhiên, tôi cũng tự an ủi rằng, biết đâu ngôi nhà văn chương của Beckett thì thênh và cái túp lều gianh của tôi thì nhỏ tí teo nhưng hạnh phúc của hai vị chủ nhân thì không khác nhau là mấy, có khi hạnh phúc của tôi lại có bề đồ sộ hơn, bởi thường thường, đó là cái may mắn dành cho những kẻ bất tri.

Về vấn đề thời giờ, đối với tôi, thời giờ tuy không phải là yếu tố duy nhất, ắt có và đủ để sáng tác, nhưng thời giờ quan trọng lắm lắm cho món hàng xa xí này. Hai tác phẩm đầu tôi toàn viết trong sở, vào những giờ rỗi rảnh. Tác phẩm thứ ba một nửa viết ở sở một nửa viết ở nhà. Sau đó, sự nghiệp văn chương cuả tôi có vẻ trôi theo giòng ... kinh tế nước Mỹ: công ty tôi làm việc trải qua một thay đổi toàn diện theo tiêu chuẩn đại khái kiểu một người làm việc bằng ba; thêm vào đó, công việc phục vụ hai đấng nhi đồng tại gia có vẻ tăng tưởng theo chiều dài và chiều cao, trong khi tôi cứ đinh ninh rằng công tác này sẽ phải tỷ lệ ngược với số tuổi cuả chúng. Thử tưởng tượng một công nhân viên sau một tuần làm việc đầu óc mệt nhoài và một bà mẹ sau một tuần chăm chỉ làm cảnh sát nhắc con làm bài tập, tắm rửa, thay quần áo, đánh đàn ..vân vân và vân vân, vừa mới có đôi phút tơ lơ mơ nghĩ đến cái kết luận của truyện ngắn sẽ viết, đã bị đánh thức bởi những thông điệp rất khẩn cấp chẳng hạn: Mẹ, cái thắt lưng của con đâu. Mẹ, cái quần jean mới của con đâu. Mẹ, Bon đánh trúng mắt con. Mẹ, con cần đi thư viện muợn sách để làm bài nộp tuần tới. Mẹ. Mẹ. Mẹ... Nhà văn yếu thế bèn lặng lẽ rút lui nhường chỗ cho bà mẹ tong tả tiến vào.

Thời giờ để suy nghĩ về điều mình muốn viết cộng thêm thời giờ hoàn toàn có tính cách cần cù lao động ngồi gõ vào máy tính (hoặc gò lưng viết tay) trang nọ sang trang kia. Nếu không suy nghĩ mà cứ sáng tác, hẳn tác phẩm của người viết có nhiều hy vọng bay xẹt qua cánh cửa ngôi nhà văn chương rơi đúng vào ... sọt giấy. Và để cho sự suy nghĩ có cân lượng, ở thế kỷ hai mươi bước vào hai mốt này, số lượng sách phải đọc là bao nhiêu? Đọc sách gì? Đọc thế nào? Đọc ai? (Những câu này chép của Văn Học) Một ngày có hai mươi bốn tiếng, mười tiếng tiêu vào chuyện đi làm và lái xe/kẹt xe, bao nhiêu tiếng để trông nom theo dõi giáo dục con cái, bao nhiêu tiếng dành cho công việc gia đình nội trợ bếp núc, bao nhiêu tiếâng dành cho việc đọc, một cách thông minh và có hiệu quả? Những câu hỏi nếu cứ thế tiếp tục

(và có thể tiếp tục nhiều trang giấy nữa), tôi sẽ thay vì trả lời Văn Học, lại làm một cuộc phỏng vấn lại Văn Học và độc giả cũng như người viết, trong số đó có cả tôi, thì thật là hỏng kiểu. Coi tôi sẽ rất giống một con mèo tự cắn cái đuôi của mình. Vậy xin ngưng câu trả lời này ở đây, để mượn lời của Claude Simon mà rằng: văn chương là một thứ cực kỳ vô tích sự. Và rồi xin nối thêm một mệnh đề đuôi: nhưng nếu cái việc vô tích sự này thể hiện được tôi, toàn thể được tôi trong cái tôi nhìn ra ngoài thế giới, nó sẽ trở thành một việc làm nên tích sự đối với người viết và độc giả của người ấy. Vấn đề thời giờ và tích sự là hai vấn đề vẫn thường ám ảnh tôi trong chuyện đi vào/ tiếp tục đi vào/đi ra khỏi lãnh vực văn chương.

2) *Viết cái gì?*

Viết trong giòng văn chương di dân của thế giới.

3) *Viết như thế nào?*

Trước 1975, tôi không được biết có một cuốn sách Việt ngữ nào thật sự bàn về kỹ thuật viết truyện. Sau 1983 (năm tôi thật sự khởi viết), tôi bắt đầu học lóm đây kia. Theo sự học rất ư là thảng hoặc này, tôi nghĩ rằng truyện ngắn bắt đầu bằng kết luận và truyện dài bắt đầu bằng vấn đề.

4) *Viết cho ai đọc?*

Có lẽ đây là câu hỏi và cũng là câu trả lời buồn bã nhất. Một sinh hoạt văn học không thể khởi sắc nêu không có một xã hội, một cộng đồng hay một quốc gia đứng hỗ trợ đằng sau. Ngày trước ở quê nhà, sự hỗ trợ đó vốn đã không lấy gì làm phấn khởi cho những người theo đuổi cái nghiệp văn chương thực sự (khác với văn chương thương mại), sống ngoài đất nước, sự hỗ trợ đó tuy có phần khả dĩ dễ dàng hơn về phương diện vật chất, nhưng lại càng bội phần khó khăn hơn về phương diện tinh thần. Người viết ở hải ngoại, theo tôi nghĩ, chỉ còn một con đường duy nhất là nhập vào giòng văn chương thế giới (câu trả lời số hai), và cất được lên tiếng ca của mình bằng thứ ngôn ngữ mà thế giới hiểu được. Và để làm được điều này, người viết cần có tài năng vượt bực, sự nhẫn nại học hỏi, chí làm việc không ngừng và thêm vào đó là một tình cờ may mắn ngang với trúng lô độc đắc. Tất cả những điều này tôi đều không có nên xin kết bằng một câu trả lời rất giản dị và bảo đảm đúng trong mọi trường hợp: tôi viết cho độc giả cuả tôi và chính tôi. Con số này nhất định phải lớn hơn một.

Sau cùng, xin xí xoá tất cả những điều có vẻ "phủ định", những điều "nghe ra ngậm đắng nuốt cay thế nào" bằng một lời huá hẹn tươi tỉnh hơn, rằng, dù thế nào đi nữa, dù vấn đề thời giờ và tích sự có gay cấn thế nào đi nữa, tôi cũng vẫn đang cố gắng thử thót tiếp tục đi vào

thế giới văn chương bằng cách thu xếp thời giờ và đời sống cho tuyển tập truyện ngắn trong dự án "Voices of Immigrant Women" của nhà xuất bản SUNY Press (State University of New York), một loạt sách xuất bản để dùng trong việc giảng dậy tại đại học trong những ngành như Women Studies, Asian American Studies, English, Ethnic Studies, và cả cho độc giả ngoài đại học, trong đó tính cách văn chương của tác phẩm là một trong những yếu tố chính để được tuyển chọn, bên cạnh những yếu tố khác như tính cách lịch sử và tính cách nhân bản.

Nhân đây, thay vì một truyện ngắn đắc ý nhất của tác giả, xin gửi Văn Học "Tự Truyện Của Bóng," bài mới viết cho dự án này. Ôi, túp lều tranh lý tưởng cuả tôi, xem ra thì niềm hy vọng và ước mơ cũng vừa đủ một cuộc chơi.

tự truyện của bóng

trần diệu hằng

Truyện trong câu chuyện

Ngày xửa ngày xưa, ở một xứ xa xôi bên kia bờ Thái Bình Dương, có một người thiếu nữ nằm mơ thấy kiếp trước vì phạm phải lỗi lầm muốn hợp nhất mình với bóng nên bị tước bỏ hình dạng thiên thần và lưu đày xuống trần giới ....Những tràng cười tống biệt của bầy thiên thần bạn mãi mãi còn vẳng bên tai người thiếu nữ mỗi khi cô ngước mắt nhìn về phía Thiên Đỉnh...

.....khi vừa bước chân lên năm thứ ba trường đại học Luật Khoa, cô ấy chọn ngành Công Pháp với một niềm mộng tưởng mơ hồ rằng cô sẽ trở thành một nhà ngoại giao tài ba. Trời cho cô sức quyến dụ đám đông bằng ngôn từ. Dĩ nhiên cô rất thích kể chuyện, cô đã mỉm cười sung sướng với chính mình khi lần đầu ở tuổi mười một cô đã nhất lớp môn trần thuyết. Hai năm sau, vị nữ giáo sư Việt văn cuả cô nói "Khi em kể chuyện thầm thì trong đêm, những vì sao sẽ đi lạc, và khi em cất lời trước công chúng, em sẽ thu về muôn vạn trái tim." Những lời ngợi khen kế tiếp về tài thuyết trình cuả cô thời trung học cũng như năm đầu tiên ở bậc đại học chỉ làm cô hài lòng trong chốc lát và không ngừng lại ở đó. Cô tiếp tục mơ, những giấc mộng mơ hồ lẫn lộn, đi tìm lại đôi cánh thiên thần dường như đã một thuở nào thân thuộc. Cô thường hình dung mình bước lên những chiếc phi cơ khổng lồ và tối tân, bay tới những vùng trời xa lắc; bay đi, trở về, bay đi, trở về...Những lúc ấy, cô thoáng mỉm cười

chào đón tương lai.

Ở vào một lúc hoang mang và bất ngờ nhất, chuyến bay đầu tiên trong đời cô thình lình cất cánh vào một đêm tối chập chùng cơn địa chấn báo điềm thế giới mạt vong. Tuy đó cũng là một chiếc phi cơ khổng lồ, tối tân, nhưng lại không có tiếp viên hàng không, lòng phi cơ mở rộng trông như một con quái vật há mồm nuốt chửng đám hành khách vốn đã kiệt lực vì nỗi bàng hoàng nay được nhét như cá hộp đến mức mỗi người chỉ còn có vừa đủ lượng dưỡng khí để thở. Chuyến bay tưởng như sẽ bay về một hướng vô định đó cuối cùng đã đưa cô tới một vùng trời xa lạ. Khác với một chuyến bay có mua vé khứ hồi, chuyến bay này không hẹn ngày giờ quay về, và người thiếu nữ chúng ta vừa thấy cô ta nằm mơ năm nào đã không mỉm cười chào đón tương lai mà lại đang chết sững hướng mắt nhìn xuống thành phố Sài Gòn sáng đèn bên dưới cho đến khi những điểm sáng ấy chỉ còn nhỏ bằng những giọt lệ nóng hổi đang lăn trên gò má. Lúc ấy, cô còn quá trẻ để biết rằng giấc mơ của cô đã vừa bị bàn tay bạo tàn của lịch sử bức tử. Nhiều năm sau đó, từ trước khi nghe tin bản án khâm liệm tiểu thuyết hiện đại nổi tiếng chuông chiêu hồn từ một âm địa chấp chới những cô hồn cuồng tín đang nhảy múa trong một ngày nhật thực, cô đã mỉm cười cùng lúc với giọt lệ khi gặp lại giấc mơ này trong *Quỷ Thi* (Salman Rushdie), thấy mình hóa thân thành thành Gibreel hoặc Saladin đang bay bổng trên độ cao hơn hai chục ngàn bộ sau khi bị hất ra từ chiếc máy bay Bostan vừa nổ tung và đang lao mình vùn vụt rớt xuống thành phố thủ đô London của Anh Quốc.

Cũng như Gibreel, lần đầu tiên trong đời cô thiếu nữ của chúng ta đã miễn cưỡng bỏ lại sau lưng những mảnh vụn nát của ký ức, của tâm hồn, của tình yêu đã mất, để chỉ còn vừa kịp lắng nghe vẳng đâu đây những âm xưa vang vọng những chữ đất, thuộc về, nhà (land, belonging, home). Và cũng giống như anh chàng Gibreel chết đến nơi vẫn còn ưa đùa cợt, tự hỏi trong cơn nửa tỉnh nửa mê:

Who am I?
Who else is there?

(Salman Rushdie, *The Satanic Verses*, p. 4)

Chuyến bay kỳ lạ đưa đám hành khách cũng không kém lạ kỳ tới một hòn đảo tuy đẹp như trong mơ nhưng không phải để tắm biển và hóng gió hay nghỉ hè mà để táo tác tìm nhau và ngậm ngùi than khóc cái thân phận thất lạc. Cũng ở trên hòn đảo đẹp như mơ đó, dưới một gốc cây dừa ven bờ nhìn ra mặt đại dương xám xịt nhoà nhòa lẫn với đường chân trời của ngày hôm ấy, cô sinh viên ngây ngô của chúng ta lần đầu tiên đã sử dụng ngôn ngữ để tìm kiếm và nhận dạng sự thất lạc của mình. Cô cũng đã lặn sâu được xuống đáy cùng của ý nghĩa chữ đất. Cô xin được

một tập giấy và một cây bút chì. Cô đã ném tất cả sự ngây thơ đời mình trên những giòng chữ viết. làm chứng nhân cho bản thân. Không ngờ sau này, ngôn từ buổi đầu, tập giấy và cây bút chì đó lại trở thành bạn thiết của cô.

Rời hòn đảo xa lạ, cô miễn cưỡng phiêu du tới một vùng núi đồi hoang dã cách đảo tới nửa ngày đường bay. Có một số người không hề quen biết đến đón cô. Trong đêm tối lạnh giá, cô ngạc nhiên thấy lồng ngực của họ lấp lánh những trái tim vàng. Những trái tim hồn nhiên của nhân loại luôn luôn biết ca hát và nhỏ lệ, ở ngoài sự tàn khốc xốc tới của lịch sử, những trái tim ấm áp chưa hề quen biết ấy nhiều năm sau đó vẫn được nhân vật của chúng ta ghi nhớ.

Phấn hoa của vùng đồi năm ấy để lại những cơn ho dữ dội trong vùng trí nhớ mù mịt của cô. Những cơn ho như tiếng đập thăm dò một cách tuyệt vọng lên cánh cửa tương lai. Những cơn ho đẩy nhân vật nữ của chúng ta ra khỏi vùng đồi, khỏi những bước chân dò dẫm trên đường phố đô thị. Cô đi, cô phải đi thôi, tìm đường sống cho cô, người chị và cha mẹ già đã cùng cô bước lên chuyến bay định mệnh.

Từ giã phấn hoa, người nữ này bước vào một vùng không gian ngập đầy bụi sắt rầm rập tiếng máy cưa và xoèn xoẹt tiếng của những phiến kim loại chạm nhau. Giấc mơ làm nhà ngoại giao như một con chim họa mi bé nhỏ, cất cánh bay qua bức màn di dân và rơi bịch xuống một xưởng làm dụng cụ văn phòng, ngóng cổ hát lên bài ca sắt thép. Đôi vai gầy của cô mỏi nhừ theo hàng trăm lần lập lại y hệt một động tác. Nước mắt cô lã chã rơi xuống chào hỏi mặt bàn gỗ bọc sắt, chúng lạnh nhạt khinh khỉnh chẳng thèm ừ hử lại một câu. Những giọt nước mắt nóng hổi mặn chát giúp người thiếu nữ hiểu thấm thía ý nghĩa hai chữ thuộc về. Nơi này, cuộc sống này có mang cái ý nghĩa uyên nguyên, khởi đầu của ta thuộc về không? Một câu hỏi khác đẩy cô đến tận cùng của nỗi thất lạc: Nhà ta nay ở đâu?

Khi những chi tiết dựng truyện xem chừng đã đậm mầu tê tái, chúng ta cần cho độc giả đôi phút nhẹ nhõm bằng cách cho xuất hiện một nhân vật tươi sáng mà đời sống trong truyện hiển nhiên là phải ngắn hạn. Một bà bác sĩ tâm lý trị liệu, có bằng cấp đấy nhưng chưa từng hành nghề vì vừa tốt nghiệp đã lấy ngay một ông bác sĩ bạn học cùng trường và cống hiến khá nhiều năm tháng thanh xuân của cuộc đời bà cho nhiệm vụ làm vợ và làm mẹ, đã gặp cô sinh viên di dân của chúng ta tại một nhà thờ. Qua cái vốn liếng Anh ngữ khiêm nhường nhưng khá căn bản của cô, bà bác sĩ nghe ra khúc hát khào khào của một con họa mi mất tiếng. Bà bảo "Cô quá thông minh để chỉ làm lao động tay chân. Hãy lấy tiền của tôi cho mượn mà đi học." (Lời chú của tác giả: thuở ấy cô di dân này không

hề biết tới dịch vụ Trợ Cấp Xã Hội, mà dẫu cô có biết, người viết cũng sẽ cho cô cái phong cách hào hùng từ chối đặc ân của miền đất hứa).

Cô đã chỉ đồng ý mượn tiền bà bác sĩ với điều kiện bà phải cho cô trả lại trọn số trong vòng một năm. Buổi tối, sau một ngày lao động rã rời, có tới trường đại học cộng đồng trong vùng để học thêm Anh ngữ. Có đêm, không chịu nổi nỗi nhức buốt của hai bờ vai và nỗi đau xót lẫn sợ hãi của kẻ thất lạc, cô đã bỏ học ngồi khóc âm thầm trên một băng ghế sân trường.

Cô nhẫn nại leo dần từng bước, lúc đầu chậm, sau nhanh dần, nhanh dần. Sau hai năm làm việc vất vả và dành dụm, với sự đồng ý và hỗ trợ của người chị lớn hơn cô gần hai mươi tuổi, cô sinh viên di dân quyết định thôi việc để trở lại làm một người đi học toàn phần. Cô chọn ngành Sinh Hoá, thay vì học tiếp ngành Luật, vì giấc mơ những chuyến bay đi lại giữa những thành phố những thủ đô thế giới đã bị ám sát; phần khác, cô tự ví mình như con két đầu lưỡi đã bị chấm thuốc độc, mất hết khả năng bắt chước tiếng người.

Rồi sao nữa nhỉ? Nào có gì lạ đâu, câu chuyện của một cô gái di dân? Có hàng ngàn, hàng vạn những câu chuyện di dân khác ly kỳ hơn nhiều. Lại còn bi ai thương tâm bằng vạn lần hơn thế nữa. Câu chuyện này, nếu có chi đáng được kể tiếp, không phải vì những tình tiết có thật, hay không có thật của nó, mà bởi vì sự xuất hiện trở lại của cây bút chì và tập giấy trắng, sự xô đẩy của một ngôn từ không chịu chết mà cô sinh viên đã gặp gỡ ngày nào trên bờ biển của hòn đảo thơ mộng đau thương. Người bạn này chỉ trở lại tám năm sau đó, khi người thiếu nữ thanh xuân đã trở thành người vợ và người mẹ, khi đời sống của người đàn bà này tương đối đã tạm ổn định, và khi khoảng cách giữa nhân vật nữ và sự thất lạc đã rộng lớn đủ để bà có thể phục sinh nó bằng ngôn ngữ. Cây bút và tập giấy ngày trước biến dạng thành *keyboard* và *computer monitor*. Chuyện nghe, chuyện thấy, chuyện cảm, chuyện nghĩ của tám năm khoảng cách xa tuyệt mù với đất với tình cảm thấy mình thuộc về, với nhà như nước vỡ bờ đê, trở thành *Văn Chương Cuả Thời Thảm Họa* (Literature of Disaster). Một tác phẩm in thành sách. Một đứa con ra đời. Lại một tác phẩm in thành sách. Và một đứa trẻ nữa ra đời. Người đàn bà dường như kiệt lực ở chặng cuối: cuộc ly dị. Sự cạn tuyệt của đời sống này cũng có thể là bắt nguồn của một đời sống khác: Truyện của một câu chuyện (story within story) chấm dứt và nhân-vật-nữ-người-viết lắng nghe tiếng cười của bóng mình lang thang trong không gian bản văn hôm nay.

Tiếng cười thiên thần hay tiếng cười của bóng mình?

Tiền kiếp của người thiếu nữ là thiên thần. Cô ta đã bị lịch sử nhận chìm trong một hoàn cảnh sa đọa không thể cứu chữa được. Trong thân

thể cô cưu mang cả hai yếu tố thời gian trên trục hoành (tiền kiếp, lịch sử) và không gian trên trục tung (sa đọa, vô gia cư). Trên hai trục tung hoành này ngôn từ làm hiện hữu những thực tại văn chương vang vang tiếng cười của thiên thần gẫy cánh đang đuổi bắt bóng mình.

Để hiểu rõ hơn về người thiếu nữ này chúng ta hãy trở lại tìm gặp người đàn bà trong "Thiên Đỉnh," đầu trần đi dưới nắng và người đàn bà khép nép đi trong bóng rợp của những tàng cây đã luân phiên hiện hữu trong một cuộc đời ở những phút này, khác, cuộc đấu tranh sống còn giữa hai cá tính khác biệt để giành phần là người hay bóng tiếp tục âm thầm tranh bước nhau trên/trong những mặt phẳng thời gian không gian biến/hiện thoáng chốc, cho đến khi một tình cờ nào đấy của định mệnh đẩy ập họ vào nhau, va chạm nẩy lửa, và rồi sống hoà bình chung cùng trong một cuộc đời với chính họ và với thiên nhiên.

Người thiếu nữ hôm nào nằm mơ thấy những tràng cười của đám thiên thần bạn hữu kiếp trước nhiều khi vẫn đinh ninh rằng truyện (story) là âm vang tiếng cười thiên thần và cũng lại chính là tiếng cười của bóng mình. Một cách không chủ tâm để lộ định ý, chúng ta thấy bên cạnh sự có mặt của Trâm là Uyển ("Vũ Điệu Của Loài Công"), bên cạnh sự có mặt của Thuý là Ngà ("Ngày tháng Qua Đời"), bên cạnh sự có mặt của Quế là Thôi ("Rồi Ngày Vẫn Mới"). Truyện kể tục không ngưng nghỉ sự vang vọng tiếng cười của bóng mình vì Phương không hiện rõ nét trên màn ảnh nếu không có Uyển ("Đường Tầu"), Tr. không ra khỏi cái bẫy sập của chính nàng nếu không có tiếng đập cửa của Sybil ("Nhìn Lại Doula Lần Cuối").

Trong cuộc chơi đuổi bắt giữa người với bóng hay cuộc đuổi bắt không ngừng nghỉ giữa tình cảm và lý trí Tr. tình cảm soi thấy bóng mình trong Tr. lý trí, sống thế này hay thế khác ở những khoảnh khắc thời gian khác nhau. Hai người đàn bà hoán vị, đổi chỗ cho nhau, nhưng họ không là một. Họ đầy tự do và người tạo ra họ cũng đầy tự do, nhiều khi đẩy ngôn từ vượt ra ngoài qui luật cuộc chơi.

Bóng/Người. Bóng lớn hơn, bóng che khuất người? Hay người mới là thực và bóng chỉ là hư cấu? Buổi sáng, bóng ngập ngừng ẩn nấp quẩn quanh như không xác định được không gian hiện hữu. Chỉ thấy người thực với nguồn sinh lực tràn ứ của ban mai vút đi như một mũi tên không cần định hướng. Nhưng mỗi giờ qua là mỗi phút giây lớn thêm của bóng, cùng với nhịp đập chậm dần của trái tim ban mai. Nguồn sinh lực tràn trề chưa định hướng thoát dần khỏi thân thể, chiều dài của bóng tăng nhanh. Lý trí sắc sảo hoạt động âm thầm như bóng. Tình cảm sinh động quyến rũ như tuổi trẻ. Chúng ở bên cạnh nhau chuẩn bị cho cuộc hoán vị. Giữa trưa, chiều cao của bóng vút lên che khuất người, hay đó là phút nhân vật

nữ của "Thiên Đỉnh" tìm thấy Chính Ngọ của cuộc đời bà? Bóng không là thực, và bóng cũng là thực. Người là thực, và người cũng là không thực khi cuộc hoán vị giữa người và bóng đạt tới mức độ tuyệt đối, xẩy ra ở một khoảnh khắc nào đó của không gian và thời gian.

Bóng/Người trong văn chương. Người viết Tr. hoàn toàn là Tr. hay trong Tr. có thấp thoáng những bóng quá khứ của người viết X., người viết Y.? Nhân vật nữ X., nhân vật nữ Y. trong căn nhà tiểu thuyết? Tr. chỉ định nghĩa được chính mình khi đến từ nhưng thoát khỏi/vượt qua/lớn lên từ bóng của quá khứ văn chương. Và ngày nay nhân loại đang ngày càng bị đẩy đến gần nhau, dù muốn dù không. Ở thời đại của kỹ thuật và tin tức, những chiếc phi cơ tối tân đã lấp bằng những khoảng cách lục địa và đại dương; nền kinh tế toàn cầu đã không còn là sự chọn lựa cân nhắc mà là sự cần thiết để sống còn; và văn chương của hậu bán thế kỷ hai mươi là văn chương của những người không nhà. Văn chương di dân. Bóng văn chương ngày càng mở rộng, trùm lấp. Tr. đến từ vùng đất phương Đông đem theo cảnh sắc phương Đông sẵn sàng cho một cuộc hoán vị nội tại với chính mình và với kẻ khác ở phương Tây. Nhiều cánh cửa của căn phòng tri thức bị mở bật tung, bầu không khí tràn ngập những mùi vị khác biệt, mùi bùn đất sông Cửu Long lẫn với mùi hương sực nức của những loại dầu thơm nhân tạo trong department store Crystal Court, tiếng ầu ơ ru con trên chiếc võng sau hè trộn lẫn với tiếng gào tình của Madona. Không gian đời sống, không gian văn chương vụt lớn mênh mông, vụt nhỏ tít tắp. Người viết Tr. thất lạc, hoán vị, xoay trở, đứt hơi, cạn kiệt, xoay trở, hoán vị, và viết để định nghĩa sự thất lạc của mình cho đến khi tìm lại được mình trong cố gắng định nghĩa sự thất lạc, trong cuộc đối thoại với những người và những bóng văn chương.

Truyện là tiếng cười của bóng mình trong cuộc chơi ngôn từ. Truyện là cuộc hoán vị hai chiều của Tr. lý trí và Tr. tình cảm. Truyện là sự dung chứa, giao hoà, xoá đi, viết lại giữa bóng của quá khứ văn chương và hiện tại người viết.

Bản viết và bản thân

Cách đây hơn nửa thế kỷ, ngoài một số ngoại lệ hiếm hoi, người nữ trong văn chương Đông Tây còn là một bóng mờ nhạt như sương khói, còn là một hình nộm được huấn luyện và giao phó những nhiệm vụ tiền định, một chủ thể chỉ có khả năng chấp nhận mà không thắc mắc. Rất nhiều người nữ phương Đông, nhất là ở những nước kém phát triển, đã bị từ chối quyền được theo đuổi học vấn. Hoàn cảnh sinh sống, văn hoá, luật lệ chính quyền, thẩy đều chống lại việc giáo dục người nữ, họ không được trang bị thứ vũ khí tinh thần cần và đủ để tự vệ, nói chi đến định nghĩa bản thân, một tiến trình chót cùng của chặng đường thoát khỏi sự

thất lạc chính mình.

Nhưng rồi thế giới đã dần dà thay đổi. Bóng dáng người nữ đã có mặt trong hầu hết mọi sinh hoạt văn học nghệ thuật cũng như khoa học và thương mại. Văn chương của thế kỷ hai mươi không thể không nhắc đến nữ giới. Như những con chim nhốt lâu ngày trong lồng kín lại được thấy trời xanh, giòng văn chương nữ giới hối hả chuyển mình vút cánh bay lên nền trời cao rộng. Viết để rạch toang bức màn dầy bít của cảm giác hoang mang thất lạc. Viết để đặt ra những câu hỏi tự thân và từ đó định vị mình, người nữ, hiện hữu trong cái thế giới chủ thể (viết) ấy đang sinh tồn.

Không kể một số ngoại lệ, phần đông người nữ ngày xưa không viết, nhưng họ không thể không sanh đẻ và không nuôi con. Người viết nữ của hiện tại sanh đẻ như viết và viết như sanh đẻ, và có sự chọn lựa để làm cả hai hoặc không làm cái nào. Tác phẩm là một loại con cái, và ngược lại. Nhu cầu viết để thể hiện cái Tôi Viết, mà không là cái Tôi Tôi

For writing, like a game that defies its own rules, is an ongoing practice that may be said to be concerned, not with inserting a "me" into language, but with creating an opening where the "me" disappears while "I" endlessly come and go, as the nature of language requires

Trịnh thị Minh Hà, *Woman, Native, Other* , p.35

Đó là một thứ nhu cầu chỉ cần thiết cho người chọn hành động viết, nhưng nếu người viết này, cùng lúc, có cả nhu cầu làm mẹ, sự định vị chính mình, người-mẹ-người-viết đó trở thành một vấn đề sinh tử, bởi khó có người có hoàn cảnh kinh tế, tài ba và năng lực để làm trọn vẹn hai điều ấy cùng một lúc.

....

Một: *Chỗ đứng của Viết ở đâu trong đời sống bạn?*

Hai : *Như một cách "cứu rỗi" nửa vời.*

"Thiên Đỉnh"

Người viết-người-mẹ nhìn về cõi viết của mình như thế vì bà còn trăn trở trong sự định vị chính mìnhụ như một chủ thể không trọn vẹn. Bà không có cách cứu rỗi nếu không viết, nhưng cũng không thể chấp nhận mình là một người mẹ thiếu bổn phận. Thể hiện cái Tôi Làm Mẹ theo ý thức của chủ thể tự định nghiã/ chấp nhận/yêu thương vai trò ấy một cách khác với định nghĩa thông thường có sẵn theo khuôn khổ của xã hội là một tiến trình đòi hỏi người-mẹ-công-nhân-viên-toàn phần của thế kỷ hai mươi thứ tâm/lao lực ở tầm mức ngang ngửa với thứ tâm/lao lực đòi hỏi chủ thể thể hiện cái Tôi Viết.

Những ý muốn đối nghịch nhau trong chiều thời gian, như Bóng và Người, như Tôi Làm Mẹ và Tôi Viết, va chạm nhau, dồn nén dâng cao cho

đến khi chủ thể tìm tới chính ngọ, đỉnh của tâm thức bà. Đó cũng là lúc người viết-người-mẹ tự tìm thấy định nghĩa bản thân.

Định nghĩa về con cái:

- Tôi chỉ có thể thể hiện cái Tôi-Mẹ-Nuôi-Dưỡng trong một khoảng thời gian nào đó của cuộc đời. Những chuyến xe với thời khoá biểu định trước, chuyến đầu Mẹ Bồng-ẵm, chuyến giữa Mẹ-Âu-Lo, chuyến chót Mẹ-Bùi-Ngùi-Mừng-Tiễn, sẽ không cho tôi cái tự do hoàn toàn chọn lựa giờ lên đường. Nếu đón hụt chuyến xe, tôi sẽ không có cơ hội thứ hai ở ngoài khoảng thời gian đã định.

- Con cái tôi là máu xương nhìn thấy.

- Con cái tôi không thuộc về ai ngoài chính nó. Con cái và tôi thuộc về nhau bởi một định nghĩa duy nhất: Mẹ - Con.

Định nghĩa về tác phẩm:

- Tôi có toàn quyền thai nghén con cái tôi từ khi tôi bắt đầu có nhu cầu viết cho đến khi nhu cầu này không còn.

- Con cái tôi là xương thịt không hình dạng.

- Con cái rời tôi hiện hình thành sách sẽ lập tức thuộc về người đọc. Độc giả có toàn quyền diễn dịch theo ý họ thích.

Định nghĩa về người-mẹ-người-viết:

-Một: Có niềm hạnh phúc đơn giản của người đàn bà săn sóc gia đình. Và có thứ hạnh phúc nhọc nhằn hiếm hoi và rực rỡ bất chợt đến từ nguồn cảm hứng sáng tác. Cả hai không thể có mặt cùng lúc. Chúng không nhân nhượng nhau.

- Hai: *Vậy chọn bên nào?*

- Một: *Không chọn bên nào cả.*

"Thiên Đính"

Người viết-người-mẹ đã chọn không để hai định nghĩa trong cùng một mặt phẳng thời gian, bởi chúng không nhân nhượng nhau nhưng cũng không triệt hủy nhau.

Ngược lại, định nghĩa về con-cái-xương-thịt và con-cái-tác-phẩm giúp cho người viết-người-mẹ vạch được hướng đi của văn chương và cuộc đời.

Cưu mang thân xác con trong thân xác mẹ chín tháng mười ngày, người mẹ tìm được định nghĩa bản thân về khả năng dung chứa "kẻ khác". Nỗi đau đớn lúc lâm bồn cho người mẹ định nghiã về giới hạn của xác thân. Ngắm nhìn con lúc đang say ngủ trong bóng mờ của ngọn đèn đêm, người mẹ ý thức được niềm hạnh phúc và tự hào tuyệt vời cuả khả năng

tạo sinh tiềm tàng trong thân xác mẹ. Và viết từ thân xác mẹ cũng từ đấy khởi đi, như gạch nối giữa đất và trời, giữa bờ sinh và cõi tử. Khi chăm chút lo lắng hy sinh cho đứa con, người mẹ ra khỏi cái Tôi Tôi để trở thành Tôi Mẹ, cũng như người viết trong hành động viết, không phải để đem cái "tôi" vào trong ngôn ngữ, mà để khởi đi từ chốn cái "tôi" biến mất trong khi cái Tôi Viết đến, đi không dứt trong mạch ngôn ngữ thiên nhiên.

Người mẹ không biết quên mình để lo cho con cũng không khác chi một kẻ viết chưa tìm được định nghĩa đứng đắn cho hành động viết. Bởi cả hai hành vi đó đều cực điểm, đều rốt ráo, nên chăng chúng không nhân nhượng mà lại chẳng bội phản nhau bao giờ. ❐

Bài viết cho loạt sách Voice of Immigrant Women *của nhà xuất bản SUNY Books (State of University of New York), bản dịch Anh ngữ của giáo sư Trần Quí Phiệt, Department of English, Schreiner College, Texas.*

đón đọc

VănHọc

SỐ 117&118
XUÂN BÍNH TÝ 1996
CHỦ ĐỀ: NIỀM HY VỌNG MỚI
phát hành giữa tháng 1 năm 1996

- ☐ giới thiệu những cây bút thuộc thế hệ trẻ, sáng tác bằng ngoại ngữ về những kinh nghiệm hội nhập và duy trì bản sắc văn hoá việt nam
- ☐ tổng kết sinh hoạt văn học trong năm qua
- ☐ cùng những sáng tác mới của những nhà văn, nhà thơ bạn đọc hằng yêu thích.

Thần thoại Việt Nam

HOÀNG NGỌC BIÊN

Nếu quả thật như thế -
rằng mùa thu gió trên đồi thổi hắt những lá và lá
rằng người đàn bà trên núi vẫn ở trên núi
ngày ngày đi ngược gió
một mình
lên chỗ cao nhất có thể lên
nhìn xuống thấp những mái nhà sương phủ
khói buổi chiều làm ấm nỗi nhớ muôn trùng
mái tóc bạc phơ bay nghiêng
làm lệch hẳn cảnh hoàng hôn trên núi
mỗi bước chân
nhấp nhô một gọng kính vàng trên sóng mũi.

Nếu quả thật như thế -
rằng những đêm đông xào xạc ngọn gió khuya
rằng người đàn bà trên núi vẫn ở trên núi
đêm đêm ngồi bên ngọn đèn ngược sáng
một mình
hồi tưởng nơi xa nhất có thể hồi tưởng
nhìn sâu vào quá khứ mù sương
khói điếu thuốc cháy trên tay lung linh những kỷ niệm êm đềm
đôi mắt buồn nghiêng nghiêng
làm lệch hẳn một căn phòng trong trí nhớ.

Nếu quả thật như thế -
rằng hoa lá mùa xuân không làm tươi nối một cuộc đời
rằng những buổi sáng vui nhất của sáng
người đàn bà trên núi vẫn ở trên núi
ngày ngày đi lại giữa cỏ cây
đôi mắt thâm quầng nặng trĩu nỗi đau đã chết
quét một vòng dài đồng nội
thấy trong mây khói dưới sâu
chập chờn những bóng hình tơi tả
làm lệch hẳn một chân trời lấp lánh
xanh lam.

Nếu quả thật như thế -
rằng khi tia lửa nóng mùa hè đốt cháy những rừng cây
người đàn bà trên núi vẫn sống trên núi
rằng giữa vòng tròn đỏ rực treo trên đỉnh đầu
nhấp nhô những bờ bãi quá khứ thần thoại
hiện nguyên hình những hồn ma xưa cũ
đang khoe những điệu vũ dân tộc và những
bài ca bi hùng
làm lệch hẳn những thành phố trần gian -
Nếu quả thật như thế -
thì đã có một thần thoại Việt Nam.

phan ni tấn

Phan Ni Tấn sinh ngày 6 tháng 3 năm 1948 tại Ban Mê Thuột. Lớn lên tại Sài gòn. Quê nội Cần Giuộc. Quê ngoại Huế, Thừa Thiên. Theo học Đại học Khoa học Sài gòn năm 1969. Nhập ngũ trường Bộ binh Thủ Đức năm 1971. Sau tháng 4.1975 bị tập trung cải tạo tại Quân lao Ban Mê Thuột. Vượt biên đến Thái lan năm 1979. Định cư tại Canada năm 1980.

Chủ tịch Trung tâm Văn bút Ontario nhiệm kỳ 1989-1991. Cộng tác với các báo *Văn, Văn Học, Làng Văn, Nhân Văn, Độc Lập, Nắng Mới, Rạng Đông, Tạp chí Thơ, Phụ Nữ Diễn Đàn, Diễn Đàn Tự Do, Sài Gòn Times*...

Tác phẩm đã xuất bản:

Hồi Ký Thơ, Làng Văn xuất bản, 1988.

1. Cũng nên nói ngay rằng tôi cầm đàn viết nhạc vào năm đầu đại học 1969 trước khi cầm bút làm thơ năm 1971 khi vào lính. Mặc dù hăng say trong việc sáng tác, nhưng không hiểu tại sao lúc đó tôi vẫn không quen trân trọng những gì mình đã viết ra. Có được bốn nhạc hoặc bài thơ nào là thảy hết cho bạn bè hát xướng, đọc lên một lần rồi thôi. Giữ cũng được, không giữ cũng xong. Về sau, nhân những lúc sinh hoạt với một anh em văn nghệ địa phương tôi mới có dịp thu thập những sáng tác rơi rớt in thành một tập nhạc Hát Cho Mẹ Và Quê Hương, một tập tình ca Giọt Thánh Thót Mừng cũng như hai tập thơ Ngày Hồng Xanh và Vác Tên Em Chạy Biệt Mù vào những năm 73-74. Dĩ nhiên là dưới hình thức thô sơ và phổ biến hạn chế. Lúc bấy

giờ tôi vẫn chưa mấy trân trọng đến văn học nghệ thuật gì lắm. Nhưng rồi sau tháng 4/75, những đứa con tinh thần của tôi lại thất thoát và lần này là tan hoang theo cảnh nước mất nhà tan. Bây giờ nơi quê người tôi không làm sao nhớ để ghi lại hết được. Hôm nay tôi viết xuống những lời này đây như một lần sám hối cho sự thờ ơ của chính mình. Đó cũng là lý do tại sao tôi không coi văn chương chữ nghĩa như món hàng xa xỉ.

Thời gian đầu định cư tại Gia Nã Đại, chạm phải một đời sống văn minh xô bồ, hụt hẫng, cô đơn, buồn thảm, tự nhiên dòng nhạc câu thơ lúc đó như hai người bạn thiết lâu đời lại trở về an ủi tôi, vỗ về tôi, gắn bó với tôi hơn bao giờ hết. Rút kinh nghiệm lần này tôi rất quan tâm đến những gì mình viết ra. Dù là nghề tay trái, nhưng bỏ thì thương, vương thì tội. Và cũng như hơn 20 năm trước, bây giờ với tôi, văn chương vẫn đúng là người, là vẻ sáng, là một cứu cánh, giúp ta chuyên chở nỗi lòng người xa quê. Văn chương không phải là điều xa xỉ như tôi đã từng nghe nói, đã đọc cũng như đã được hỏi đến.

2. Tôi viết về mọi đề tài, tùy ngẫu hứng. Thí dụ như ngay bây giờ tự nhiên trong đầu tôi ngẫu hứng nảy ra bốn câu thơ có đầu đề ngay là Sinh Nhật Chuột (tuổi tôi) như: "Nhớ tháng ba sinh nhật anh. Bốn hôm sau đã tan tành Tây nguyên. Đắp chung một tấm ưu phiền. Anh và đất nước đâm ghiền yêu nhau." Đại khái như vậy. Hồi mới qua đây, tôi chuyên viết về đề tài văn chương chống Cộng đến độ có lần báo chí Việt cộng (trong và ngoài nước) đã liệt tôi vào thành phần chống phá cách mạng v.v... và v.v... Bây giờ tôi viết có phần nhẹ đi. Nhưng tựu chung cũng về quê hương, đất nước, về gia đình, bè bạn, về nỗi vui buồn của đời sống bản thân... Đa số đều được diễn đạt trung thực trước một hoàn cảnh, một sự vật phức tạp, chi li hay đơn sơ, giản dị. Cũng giống như phổ nhạc một bài thơ nếu hướng theo cái ý mình thì vẫn cố gắng không lạc mất đi cái ý thơ nguyên thủy.

3. Những năm về sau này thơ hải ngoại ở đâu mọc ra nhiều đến độ người đọc không còn lấy làm tha thiết, quí trọng như xưa nữa. Đã vậy có người coi thơ như là một loại phụ bản, trám chỗ, một thứ minh họa bằng chữ. Và thảm đến độ tác phẩm thơ đã bị một số tiệm sách và nhà phát hành từ chối không nhận phát hành hoặc bán ra. Vậy thì viết cho ai đây? Rốt cuộc rồi cũng thây kệ mọi sự. Sống trong một hoàn cảnh bon chen, hối hả như hiện tại, còn cầm bút viết được đã là điều may mắn, an ủi lắm rồi. Hãy quên đi những câu hỏi. Quẳng gánh lo đi mà vui sống. Cứ viết. Cố gắng viết sao cho tới. Viết để chia sẻ với chính mình trước đã, rồi cho bằng hữu, cho người đọc, những người đồng điệu cảm thông hiểu được những điều mình thổ lộ ra.

bài ca đoàn tụ

phan ni tấn (n.d.)

1.

Rốt cuộc gì rồi má cũng tới
Mừng thôi hết biết để nói ra
Má tới như một bài ca mới
Nhịp vui cho đời đồng thanh ca
Mười mấy năm tình thâm cách biệt
Thiệt tình! Mới đó mà lẹ ghê
Gặp má cứ tưởng như nằm mộng
Tim con gia tốc đập hả hê
Chèn ơi! Má coi già quá ể!
Thời gian nhuộm trắng cả mái đầu
Mẫu tử trước sau hai thế hệ
Tóc xanh con cũng đã phai màu
Thua má, đây là ông bà nhạc
Ăn ở hiền như nắng sớm trưa
Suốt ngày hết tụng kinh, gõ mõ
Ăn chay, niệm Phật lại đi chùa
Còn đây là hiền thê con đó
Tấm lòng trắng muốt tợ như bông
Sẽ là gương con dâu hải ngoại
Đớm đương, hiếu thảo với mẹ chồng
Bồng trên tay là chàng mít ướt
Ấy lại là cháu nội đích tôn
Thằng Lân con tánh tình ngộ lắm
Có giác quan thứ sáu trong hồn
À má, trước ngày đi có nhớ
Gói đem theo chút đất gì không?
Lâu lắm con thèm cơn bụi đó
Hít vô cho đó ngực thắm lòng
Gặp má, con mừng mừng tủi tủi
Nhớ tới ba mà tiếc cho người
Phải ba còn sống qua đây, má
Đãi ba nhậu một trận đã đời
Con nhớ ba những đêm trăng sáng
Thường xách đàn ra kéo ò e
Bổn vọng cổ nghe rầu thúi ruột

Mê mẩn hồn con tới tận giờ
Qua đây má khỏi lo gì nữa
Vợ chồng con cáng đáng đủ rồi
Suốt một đời nắng mưa tần tảo
Có bao giờ má được thảnh thơi
Già yếu rồi, nghỉ ngơi nghen má
Dạ, coi đây là đất dưỡng thân
Để tụi con có phen đền đáp
Ân dưỡng dục của đấng sanh thành

2.

Cuối cùng rồi hai em cũng tới
Cái đích thanh niên là tự do
Cũng may khỏi phải đi bộ đội
Chết phí thân những chốn bụi bờ
Điều trước tiên là nghe anh nói
Đất quê người khác đất Việt Nam
Ngày ở đây thì đêm ở bển
Như đỏ đen khác với trắng vàng
Xứ sở này ở lâu phát ngán
Ai cũng đều chạy mặt mùa đông
Những muốn làm con chim trốn tuyết
Bay về miền nắng ấm thong dong
Được một cái, thứ gì cũng có
Xì dầu, nước mắm, gạo nàng thơm
Trái cây nhiệt đới, hồn mưa nắng...
Quê người thoáng một nét quê hương
Quan trọng nhứt là nhơn cách sống
Đừng bon chen, lươn lẹo, lai căn
Cứ sống bánh như lời ba dạy
Dẫu xa nguồn vẫn cội Việt Nam
Từ ngày anh bỏ đi biệt xứ
Qua đây lâu mắc chứng nhớ thương
Bao nhiêu non nước đem đổ hết
Lòng anh chật ních một quê hương
Nói thiệt hai em, anh nhớ lắm
Quê xưa hun hút tận chốn nào
Thèm được thấy ta về quê nội
Trầm mình trong lau lách lao xao
Sẽ hò hét dẫu cho lúc đó

Anh già như nải chuối chín mùi
Tuột quần áo hết, truồng như nhọng
Thấm hồn trong sông núi ngàn đời
Anh sẽ đi khắp cùng đất nước
Không riêng gì Cần Giuộc ta đâu
Thăm người cũ, thăm trời đất cũ
Ở nơi anh vắng mặt từ lâu
Lên Tây nguyên thăm em gái mọi
Cuộn hồn hoang ngủ dưới dáy gùi
Xuyên cành lá trăng xanh như mộng
Huyền hoặc soi rừng núi ngàn ơi
Đi ra Trung thăm trời quê ngoại
Thương cảnh đời lắm nỗi bể dâu
Xuống sông Hương đò giang một chuyến
Thuyền tròng trành hắt bớt khổ đau
Miền Bắc ơi còn gì ngoài đó
Mình ra được thì sẽ giúp cho
Ăn dầy bụng: đói, lo, khổ, nhục
Hâm đời ấm lại miếng cơm no
Sau đó dọt xuống miền duyên hải
Bơi một lèo từ Bắc vô Nam
Tắm vùng hồng mọc trên biển sớm
Gội phù sa sông Hậu sông Tiền

3.

Đêm về sáng đêm rơi lả tả
Trong lòng mình đêm cũng nhả ra
Thành ánh sáng, thành cơn gió sớm
Xóa nhòa đi những nỗi chia xa
Soi gương soi thấy mình trong suốt
Ngồi ung dung chép hết nỗi niềm
Thả thật nhẹ hồn vô ngõ biếc
Màu trăng quê soi lạnh vô biên
Lòng nhẹ nhõm, hai vai đù nặng
Gánh gia đình gánh tới tương lai
Đường hiện tại gió bay xanh mướt
Chân bước cao, chân bước đi dài
Chào từ giã khung trời cách biệt
Mười hai năm chắc cũng đủ rồi
Sống nửa đời đã hơn nửa khổ
Bây giờ xin uống trọn niềm vui.

Quay Cuồng Trong Điệu Vũ

Andrew Lâm

Sau hơn hai mươi năm định cư tại Mỹ, chúng ta thấy xuất hiện nhiều cây viết trẻ Mỹ gốc Việt sáng tác bằng Anh Ngữ. Trong số đó, đáng kể có Nguyễn Quí Đức, Andrew Lâm, Khôi T. Lưu, Đệ Trần, Lilly Dizon (trên Việt là Nguyễn Tấn Băng Phương), ThanhHa Lai, Đinh Linh. Gần đây, nhóm này đã xuất bản một tác phẩm có nhan Once Upon A Dream..., *do Andrew and McMeel xuất bản. Đây là một tuyển tập khá độc đáo, quy tụ những sáng tác thuộc nhiều ngành nghệ thuật như thi ca, truyện ngắn, tùy bút, tiểu luận, hội họa, v.v. Tất cả những sáng tác chọn đăng trong tuyển tập liên hệ đến kinh nghiệm hội nhập của người Việt tại Mỹ, nhưng quan trọng và nổi bật nhất vẫn là nỗ lực giữ gìn bản sắc văn hoá Việt và căn cước Việt nơi những người Mỹ này. Tác phẩm này ra đời như là một điểm mốc (landmark) trong lịch sử hội nhập của một sắc tộc trẻ trung nhất hiện đang đóng góp tích cực vào nền văn hoá hợp chủng.*

Truyện ngắn dưới đây nguyên tác "She in a Dance of Frenzy," Thạch Hãn dịch ra Việt ngữ, xuất hiện lần đầu tiên trong tuyển tập The Other Side of Heaven, *và được đăng lại trong* Once Upon a Dream.... *Qua truyện ngắn đặc sắc này của Andrew Lâm, nỗi lo âu của thế hệ người Việt cao niên e rằng không sớm thì chầy, những người trẻ Việt Nam trở nên mất gốc, xa lìa nguồn cội, đồng hoá vào một nền văn hoá khác, sẽ hoàn toàn không còn lý do để tồn tại. Trái lại, chính những người trẻ này đã làm nổi bật bản sắc Việt Nam một các hùng hồn và mạch lạc, chứng tỏ trong tâm cảm của một thế hệ người Việt trưởng thành và được giáo dục tại Mỹ, phần người Việt ở nơi họ vẫn cho họ nhiều kiêu hãnh, tâm tình họ vẫn nặng lòng với quê cha đất mẹ ở phía bên kia Thái Bình dương.*

Văn Học sẽ dành một phần lớn trong số Xuân Bính Tí 1996, chủ đề "Niềm Hy Vọng Mới" để giới thiệu đến độc giả và cộng đồng Việt Nam tại hải ngoại cũng như gởi tiếng nói về quê hương về niềm hy vọng mới đang vươn cao trên những vùng đất xa xôi này.

Cô gái lớn lên tinh nghịch như một đứa con trai. Cô có thể vung chày đánh banh trong khi anh em trai cô chẳng làm được, lại có thể đá văng kiếng khỏi mặt một thằng con trai, và vì thế, chẳng bao giờ thân với mẹ. Mẹ, ngồi lê đôi mách, lo chuyện nhà chuyện cửa, đánh bạc mắc nợ, thân hình sồ sề nên lại càng không quan tâm gì đến con gái, không hề bước ra khỏi nhà, lại quá chú tâm vào việc trong gia đình, còn thì giờ đâu mà nhìn thế giới bên ngoài, nhìn trời nhìn biển.

Cô gái, đứa con gái của gia đình, con gái tinh nghịch như con trai, ham cười ham chơi, trái lại rất thích thể thao, thích phim chưởng, thích cãi cọ, thích được người khác thích, và thích đàn ông con trai.

Nhất là thích la cà với Bố, trước là một trung sĩ Thủy Quân Lục Chiến Việt Nam Cộng hoà, thời chiến tranh ông là một tay giết người như ngoé, hay một người nguy hiểm đại loại như thế, dù hồi đó cô còn quá nhỏ nên không thể nào nhớ chính xác. Nhưng điều đó không quan hệ. Cô chỉ biết Bố là một người rất hiền từ. Cô được bố chỉ cho cách móc mồi, cách ném câu, cách giữ im lặng chờ cá đến. Cô được chỉ cho cách duỗng theo thủy triều, biết cách nhận ra mỗi khi con tàu chòng chành, và nhất là biết cách đứng ngắm bố tư lự, im như một pho tượng đá, như một người từ thời cổ đại, nhưng cường tráng và sinh động vô cùng.

Cô gái ấy có thân hình gầy gò, nhỏ thó, và chẳng mấy ai nghĩ đứa bé gái tính tình như con trai đó sau này lại trở thành một người đàn bà tuyệt đẹp?

Nhưng rồi năm lên 16, cô bắt đầu có kinh. Máu trong người cô túa ra như những chùm hoa thủy tiên, hoa móng rồng. Đoá hoa nở muộn, mọi người trầm trồ là hoa nở muộn giữ sắc được lâu. Cô gái ngày càng đẹp, lại duyên dáng, ngực nở mông đầy, mái tóc dài, đen óng á, lại có nụ cười làm ngất ngây, nhanh nhẹn như một chú thỏ, nhưng cũng im phăng phắc như một cánh chim đang vút bay cao.

Trong bữa tiệc sinh nhật thứ 50 của bố, mọi người không ai dám để mắt nhìn cô khi cô bưng nước mời khách. Chẳng thể nào là đứa con gái mà họ biết, trong khi bố vừa cười vừa nói, nó đấy, đứa con gái tính như con trai của tôi đấy. Rồi có một ông, trẻ nhất trong đám bạn nhà binh của bố, bây giờ rất thành công trong ngành địa ốc, công khai tán tỉnh. Lấy chú đi, ông nói, cháu là người đẹp nhất thế gian này. Dạ được Chú à, cô gái trả lời, rồi ngồi sà vào lòng ông như cô vẫn thường ngồi ngày còn bé, và cháu muốn chú mua cho cháu một toà lâu đài trên núi, rồi ông ấy trả lời, muốn gì cũng có, rồi họ bật lên cười, nhưng cô lại thấy đôi mắt bố hướng về phía cô, tỏ vẻ bất bình. Nó là đứa bé tinh nghịch của tôi, bố nhắc lại cho bạn bè mình biết, và cô trả lời, đúng đấy bố ạ, khi nào con cũng là đứa con gái bé nhỏ tinh nghịch của bố, rồi mọi người phá lên

cười. Nhưng sau khi khách khứa ra về, bố đã tát vào mặt cô.

Nhưng chính lời thì thầm của đám bạn bố khi họ ra về–"Đẹp đéo chịu nổi!"– cô nghe vọng lại trong cú tát đó. Đẹp đéo chịu nổi, thân hình lại có những đường cong đúng chỗ, nên sắc đẹp của cô lại trở thành một thứ tai họa. Khi soi mình trong gương cô nhận ra là mình không còn hợp với gia đình này, không còn thể đi đứng như ngày trước trong căn nhà này nữa, đẹp đéo chịu nổi nên giữa mẹ và con đã trở nên căng thẳng vì mẹ chẳng lấy gì làm đẹp, lại có vẻ quê mùa, chị em gái lại ganh tị vì sắc đẹp của cô, đẹp đéo chịu nổi nên bố và anh em trai không còn dám nhìn thẳng cô, giữa họ như có một đám mây đen bao phủ, đẹp đéo chịu nổi nên năm mười bảy tuổi cô ra khỏi nhà.

Dù sao thì cũng đã đến lúc cô bước ra thế giới bên ngoài. Lặng lẽ, cô thu xếp hành trang, từ biệt gia đình. Họ phản đối nhưng cô tự hỏi biết đâu những người đàn bà còn lại trong gia đình lại không kín đáo cảm thấy hài lòng khi cô ra đi, từ bỏ nơi chốn mà ngày trước cô đã sống vui thú, hồn nhiên, nhưng bây giờ cô chẳng còn tìm lại được nỗi vui sống đó.

Cô giã từ bố, mẹ, anh chị em, họ khóc lóc, cô cũng khóc, nhưng vẫn cứ đi. Đi học đại học ở miền Bắc, và ở đó cô đã gặp hết người đàn ông này đến người đàn ông khác. Đàn ông đủ mọi loại, mọi màu da, vây quanh cô. Những người đàn ông trẻ mạnh, đẹp trai, thông minh và nhiều tham vọng, giàu có nghèo có. Những người đàn ông yêu cô, và cô nghĩ, cô cũng yêu họ. Cô được chiều đãi nhất thế gian này. Cô thông minh, có óc tưởng tượng phong phú, vui vẻ, lại biết nấu ăn, biết dọn dẹp, biết may vá, biết nhảy *cha cha cha*, biết quay *paso doble*, biết mê mẩn theo điệu *tango*, biết dang đôi chân thon dễ dàng như con thiên nga dang đôi cánh trắng, biết nở nụ cười lúc ân ái với tình nhân, và những lúc trời mưa, cô còn biết thở dài não nuột, với một nỗi thâm trầm như từng được diễn tả qua thi ca. Cô là một người bạn đời tuyệt vời, một người vợ ngoại hạng cho bất cứ thằng chó đẻ nào chiếm được tim cô!

Nhưng tim cô ở đâu? Nói nghe lạ, nhưng hiếm khi cô thấy mình quyến luyến những tên đàn ông này. Sau mỗi cuộc tình cô lại thấy mình cô đơn, những lần ân ái, những vòng tay ôm chỉ là những giây phút thoáng qua, những tên đàn ông, sắc diện tài hoa tương lai tiềm năng của họ tan theo gió thoảng, cuốn hút đi trong cơn mưa buồn và che lấp bởi lớp sương mù từ trên đồi cao là đà mỗi sáng.

Bạn gái của cô thường hỏi, vậy đi đến đâu với chàng này chàng kia rồi? Cô chỉ thở dài rồi bảo, cũng được, nhưng...

Nhưng không phải thế. Cô dễ thấy nhàm chán và dễ nhận ra những khiếm khuyết nơi những người đàn ông ấy. Họ cũng chỉ là đàn ông, ngay cả những kẻ giỏi giang nhất cũng có khiếm khuyết. Nhưng không

phải vì những khiếm khuyết của họ mà cuộc tình giữa cô và họ không bền vững. Còn điều gì khác nữa tận trong lòng cô đã khiến cô phải nhắm mắt, đã khiến cô phải kêu than, điều gì đó gây cho cô nỗi sợ hãi rằng cuộc tình này sẽ bền vững hay sớm dứt, để rồi cuối cùng mọi chuyện lại đều như cũ và cô từ bỏ họ.

"Chuyện gì vậy cưng," một trong những nhân tình cô hỏi, câu hỏi rất quen thuộc, "Anh đã làm gì để em buồn?"

"Không có chuyện gì hết cưng ơi," cô trả lời, lại thở dài. "Chắc tại thời tiết. Cũng có thể mình đã quá quen nhau." Và ngay sau đó, con tim hắn tan vỡ vì cô không còn muốn gặp lại hắn nữa. "Mình chỉ là bạn thôi," cô thường nói thế với một tình nhân, hay "Sự liên hệ giữa mình nay đã thay đổi, chỉ là anh em thôi." Rồi thêm một con tim bị tan vỡ. Rồi một con tim khác. Rồi một con tim khác. Có quá nhiều con tim bị tan vỡ nên cô quyết định dẹp bỏ hết tiếng vỡ rổn rảng trong máy ghi âm. Cô cắt điện thoại, đem cho chiếc máy ghi âm đã ghi lại âm thanh loảng xoảng của những con tim tan vỡ, và trong lúc thu dọn, cô quét mạng nhện, dọn dẹp rác rưởi trong nhà, vất một cái bàn, một chiếc ghế dài có thể làm giường ngủ, vất bỏ một vài thứ linh kinh như áo choàng, quần cộc, và cuối cùng cô tự bảo: À, đây này, giờ tìm lại được sự bình yên này, khoảng không gian này, và nỗi cô tịch này, đây là những gì mình khao khát. Từ đây chỉ có mình với mình, mình và công việc.

Thế nhưng nỗi buồn vẫn không dứt. Rồi chẳng bao lâu, vì cô đơn, vì nhu cầu,vì bản năng, cô lại có người tình mới, gắn lại điện thoại, rồi tiếng tim vỡ lại loảng xoảng trong máy, có con tim đã vỡ nát bây giờ chẳng còn loảng xoảng nổi. Có ai đếm xem có bao nhiêu quả tim đã tan vỡ không? Chắc chắn không phải cô. Cô vẫn buồn, vẫn tư lự, sương mù vẫn lảng đảng mỗi sáng qua trước nhà cô. Và cô lại muốn trốn chạy khỏi một tình nhân mới, một người đàn ông gốc Phi Châu da không đen mấy, đẹp trai, trẻ, cao ráo. Chàng chưng hửng, còn cô thì khăng khăng, bởi vì nếu không mọi việc sẽ trở lại hoàn toàn như cũ, và cô thì đã quá mệt mỏi.

Cô có vấn đề gì? Điều gì đã khiến cô trốn chạy khỏi những người đàn ông này, những người trai trẻ sung sức, những kẻ da màu ưa múa ưa nhảy, những kẻ thường xuyên mang quà, mang thơ, mang lời hứa hẹn tình yêu đến dâng tặng? Còn thứ gì khác trên đời này nữa không? Tại sao cô lại vừa trốn chạy, lại vừa khao khát họ? Tại sao cô lại luôn luôn lẫn lộn giữa cái này và cái kia, chẳng bao giờ nói điều mình nghĩ, và chẳng bao giờ làm điều mình nói? Cô có vấn đề gì? Có phải cô đã bị hà bá nguyền rủa để phải sống suốt đời khao khát và chẳng bao giờ có được gì mình muốn?

Nhưng cô không thể trả lời những câu hỏi này, vì cuộc đời giờ đang

nhoè đi, cũng giống như đám khách đang nhoè trước mắt cô khi cô đang vũ trong quán rượu kiêm tiệm ăn hạng sang này. Nhưng nếu cô chuyên tâm vào công việc, nhảy múa một chút, liếc mắt đưa tình một chút, phô trương chút da thịt phơi phới, biết đâu lại chẳng tìm được điều cô muốn tìm. Có thể cô dọn đi một nơi khác, xa thật xa. Hay đổi nhà, thuê một chỗ khác quang đãng hơn. Có thể cô nhận lời một người khách trẻ, giàu có, bay đi Paris bằng máy bay phản lực riêng của hắn, hay nhận lời ông khách mập ú viếng Hollywood bằng xe *limousine* để xem hắn biến mộng tưởng thành sự thực, biết đâu lại có thể xoa dịu những ray rứt trong cô? Có thể cô rán tiếp tục làm những gì cô đang làm thêm một thời gian nữa—nhảy múa, liếc mắt đưa tình—rồi cái gì cô muốn tìm, mà biết tìm cái gì đây?– từ lâu đã mất mà không tìm lại được, nay lại hiện ra, lại cưỡi trên đầu ngọn triều lúc đêm xuống quay trở lại với cô. Biết đâu....

Rồi vào một đêm khuya nọ, sau khi đi làm về, cô ngồi một mình, thời khắc im lặng và mọi việc dường như bớt quay cuồng, chỉ có mình cô với cô, cô bắt đầu hồi tưởng. Cô vừa từ trong phòng tắm bước ra, sau khi ngâm mình khá lâu trong dòng nước ấm, đôi bàn chân đã bớt đau vì nhảy quá nhiều, da thịt cô trở lại mềm mại, mái tóc sũng nước, mát rượi. Ngồi trên giường, bên cạnh một chồng gối nhồi lông ngỗng, cô tìm cách nhớ lại quãng đời tuổi trẻ của mình, những khuôn mặt thân quen, những sự việc, những biến cố đã khiến cô dao động. Việc gì, và ai đã khiến cô cảm thấy hạnh phúc nhất? Việc gì, và ai, đã khiến cô phải đau buồn nhất?

Lúc đầu, cô không nghĩ ra. Có quá nhiều khuôn mặt hiện ra cùng một lúc, khiến cô cảm thấy mình như đang chết đuối trong căn phòng nhỏ, và cô tìm cách xua đuổi hết ra khỏi phòng, nhưng hoài công. Nhưng ngay lúc cô bắt đầu thấy mình ngộp thở, cô nghe có tiếng gọi tên cô. Tên Việt Nam của cô, cái tên thật đẹp và ngọt ngào. Cô cố gắng tìm ra khuôn mặt cất tiếng gọi tên cô trong vô số những khuôn mặt đang hiện diện trong căn phòng chật chội. Từ xa, một khuôn mặt dần dần hiện ra, lúc đầu còn nhạt nhoà. Nhưng đó là khuôn mặt cô đã rất quen. Khuôn mặt đó cô đã thấy trước khi cô gặp những người đàn ông kia, trước khi cô trở thành một người đàn bà nhan sắc, trước khi cô biết nói tiếng Anh và trước khi cô đặt chân đến Mỹ. Đó là một khuôn mặt khôn ngoan, bao dung, một khuôn mặt cô hằng biết và hằng yêu thương, khuôn mặt đã đến với cô lúc cô đang nằm trên một chiếc chiếu, trong một khoang tàu chật như nêm chở người Việt Nam vượt biển, lênh đênh giữa lòng Thái bình dương, lúc con người cô gầy mòn như một cái chấm nhỏ, đang chết khát đến rũ rượi. Cả gia đình đang ở quanh cô, không khí ẩm ướt và nồng nặc mùi khai, trên đuôi mắt mọi người đều trĩu cơn buồn ngủ.

Giữa những giấc ngủ chập chờn, cô thấy khuôn mặt đó càng lúc càng gần, và cuối cùng cô đã nhận ra. Khuôn mặt dãi dầu, buồn bã, lo âu, nhưng ăm ắp tình thương, cô nghe tiếng bố nói khẽ: "Dậy, dậy đi cưng, uống chút sữa rồi hẳng chết."

Cô nhớ lại cơn nắng chói chang phủ ập xuống người, gió thổi càng lúc càng mạnh. Và cô nhớ là qua đôi mắt khép hờ, cô nhìn thấy đại đương xanh ngát và bao la vô cùng. Cô cảm thấy được bố nâng người cô lại gần ông, cô nhấp môi nếm chút chất lỏng âm ấm, sền sệt, và sau một vài ngụm nhỏ, cả thế giới như đang bừng sống trong cô. Cô nhìn bố, chớp mắt và gượng mỉm cười, bởi vì khi đó cô biết là cô sẽ sống, sống cho bố an lòng.

Và giờ đây, nằm trên giường là một người đàn bà trẻ đẹp, mắt đang đẫm lệ, cô biết lúc đó là giây phút hạnh phúc nhất đời cô chứ không phải bây giờ. Bởi vì không có gì chân thật hơn cử chỉ của bố vào lúc đó, còn những thứ khác như xứ Mỹ, như những người đàn ông đã yêu thương cô, những kẻ đã săn sóc cô, đã khóc cùng cô, đã nhảy nhót với cô, những kẻ có con tim tan vỡ rồn rảng như tiếng pha lê vỡ trong máy ghi âm, ngay cả mái ấm gia đình mà cô đã từ bỏ, ngay cả Paris, Hollywood, xe *limousine*, tiền bạc cũng không đủ, không bao giờ đủ. Giờ cô lại thấy thèm khát cái cử chỉ giản dị ngắn ngủi đó hơn lúc nào hết, cảm thấy cơn khát đến độ quay cuồng của một thời xa xưa trên biển cả đang dâng lên trong người, một cơn khát vô cùng mãnh liệt, một cơn khát thiêu đốt hết mọi thứ, một cơn khát mà không có thứ gì trên đời này, kể cả tình yêu, có thể dứt nổi.❐

ONCE UPON A DREAM...
THE VIETNAMESE-AMERICAN EXPERIENCE
TỰA CỦA STANLEY KARNOW
EDITED BY DE TRAN, ANDEW LAM AND NGUYEN DAI HAI

tìm đọc...

- cuốn sách độc đáo ghi lại kinh nghiệm hội nhập của người Việt Nam tại Mỹ trong hai thập niên qua
- gồm nhiều truyện ngắn, tùy bút, tiểu luận, tác phẩm hội họa và nhiếp ảnh của nhiều tác giả, sáng tác bằng Anh Ngữ và Việt ngữ.

184 tr., $19.95 Andrew and McMeel, Kansas City
Có bán ở các hiệu sách gần nơi bạn cư ngụ

Lưỡi Dao Cạo

Thơ Thơ

Nhà văn ấy lúc đầu cũng chỉ là một nhà văn bình thường.

Truyện của nhà văn ở mức trung bình, không có gì thật đặc sắc, thật riêng biệt để làm nhà văn nổi bật giữa những nhà văn khác; mà cũng không đến độ quá nhạt nhẽo, nhàm chán. Có nghĩa là người đọc không phải bỏ ngang nửa chừng, nhưng cũng ít ai muốn đọc lại lần thứ hai.

Cho đến ngày nhà văn tìm ra cây viết ấy.

Cây bút đến với nhà văn một cách thật tình cờ. Nó xuất hiện lẫn lộn giữa những cây bút chì, bút mực, bút máy, bút nguyên tử, bút lông, bút màu... đủ loại, nằm lăn lóc trên bàn giấy. Một buổi chiều, vô tình, nhà văn nhặt nó lên giữa những cây viết khác. Cũng chỉ là ngẫu nhiên thôi, chẳng phải vì nó có hình dạng, màu sắc, nhãn hiệu, hay kiểu cọ gì đặc biệt. Đơn giản chỉ là vì thuận tay, nó nằm ngay trong tầm mắt, vừa tầm với của nhà văn.

Nhưng ngay từ phút đầu cầm cây viết ấy trên tay, nhà văn đã cảm thấy một điều hoàn toàn không bình thường nữa. Một thôi thúc huyền bí làm nhà văn nôn nao, choáng ngất khó tả. Như trong một cơn mơ, cây viết đưa nhà văn trôi qua những khoảng trời mở rộng, ở đó thời gian và không gian bắt đầu hình thành, và đời sống nẩy mầm. Các nhân vật trong thế giới đó đi vào trang giấy của nhà văn, thanh thản, hồn nhiên, thành những con người sống. Nhà văn viết thật dễ dàng, thoải mái, tự nhiên, viết như nói, viết như thở, không đắn đo, không thêm thắt, không sửa chữa. Như chiếc lá hút vào trong gió, như con thuyền trôi phăng trên dòng chảy mênh mông bất tận, suy tưởng của nhà văn đẩy cây viết đi thênh thang, vô hạn.

Nhà văn gửi tác phẩm đi. Lần này, chẳng cần phải chờ đợi hàng tháng như trước kia nữa, những tác phẩm xuất hiện ngay lập tức trên

báo, những tạp chí sáng tác, và những đặc san văn học nghệ thuật chọn lọc. Liền sau đó, phản ứng của người đọc thật đáng kinh ngạc: các cú điện thoại vào tòa soạn liên tiếp ca ngợi nhà văn, thư độc giả bày tỏ lòng ngưỡng mộ và chia sẻ ý kiến, đồng cảm, rung động... tới tấp như bươm bướm. Rồi đến lượt các nhà xuất bản tranh nhau đặt hàng, tranh nhau ứng tiền trước cho những tác phẩm, những trang bản thảo, hoặc chỉ cho những cái tựa vài ba chữ còn đang nằm trong đầu tác giả.

Nhà văn trở thành một hiện tượng đối với đồng nghiệp, giới phê bình, và nền văn học. Tất cả đều từ cây viết ấy.

Rồi nhà văn gặp lại hắn. Hắn cười: "Viết như thế nào mới đủ? Hãy tự biết lúc nào người ta sẽ chán mình!" Rồi hắn lại chỉ cười, hòa nhã, lịch thiệp. Nhưng nhà văn cứng người lại, cảm thấy trong cái diễu cợt nhẹ như tơ ấy là cả một sự phỉ báng, một xúc phạm cố ý đến một điều thiêng liêng nhất của nhà văn.

"Viết như thế nào mới đủ??? Hãy tự biết lúc nào người ta sẽ chán mình!!!" Câu nói cứ theo đuổi, văng vẳng bên tai nhà văn. Ngày và đêm, giữa những giấc mơ, tận đáy những giấc ngủ sâu kín nhất, nó ám ảnh, chập chờn, thao thức... Nó len lỏi vào tiềm thức, bám riết lấy ký ức, rồi loang sâu thành vết mực không tẩy rửa được. Vết mực cứ loang, loang mãi trên những trang bản thảo, làm ố bẩn những giòng chữ cũ. Nhà văn đành bỏ dở những tác phẩm đang viết, bỏ rơi những nhân vật thân yêu của mình. Để bắt đầu viết về hắn.

Bằng chính cây viết ấy, nhà văn trút hết những cay đắng, tủi nhục của đời mình từ ngày xưa cho đến lần gặp lại hắn sau cùng. Quay cuồng trong đầu nhà văn là những cảm xúc khinh khi, miệt thị, phẫn nộ, gờm tởm, xen lẫn ganh tị và ghen ghét vì hắn có những thứ mà nhà văn chợt thấy mình không có. Sau đó, từ từ, những "hắn" khác của dĩ vãng nhà văn thay nhau xuất hiện. Họ kéo nhau dắt díu về, thay phiên gậm nhấm, nhai nuốt từng mẩu ký ức, từng hơi thở, từng tế bào của nhà văn. Bao nhiêu hằn học và uất hận lại thôi thúc, gần như cưỡng bức nhà văn viết, và viết cho đến mất ăn mất ngủ về những con người đó. Rồi ngày, rồi đêm, trong giấc mơ, trong mộng mị, hình ảnh những con người đã làm nhà văn đau đớn, tị hiềm, mặc cảm, hoặc vô ý làm mích lòng nhà văn; những kẻ thù, bè bạn, họ hàng, ruột thịt... tất cả chợt trở về làm thành nhân vật. Có khi họ hỗn độn, chen chúc thành những mảng, những khối hình thù chập choạng. Có khi họ thật thứ tự xếp thành hàng dài lê thê, với bảng tên cầm tay chờ đến phiên mình. Vẻ mặt họ nhẫn nhục, câm lặng, khuất phục, và chịu đựng cho nhà văn mổ xẻ, kết tội, lên án, và định đoạt số mệnh.

Nhà văn lại cảm thấy một điều gì không bình thường ở cây viết của

mình. Những mẩu đời đó, tái tạo lại từ một phần sự thực, pha trộn màu sắc chủ quan và ý đồ riêng tư của nhà văn; để cuối cùng, trong hư cấu ấy, tất cả bọn họ đi vào định mệnh của cây viết, dưới sức mạnh khốc liệt của ý muốn trả thù.

Sách của nhà văn bán còn chạy hơn trước, người ta nói nhà văn chỉ viết về những mẩu đời có thực. Người trong truyện và ngoài đời là một. Cây viết ghi hết cáo trạng này tới bản án khác, rồi số phận những nhân vật ấy đều tuần tự diễn ra ngoài đời theo đúng như sắp đặt của nó. Với cây viết ấy, nhà văn thảnh thơi thanh toán hết mọi nợ nần của quá khứ; những món nợ của ham muốn, uẩn ức, dồn nén, thiếu thốn, thất bại, và mặc cảm.

Cho đến một ngày, cây viết của nhà văn hoàn tất công việc giết người của nó.

Đêm ấy, nhà văn khóc rưng rức khi kéo lê bàn tay mỏi nhừ của mình chạy theo sức lôi kéo của cây viết. Lần đầu tiên, nhà văn sợ hãi cây viết của mình, như một linh hồn khắc nghiệt vô biên đang nhập vào nó. Cây viết đem đến cho nhà văn một khả năng vô giá, song giờ đây, nó đang đòi lại một điều khác tương đương từ sự sống nhà văn. Nhà văn mang máng một sự chết chóc, một điều gì tang tóc sắp xảy ra trên trang giấy của ông. Nhưng hoàn toàn vô vọng, không có cách nào để nhà văn lìa bỏ cây viết. Nó dính chặt, nó bấu riết, nó cắn nghiến những ngón tay. Bằng một mệnh lệnh khôn lường, nó nhập vào ý thức, đẩy nhà văn đi trong một trò chơi cầu cơ mê muội, cho đến khi nhà văn kiệt sức, ngất lịm đi trên bản thảo.

Sáng hôm sau, một đứa bé qua đời. Cái chết giống y như cái chết trên trang giấy.

Người ta không thấy nhà văn viết nữa.

Khi nhà văn lìa trần, để tưởng niệm, người ta quyết định làm lễ chôn cây viết cùng với nhà văn. Nhưng trong nhà chẳng có lấy một cây viết, một tờ giấy trắng nào. Cuối cùng, người ta tìm thấy trong nhà kho một cái hộp đựng bút đã cũ. Nhưng khi mở ra, thì chỉ thấy trong đó một lưỡi dao lam còn dính máu khô.❐

Thơ cho chim nhỏ

NGUYỄN THỊ THANH BÌNH

Ờ rồi thì con cũng sẽ đến
Như tiếng chim kêu trong cánh rừng nhân gian
ôi làm sao ta biết được lý do nào
Con đã chọn cuộc đời
Làm chuyến hành trình khổ não.

Có thể trong một khoảnh khắc tình cờ
Nắng cũng đã được sinh ra
Từ đôi mắt đó lệ của mặt trời
Niềm tin khai sáng từ những tiếng hát đồng dao ngây thơ
Của những mục tử quẩn quanh bờ cỏ cháy
Và con...thôi hãy vì những tiếng gió reo trên cây
Mà đến.

Trong những cơn mơ bồng bềnh
Ta thấy thân xác người mẹ như đóa quỳnh
Xê dịch từng nhịp thở thời gian
Đêm nở bùng khai hoa
Và con có khi là lòng nhụy tơ nõn tỏa hương kỳ diệu
Của tình yêu.

Cũng trong những giấc mơ bí mật
Ta thấy con cõi trên những bạt ngàn của gió
Mà đáp xuống
Con kiêu hãnh như thế sao phải vì trần gian mà khóc
ơi những hạt rụng nước mắt đầu đời đã cấy lên
những mầm xanh
Sự sống từ đây sẽ nhờ con mà mọc
Ta cũng sẽ nhờ con mà biết được
Ngày tháng hồi sinh
Thành phố rộn ràng thay áo mới
Tất cả sẽ vì con để tuần hoàn tiếp diễn

Con cú để mặc cho thế giới đang dở chứng cuồng điên
Hoa nở từ những giọt máu sót lại của hoàng hôn
Ngọn lửa khơi dậy từ những tàn tro
Bài học yêu thương nhân loại vẫn cứ rền rền rao giảng
Từ thế hệ cha đến thế hệ con
Từ những bầm tím này đến những bầm tím nọ
Và con...xin đừng hỏi tôi sinh ra để khởi sự đau thương
hay yêu thương
Cứ bước tới...hãy mạnh dạn đến bên cuộc đời
dù nắng mưa bất thường
Có những mũi tên vô tình không định hướng
Có những cơn gió dịu dàng, phẫn nộ, vui, buồn,
lạnh, chướng
Có những giới hạn của con người
Có những người chết mới ngậm cười
Có những người sống chẳng khác đười ươi
Có cần gì phải thắc mắc trời ơi.

Cuộc đời một món xào thập cẩm
Cố nhai đi nhai lại chỉ tổ làm tê lưỡi/rụng răng
/rướm máu môi
Sẽ có lúc không buồn nhai nữa
Con người và cuộc đời đều cần đến món thuốc xổ

Đành rằng sẽ không còn một sự lựa chọn nào khác
Nên con cứ đến ờ thì con cứ đến
Nhưng xin con đừng tập nói tiếng loài người
Hãy cứ hót líu lo như chim nhỏ
Bài hát tin yêu
Không vướng mắc hận thù
Không nghi ngờ, giả dối
Rồi cuộc đời sẽ dạy cho chim
Giông bão.

Bãi Chiến

Trần Hoài Thư

Người thiếu phụ ấy đã trở về chốn cũ. Chốn cũ nào đây. Di tích năm xưa như những ngọn cỏ ngậm ngùi. Rừng vẫn ở cuối tầm nhìn. Vẫn mênh mông ngàn năm sương và khói. Và cỏ dại vẫn bạt trùng. Và đất vẫn đậm đỏ cùng những vũng nước đọng như đời đời kiếp kiếp. Hơn hai mươi năm trời. Nàng tự nhủ. Mới đó mà như thể hôm qua. Nàng chỉ tay về phía những bao cát lở lói trơ vơ bên những giao thông hào phủ đầy cỏ dại, rồi nói với người con trai:

"Bố có lẽ nằm ở đấy."

Người con trai, khoảng hai mươi mốt tuổi, gương mặt đỏ hồng vì nắng nhiệt đới. Cậu dùng bàn tay che mắt như tránh những tia nắng tháng sáu, cố nhìn theo hướng mẹ cậu chỉ.

"Đây là một *battlefield* hay sao hở mẹ?"

"Phải. Một battlefield. Tiếng Việt gọi nó là bãi chiến trường đấy con."

"Hèn gì con thấy những *tank, truck*. Có cả *helmet*..."

Cậu chỉ một chiếc nón sắt bể nát nằm lẻ loi bên bìa rừng.

"Nó nằm phía kia, phía trái của con. Mẹ thấy không?"

Người thiếu phụ tháo chiếc kính đen, cố gắng nhìn theo.

"Chiếc nón sắt. Có lẽ là chiếc nón sắt của bố."

Nàng úp mặt, hai vai nàng bật run.

"Hay là mình đến đằng ấy đi con. Con mang giùm mẹ thẻ nhang."

"Làm sao mà mình biết nó là của bố?"

"Mẹ cũng không biết nữa. Con xem, ở đây chỉ là những sườn xe tăng và thiết giáp, chỉ có mỗi chiếc nón sắt là di vật của con người. Ngày xưa, bố từng đội chiếc nón sắt như vậy."

"Mẹ nói gì. Di..."

"Mẹ nói *this helmet is only the trace of human being*."

"Nhưng mẹ nói cả trăm người bị chết."

Người mẹ vẫn rẽ đám cỏ dại, bước về hướng bìa rừng. Em làm sao giải thích cùng con về nỗi chua xót này, anh yêu dấu. Nếu anh thương xót mẹ con em thì cho mẹ con em biết về nấm xương anh bị vùi dập, nấm đất nơi anh an giấc cuối cùng. Xin hồn linh anh dẫn dắt em. Em sẽ đi đến, dù là chân trời góc biển. Em sẽ gom góp lại những xương những cốt mảng tóc của anh. Em sẽ hương đèn nhang lửa, để hồn anh được ấm lại sau hơn hai mươi năm. Dẫn dắt em và con đi anh. Nàng bật khóc. Nếu không, chỉ còn cái nón sắt này để em bấu víu. Cũng xin anh đừng trách con. Nó bỏ nước năm lên sáu. Anh hẳn biết, mười lăm năm nó không có anh bên cạnh. Nó không có một người cha. Nó và em phải vươn lên ở đất lạ. Mẹ con em phải chắt chiu đùm bọc lấy nhau. Anh yêu, anh có nghe em nói đấy không. Nhà trường và xã hội đã huấn luyện nó trở nên một thanh niên, dù là Việt Nam, nhưng những suy nghĩ là của Mỹ. Nó chỉ chấp nhận bằng những bằng chứng. Mà bằng chứng ấy ở đâu bây giờ. Anh hãy chỉ cho em đi anh. Nàng tiếp tục cầu khẩn. Nàng tiếp tục rẽ những đám cỏ tranh, đi không vững. Đôi lần nàng muốn lảo đảo, sắp ngã. May nhờ đứa con trai của nàng. Đi, đi đâu bây giờ. Nhưng nàng vẫn bước về hướng bìa rừng. Chiếc nón sắt, cũ và rỉ sét, vẫn còn ẩn hiện. Anh yêu, hay là linh hồn anh đã khiến con nhìn ra chiếc nón sắt để em tìm lại di niệm của người chồng. Bởi vì, ngày xưa khi em lên tiền đồn thăm anh, anh vẫn từng đội nó không rời. Em vẫn còn nhớ có lần anh nói về nó. "Nó là bùa hộ mạng của anh. Em biết không, mảnh đạn pháo xẹt ngang, anh nghe tiếng cứa mạnh. Sau đó mới biết là mảnh đạn pháo, cứa cả một đường dài." Thôi, em cứ xem là của anh. Những người chết nhân từ lắm. Họ không tranh giành, không chém giết, không hận thù. Họ sẽ gọi anh về nhìn em sau hơn hai mươi năm. Và em sẽ đốt lên những thẻ nhang tại bãi chiến này, cầu xin họ được siêu thoát."

Nàng vẫn tiếp tục bước. Bìa rừng càng lúc càng gần. Chiếc nón sắt cũng càng lúc càng rõ. Có mấy lỗ xuyên thủng, trở thành màu rỉ như màu phèn. Người con trai vẫn nói với mẹ.

"Sao mẹ lại nghĩ cái *helmet* này là của bố. Con nhớ có bao giờ thấy bố mặc nó đâu."

"Đội hoặc mang chớ không phải mặc. *Wear* tiếng Việt nhiều nghĩa lắm. Đội, mang, mặc. Mà làm sao con thấy bố mang nó. Bố chỉ mang khi bố ở đồn. Chỉ có mẹ. Ngày xưa, lúc chưa sinh con, mẹ có lần lên ở với bố cả tuần."

"*Wow*. Mẹ không sợ sao?"

"Lúc ấy còn yên. Bãi chiến trường này có cả sân bay, chạy dài đến tận bìa rừng. Khi mẹ bước xuống máy bay quân đội, cả sân bay bốc bụi

đỏ mờ mịt, khiến mẹ không thấy gì cả. Rồi bố chạy đến, ôm mẹ..." Nàng ngừng nói. Tự dưng da thịt nàng nóng lên, cảm giác lâng lâng mà mấy mươi năm nàng không hề gặp lại. Cái cảm giác của một nỗi nhớ nhung chất ngất được gần gũi. Cái cảm giác từ sự mất mát được đền bù. Cho dù nàng đã hổn hển: *Anh, người ta đang nhìn mình kia kìa.* Rồi đêm tiếp đêm... Nàng lắc đầu cố quên. Anh yêu. Anh lại làm em nóng rợn cả người. Anh làm em phải xấu hổ với con. Anh làm em cứ nhớ hoài đến căn hầm và mỗi một chiếc giường bố nhà binh. Hình như con trai của anh đã biết nỗi lòng của em. Nó đã trở thành người lớn. Mà người lớn bên Mỹ có nghĩa là lớn từ thể xác đến trí não. Nó biết nhiều lắm, kể cả tình dục...

"Như vậy mẹ vẫn còn yêu bố, và bố sẽ được vui vì có một người vợ như mẹ."

"Ô kìa, hôm nay thằng này lại nói chuyện tình yêu với mẹ nó như thế nhỉ?"

Hai người lại yên lặng. Một thoáng hoài niệm cùng những xôn xao rạo rực giờ lại tan biến. Một đám mây bay qua làm cả bầu trời tự dưng tối sầm trong giây lát. Phía sau người dẫn đường, nguyên là người đã thoát nạn năm xưa, vẫn còn đứng yên. Anh tôn trọng nỗi buồn của hai người khách đến từ bên kia địa cầu. Anh cảm nhận hơn bao giờ như lúc này, những người bạn cũ của anh đang lục đục kéo về, có lẽ để tìm chút hương chút lửa, chút cháo lú. Đám mây tối vừa bay qua, hay đến từ một cõi âm hồn. Và muôn âm binh tụ về trên bãi chiến. Đến bên chiếc nón sắt, nàng lấy ra thẻ nhang, rút ra ba cây trao cho con, rồi nói:

"Dù sao tất cả những người ở đây là bạn của bố. Trong đó thì dĩ nhiên là có bố. Con thắp nhang vái họ, vái ba đi con."

"Con phải nói làm sao. Mẹ dạy con đi."

"Con nói với ba là hôm nay con về thăm ba sau hơn hai mươi năm từ ngày ba mất. Con nói nhờ ba phò hộ nên hôm nay con ra trường đậu tối ưu và được nhận vào trường thuốc."

"Nhiều quá làm sao con nhớ hết."

"Thôi con cứ nói những gì con muốn."

Đến đây người viết xin được diễn dịch lại ý nghĩ của cậu thanh niên.

Người thanh niên cúi đầu. Sáu tuổi, cái tuổi quá nhỏ để cậu hình dung về một người mà cậu gọi là bố. Cậu nhớ lờ mờ về những lần bố từ xa trở về nhà, đội cậu lên vai, để cậu cố hái quả pear (mận, cậu lầm) lủng lẳng trên nhánh cây trước sân nhà. Cậu nhớ khi cậu ngồi trên lưng để bố giả làm bò. Sau đó rồi bố lại ra đi. Cậu đã khóc vì bố không chịu ở nhà. Cậu vùng vẫy khỏi tay ngoại, càng lúc càng khóc lớn, khi thấy bóng bố mỗi lúc mỗi mất dần. Cậu không biết bố đi đâu. Cứ về hối hả và lại ra đi hối hả. Bóng bố cứ chợt hiện đến rồi biến mất. Để cậu cứ hỏi mẹ: Sao lâu

quá bố chưa chịu về với con, hở mẹ. Mẹ thì thở dài, nhưng cứ an ủi cậu: Rồi bố sẽ về. Rồi bố sẽ về. Cậu lại hỏi mẹ: Thế bố ở đâu? Mẹ trả lời: Bố ở mặt trận. Mặt trận là gì hở mẹ? Mặt trận là nơi người ta đánh nhau, bắn nhau. Cậu biết rồi. Cậu đã nhìn mặt trận trên máy truyền hình. Người ta cầm súng. Người ta bắn đoành đoành. Cho đến một ngày, có người ở cùng đơn vị với bố thoát chạy về báo tin bố chết. Bên bố có cả trăm người. Mẹ hét lên rồi ngã nhào trên nền nhà. Cả nhà đỡ mẹ dậy. Bóp tay chân mẹ. Thoa dầu người mẹ. Một lát mẹ tỉnh dậy. Mẹ tiếp tục gào khóc. Mẹ nói mẹ đi tìm xác bố. Nhưng cả nhà cản. Sau này cậu hiểu tại sao họ cản. Những người *communists* đã chiếm cả cao nguyên. Mẹ nhắc. Cậu biết lúc ấy mẹ đau khổ lắm, quên hết lý trí. Riêng cậu, thì cứ khóc thút thít. Cậu thấy mẹ, ngoại khóc nên cậu khóc theo. Cậu không hiểu cái chết của bố có ảnh hưởng gì đến đời sống cậu. Chết là gì? Tại sao bố lại chết. Tại sao mẹ lại quá đau đớn?

Và cậu chỉ nhớ bấy nhiêu. Nhưng càng ngày, cậu càng hiểu thêm và nhớ thêm từng chi tiết. Nó như một đoạn phim chiếu đi chiếu lại hoài trên màn ảnh. Tóc mẹ rũ rượi. Hình như lúc ấy cả thân thể mẹ cứng đơ. Hình như đám người ngoài sân càng lúc càng đông. Cậu nhớ cả đến bàn tay của cô giáo Mẫu giáo, vuốt đầu tóc cậu. Và cả đến cái nhìn thông cảm từ mấy đứa bé hàng xóm.

Hoài niệm làm cậu muốn khóc. Bây giờ, cậu đã ở tại một nơi sau hơn hai mươi năm, mà một lần là một bãi chiến trường. Mười mấy năm ở Mỹ, mẹ cứ ngày đêm mơ ước một ngày trở về, may ra tìm một nấm mồ mưa móc. Hai mẹ con cứ nuôi hy vọng một ngày đứng trước một nấm mồ, dù là một nấm mồ tập thể, để có thể nói thầm cùng một người đã khuất. Riêng mẹ, mẹ muốn mang cho bố một niềm hãnh diện. Con trai của bố đã bắt đầu vào trường thuốc, học lại cái nghề của bố ngày xưa.

Tự nhiên, cậu không ngăn được hai giòng nước mắt. Lần đầu tiên cậu mới hiểu thế nào là một *battlefield*. Cậu rưng rưng cầm chiếc nón sắt rồi nói với mẹ:

"Mẹ để con mang chiếc nón này về Mỹ. Ít ra bố còn ở bên chúng ta mãi mãi, phải không mẹ?"❐

Thơ Nguyễn Xuân Thiệp

Văn Học hân hạnh giới thiệu ba bài thơ dưới đây của Nguyễn Xuân Thiệp, một nhà thơ mới từ Việt Nam qua định cư tại Hoa Kỳ. Tuy làm thơ đã lâu, nhưng Nguyễn Xuân Thiệp ít cho phổ biến trên báo chí tác phẩm của mình. Gần đây theo yêu cầu của các bạn văn trong Văn Học, anh đã chép lại và gửi đăng nhiều bài thơ đặc sắc anh làm từ thời còn ở Việt Nam, ngoài một số bài mới làm trên đất mới.

Kẻ sĩ Nga sơn

Sáng quẩy níp lên nương
canh gà treo điếm cỏ
chuôi cày bóng mặt trăng
đất vun sóng sông Mã

Kẻ sĩ miền Nga sơn
một túp lều xiêu xó
chờ cơn giông đọc thơ
điếu cày reo tiếng đục
lửa bếp tàn sương khuya

Thơ bay đồi hoa gạo
ối đỏ đầy quán không
xú xú hồn u khốc
ngày kêu ngoài bãi sông

Cát bồi mây núi sụt
nước cuốn phăng mấy làng
trời một vùng châu phủ
đêm nghe tiếng hổ gầm

Gió mùa về châu phủ
nhà trống tuếch trống toang
dậy bóng đoàn thu sản
che khuất một vầng trăng

Sông Mã trôi sông Mã
nguồn cao sóng réo gầm

Người túa ra sân ga
người lang thang phố chợ
thân gầy áo rách tươm
khất đồng tiền của quí
mẹ bán con làng bên
mai này con hết khổ
chó nhà ai dì hoang
nửa đêm về cào cửa
đời siết mấy dây oan
Tóc râu như Lão tử
trùm lên bóng trâu xanh
mài bút viết bi ký
rau dưa khổ thánh hiền

Sông Mã trôi sông Mã
xa rồi. trời phương Nam
trông vầng trăng châu thổ
còn nghe sóng biếc gầm.

Nửa thế kỷ soi dòng lịch sử

Làm cánh chim hung hãn
người soi bóng xuống mặt ao hồ
thấy mây nương đâu bay đi. bay đi

nửa thế kỷ soi dòng lịch sử
những đoàn người đi, những đoàn người
thành bụi đất
những thôn xóm trong thơ. những thôn xóm vỡ
hoàng hôn
thành phố ấy nắng mưa xoi mòn. gạch đổ
nắng mưa dài bãi bờ xa
cánh chim bay không tới
nửa thế kỷ. tôi từng biết những bông hoa nở gấp
trong bùn
những ngọn gió sắc như dao
chúng ta chia nhau mưa phùn và cơn sấm động
húp bát cháo cô hồn
đầm ngực. khi qua cầu nắng dội

từng cơn chớp bể mưa nguồn
nửa thế kỷ. những người anh hùng tóc râu
rừng cháy
mắt trăng giếng khơi
xanh của đá xanh
xanh của đá xanh
ngất tiếng tù và xông trận. khuya sương Tây hồ
cơn giông lớn đó
từng thắp suốt dòng sông
Lửa phù du
soi mặt người ẩn hiện
nửa thế kỷ
bóng cờ che trước cửa mỗi nhà
cửa đóng
cây bàng mùa đông. tiếng kêu màu đỏ giữa trời
nửa thế kỷ
ngọn đèn âm u. phố
vương phủ nghèo. nắng phai
trên bản thảo của nhà thơ chưa xuất hiện
mây hoàng hôn. cơn bão rớt. vầng trăng hát rong
ruộng đồng. bình minh. lên cơn dữ
nửa thế kỷ
hôm nay dưới mái tranh
chỉ còn cây đàn hư
và tiếng gió
người nghệ sĩ đi trong ngọn nắng hoang
nửa thế kỷ
soi bóng tôi
trên những trang thơ nức nở này.

Con chim màu đỏ

Tặng Dung và chim

Con chim màu đỏ ấy
mỗi sáng đến hót trước cửa sổ nhà tôi
Ý chừng nó biết tôi lẻ loi
suy tưởng
tôi đang tịnh khẩu chim ơi

chim và mùa hè
ôi màu đỏ của miền đất xa

nơi có gió mùa
mây trắng
và cơn bão thổi xơ xác mái tranh nghèo
nơi tôi từ đó ra đi
trốn chạy một tai ương
tìm trời nắng rộng

chim ơi
trong cơn đau
tôi cố đứng lên đi
để đừng sụp đổ

ngoài kia nắng
và gió
tôi muốn hong khô những câu thơ ẩm mốc
như Đường Tăng xưa phơi kinh

hãy là một câu thơ màu đỏ
chim là một câu thơ màu đỏ

hãy bay đi
và mang về cho ta, từ miền đất khổ, một cọng rơm
màu vàng
để ta thấy lại
mùa gặt nơi quê nhà
mùi đất
và cỏ
ngọn lửa giờ này đang cháy âm u trong thôn
lau lách
sáng nơi này
xa kia là hoàng hôn
màu tường vi trong thơ cổ

chim ơi
bay đi
và trở về khi mùa chín.

Mỗi Ngày Mỗi Xa

Hoài Ziang Duy

Cột một đầu dây còn lại, Quân kéo ngọn cờ lên. Cái rỏ rẻ êm ái nhẹ nhàng đưa mảnh vải lên cao. Dễ dàng quá. Vậy mà tay Quân tê cứng vì lạnh. Cái bao tay đôi lúc vướng víu tháo ra, rồi mang vào. Cái lạnh căm căm dưới không độ. Trời tuyết lất phất. Gió, gió làm Quân khó chịu hơn những mảng tuyết bay phủ. Quân ngước đầu lên. Cái thói quen nhìn lá cờ lên cao mỗi sáng. Bước vào trong mấy bước là cái quán bán suốt đêm suốt ngày; đủ thứ như loại Seven eleven mà không trùng tên. Một cái tên Mỹ đại khái nào đó. Đọc hoài Quân cũng không thèm nhớ rõ nó gọi là tên gì. Một gã Mỹ đen đang đứng ở quầy trả tiền ly café. Hắn một tay bưng, tay còn lại lấy thêm mấy gói đường. Gã bước ra ngoài đến gần cái thùng rác nấp dở dang; lấy tờ báo vừa nhâm nhi vừa đọc. Thế là đủ. Gã cũng trở thành một người đàng hoàng lịch sự, nếu không ai thấy gã lấy tờ báo của người khác vừa vất bỏ. Hôm nay là ngày thứ Tư. Hai ngày trong tuần Quân đều bỏ ra hai đồng để mua giấy số. Trong lòng ước ao một ngày nào thần tài đến để được nghỉ xả hơi. Để làm gì. Cũng chưa biết hoạch định đường tương lai. Nhưng trước mắt là nghỉ việc đã. Làm nhiều, cày nhiều. Quân đã thấy mệt thấy chán. Cuộc đời suy đi gẫm lại thêm buồn. Cuộc đời có nhiều chữ nếu. Có nhiều điều lầm lỡ. Nhưng không có trái ngang nào giống nhau ở những lần vấp ngã.

Cứ hơn năm giờ sáng đến sở. Công việc đầu tiên là mở cửa trước. Tìm lấy lá cờ kéo lên; dù mưa hay nắng; dù tuyết hay bão giông. Cũng mặc. Nó vẫn lên cao đều đặn mỗi ngày. Để rồi buổi chiều Quân rời sở trước. Gã manager kéo xuống, xếp lại chờ sáng mai là đến phần Quân. Đôi lúc Quân tự hỏi. Phải chăng kiếp trước mình có nợ đời với nó hay sao mà phải đảm đang công việc này. Lá cờ không phải là của dân tộc mình, đất nước mình. Nhìn nó, Quân thấy dửng dưng. Nước mất, nhà

chim và mùa hè
ôi màu đỏ của miền đất xa

nơi có gió mùa
mây trắng
và cơn bão thổi xơ xác mái tranh nghèo
nơi tôi từ đó ra đi
trốn chạy một tai ương
tìm trời nắng rộng

chim ơi
trong cơn đau
tôi cố đứng lên đi
để đừng sụp đổ

ngoài kia nắng
và gió
tôi muốn hong khô những câu thơ ẩm mốc
như Đường Tăng xưa phơi kinh

hãy là một câu thơ màu đỏ
chim là một câu thơ màu đỏ

hãy bay đi
và mang về cho ta, từ miền đất khổ, một cọng rơm
màu vàng
để ta thấy lại
mùa gặt nơi quê nhà
mùi đất
và cỏ
ngọn lửa giờ này đang cháy âm u trong thôn
lau lách
sáng nơi này
xa kia là hoàng hôn
màu tường vi trong thơ cổ

chim ơi
bay đi
và trở về khi mùa chín.

Mỗi Ngày Mỗi Xa

Hoài Ziang Duy

Cột một đầu dây còn lại, Quân kéo ngọn cờ lên. Cái rỏ rẻ êm ái nhẹ nhàng đưa mảnh vải lên cao. Dễ dàng quá. Vậy mà tay Quân tê cứng vì lạnh. Cái bao tay đôi lúc vướng víu tháo ra, rồi mang vào. Cái lạnh căm căm dưới không độ. Trời tuyết lất phất. Gió, gió làm Quân khó chịu hơn những mảng tuyết bay phủ. Quân ngước đầu lên. Cái thói quen nhìn lá cờ lên cao mỗi sáng. Bước vào trong mấy bước là cái quán bán suốt đêm suốt ngày; đủ thứ như loại Seven eleven mà không trùng tên. Một cái tên Mỹ đại khái nào đó. Đọc hoài Quân cũng không thèm nhớ rõ nó gọi là tên gì. Một gã Mỹ đen đang đứng ở quầy trả tiền ly café. Hắn một tay bưng, tay còn lại lấy thêm mấy gói đường. Gã bước ra ngoài đến gần cái thùng rác nấp dở dang; lấy tờ báo vừa nhâm nhi vừa đọc. Thế là đủ. Gã cũng trở thành một người đàng hoàng lịch sự, nếu không ai thấy gã lấy tờ báo của người khác vừa vất bỏ. Hôm nay là ngày thứ Tư. Hai ngày trong tuần Quân đều bỏ ra hai đồng để mua giấy số. Trong lòng ước ao một ngày nào thần tài đến để được nghỉ xả hơi. Để làm gì. Cũng chưa biết hoạch định đường tương lai. Nhưng trước mắt là nghỉ việc đã. Làm nhiều, cày nhiều. Quân đã thấy mệt thấy chán. Cuộc đời suy đi gẫm lại thêm buồn. Cuộc đời có nhiều chữ nếu. Có nhiều điều lầm lỡ. Nhưng không có trái ngang nào giống nhau ở những lần vấp ngã.

Cứ hơn năm giờ sáng đến sở. Công việc đầu tiên là mở cửa trước. Tìm lấy lá cờ kéo lên; dù mưa hay nắng; dù tuyết hay bão giông. Cũng mặc. Nó vẫn lên cao đều đặn mỗi ngày. Để rồi buổi chiều Quân rời sở trước. Gã manager kéo xuống, xếp lại chờ sáng mai là đến phần Quân. Đôi lúc Quân tự hỏi. Phải chăng kiếp trước mình có nợ đời với nó hay sao mà phải đảm đang công việc này. Lá cờ không phải là của dân tộc mình, đất nước mình. Nhìn nó, Quân thấy dửng dưng. Nước mất, nhà

tan. Quân có cái đau xót. Nỗi đau thầm lặng tái tê. Cái thao tác giản dị. Chắc chỉ giản dị như người xếp Mỹ thấy. Nhưng với Quân nó là cái nợ đời Quân phải trả. Lá cờ của dân tộc, quốc gia mình không còn. Sống trên xứ người. Mỗi sáng đi chiều tối quay về. Sinh hoạt khép kín. Ở đây không có bài quốc ca, không có tiếng nhạc tiếng kèn. Không phải phủ trên nắp áo quan cũ năm tháng cũ thời còn chinh chiến. Không có giọt lệ khổ đau. Không có tiếng gào than của góa phụ. Nhưng hành động của một người vong quốc. Kéo cao ngọn cờ của đất nước tạm dung, để nghĩ lại, ngẫm đi; chợt thấy lòng ngao ngán thêm hơn. Thời gian có thể là nỗi lặng lẽ để lãng quên. Nhưng dấu ấn với hơn hai mươi triệu người đã trưởng thành nhận biết, vẫn là điều không thể quên. Suốt đời không thể quên.

Gã Mỹ đen cứ đến sáng sớm giờ nầy lại gặp. Gã nhìn Quân. Chắc đã lâu. Nhưng hôm nay lần đầu gã mới hỏi:

"Anh là Phi hay Đại Hàn?"

"Việt Nam."

"Miền Bắc hay Nam?"

"Miền Nam."

Gã đưa lên một ngón tay cái ra vẻ vừa ý:

"Được. Chúng mình nói chuyện được. Hồi trước tao cũng qua đó. Sáu tháng thôi. Ở nhà ông bà già cứ trông ngày trông đêm, còn tao cứ gạch lấy từng ngày trên tờ lịch. Cái dân tộc mầy không hiểu sao cứ khoái chiến tranh, đánh cả chục năm mà chưa thấy thấm tình máu mủ."

"Vậy hồi trước mầy ở đâu?"

"Khe Sanh, sau đó về Đà Nẵng rồi về nước luôn."

"À này."

Gã đứng lại gần Quân hơn:

"Cớ sao tao thấy cứ phải là mầy treo cờ mỗi sáng?"

"Đã sao đâu. Ai kêu gì làm nấy. Cứ lãnh đồng tiền đều đặn cho hai tuần là đủ rồi. Có gì không?"

"Hôm nào mầy cho tao làm thử."

Quân nhìn lấy gã. Không hiểu gã có "mac" nặng không.

"Mầy thích à. Có gì thú vị đâu."

Gã nói giọng phân bua; tay chân múa may diễn tả những điều lê thê Quân không hiểu hết, sau cùng gã nói:

"Mầy thử nghĩ. Có người cả đời cũng chỉ biết đứng nghiêm trang nhìn nó; không có dịp nào có xúc cảm khi kéo cao lá cờ dân tộc mình. Tao thấy mầy làm mỗi ngày, không phải tao kỳ thị, nhưng thật sự tao muốn làm thay mầy."

Đắn đo một lúc, Quân hỏi:

"Hình như sớm nào mầy cũng ra đây. Thích café ở đây hay chờ ai?"

"Tao chờ con vợ của tao?"

"Ở đâu? Tên gì?"

"Cindy. Cô ta làm chung với mầy đó. Sau một tiếng mầy đến là cô ta sẽ đến."

Cindy. Cái cô gái Mỹ tóc vàng nhí nhảnh dễ thương nhất sở mà là vợ của gã ư? Quân tự hỏi. Hình như không thể tin được. Cindy đẹp đẽ nồng nàn thơm tho; lý gì lại là vợ của gã được. Kẻ lang thang cùng khổ.

"Mầy thân cô ấy không?" Gã hỏi.

Quân nghe ớn da gà. Thật ra Cindy là người mà Quân có cảm tình nhất trong bọn con gái làm ở đây. Cô ta vui vẻ không kỳ thị, lúc nào rảnh rang là xà đến người này người khác tán gẫu. Mỗi việc làm nặng Cindy kêu lên là có Quân đến tiếp ngay, gái Mỹ tình Việt thật đề huề thắm thiết. Cindy nhỏ nhắn mảnh dẻ. Cô ta không dám ăn nhiều. Gương mặt tươi sáng, hàm răng đều đặn, thông minh. Chẳng thể nào ăn ở với gã Mỹ đen này được. Nhưng nghe gã nói, Quân cũng không tránh nổi tò mò. Còn gã. Hình như chạm đến vết thương lòng. Gã kể lể về mối tình với Cindy.

"Nầy nhé. Mỗi ngày Cindy ra đường đi phát thư là tôi đi theo. Theo mãi theo hoài, có hôm mời một bọc bánh một lon nước. Nàng ghé vào đâu. Ăn gì là tôi ăn nấy. Cái thói quen của nàng dừng ở đâu là trạm sau cùng? Tôi biết cả. Chúng tôi là vợ chồng mà. Nàng đẹp. Mầy thấy đấy. Ai mà không mê. Nàng không thích giao du với Mỹ trắng đâu. Biết sao không? Tình đầu đó. Bỏ. Rồi hận. Chỉ thích giao du với người da màu. Xứ Mỹ tự do mà."

"Rồi sao lại bỏ nhau?"

"Nàng đòi *'make love'* hoài. Tôi thì đi làm hai job thở muốn không ra hơi, bây giờ mang bệnh suyễn nè. Có ai nuôi nấng đâu. Không còn đủ đầy cho nhau, thì bỏ."

"Dễ dàng vậy sao?" Quân hỏi.

Hắn nói giọng thành thật.

"Một đêm. Anh biết không. Nàng gọi cảnh sát đến báo là tôi cưỡng bức khi mà nàng không đồng ý. Vậy là tôi bị mời đi."

Hắn chửi thề một câu tục tằn. Tự dưng Quân cười một mình cho tình nhân nghĩa yêu thương ở xứ này. Quả thật đã là vợ chồng tình tự cũng phải chờ được phép cảm thông. Quân nói:

"Tao dạy mầy tiếng Việt chửi nghe hay hơn. Đừng chửi tiếng Mỹ vậy nghe thô tục lắm."

"Ừ hả? Phải chửi thế nào?"

"Con bà nó."

Hắn lập lại:

"Con bà nó."

Quân nghĩ đến Cindy. Nếu từ cửa miệng mình mà chửi ra câu này; quả tình Cindy thật đáng thương, tội nghiệp cho cái tình hàng bao lâu Cindy đã đối xử với Quân. Nhưng lỡ dạy gã Mỹ đen rồi. Quân tự an ủi với chính mình. Chắc Cindy cũng không hiểu gã muốn nói gì.

Giọng gã lúc này có vẻ thân thiện hơn.

"*You* làm trong đó có vui không? Có thân thiện với Cindy nhiều không? Đã có lần nàng mời *you* đi ăn tối nhảy đầm cuối tuần chưa?"

Nghe gã nói tới đây. Quân chợt nhớ cái hẹn tuần tới với Cindy. Hình như gã đã đoán được phần nào.

"Ai nàng cũng mời hết. Nàng chỉ thích đòi thôi. Nhà hàng nào của nước nào, nàng cũng muốn ăn qua cho biết, nầy nhé; của Thái Lan thì chua, của Đại Hàn thì cay, món Nhật thì cá sống, món Tàu thì súp, còn Việt Nam thì cái gì mà dài dài đó." Quân chận lại thêm vào:

"Chả giò?"

"Ừ, thì tôi đang muốn nói đến món đó."

"Đừng nói chuyện ăn uống nữa. Anh yêu Cindy tha thiết lắm há?"

"Tất nhiên."

Hắn nói câu tiếng Anh một cách chắc chắn; làm Quân thấy đau lòng. Thật tình không hiểu Cindy có còn thương gã không; chứ Quân thì đã lâu, Quân cũng thấy mình hơi thích Cindy. Thích ở Quân có nhiều nghĩa lắm. Không thể là yêu nếu phải nói với một cô gái Việt Nam khác. Thích Cindy ở nhiều cái lạ. Cái nhan sắc đầu tiên ở Cindy cũng góp phần vào cái ham muốn của lạ. Một cô gái Mỹ. Quân đã bâng quơ nhiều lần, mường tượng một ngày nào cô gái đẹp mà nhiều người khao khát đó nằm trong vòng tay của mình. Chinh phục. Cái ý tưởng chinh phục thôi thúc Quân đã hàng bao lâu, không phải để trả thù ngày xưa người ta bỏ rơi đồng bào Quân, trong đó có gia đình, có Quân. Không phải để trả thù người ta đem Quân đến chỗ này rồi bỏ đó. Ít nhất cũng hít thở được không khí tự do. Quân muốn chiến thắng một điều, muốn tập tành một điều mà xứ nầy người ta hay nói không có tình yêu, tình người. Đâu phải vậy. Quân vẫn thấy đau. Cái đau khi nghe, khi nhìn gã Mỹ đen trước mặt bị ruồng bỏ. Quân muốn biết cái cảm giác khi yêu khi sống với một người đàn bà không chung cùng ngôn ngữ. Bỏ tiền đi kiếm gái phục vụ nhu bạn bè xúi giục. Điều đó dễ thôi. Nhưng hình như nó chỉ là một nhu cầu tâm sinh lý của xã hội phát triển. Còn Quân. Cái cấu trúc dàn dựng một tình cảm; một mối tình nên thơ thì lại khác. Cindy. Cái tên cô này trùng phần nào với cô đào mẫu thời trang nổi tiếng. Cũng nốt ruồi duyên. Cũng gầy. Nhưng không cao để cô có thể làm người mẫu. Đôi chân thon không phải do tập luyện, nhịn ăn. Quân đoán là do cô đi nhiều. Đi nhiều

nơi nhiều chỗ để phát thư. Mệt quá rồi không ăn nổi, ăn ít đi. Thế là Cindy sẽ đẹp sẽ thon gầy. Ở xứ này cái gì cũng có, no đủ quá, sung sướng quá, cho nên trời phạt không ai dám ăn nhiều, ăn bổ dưỡng! Cũng tội cho họ, Quân nghĩ. Khi so với dân nghèo Châu Phi hay dân tộc Á Châu cùng khổ. Cứ muốn cứ mong cái đủ mà không bao giờ có. Trần gian kể ra cũng nhiều nghịch lý thật. Nếu ở đàn ông đàn bà có thừa có khuyết, để làm nên vợ chồng, làm nên tình người. Cuộc đời lại quay hướng khác. Không thể san sẻ để hòa hợp để cứu giúp một cách lương thiện lâu dài. Không thể tin những điều họ nói. Ai nói? Người lãnh đạo nói lại càng không đáng tin. Họ cũng chỉ như một thứ tình mà gã Mỹ đen đã gán ghép cho Cindy.

"Cô nàng cũng hay thử của lạ."

Đúng ý Quân rồi. Quân cũng đang cần thử. Đang cần sống chung. Tình yêu sẽ phải như thế nào? Ngôn ngữ đôi lúc không trôi chảy, cái giọng phát âm lơ lớ đôi lúc cũng ngộ nghĩnh dễ thương. Xứ nầy người ta hay thương những bất chợt tình cờ, đôi lúc do lòng nhân nghĩa, đôi lúc cần một mảng che nào đó cho hành động mai sau của mình. Với Cindy, Quân thấy đâu cần phải tình yêu ướt át. Không phải khó khăn với sầu cảm thu rơi thu sầu. Không cần phải mùi mẫn với tiếng mưa đêm lách tách trữ tình. Ở đây đâu có mái tôn, mái ngói để nằm nghe tiếng mưa đêm tâm tình. Phòng kín, mưa gió ở ngoài cũng không hay; lửa cháy, còi hụ ở hàng xóm cũng không biết. Huống hồ ở đây chỉ là mái giấy. Mưa trên mái giấy không có tiếng gõ; chỉ có đẫm ướt rồi chảy tuôn. Lòng Quân đó. Đã bao lâu. Đã rã rời ướt rách. Đến với xứ người Quân đã ngậm đắng nuốt cay nhiều rồi; thì có nên khoan dung chăng với mối tình Quân đang chọn lựa. Rồi hôm nay. Những ngày treo cờ. Gã Mỹ đen đã theo dõi mỗi ngày mỗi buổi. Quân thấy đắn đo, biết bao chuyện phiền toái đi vào thêm cái mệt mỏi mỗi ngày.

"Con bà nó." Quân buột miệng chửi.

"Mầy nói nghĩa gì vậy?" Gã hỏi.

Quân chợt ngẩn ra:

"À không. Đó là câu nói mầy phải nói với Cindy."

"*Wow!* Tao nhớ rồi. Con bà nó. Cindy. Con bà nó."

Quân thấy tức cười ở giọng phát âm của gã. Xoay qua gã, Quân hỏi:

"Mầy không làm gì? Cứ theo Cindy hoài chỉ tốn phí thời gian."

"Không đâu. Tao không bỏ lỡ cơ hội. Phải gặp nàng, phải giết nàng."

"Cái gì?! Mầy định giết Cindy à."

"Ừ phải giết, phải giết. Chỉ có vậy tao mới nổi tiếng, mới thoát khỏi cảnh nghèo túng nầy."

"Mầy điên à. Mầy mắc bệnh à."

"Không phải đâu. Với tao, nó là cách làm giàu trong xã hội bây giờ. Sau đó tao viết hồi ký. Mẹ nó. À không. Cái gì mầy dạy tao đó. Con bà nó. Phải rồi con bà nó. Tao đâu có chữ nghĩa gì mà viết. Không sao. Có họ viết dùm. Báo chí sẽ mua tác phẩm của tao."

Quân nghe ớn lạnh. Điệu nầy là không xong rồi. Chắc gã không tính táo lắm. Bỏ đi ngay thì lại ngán. Quân đưa gã điếu thuốc. Thôi nghe. Hút đi. Uống đi. Mai lại gặp. Miệng nói nhưng bụng Quân đã tính đường khác. Không thể tiếp xúc làm quen với gã được. Thật sự gã không bình thường trong mối tình với Cindy.

Quân nói bái bai với gã, vòng ra cửa sau để vào trong. Một tiếng đồng hồ sau Cindy đến như gã nói. Hôm nay tự dưng nhìn thấy nàng, Quân thấy đắn đo. Cái ý tưởng một ngày nào đó Cindy sẽ không còn nữa; sẽ máu me đi vào tâm hồn Quân; sẽ chứng kiến điều tang thương. Quân đã lỡ, đã muốn phiêu lưu với mối tình thử thách, muốn tìm không khí lạ, muốn sưởi ấm cái mặc cảm thua thiệt sống trên xứ người.

"Hélô. Quân."

Giọng nàng đó. Nàng đến đó. Nàng chìa cho Quân bắt tay. Cái thói quen mỗi sớm. Quân muốn giữ lại thật lâu. Giờ này còn vắng người. Nàng phải vào sớm để soạn thư, để chia vào từng hộc theo từng số nhà đường phố. Nàng làm chậm rãi nhịp nhàng so với người khác. Nhưng với Quân, đâu đã sao. Cứ mỗi ngày có ba giờ *overtime* là nàng đủ dư dả rồi. Quân nói:

"Cindy. Cứ mỗi ngày sau buổi phát thư, giờ nghỉ là em hay ghé quán Roy Roger để ăn trưa à?"

"Sao anh biết rành vậy?"

Nhớ lời gã Mỹ đen nói, nhưng không tiện nói ra.

"Ừ thì anh đoán vậy."

"Cái thói quen mỗi ngày mà."

Cindy rút tay lại. Nàng cởi chiếc áo khoác. Cánh tay trần của nàng, hàng lông tay mịn thắm. Những sợi lông măng êm ả đi với nụ cười nhoẻn miệng của nàng. Nàng có đôi môi rộng, có nốt ruồi duyên dáng. Cái miệng nầy hồi còn ở quê nhà thì đã không xong với các bà già trầu. Nhưng ở xứ nầy hình như cô gái nào Quân cũng thấy miệng rộng cả.

"Độ này anh nói tiếng Anh khá lắm rồi đó."

"Cũng nhờ Cindy thực tập cho mỗi ngày. Cám ơn nghe."

Cái tiếng cám ơn, chào hỏi mạnh khỏe. Lúc đầu mới sang Quân đã thấy mệt. Đi ra đi vào cũng chào cũng hỏi, tuồng như lúc nào cũng làm người bệnh mới mạnh cả. Nhưng lâu ngày rồi Quân cũng hấp thụ; cái lịch sự, cái khách sáo bên ngoài. Người ta sống vậy, thì mình sống vậy.

Đắn đo một lúc Quân mới nói được:

"Trước đây Cindy có gia đình rồi hả?"

Nàng mở to đôi mắt:

"Không hỏi đời tư nghe."

"Xin lỗi tôi không có ý xấu."

"Anh hỏi làm gì?"

"Hình như Cindy thích giao du với người khác màu da phải không?"

"Ừ, thì thích. Nghe họ nói chuyện cũng vui. Không chuẩn nhưng dễ thương. Còn nói với người mình hoài, bình thường vậy thôi..."

"Hôm nào mình đi ăn món Việt Ham nghe."

Nàng lại đòi ăn. Đúng rồi. Nàng đang tìm của lạ.

"Thế Cindy có thích người Việt không?"

"Giống như Quân vậy đó. Không cần biết you có gia đình hay chưa. Không cần thiết. Chúng ta là bạn mà, có lỡ gọi boyfriend cũng chả sao."

Nàng mạnh dạn. Nàng hồn nhiên, thành thực trong ngôn ngữ. Đôi lúc nàng hôn Quân khi giã từ.

Quân đẩy cái *hamper* đầy hàng đến cho nàng. Nàng cúi xuống lấy lên từng gói nhỏ, soạn vào mấy thùng cho các giờ tới phải đi. Đột nhiên Quân nghĩ có thể một lúc nào đó, một gói hàng nào đó sẽ nổ; ở đây vào lúc nầy. Nỗi ám ảnh từ ban sáng sau khi tiếp xúc với gã Mỹ đen làm Quân thấy thương hại Cindy.

"Sao hôm nay you có gì lạ vậy?"

"Không, không có gì. Cindy có quen với bạn trai nào trước đây không. Tôi hỏi có thân thiện nhiều lắm không?"

"Không nói về đời tư nghe." Nàng lập lại.

"Anh khó chịu hả? Anh không phải là bạn trai sao. Cứ nghĩ vậy đi, thì đã sao. Hôm nào mình lấy trùng ngày vacation đi chơi chung nhau thoải mái hơn, vớ vẩn ở chốn nầy hoài chán chết. Bây giờ anh giúp em một tay. Soạn dùm hàng này, làm sớm đi, kẻo bọn nó vào đông lại hay nói."

Quân ừ hử. Hôm nay Quân không thấy thoải mái như những ngày qua. Công việc Quân làm mỗi ngày, cho Quân, rồi tiếp Cindy mỗi sáng. Tình cảm thân thiện lâu ngày với Quân. Cindy vừa là người ơn vừa là người bạn dễ dãi cho Quân nói chuyện mỗi ngày. Có Cindy Quân thấy mình tiến bộ hơn trong ngôn ngữ. Nàng nói ý chính, không dài dòng, giải thích cho Quân nghe ở những lần họp. Với nàng Quân thấy gần gũi không mặc cảm, không mất niềm tin, chả bù ngày xưa chưa kịp nghĩ, chưa kịp nói Quân đã thấy mệt với cái uốn éo của miệng môi mình.

Quân muốn đi xa hơn nữa với nỗi thầm kín. Một ngày nào đó, biết đâu chừng hay bây giờ Cindy cũng đã yêu Quân. Con gái Mỹ, nhất là làm chung thế nầy, Quân thấy khó mà phán đoán rõ ràng ở tình cảm ở

đối xử. Lịch sự nhiều quá đôi lúc che lấp đi cái thiệt giả. Chưa có lần nào Cindy làm mặt giận hay nổi nóng với Quân. Ở chốn nầy, trong khung cảnh nhỏ bé nầy. Nàng là hiện thân của rực rỡ, của bao người thèm muốn đeo đuổi. Nàng là hiện thân của sức sống, của sinh lực đầy tràn trong thể xác trong tình yêu. Nỗi nhen nhúm mơ hồ đang dấy lên ở Quân. Quân không muốn mất nàng. Không thể để nàng chết trong tay gã.

Buổi trưa. Công việc bề bộn làm Quân nguôi đi nỗi ám ảnh. Cindy đã đi mấy giờ qua. Nhận hàng xuống phân phối cho từng kệ; chuẩn bị hàng đi cho giờ xe đến bốc về trung tâm. Việc làm thường lệ mỗi ngày nhưng Quân vẫn không yên. Bước ra hàng hiên. Tuyết vẫn còn rơi lất phất. Giờ này Cindy chắc lạnh, vất vả. Lá cờ trước sân nằm rũ trong tuyết gió lạnh lùng. Phải đi kiếm Cindy, phải báo cho nàng biết sự thật. Quân tự giận mình sáng nay không nói sớm để mọi việc có chuẩn bị. Quân muốn nói thật lúc nầy. Quân không muốn mất nàng. Nàng phải là hiện thân để Quân đạt được mơ ước. Hãy cho Quân có cơ hội. Hãy cho Quân vượt lên cái mặc cảm của người đang sống dựa trên đất nước nầy.

Lợi dụng buổi trưa giờ nghỉ. Quân ra ngoài. Ăn ở trong hay ở ngoài cũng vậy. Cơm đem theo ngày nay không ăn được. Lòng Quân không yên thì làm sao ngon. Không thể mất nàng. Rồi tự nghĩ lại. Có được đâu mà mất. À không. Phải nói là Quân đang đi lên; đang về phía trước đi theo nỗi cuốn hút mơ ước cho đời mình.

Đúng như lời gã nói ban sáng. Chiếc xe màu trắng của Cindy nằm đó. Nàng cũng đang nghỉ mà. Nghĩ đến khuôn mặt của Cindy, chắc phải vui vì bất chợt. Quân sửa soạn câu nói để chiều tối nay mời Cindy đi ăn. Nàng sẽ vui? Quân cho xe đậu vào parking xong, vội vã bước đến. Ở một góc ngoài quán. Quân chợt sững sờ. Gã Mỹ đen ban sáng đang đứng đó. Hắn tựa vào thùng chứa mấy tờ báo đang lơ đãng nhìn đăm đăm một hướng nào đó.

"Cindy."

Quân kêu lên. Nàng đang ngồi trong xe. Miệng ngậm ống hút, trên tay ly nước cam còn đầy. Chắc nàng vừa ăn xong. Gã Mỹ đen đang lừng lững bước tới.

Quân vỗ vào thành xe, ra dấu cho Cindy quay kiếng xuống.

"Anh gọi cảnh sát nghe."

"Cái gì?"

"Có người muốn hại em."

Nàng cười. Nụ cười nàng vẫn rạng rỡ, so với lòng Quân héo hon khi từng bước gã đến gần. Đôi mắt hắn dễ sợ.

Hắn ra dấu xin điếu thuốc. Quân bước lại. Bình tĩnh. Quân tự nói

với chính mình.

"*Hi.* Khỏe không?"

Lúc nầy Quân thấy câu chào hỏi không còn lố bịch nữa. Câu chào mà không quen, hay quen thân, cũng đồng nghĩa như nhau. Gã đến gần Quân nhận lấy điếu thuốc. Quân bật lửa. Thật lịch sự hơn mọi ngày Quân hút thuốc.

"Con bà nó." Gã nói.

"Ừ. Con bà nó." Quân lập lại.

"Nói cho you biết đêm qua."

"Cái gì đêm qua?"

Quân gằn từng tiếng. Cái phản ứng tức thời, lo lắng trong tâm, đổi giọng bên ngoài làm giọng điệu tiếng Anh của Quân chính xác hơn, cái âm xì xì lúc nầy thật dễ thương.

"Đêm qua tao coi phim Basic Instinct. Bây giờ thì tao khoái Sharon Stone hơn. Phút cuối nàng cũng đâu giết người tình. Không phải là nàng. Nàng không phải."

Quân thở phào. Nói tiếp đi.

"Ừ, nàng không phải là Cindy Crawford."

"Thế còn Cindy đằng kia?"

Quân xoay người đưa tay chỉ. Chiếc xe đã biến mất. Nàng đã đi. Ngày cũng theo xa.

"Tao tên là Michael." Gã ngừng lại rồi tiếp:

"Tên Michael. Mầy phải nhớ nghe. Tất cả là nỗi ám ảnh lên đời tao hết. Đàn bà và tình dục."

Lúc nầy Quân thở ra. Bao gánh oan khiên hầu như không còn nữa. Quân lại mời gã điếu thuốc để dành.

"Sáng mai tao sẽ cho mầy kéo thử lá cờ. Một lần thôi nghe. Ngày còn lại để tao."

Nói xong câu nói Quân cảm thấy đau, như những ngày tới còn sót lại.❐

Chuyện Năm Mươi Năm

Cổ Ngu

"Bà nội em kìa!"

Khiêm nhìn theo ngón tay chỉ của Christine, Crichou, như Khiêm vẫn thường âu yếm gọi. Màn ảnh truyền hình thoáng qua một khuôn mặt phụ nữ. Nét hãi hùng và bi phẫn. Người đàn bà bị lôi kéo giữa đám đông cuồng nộ. Bị phỉ nhổ vì đã "ngủ với kẻ thù", bọn Đức. Cuốn phim tài liệu ngắn kỷ niệm năm mươi năm ngày giải phóng thủ đô Paris đang được trình chiếu khắp nơi. Trên truyền hình, trong rạp ciné, và dĩ nhiên, lọt cả vào những câu chuyện phiếm cạnh máy cà-phê đến sở buổi sáng bay quanh bàn ăn giấc trưa ở căng-tin. Không chỉ có quân kháng chiến với bom xăng, dân parisien với chiếc lũy dựng bằng đá lót đường và bàn ghế tủ giường, tướng Charles de Gaulle với đại lộ Champs-Elysées ngày đại lễ. Còn có mặt trái của tấm huân chương. Những người đàn bà bị ném đá, bị nhổ nước bọt vào mặt, bị cạo trọc đầu. Những người đàn ông xếp hàng ngang theo chân tường, bị xử tử ngay cạnh Khải Hoàn Môn giữa ban ngày ban mặt, trước sự hả hê của đám đông đang say men chiến thắng. Những thủ lãnh kháng chiến quân người Đức bị thủ tiêu một cách mờ ám và những anh chàng GI đầu tiên đặt chân lên đất Pháp trên mặt trận Normandie không ai khác hơn là bọn đầu trộm đuôi cướp đã lãnh án tử hình, bị đẩy đi làm bia đỡ đạn cho quân đội anh hùng theo sau.

Cuộc đời đâu chỉ toàn màu hồng như lời bài hát của người ca sĩ nhỏ bé Edith Piaf suốt đời mặc áo đen! Và Crichou của Khiêm ngồi kia, mắt tối sầm lại vì một mảng mây xám che ngang...

"Em có chắc là bà nội không?"

Mây đã đọng thành mưa. Ướt sũng.

"Thì bà kể cho em nghe mà. Tụi nó bắn chết ông rồi giẳng bà ra, lôi đi bêu rếu khắp nơi, quay phim ngay cả khi cả đám xúm lại cắt xén lam

nham mái tóc vàng óng của bà nữa. Bọn đểu!"

Khiêm ngồi xuống ôm quàng lấy Crichou. Năm mươi năm vẫn còn để lại đâu đây những vết thương nhức nhối. Isabelle, bà của Crichou, đã âm thầm sống nốt quãng đời còn lại ở cái thành phố nhỏ xíu này. Michel, đứa con hai giòng máu Đức - Pháp, chỉ biết mặt cha mình qua tấm hình duy nhất còn sót lại, một thanh niên cao lớn, khỏe mạnh, mặt sáng sủa, như vừa bước qua tuổi đôi mươi. Tấm hình đó là một trong những di vật mà bà Isabelle đã để lại cho Crichou sau ngày qua đời. Khiêm có nghe bà kể lại, nhưng, trong đầu vốn sẵn thành kiến với những linh tinh vụn vặt, nên không để ý tới. Bây giờ tất cả vụt hiện lên, như ánh chớp xé rách bầu trời vần vũ. Khiêm nhớ lại đôi mắt buồn, cặp môi mím và cả con người khô héo của bà Isabelle những ngày cuối đời, nhớ cái dáng bà đứng thẳng khoanh tay trước ngực nhìn ra cửa sổ, cạnh đó là chiếc bàn nhỏ, trên để khung hình của người thanh niên mặc quân phục và một bình hoa tươi, lúc nào cũng có hoa tươi, hoa hái trong vườn mùa xuân hay hoa mua ở tiệm mùa đông giá. Những bông hoa đó, nếu gom lại chắc cũng đủ rải thành tấm thảm dài suốt từ Paris đến Francfort cho một đám cưới tưởng tượng. Cô dâu Isabelle tóc đã bạc, da đã nhăn cứ mãi hoài đứng đợi, đợi cho đến ngày nhắm mắt. Bà thờ ơ với mọi thứ trên đời. Bà thờ ơ với những chàng trai tinh lý mê mệt vì sắc đẹp đang độ xuân thì của người con gái thủ đô. Bà thờ ơ với cả cuộc sống của con trai bà, Michel, trưởng thành, lấy vợ, sanh con, ly dị rồi chết trẻ trong một tai nạn xe hơi. Có lẽ chỉ đến khi Crichou trở thành thiếu nữ, bà Isabelle mới chợt thoát khỏi cơn trầm tưởng triền miên. Bà thấy lại hình ảnh của mình ngày xưa, rực rỡ hoa hàm tiếu. Và những ẩn ức phiền lụy dồn chứa bấy lâu nay trong lòng, bà đem trút hết cả vào Crichou. Cô bé bỗng trở thành một hóa thân sống của bà Isabelle, lôi về nhà hàng đống sách vở, hình ảnh có liên quan đến cuộc đệ nhị thế chiến, say mê với những bài hát, những mối tình thời tạm chiếm và dần dần xa cách người quen biết, bạn bè chung quanh. Cho đến một hôm, Crichou quyết định sẽ chỉ lấy chồng da màu, đen hay vàng gì cũng được, nhưng nhất định sẽ không phải là người da trắng. Năm terminale, cô để ý đến anh chàng Việt Nam cùng lớp, tiếng Pháp nói còn ngọng nghịu nhưng môn toán thì không ai bì kịp. Crichou chủ động tìm đến Khiêm.

Năm đó, hai đứa cùng đậu tú tài, cùng lên Limoges trọ học và thực sự gắn bó với nhau từ những ngày đầu của cuộc sống sinh viên. Có lẽ nhờ Crichou một phần lớn mà Khiêm hội nhập khá nhanh vào cuộc sống xứ lạ, từ cách sử dụng tiếng lóng, những thành ngữ thông thường khi giao tiếp cho đến phép lịch sự khi lên xuống cầu thang cùng phụ nữ. Có lần, thấy Khiêm tinh nghịch lật ngửa ổ bánh mì trên mặt bàn, Crichou

nhẹ nhàng để xuôi và kể cho Khiêm nghe về huyền thoại những ổ bánh mì lật ngửa chỉ để dành cho bọn đao phủ. Rồi cả câu chuyện chiếc xe deux-chevaux - mà Khiêm quen gọi là xe con cóc - được chế tạo với mục đích thỏa mãn nhu cầu của "hai người nông dân mang guốc gỗ ngồi phía trước và năm mươi kí-lô khoai tây ở phía sau" nữa... Năm năm học đại học, mớ kiến thức thu lượm được từ giáo sư, sách vở chắc cũng chỉ nhỉnh hơn chút ít những hiểu biết mà Crichou đem đến cho Khiêm.

Xong đại học, Crichou quyết định trở lại đây, thành phố Châteauroux, để sống gần bà Isabelle. Khiêm một thân một mình thì ở đâu mà chẳng được, công ăn việc làm phù hợp với khả năng cũng không đến nỗi khó kiếm. Hai đứa lập gia đình vào tháng sáu, cũng đi nhà thờ, ra tòa thị chính và ăn nhà hàng. Cuối tuần, Khiêm có thói quen tìm đến tán dóc với mấy người Việt Nam ở khu LA Zup, còn Crichou thường về thăm bà. Đôi lần, Khiêm cũng ghé qua và luôn luôn bắt gặp cái dáng đứng thẳng, tấm hình đen trắng ngả màu và bình hoa tươi. Cho đến ngày bà Isabelle mất. Cho đến hôm nay...

Gỡ vòng tay khỏi người Crichou, Khiêm hôn nhẹ lên đầu mũi hình rồi dứng dậy vặn lớn hơn chiếc đèn halogène.

"Chuyện cũ rồi mà Crichou, sao em cứ sống với hoài niệm mãi vậy? Bà Isa, anh còn hiểu, chứ em..."

"Con người ta đâu phải từ trên trời rơi xuống, anh? Ai mà chẳng có những mối liên hệ chằng chịt với gia đình, với người chung quanh, với quá khứ, với lịch sử. Nếu được như anh, quay lưng lại với tất cả mà bỏ đi..."

Khiêm nghe đau nhói một cái. Từ tim? Từ óc? Nếu được như anh... Phải, Khiêm cố tình quên đi cái quá khứ của mình, những năm tháng trống rỗng trong cô nhi viện Thủ Đức của một kiếp con hoang vô thừa nhận. Đến 1975, đứa bé bị xua ra khỏi nơi cư ngụ. Cũng may mà nó đã đủ lớn khôn để lăn lóc giữa chợ đời với một quyết tâm sắt đá: phải tiếp tục vươn lên. Một địa chỉ tạm trú giúp nó có cơ hội theo học những lớp bổ túc văn hóa ban đêm. Một ân oán giang hồ giúp nó có cơ hội vượt biên miễn phí. Và một Crichou đem đến cho nó mái ấm gia đình, công ăn việc làm và một chỗ đứng trong xã hội. Khiêm lem luốc của hai mươi lăm năm về trước tay bám chặt chấn song sắt, ngước cặp mắt thèm thuồng nhìn những đứa trẻ tung tăng theo bước chân cha mẹ đến trường, tự do như con chim con bướm.

Khiêm của hai mươi lăm năm về sau muốn xóa sạch mọi tàn tích, muốn chặt đứt hẳn lũ dây mơ rễ má lúc nào cũng như níu kéo, xiềng buộc mình vào cái dĩ vãng không lấy gì làm tươi đẹp. Khiêm chỉ còn muốn nhớ mình đã từng là người Việt Nam, thế thôi. Có lẽ như vậy cũng

đã quá đủ rồi...

"Em xin lỗi anh, nhưng làm sao mà em không điên tiết lên được? May mà bà Isa đã mất, chứ nếu nhìn lại những hình ảnh mình vừa thấy khi nãy, làm sao bà chịu cho nổi?"

Khiêm quay lại, định nói nhưng lại thôi. Có tiếp tục thì câu chuyện cũng chẳng đi đến đâu. Crichou vẫn ngồi bó gối trên chiếc canapé. Màn ảnh truyền hình vẫn nhấp nháy nhảy múa. Xanh đỏ tím vàng. Nhưng đôi mắt Crichou đang ở đâu đó giữa những hình ảnh đen trắng của năm mươi năm trước. Khiêm muốn làm hòa.

"Cuối tuần này, mình đi thăm mộ bà không em?"

"Đi, anh. Mà anh không đến gặp mấy người Việt Nam của anh bàn chuyện đá banh, đánh cá ngựa sao?"

"Thì... lâu lâu bỏ một bữa, cưng!"

"Anh dễ thương. Em yêu anh, yêu anh lắm!"

Như thói quen, sau những câu nói âu yếm như vậy, hai đứa thường hôn nhau. Một thói quen chưa bị nhàm chán. Sống với nhau hơn tám năm, lấy nhau gần ba năm mà hai đứa vẫn chưa có con, vẫn còn là vợ chồng son rỗi. Đi bác sĩ, Khiêm biết là lỗi ở mình. Tinh trùng của Khiêm quá ít và yếu để có thể làm cho Crichou thụ thai. Thuốc uống và những phương pháp trị liệu vẫn chưa thấy có hiệu quả. Còn Crichou nhất định không chịu lối thụ thai trong ống nghiệm. Cả hai vẫn chờ đợi. Những đứa con của Khiêm và Crichou. Không hiểu mai mốt đây, khi ra đời, lớn lên, chúng nó có phải mang cái mặc cảm của Michel hay của những đứa trẻ lai Mỹ mà Khiêm đã có dịp chung đụng trong cô nhi viện hay sau này, khi lăn lóc vào đời hay không? Những đứa bé hai dòng máu thường được đón nhận nơi đây, đất Pháp, như hoa trái của những cuộc gặp gỡ Đông - Tây, Âu - Phi, vàng - đen - trắng. Nhưng ở trên cái vùng đất mà Khiêm gọi là quê mẹ, từ trăm năm nay, những con đầm lai, những thằng Mỹ lai lại thường là kết quả sự chiến thắng của bọn mãnh thú thèm khát trên lũ con mồi khốn nạn chậm chân hay sự đổi chác giữa những gã lính viễn chinh mắt sâu mũi lõ và các ả bán phấn buôn hương tóc đen da vàng. Hẳn nhiên là có nhiều trường hợp ngoại lệ, nhưng cái xã hội Việt Nam nặng đầu óc bảo thủ kỳ thị nguồn gốc lại thường hay vơ đũa cả nắm. Cứ hễ lấy tây là me tây, lấy Mỹ là me Mỹ... Khiêm chợt cười thầm. Vậy Khiêm sẽ bị gọi là gì nhỉ? Chẳng hiểu!

"Kim!"

"*Oui, chérie?*"

"Anh nghĩ gì vậy?"

"...Về những đứa con của chúng mình..."

Crichou ngồi yên trong vòng tay Khiêm từ nãy giờ, khẽ cựa mình.

Cái cựa mình của loài gấu chợt bừng tỉnh giấc đông miên, của con cái vừa đánh hơi thấy bản năng làm mẹ. Crichou ngửa mặt lên, mắt khép hờ, cánh mũi phập phồng và đôi môi hé mở. Khiêm cúi xuống. Khuôn mặt thân yêu với những vùng bóng tối ánh sáng thay đổi cường độ theo màn ảnh truyền hình. Tóc bồng rối. Và đôi môi màu mỡ đợi chờ cơn mưa xuân. Mưa phơi phới gọi nẩy xanh chồi mầm, nở hoa đơm trái, xóa dần đi những tàn tích của mùa đông man rợ, của hận thù và chia rẽ.

Khiêm nghe những rạo rực đến dần từ đầu các ngón tay...❐

bạn đọc hẳng yêu thích các truyện ngắn của Trần Doãn Nho đăng trên Văn Học, hãy tìm mua

VẾT XƯỚC ĐẦU ĐỜI

TẬP TRUYỆN, THANH VĂN XUẤT BẢN

- ☐ *gồm mười ba truyện ngắn, dày 250 trang*
- ☐ *bìa màu lộng lẫy, tranh bìa và phụ bản của Đinh Cường*
- ☐ *giá 12 Mỹ kim*

Liên lạc các hiệu sách nơi bạn cư ngụ, nhà xuất bản Văn Nghệ, hoặc tạp chí Văn Học

Đường Đèo

Hồ Đình Nghiêm

Khi rời khỏi căn nhà, con đường đã sáng đèn giữa hai hàng cây đứng gió. Những đốm lá đen đọng vũng dưới chân và ánh điện trên cao gửi xuống thứ sắc màu đục, nóng.

—Cho tôi xin điếu thuốc.

Hiệp bật lửa nhiều lần. Chiếc hộp quẹt còn mới. Tay hắn như hơi run, vụng về.

—Ông không thấy khó chịu sao?

Lưu lấy trong túi quần ra chùm chìa khóa, vọc giỡn như một kẻ đang tập quay súng bằng ngón trỏ.

—Trước khi tới đây tôi đã nói là nó không còn như ngày xưa nữa.

—Bạn cũ... Có nhiều điều tôi thật không hình dung ra nổi.

—Bao nhiêu năm rồi? Lý ra ông là người giàu kinh nghiệm ở trong những chuyện đó mới phải.

—Tại sao?

—Tại tôi nghĩ ông ở bên đó lâu, cảnh bất trắc nó bày ra trước mắt mỗi một phút giây và điều này nó dạy cho người ta hiểu được nhiều thứ.

Hiệp ném điếu thuốc, tàn lửa như con đom đóm kiệt sức, rớt xuống hấp hối ở trong cỏ.

—Nó nói tiếng Tây như gió. Thằng thật khéo đùa!

—Để tâm làm gì. Còn hậm hực à?

—Tôi đã kể ông nghe chưa, nó vẫn còn thiếu chị tôi một ít tiền.

—Có chuyện đó sao?

—Bả mua cho nó một chỗ trên ghe. Chuyện đã lâu rồi, và tôi đến tìm nó hôm nay chỉ thuần để thăm hỏi.

Lưu mở cửa xe. Hơi nóng chờn vờn trong khối sắt bít bùng. Tiếng máy nổ hục hặc, gầm rú làm chiếc xe run lên bần bật.

—Chừng nào ông trở về?

—Ngày mai.

—Gấp gáp thế?

—Đành vậy. Còn lo đăng ký và tranh thủ theo học một khóa Pháp văn.

—Sao không nói thêm là khẩn trương với lại hồ hởi phấn khởi.

Hiệp ngồi không được thoải mái, cứng ngắt trên ghế:

—Nghe Việt cộng quá hả?

Lưu đẩy một cuốn băng vào máy. *Rock and roll will never die*. Phẫn nộ và gào thét.

—Nếu chiếc xe không tồi tệ có thể tôi sẽ chở ông về. Lâu lắm rồi tôi ít có dịp đi xa, vả lại tôi cũng muốn nhìn lại người chị ông.

—Bả gởi lời thăm ông. Ngạc nhiên là cho đến giờ này ông vẫn còn ở không.

Xe chạy lên hướng phố. Buổi chiều lem luốc trên những con lộ dẫn ra ngoại ô không đèn, phía sau lưng.

—Khi ông cắm cúi đi làm thì đồng tiền là cái thành quả duy nhất mà ông nhận được. Ông sẽ chịu đánh đổi những thiệt thòi và ông không thể làm khác hơn. Tôi rất ngại viết thư về thăm nhà, sự ngộ nhận có khi sẽ tăng lên mà không chịu giảm đi. Ông hiểu không? Hoặc là sống qua một vài tháng tự khắc ông sẽ thấy. Ở không? Tôi làm sao để có bên mình một người bạn đời? Thời giờ đâu? Và biết bao những mỏi mệt khác...

—Đồng tiền, tự nó đã là thứ sức mạnh ghê gớm. Tôi vẫn thường chứng kiến cảnh mấy thằng Việt kiều về tổ chức đám cưới rầm rộ. Những cô vợ trẻ tuổi có khi phải chịu đón nghe câu hỏi: Em còn trinh không?

—Vẽ đường cho hươu chạy đó à?

—Đó là sự thật. Bà chị tôi ngạc nhiên cũng có lý do.

Hiệp nói. Miệng há rộng trong cái ngáp dài. Gió làm rối những sợi tóc luôn lệch lạc ở trên đầu.

—Ông như một kẻ thiếu ngủ đã lâu.

—Không lâu gì. Đúng một tuần thôi.

—Chưa làm quen với sự xáo trộn giờ giấc à?

—Tôi không biết. Có lẽ tại chỗ nằm mới. Tấm nệm dầy, ra trải giường trắng, trần nhà mới mùi sơn. Tênh hênh, trần trụi. Lạnh lẽo và trống vắng. Khi ông chui vào nằm trong mùng, cái thói quen ấy như mang tới cho ông một sự an tâm giữa giấc ngủ. ít ra thì ông cũng ý thức là mình đang được bảo vệ.

Lưu cười và đưa tay tắt máy cassette.

—Ở đây có một cửa tiệm Surplus chuyên bán đồ nhà binh, ngày mai trước khi ra bến xe ông nhớ nhắc để tôi mua tặng ông một cái mùng.

—Thôi, tôi không nên nhận thêm. Mấy cuốn tự điển, những chiếc áo ấm... Ông cho nhiều quá làm tôi có cảm tưởng mình là người từ phương Bắc ngày đầu vào Nam vội vàng tiếp thu.

—Những kẻ tội nghiệp đó mãi luôn là thành phần lạc hậu. Điều ấy đúng hay sai?

—Đúng.

—Vậy thì tôi chở ông tới chốn này xem qua một lần cho biết sự tình. Có thể nói là cho sáng con mắt.

—Có tốn kém lắm không?

—Chẳng nhiều nhặng gì. Vào uống một hai chai bia cho dễ ngủ.

—Đi "đít-cô" hả?

—Cũng có thể gọi như vậy. Toàn cả đít mấy bà mấy cô.

Khó khăn lắm Lưu mới đậu xe được trước dãy phố giăng kín những bóng điện luân phiên chớp nháy. Có lẽ Hiệp sẽ không hiểu được hàng chữ viết lớn trên tấm bảng gỗ: Chúng tôi có hơn hai mươi cô vũ công khỏa thân với nhiều tiết mục hấp dẫn kéo dài tới ba giờ sáng.

—Ông ưa vào chỗ năm đồng hay mười đồng?

—Là sao?

—Năm đồng thì nó trần trường ỏng ẹo trước mặt ông cho tới hết một bản nhạc. Còn mười tiền thì nó sẽ giữ lại một ô vải phía dưới thân thể, ông có thể sờ mó trên những khoảng da thịt để trần. Một bên ngó, một bên rờ.

Hiệp thắp thuốc. Bình phẩm với đôi tay run như thường lệ:

—Đồi trụy quá nhỉ!

—Đồi trụy cái đếch gì. Lao động nào thì cũng vinh quang hết ráo.

Cả hai vén tấm màn nhung bước vào vuông cửa đen như một địa đạo. Tiếng nhạc mở lớn, đì đùng rung chuyển. Pháo kích? Phía trên hầm đang có hỏa tiễn 130 ly luôn tuồng đội xuống? Dẫu là thứ gì, cái sự rầm rầm kia cũng gây ra một tác động hệt nhau: làm người ta tức ngực trong liên hồi kỳ trận và hồi hộp khó tả.

—*Bonsoir.*

Một thằng Tây dềnh dàng như gấu từ vũng tối bất ngờ hiện ra nhe răng trắng. Hắn cầm ở tay một cái dùi cui và trong nhất thời hắn là tên cảnh sát không mặc sắc phục bạn dân. Hắn biểu hai đứa dong tay đầu hàng để hắn rà soát nhột nhạt bằng cái vật quái gỡ đó. Chẳng lận theo vũ khí. Ô-kê, vào trong đi.

—Khiếp thật! Hang động này là năm hay mười đồng? Hiệp hét bên tai Lưu.

—Năm. Tôi vẫn ngại là khi ông về sẽ thành thật khai báo mọi chuyện rồi bà chị ông coi tôi như một đứa có lý lịch không mấy trong sạch. Nói

cho ngay, ở thành phố này cũng khó tìm một chỗ thú vị để hướng dẫn bạn bè từ phương xa tới chơi. Vả lại giờ này cũng tối lửa tắt đèn rồi.

Lưu nhét vào tay người chạy bàn tờ năm đồng khi cô ta dẫn hai thằng ngoại quốc đi cứng đờ tới chiếc bàn trống. Người cô tròn trịa, thơm hơn một múi mít ướt. Mặt trái soan, mũi dọc dừa, môi trái tim; ba cái lính kính bậy bạ đó nào thấm chi với nhan sắc kia.

—Uống bia nhé?

Cô hỏi, đồng thời cong lưng lau sạch cái mặt bàn. Da dẻ mát mẻ tựa hồ mới từ tủ lạnh chui ra. Sảng khoái.

—Bắt buộc rồi. Cho hai chai *Molson*.

Ánh sáng lân tinh quay cuồng như sấm sét vần vện trước khi mưa. Nó làm cho mấy vị cô nương mình trần như nhộng nhún nhảy đi qua về thoắt biến thoắt hiện tựa hồ ly tinh. Ở trên bục, nơi quy tụ nhiều luồng sáng nhất, có đứa con gái đang cởi manh vải cuối cùng bằng thứ động tác lạ mắt, chẳng mấy ai làm được. Da trắng như tuyết, mềm mại đổ xuống sàn gỗ để bò như một con thằn lằn. *"Like a virgin"*, giọng Madonna chả chớt. Tiếng nhạc làm cho cái thân xác nõn nà kia thêm quằn quại, dang tay dạng chân. Tóc tai lông lá cắt tỉa vén khéo công phu. Cô vật vã ở trong mọi tư thế, tựa hồ mới trúng đạn, có điều chẳng thấy chảy máu.

—Sao, đã bớt buồn ngủ chưa?

Hiệp không trả lời. Hắn dán người sau lưng ghế. Đen đúa, xác xơ, thẫn thờ như một tên Miên vừa thoát qua cuộc tàn sát của bọn Khờ-me đỏ.

—Tôi gọi cho ông một em nhé? Nó sẽ dí cho ông xem tất cả những gì gọi là bí mật của một người con gái.

—Thôi khỏi. Giọng nói nghẽn, gần tắt tiếng trong hớp bia uống vội.

—Không muốn ngó thử xem Tây tà nó có gì khác lạ?

—Nhìn như thế này cũng đủ chóng mặt rồi.

Hắn uống bia ừng ực. Bàn tay vẫn run. Đốm lửa đầu điếu thuốc cháy đỏ từng hồi. Khói lãng đãng bay. Lưu thấy mắt hắn long lanh, có lúc nhắm kín như Phật ngồi dưới gốc cây bồ đề khi mà chung quanh bầy ma nữ đang động cỡn tác yêu tác quái.

—Gọi cho tôi một chai bia nữa đi. Có đắt tiền không?

—Hề chi. Ông có quyền say, nếu muốn.

—Tôi say rồi. Uống hết chai thứ hai là về nhé?

—Đồng chí lại khẩn trương đột xuất!

—Đừng đùa nữa.

Mặt Hiệp bỗng dưng chảy dài. Tuồng như miệng có méo đi. Khói thuốc đọng trong hai mắt.

—Có thể tôi làm ông mất vui. Nhưng...

Điếu thuốc bị hành hạ trong cái gạt tàn. Dụi tắt một đốm lửa, Hiệp làm công việc ấy như một người đang ra sức giết chết đám chấy rận không nương tay. Chú tâm và kiên trì.

—Có những điều ông không thể mường tượng ra được đâu. Hiệp nói trong cúi mặt.

—Sao? Sức khỏe ông có vấn đề à?

—Ông có muốn tôi gọi ông là một kẻ lạc hậu không? Ở bên nhà giờ đây người ta còn bày ra lắm trò tinh ranh quái quỷ hơn thế này nữa.

—Thật sao? Tiến bộ đến thế cơ à?

—Không. Đó là cả một sự băng hoại. Sa đọa và đáng nguyền rủa.

—Ông như một nhà xã hội học hoặc giả là một nhà đạo đức.

Trán Hiệp nhăn nhíu khi đốt lửa điếu thuốc mới. Cái buồng phổi đó mà thoát qua khỏi cặp mắt xanh của nhà nước Canada khi chấp nhận hồ sơ cho đoàn tụ gia đình cũng là một chuyện lạ.

—Ông ăn cơm có kẻ đút từng muỗng trong vỗ về và hai bàn tay ông khi đó rãnh rang tha hồ mà làm tình làm tội kẻ phục vụ. Luồn lách, xoa bóp, béo ngắt. Ông nhẩm tính số tiền đô còn trong túi, ông mặc cả và cuối cùng là hình ảnh một mặt nệm hiện tới, đứa con gái học đến lớp mười sẽ thoát y như mấy cô kia. Ông đè lên người nó không một chút xót thương. Vì sao? Vì đồng tiền làm ra ở bên này vốn phải chịu đổ mồ hôi sôi nước mắt. Đúng vậy không?

—Ông bao nhiêu tuổi rồi? Lẩm cẩm! Mặc xác bọn chúng chứ hơi sức đâu...

—Tôi chưa nói hết. Mấy ngày qua ông hỏi tôi những câu va trong khi trả lời tôi có man khai ít nhiều. Bây giờ ông có ưa nghe tôi nói thành thật không?

Hiệp ngước nhìn Lưu. Tóp má khi rít khói, trong bóng tối mặt hắn vụt sáng lên màu da cam. Chiếc áo trắng ăn ánh đèn lân tinh làm hắn quái gỡ như một hình nhân đi trong đêm Halloween.

—Thực ra thì tôi cũng có vợ như ai. Nếu có sự khác biệt thì đó là phần số của mỗi người. Vợ tôi từng ngủ với đám Việt kiều. Ông tin không? Tôi nói đồng tiền nó có sức mạnh là vì vậy. Tất cả đều thui chột đi, hạ cấp và nhơ nhuốc.

Lưu ngửa cổ uống hết chai bia:

—Thôi, đi về.

"Welcome to the jungle" của bọn *Guns'n' Roses* đang làm hại những màng nhĩ trinh nguyên. Nhạc khí hòa lẫn với tiếng hú tiếng gào làm người ta ngỡ như đang đứng dưới chân một cái thác nước. Khô cổ khi nói chuyện bởi ai nấy đều điếc đặc ra cả.

—Tôi thấy thật khó khăn cho ông khi thổ lộ những chuyện kia mà phải hét lớn lên.

Lưu đứng dậy. Trên bục chính, có cô con gái tóc vàng đang kẹp giữa háng một con trăn vẫn vện trơn láng. Con trăn ngây thơ không thấy sung sướng, thẫn thờ bò chậm rãi lên đường rãnh chia lìa cặp vú lớn, uể oải tuồng như đang nhác ăn nhác chơi.

Hiệp nhìn cả người lẫn thú:

—Về thật sao?

Lưu không nói, định thần nhìn lối đi ra cửa. Ngày mai thứ mấy? Ngày mai Hiệp về lại Québec. À, ngày chủ nhật. Mốt đi làm, và như vậy mọi chuyện trầm lắng như cũ?

Ngoài đường nóng hầm thứ không khí ẩm rít của mùa hè. Hiệp đi sau lưng, Lưu nhìn bóng hắn gãy gập lót dài dưới mỗi bước chân.

—Ông đói bụng không? Tôi chở vào phố Tàu kiếm cái gì ăn.

—Đừng bày vẽ. Lát nữa về nhà nấu một gói mì là giản tiện nhất.

Lưu cho xe chạy chậm rãi giữa lòng đường chật. Phố đêm vẫn còn những lôi cuốn xô bồ khó hiểu của riêng nó. Mặt nhựa đường khét bỏng, sẽ ngơi nghỉ thật sự sau khi đưa chân mấy ả vũ nữ trở về lúc ba giờ sáng.

—Mai tôi về rồi, chẳng biết khi nào thì gặp mặt lại? Giọng Hiệp khàn đục.

—Khoảng cách giữa hai nơi chỉ dài bằng ba tiếng ngồi trên xe chứ mấy. Ông có bao giờ tự hỏi tại sao mình lại vượt được cả ngàn dặm để tới đây không?

—Trong đầu tôi có nhiều dấu hỏi. Cái mà tôi nghi hoặc nhất là nơi này, có đúng như bến bờ mà người ta vẫn thường ước ao được đặt chân tới?.. Thôi bỏ đi, nói toàn cả chuyện nghiêm trọng. Bình thường nhất, tôi muốn hỏi ông điều này: Ông có người yêu chưa?

—Nếu tôi nói chưa thì chuyện đó có biến thành nghiêm trọng không?

Lưu nhấn ga để kịp chạy qua một ngã tư sắp đổi đèn đỏ. Hiệp nhìn bạn:

—Còn sớm quá, về nhà giờ này cũng phí. Có nơi nào yên tĩnh để ngồi hóng gió không ông? Mình còn biết bao điều để nói. Mười mấy năm rồi, phải tìm cách bù trừ.

—Ông thực không cảm thấy đói?

—Tôi thèm nói hơn thèm ăn. Lạ thật, ở bên nhà mỗi ngày cứ bị miếng cơm nó ám ảnh; đến khi được rớt đúng vào kho thực phẩm như thế này rồi, cái miệng nó lại dở chứng nhạt mồm. Còn ông, sống côi cút một mình thì chuyện cơm nước giải quyết ra sao?

—Bạ đâu ăn đó. Tây, Ý, Tàu, Mỹ gì cũng đều thử hết ráo.

—Không tơ tưởng tới hình ảnh một người đàn bà buổi chiều đợi

mình về dùng cơm? Lưu bẻ tay lái có hơi gắt khi nhìn thấy chữ Mont-Royal nằm trên mũi tên uốn cong.

—Tôi chở ông lên núi để nhìn Montréal nhỏ bé phía dưới chân.

—Trước khi tôi lên đường, bà chị tôi có gói cho ông ít khô cá thiều và một túm cà phê Buôn mê Thuộc. Tôi đã gạt đi vì tôi nghĩ món quà ấy khiêm nhường quá và chẳng được thiết thực. Tôi hỏi, tại sao không là một lá thư?

—Về đó, khi đã học xong khóa Pháp văn, tôi hứa sẽ tìm ra cho ông một chỗ làm ở đây.

—Một lá thư... Ngày rời Việt-nam, chị tôi mang ra đốt tất cả những chồng thư cũ. Bà ngồi trước cái thau nhôm, trước ngọn lửa với cái gương mặt của một người đang đốt vàng bạc cho kẻ khuất mặt. Trong chồng thư ấy tôi đọc được nét chữ của ông.

Lưu yên lặng, những ngón nắm chặt vào tay lái, mặt nhìn thẳng như đang chú tâm điều khiển xe. Đoạn đường trước mặt tối và quanh co. Độ cao tăng dần và máy xe rên la trong khó nhọc.

—Ông có gửi cho bọn này một thùng hàng. Còn nhớ không?

—Đã lâu lắm rồi. Nghèo nàn và chẳng đáng lưu tâm.

—Đừng nói vậy. Bọn tôi bán cũng được khá bộn tiền. Riêng chiếc quần *jean* thì chị tôi giữ lại. Nó bạc thếch, đã xơ lai, nhưng chị tôi vẫn mặc trong ngày xuất ngoại.

Lên tới đỉnh núi, màu đen của ngoại cảnh đã được xua đi phần nào. Những ngọn đèn vàng treo chơ vơ, sáng từng vũng cô độc. Và dưới nó, từng hàng xe đậu kín mít trong khoảng sân chẳng mấy lớn. Lưu chạy lòng vòng ngó dáo dác, cuối cùng đun xe vào một ô trống dành riêng cho những người tàn phế. Đèn chiếu sáng tới tấm bảng vẽ hình chiếc xe lăn. Hiệp như hiểu ra tại sao một chỗ đậu thuận tiện như vậy lại bị người ta chê.

—Ông đừng ngại, giờ này không có ma nào cắc cớ đi lên núi để kiếm ít tiền phạt. Còn những kẻ tàn tật...

Lưu nói chẳng hết câu, thế vào đó là tiếng động khá lớn của cánh cửa xe đóng có hơi mạnh tay. Hiệp ngó quanh quất, hai tay thọc vào túi quần, cổ rụt lại:

—Trời ạ! Sao mà tôi có cảm tưởng như đang đứng trên đèo Hải-vân.

Lưu bước nhanh tới một băng ghế gỗ. Thùng rác đầy kè đứng một bên và bên kia là thân cây lớn có đôi tình nhân đang dựa đổ người vào, ôm nhau hôn triền miên như họ đã từng chịu đựng những tháng năm dài xa cách.

—Ông có thấy giống không?

Lưu nhìn xuống vực tối. Giả như phía dưới là biển cả, tiếng sóng sẽ

không tài nào vọng lên được cái điệp khúc rì rào muôn thuở của nó.

—Khéo tưởng tượng!

—Chỉ thiếu một chút mây mỏng, thiếu những hàng quán, thiếu cái lô-cốt chôn trong đá; và nối hàng đoàn xe đò hiệu Renault, xe đen nhỏ của hãng An-lợi nằm chờ đổ đèo... Lần sau cùng ông đi qua Hải-vân là năm nào?

—Bảy mươi lăm.

—Vậy thì lâu quá rồi.

—Nhạt phai? Không. Tôi nhớ như in cảnh tượng ở trên đèo năm ấy. Sẽ không có một nơi chốn nào mang đủ sự kinh hoàng và cái hỗn độn tựa nó... Vậy chớ khi đó ông trôi nổi ở đâu?

—Tôi ở trong Thủ-đức. Tôi vừa hớt tóc xong và đang làm quen với chữ quân trường đổ mồ hôi chiến trường bớt đổ máu. Nhưng mà sau đó thì tôi hay tin chính ông đã kéo được chị tôi ra khỏi chiếc xe bị lật giữa đèo. Tôi vẫn xem chuyện đó như một sự xếp đặt, tuy có hơi hà khắc. Tại sao lại là chị tôi mà không một ai khác? Nói như kiểu mấy ông bà già là duyên nợ. Phải vậy không?

Đôi nhân tình đã tách rời ra, hai mái đầu ngoái nhìn tới Hiệp, thăm dò giây lát rồi bỏ đi. Họ thì thầm với nhau và có thể đó là lời nhận xét: Ngữ điệu bọn ấy nghe như chim kêu líu lo. Thứ chim lạ quờ quạng bay đến từ cánh rừng nhiệt đới. Người con gái mang giày cao gót làm những bước chân trông chông chênh, dễ vấp ngã.

—Hy vọng với sự tiến bộ của y khoa bên này có thể giúp chị tôi đi đứng như một người bình thường.

—Tôi không nghĩ vậy. Muộn màng rồi, mọi thứ đều đã thành sẹo.

—Thì đã sao? Tôi từng nói với chị tôi, việc gì mà phải khóc, chân đi hơi khập khiễng thì bất quá lấy một thằng chột mắt làm chồng. Sứt mẻ chút xíu bên ngoài thôi, hề hấn gì, cái tấm lòng chị dành cho người ta có nguyên vẹn hay không mới đáng nói.

Lưu nhìn Hiệp đang lớn tiếng:

—Có hút thuốc không?

—ừ. Kiếm cái gì ngậm kẻo buồn miệng. Giá mà có bà chị tôi đi cùng thì giờ này đỡ phải lo vụ đậu xe bậy bạ.

—Sao chị ấy không đi?

—Mặc cảm. Có thể. Tôi không biết. Đôi khi tôi thấy mình bất lực, nhìn cái bóng bà loay hoay ở trong nhà miết ngó mà buồn lòng. Thôi bỏ đi. Hút xong điếu thuốc thì về nhà.

—Hết chuyện nói rồi phải không?

—Hết. Toàn cả những chuyện không mấy vui. Đi ngủ cho êm thắm đôi khi mà thành thượng sách.

Sương bắt đầu xuống trên những bóng đèn mờ. Ở xa, phía dưới thấp phố xá nhà cửa chia đều từng ô trông như một bàn cờ tướng không có người chơi. Im lìm, chẳng sang sông, không tiến quân, xe pháo mã đều bất động trong tịch lặng của thứ hòa bình vĩnh cửu.

Hiệp ném điếu thuốc xuống vực sâu. Đứng lên vặn vẹo cái lưng. Hắn đi lơ ngơ ra giữa đường trống rồi nhìn chăm về một hướng tối. Núi Mont-Royal đang thay hình đổi dạng để hóa thân thành Hải-vân?

—Không hiểu ban ngày cảnh sắc nó ra làm sao? Tiếc thật, phải chi ông chở lên đây sớm thì giờ này nó đã thu mình nằm trong cuốn phim của tôi.

Lưu vặn công tắc hồi lâu chiếc xe mới chịu nổ máy. Lưu nhớ tới hình ảnh những ông tài xế cầm ở tay một thanh sắt, đi tới đằng mũi xe, đút nó vào lỗ trống ở đâu đó rồi bặm môi đưa tay quây một vòng; chiếc xe tức thì kêu rú lên và hộc khói đen. Thỉnh thoảng nghe người ta nói tới con heo dầu, xe bò chậm qua đèo Rù-rì, Cù-mông khi đêm xuống, thằng lơ xe đốt cả bó hương chắp tay trước ngực như cô dâu cầm hoa trong ngày cưới; hắn cúi đầu trước mênh mông màn đêm rồi chia hương cắm đều khắp mọi chốn. Những con mắt đỏ sáng lập lòe nhìn theo chiếc xe chất đầy mấy mươi nhân mạng, khói tuôn trên đầu hương vật vã như một dải mây màu xanh xám đầy huyền hoặc. Những chuyến đi rất dễ gặp tai nạn và những bến bờ nơi đến đón chờ trong an lành. Nhưng mà Thanh, chiếc áo dài trắng lấm tấm từng vạt máu loang, mặt xanh tái và tia mắt bỗng sáng rực lên khi nhìn ra kẻ đang bế mình trên tay là đứa con trai hiền ngoan một tiếng chị hai tiếng chị. Ngoài lòng tin cậy, còn có thứ gì khác khiến Thanh bấu chặt lấy, áp ngực vào để nghe rõ tiếng thở thúc bách, bấn loạn của Lưu...

—Chừng nào thì ông sẽ đổi xe mới?

—Tôi chưa có ý nghĩ đó. Nó còn xài được và không chừng ngày mai nó sẽ mang ông trở về trong yên ổn.

—Có chắc không? Chị Thanh hẳn phải mừng tủi khi được nhìn lại ông.

Lưu lùi xe và chậm rãi đổ dốc. Loáng thoáng núp sau hàng cây chạy ngược có bóng điện tím uốn hình chiếc thánh giá thắp sáng thứ màu huyền hoặc.

—Có lẽ người ta khó mà quên đi cái cảm giác khi được kẻ khác bồng bế mình trong gần cả tiếng. Đặt trường hợp tôi cũng vậy. Một sự ám ảnh, ông hiểu không? Chị thường hỏi Mạ tôi: Câu nói gái hơn hai trai hơn một có đáng tin không Mạ?

Lưu thắng xe đột ngột. Một con sóc vừa chạy vụt qua, thảng thốt, tất bật và sợ hãi. Bốn cái vỏ xe đồng loạt cắn nghiến xuống mặt nhựa đường,

tiếng rít tuồng như còn vang vọng trong khe núi. Có chiếc xe ở phía sau lăn chậm tới, người con gái thò đầu ra hỏi: Bạn ra sao rồi? Mọi chuyện đều ô-kê cả chứ? Lưu nhìn người hỏi. Ánh đèn nhòa. Chiếc áo thun trắng loang lổ từng vệt màu đỏ. Ngực nhấp nhô lên xuống. Miệng cắn chặt như cố đè nén cơn đau. Từ đây về Đà-nẵng đường còn xa không? Trời ơi, tình cảnh như ri đây thì làm răng mà di chuyển? Lưu, nhớ đừng bỏ rơi Thanh nghe. Lỡ có điều chi không may... Trong lưng quần Thanh có thu mấy lượng vàng. Hãy thò tay vào lấy cất giùm Thanh kẻo bị đánh rớt dọc đường hồi mô không hay... Lưu thở hào hển. Mày kiếm phương tiện về sau nhé, hãy nhường chỗ cho cô ấy. Cứu người còn hơn xây cả chục cái am. Người anh mặc đồ rằn ri nói đứt quảng. Mọi khuôn mặt đều lộ rõ sự lúng túng. Chiếc jeep bám đầy bùn đất bóp còi loạn xạ và đâm bổ bạt mạng về phía trước. C ần ăn-ten run rẩy như thế cho bàn tay yếu đuối vẫy, mang đi mất một đôi mắt mãi cố gắng nhìn lui, mãi đọng đầy hai giọt nước. Lưu nắm chặt những lượng vàng hình chữ nhật ở trong tay như đang cầm giữ một phần số, có thật, cụ thể. Và cái số phần ấy phải chịu giạt trôi theo Lưu, theo cơn biến động mà chẳng thể đi lui để hoàn lại chủ cũ.

Người con gái nhún vai, mái tóc vàng lay động rồi chiếc xe giàu lòng hảo tâm nhấn ga chạy vụt đi. Lưu ôm tay lái, lạnh cứng và tê dại những ngón. Mồ hôi ứa ra rít rát. Trong phút giây, mọi hình ảnh như xé toạc màn đêm để chui đầu ra, sắp hàng thẳng lối đứng án trước hai ngọn đèn xe. Đôi mắt chứa đựng hai giọt nước hiện về. Da bụng chị Thanh ấm, mềm mại trơn tru, dễ làm bàn tay trôi tuột xuống phía dưới. Lưu mường tượng ra tiếng nói nhỏ nhẹ, đáng yêu của người đàn bà: Không phải chỗ nớ mô, nhích lên chút nữa. Đó... Đã đặt đúng chỗ chưa, có nghe mầm sống đang cựa mình ở bên trong không? ❐

Ta hờn người đi trước
Ta hờn ta kẻ tới sau.

TRẦN HỒNG CHÂU

Ta hờn người đi trước
Nói hết chuyện kỳ lạ
Nói hết chuyện bình thường
Cạn lòng sông
Trụi cây rừng!

Chất đầy văn học sử
Chen chúc miếu đền xưa!

Ngàn mảnh vụn cuộc đời
Ngàn mảnh vụn tư duy
Dấu chữ xưa khoảng cách tô hồng
Phất phơ dù lá cỏ bé
Cũng trân trọng vàng mười
Rượu xưa dù vắng men say
Nỗi niềm tâm sự vẫn hay ngọt bùi

Ta hờn ta kẻ tới sau
Thủy tinh
Ngẩn ngơ bên bờ suối đục ngầu
Chân, ngụy?
Mịt mờ bốn phương!

Ta hờn ta kẻ tới sau
Hỡi ơi thế giới già rồi!

Từ không gian kệ sách vô tận
Từ vô tận thời gian
Thơ, kịch bản
Hồi ký, đoản thiên
Cảo luận, tùy bút
Cùng tiểu thuyết, tiểu thuyết
Núi xếp
Hàng hàng trùng điệp
Ngắn dài
Vuông vức
Gạch xây Kim tự tháp
Gạch xây Vạn lý thành
Thấy từ mắt nguyệt say!

Nghĩ
Nói
Viết
Ta còn gì đây?

Sau trước mênh mông đời cô quạnh
Trần trụi bơ vơ dáng chiều vơi

Ta còn gì đây?
Một vài trang viết lách
Dăm ba mảnh tình vụn
Thôi tất cả cũng đều là không!

Điện Thư

Phùng Nguyễn

Quân đặt tập hồ sơ mỏng xuống chiếc bàn giấy bừa bộn, đưa mắt nhìn đồng hồ tay. Bốn giờ hai mươi. Giờ "lên lưới," chàng nghĩ thầm. Bàn tay mặt thành thạo nắm lấy "con chuột" điện tử, Quân hướng dẫn cái điểm nhỏ hình mũi tên trên màn ảnh máy vi tính đến chiếc khung nhỏ có hàng chữ *Internet*. Chàng lơ đãng nhìn những giòng chữ quen thuộc nối tiếp nhau xuất hiện trên màn ảnh. *Initializing modem... Dialing... Authenticating... Connected!* Một giòng chữ chớp tắt đều đặn ở phần dưới của màn ảnh máy vi tính báo hiệu là có điện thư. Quân nhận được điện thư hầu như hàng ngày. Chịu trách nhiệm điều hành hệ thống điện toán của hãng, chàng dùng hệ thống *Internet* như là phương tiện chính yếu trong việc trao đổi, học hỏi, và giúp đỡ lẫn nhau giữa những người cùng ngành nghề. Dạo sau này, thời gian "lên lưới" của Quân có phần thường xuyên hơn, phần lớn là để tham dự vào những nhóm tin diện tử của người Việt Nam tại hải ngoại. Quân không tích cực mấy trong chủ đề chính trị, nhất là những vấn đề liên quan đến hiện tình đất nước và những giải pháp cho Việt Nam. Không phải là chàng không quan tâm, nhưng chàng nhận ra sự vô ích của những cuộc tranh luận lê thê, nông nổi, và dễ gây ngộ nhận. Ngược lại, Quân rất hăng hái trong việc tham gia thảo luận những chủ đề liên quan đến văn học nghệ thuật, nhất là thơ.

Trong số năm bức điện thư gởi đến Quân hôm nay, có đến hai cái với mục đích quảng cáo. Không buồn mở ra xem, Quân kéo ngay hai bức điện thư vào cái khung nhỏ có hình cái thùng rác. Từ lúc *Internet* được mở rộng cho những hoạt động thương mãi, Quân nhận được hàng đống quảng cáo loại này. Có lần Quân gởi điện thư chửi rủa và dọa đòi ... kiện họ, nhưng đâu vẫn hoàn đấy. Quân lần lượt mở những điện thư còn lại. Hai trong số ba bức điện thư còn lại, một từ Đức, một từ Canada,

chứa đề nghị về những giải pháp cho một vấn nạn kỹ thuật chàng gởi lên lưới hai hôm trước. Bức thư ba, viết bằng một thứ Việt ngữ đặc biệt gọi là *Vietnet* hoặc *VIQR*, được gởi bởi một cô gái có cái tên đẹp: Lệ Hằng.

From: lehang@aol.com
To: Qhoang@mis.bigco.com
Kính thưa nhà thơ Hoàng Quân:

Anh Hoàng Quân có biết không? Lệ Hằng là "secret admirer" của anh đó! Đọc những bài thơ anh gởi lên nhóm tin Văn Học Nghệ Thuật Việạt Nam làm em vô cùng xúc động. Những lời thơ óng chuốt, nuột nà và ý thơ tình tứ của anh em đã in ra và giữ gìn cẩn thận. Lần sau nếu anh có bài mới, xin anh gởi một bản sao đến địa chỉ của em: lehang@aol.com.

Thân ái,
Lệ Hằng.

Quân ngây người ra vì ... sướng. "Nhà thơ" Hoàng Quân chứ bộ giỡn sao? Lệ Hằng, cái tên nghe sao mà ... thơ quá! Lại là người "ái mộ âm thầm" nữa chứ. Không biết cô Lệ Hằng này người ngợm, tuổi tác ra làm sao. Học sinh sinh viên thì chắc không phải rồi, chỉ nhìn email address thì cũng đủ biết. Cô này lấy địa chỉ của American Online thì chắc đã đi làm rồi. Địa chỉ của ... chồng cô ấy cũng không chừng! Hay là có thằng chó chết nào ... giả gái để chọc phá mình đây? Mai mốt nó đem lên Net làm trò cười thì chỉ có nước độn thổ. Dù có chút phân vân nghi ngại, cuối cùng Quân cũng trả lời Lệ Hằng và hứa sẽ gởi cho nàng bản sao của những bài thơ chàng sáng tác trong tương lai.

Sau buổi cơm tối, Quân bảo Ngọc:

"Hôm nay anh cần cái *computer* hơi lâu một chút. Em đi nghỉ sớm đi." "Anh thì lúc nào chả ôm cái *computer*! Tám tiếng ở sở mà cũng chưa đủ sao?"

Ngọc, vợ Quân, trả lời bằng câu hỏi quen thuộc. Quân buồn cười nhớ đến lời quảng cáo dí dỏm trên một đài phát thanh Việt ngữ chàng vẫn thường nghe "Ông thì lúc nào cũng ôm lấy nó..." Chàng trả lời vợ, giọng đùa cợt:

"Nghề của chàng mà."

Ngọc làm về ngành quản trị nhân viên. Nàng xử dụng máy vi tính khá thuần thục, tuy nhiên, so với Quân, Ngọc chỉ là tay mơ. Từ lúc tập tành thơ với thẩn, Quân cũng muốn khoe với vợ thơ của mình, nhưng sợ nàng ... chê nên không hỏi thẳng. Thỉnh thoảng Quân in mấy bài thơ do mình sáng tác bày bừa bãi một cách hữu ý trên chiếc bàn giấy nơi có đặt

chiếc máy vi tính, hy vọng lúc Ngọc dọn dẹp sẽ nhìn thấy. Không biết Ngọc có đọc hay không mà chẳng thấy nàng nói gì. Quân đâm nản, nghĩ mình lấy phải cô vợ không có máu... văn nghệ chút nào. "Thơ mình gởi lên trên *Net* cả ... thế giới cùng đọc, chả hơn sao?" Quân tự an ủi.

Liên hệ "điện tử" giữa Quân và Lệ Hằng ngày càng trở nên thường xuyên và ... thân mật hơn một cách nguy hiểm. Bài thơ nào của Quân cũng được nàng khen nức nở làm Quân càng hứng chí nặn óc viết nhiều hơn. Qua những bức điện thư, Lệ Hằng cho Quân biết là nàng hiện làm việc cho một hãng bảo hiểm thuộc miền Bắc Cali, cùng ngành quản trị nhân viên như Ngọc. Lệ Hằng chưa lập gia đình vì chưa tìm được người có tâm hồn nghệ sĩ, yêu văn chương "như nhà thơ Hoàng Quân chẳng hạn." "Nhà thơ" Hoàng Quân cũng cho Lệ Hằng biết là chàng ...vẫn còn độc thân, và cũng đang đốt đuốc đi tìm một tâm hồn lãng mạn cở nữ độc giả trung thành Lệ Hằng. Để tránh những hậu quả không hay có thể xảy đến, Quân chỉ lưu trữ điện thư của Lệ Hằng trong chiếc máy vi tính của chàng ở sở làm. Cẩn tắc vô áy náy, lỡ mà Ngọc biết được thì chỉ có nước... chết.

From: lehang@aol.com

To: Qhoang@mis.bigco.com

Anh Hoàng Quân yêu quý.

Cuối tuần này em sẽ xuống Nam Cali để thăm bà con. Em muốn gặp anh cho thỏa lòng mong nhớ. Chúng ta hẹn gặp nhau ở quán Tháp Ngà vào lúc bảy giờ tối. Anh sẽ nhận ra em dễ dàng bởi vì em sẽ mặc áo màu đỏ như trong bài thơ "AÔo đỏ kiêu sa" mà anh đã tặng cho em lần trước.

Lệ Hằng.

Quân bồi hồi đọc đi đọc lại những giòng chữ trong bức điện thư. "Cuối cùng rồi chúng ta cũng gặp nhau, Lệ Hằng yêu dấu của anh ơi," Quân kêu khẽ. Rồi Quân lại băn khoăn nghĩ đến Ngọc. Chàng tặc lưỡi, "mình với Lệ Hằng chỉ... văn nghệ thôi mà." Trên đường từ sở làm về nhà, đầu óc Quân làm việc dữ dội để tìm cách giải thích với Ngọc sự vắng mặt của chàng vào buổi tối thứ Bảy sắp tới. "Cùng lắm thì gọi thằng Hòa Cu Ky dàn xếp cho mình," Quân tự nhủ. Mọi việc xảy ra còn hơn sự mong đợi của Quân. Buổi tối, Ngọc bảo chàng:

"Thứ Bảy này em hẹn đi chơi với cô bạn cùng sở, chắc về trễ lắm. Anh chịu khó ở nhà một mình hay là rủ anh Hòa đi ăn uống gì đó cho vui." Quân mừng rơn nhưng vẫn làm bộ làm tịch:

"Anh cùng đi với em không được sao?"

Ngọc cười tủm tỉm, trả lời:

"Công việc đàn bà, có anh theo hỏng hết."

Quân đến quán Tháp Ngà không sớm, không muộn. "Đừng đến sớm quá, nàng sẽ thấy sự nôn nóng của mầy. Đừng đến trễ quá, nàng sẽ ... giận mầy," Hòa Cu Ky dặn Quân. Quân liếc nhìn đồng hồ tay, bảy giờ năm phút. Nhìn lại quần áo mình một lần chót, Quân bước vào quán ăn, đưa mắt quan sát. Quán khá đông khách, nhưng vẫn còn một vài bàn trống. Ở chiếc bàn cuối phòng, gần lối vào nhà vệ sinh, một cô gái ngồi đơn độc, vẻ chờ đợi. Cô gái trẻ, xinh xắn trong bộ đồ màu xanh nhạt. "Tại sao lại màu xanh?" Quân thắc mắc. Quân lại đưa mắt nhìn quanh tìm chiếc áo màu đỏ. Cũng có vài chiếc áo đỏ trong quán, một bà người Mỹ mập ù và người kia là ... đàn ông, cả hai đều có bạn đồng hành. Cô gái áo xanh vẫn hướng mắt ra cửa như đang chờ đợi ai. Quân ngần ngừ một chút rồi bước đến gần. Chàng nghiêng người xuống, hỏi nhỏ:

"Xin lỗi, có phải cô là Lệ Hằng?"

Cô gái ngước lên nhìn chàng, vẻ ngạc nhiên. Cô khẽ lắc đầu thay câu trả lời. Quân bối rối chưa biết phải nói gì thì bỗng có tiếng cười dòn tan và giọng nói quen thuộc vang lên từ phía sau:

"Anh Quân của mình là thi sĩ nên lúc nào cũng nói năng vớ vẩn như vậy, Diễm đừng để ý."

Quân nghe sống lưng mình lạnh toát. Chàng sững sờ quay lại. Ngọc rực rỡ, xinh đẹp trong chiếc áo đỏ kiêu sa nhìn chàng tươi cười...

Quân vẫn tiếp tục làm thơ, nhưng chàng không phải gởi bản sao những bài thơ của mình cho Lệ Hằng nữa. Có ai ngớ ngẩn đi gởi thơ cho người ở chung nhà, nhất là khi người ấy lại là... vợ mình. Chàng cũng không phải gởi thơ của mình lên trên Net nữa. Việc đó đã có Ngọc lo. Sau vụ "quán Tháp Ngà," Ngọc nhẹ nhàng yêu cầu Quân cho nàng biết *password* của cái *Internet account* của chàng.

Quân khám phá ra, một cách muộn màng, vợ mình sử dụng máy vi tính rất thành thạo.❐

Ba truyện thật ngắn

Kinh Dương Vương

Một Người Tuyệt Vọng

Hiểu thông thường thì người hốt rác là người dọn dẹp những chất thừa của sinh hoạt đời sống đô thị, một loại lao động giản đơn. Nhưng về tính cách thì đó là làm sạch sẽ môi trường sống của một thành phố. Một việc rất quan trọng không thể thiếu được, những người lao động giản đơn đó. Thử tưởng tượng trong vài ba ngày thiếu họ, môi trường sống thành phố sẽ ra sao?

Tôi biết một người đã làm công việc ấy một cách tự nguyện và khi không còn làm được nữa thì tuyệt vọng.

Thoạt trông người đó có vẻ là giống đực - Nói vậy vì không thể nhận ra giống nơi y nữa - Và vì, mặc dù mái tóc đôi lúc xõa dài đến lưng đôi lúc bới lên; nhưng ngực lại lép xẹp, cử chỉ dáng đi nhanh nhẹn và lại có ria mép lưa thưa màu râu ngô. Nên tạm xếp vào giống đực và gọi người đó bằng nhân xưng "anh ta".

Quanh năm không bao giờ thấy anh ta mặc áo. Da đóng vẩy màu chì lẫn thau lẫn bồ quân. Chiếc quần đùi dày như dạ trong vòng năm năm - kể từ ngày tôi gặp lần đầu - vẫn có một màu không thể gọi tên được. Có thể chỉ chiếc quần đó. Có thể đã thay, cái khác y như thế. Ở anh ta tất cả là một màu tối ám, duy nụ cười. Một nụ cười tươi, vô tư không ngớt trên môi, gởi vào thế giới nào không biết.

Năm năm. Có thể hơn.

Lần đó tôi đi ngang chiếc cầu bê tông bắc qua giòng kênh đen hôi. Anh ta đang khệ nệ ôm một ôm rác rưởi đi tất tả đến khoảng chân cầu, quăng xuống giòng kênh. Và với nụ cười trên môi, anh đứng lại một lát nhìn rác trôi đi.

Lần khác và những lần khác nữa, từ đấy.

Anh ta gom rác trên quãng đường khu anh ta ở đem quẳng xuống giòng kênh. Khu vực đó trở nên sạch sẽ, nhờ anh. Anh ta không để một chút rác nào còn sót lại, kể cả một chiếc lá, mẩu thuốc. Từ sáng sớm, đến trưa, đến chiều. Có những lần về thật khuya tôi thấy anh ta còn chăm chỉ làm việc, vẫn với nụ cười.

Năm năm. Có thể hơn.

Chiếc cầu nay đã được rào lưới thép cẩn thận, có treo bảng "Giữ gìn thành phố sạch đẹp, cấm đổ rác".

Anh ta biến mất. Lâu, tôi mới nhận ra điều đó.

"Ông không hay biết gì à?" Bà bán trái cây bên đường nói. "Nó chết rồi. Có đêm nó ôm rác đem đổ xuống kênh. Gặp rào chắn cấm đổ rác, nó đâm đầu vô rào chảy máu mà rào không ngã. Nó trèo qua rào rớt xuống kênh, còn để lại ôm rác trên cầu. Khuya, đâu có ai hay. Khi xác nó nổi lên người ta vớt đem chôn đâu không biết."

Tội nghiệp!

Mất ngủ

"Thanh ơi!"

Không biết ông có chợp mắt được chút nào không, nhưng khi cậu Hoàng nhà mặt trước lên tiếng gọi vợ thì ông nghe liền, rõ y như thức vậy. Đã ngoài nửa đêm.

"Thanh ơi! Thanh."

Có lẽ ông chưa hề chợp mắt thì phải.

"Đêm nào cũng đi một hai giờ sáng mới về."

"Ủa, bà cũng chưa ngủ à?"

"Gọi như gọi đò vậy, ai mà không thức. Nhà cao ba tầng, cửa kính kín mít mà không mắc nổi cái chuông."

"Có khi người ta vô ý vậy đấy. Hoặc do dụng ý của người vợ. Cô Thanh chịu đựng cũng khá. Nhưng sao mà ngủ say thế?"

"Còn ông sao chưa ngủ?"

"Lúc chiều ông Hân mời uống ly cà phê cứt chồn Ban Mê Thuột. Lại còn trà Bắc nữa."

"ĐM... ĐM..." Chú Thắng đi nhậu về, đứng đầu hẻm, chửi thề lè nhè. Nhà chú trong hẻm. Chú khoảng bốn mươi tuổi, không vợ không con, có biệt danh là "Thắng trần". Quanh năm, không bao giờ thấy chú mặc áo, chỉ trừ ngày đầu năm. Chú mặc khoảng hai tiếng đồng hồ rồi lại cởi trần, chạy lượm pháo với lũ trẻ về đốt. Chú còn một biệt danh nữa là "Thắng đ.m." Chú có thói quen trước khi nói chửi thề đến ba bốn tiếng rồi mới nói. Có khi chú chửi thề liên tục năm, sáu tiếng, rồi thôi, không

nói gì cả. Có lẽ chú nói thầm?

"... ..." Chú vừa chửi thề vừa kéo sạp gỗ sàn sạt, sửa soạn chỗ ngủ. Chú có nhà nhưng không ngủ. Đi nhậu, khuya về chú ngủ trên chiếc sạp gỗ của bà Tư bánh mì. Không màn, không chiếu, từ hồi nào tới giờ.

"...Em.. về đi..." Chú Thắng nói.

"Thôi cha. Bộ xỉn rồi hả? Bóp cho đã, kéo người ta về đây rồi đuổi đi hả?"

"Bữa nay lại dắt gái về nữa."

"Thôi bà chuyện của chú ấy, dính chi đến mình."

"Thanh ơi! Thanh ơi!" Cậu Hoàng đập cửa sắt rầm rầm, gọi vợ giật giọng.

"Ngủ chi mà ngủ dữ, chồng gọi cả tiếng khản cổ không nghe."

"Đ.M. Tui nói thiệt đó, buồn ngủ quá rồi, thôi về đi."

Tiếng chú Thắng.

Ngừng một chốc, bỗng kêu thét lên:

"Đừng! Đừng! ĐM... Làm gì kỳ vậy?"

Cô gái cười nho nhỏ:

"Buồn ngủ gì! Thằng nhỏ queo cu lát rồi nè, cha ơi! Thôi cho em vài chục sáng ăn phở, trả tiền bóp."

"Đừng! Cái con mụ này. ĐM... Móc túi hả. Trừ gì. Bộ lúc nãy em không nhậu sao. Còn có mấy đồng đó. Người ta cũng biết ăn phở vậy chớ."

"Thôi chai hia nghen anh Hai."

"ừ! ĐM... Đi đi. Bà nội."

Tiếng dép kéo lê xa dần:

Một lúc sau tiếng ngáy chú Thắng dưới hẻm vang lên.

"Người đâu mà sướng thế. Nằm xuống đã kéo gỗ. Vô tư vô lự quá."

"Ai như ông. Thức, thắc mắc mãi chuyện năm châu bốn biển. Khéo lo con bò trắng răng."

"Thường ngày tôi cũng ngủ được chứ. Đêm nay tại cà phê, trà Bắc."

"Thanh ơi! Thanh." Tiếng cậu Hoàng gọi khản đặc.

"Cậu Hoàng tức lắm rồi đó."

"ừ!"

Tiếng xe nổ đột ngột. Ga rú liên hồi và phóng đi bất ngờ.

"Đêm nay cậu ấy ngủ đâu?"

"Ngủ đâu thì cậu ấy biết, ông khéo lo."

Hai phút sau bà đã ngáy nho nhỏ. Ông trở mình nghĩ thầm: thật khổ cái trà Bắc này!

Ngày Trọng Đại

Tình cờ tôi ghé qua nhà thăm Đoàn thấy đông khách khứa đang ăn uống, hú hò vui vẻ. Đa số là bạn bè văn nghệ quen thân cả, nên tiếng cười, tiếng nói, tiếng khua ly cốc có phần rôm rả hơn khách bình thường. Mặt phừng phừng đầy khí thế, Đoàn đang khoa chân múa tay tranh luận. Thấy tôi, vội xô ghế đứng lên:

"A! Đúng lúc. Đến đúng lúc. Ngồi xuống đây, bạn hiền. Sao, lâu nay biến đi đâu?"

Đoàn ấy tôi xuống bên cạnh, hướng vào trong nói:

"Cu đâu?"

"Dạ."

"Đem bát đũa ra cho chú."

Thằng con trai cả của Đoàn mình trần, tóc tai bờm xờm, mặc chiếc quần đùi đen nhẻm, vội mang bát đũa ra.

"Chào chú ạ."

Tôi chưa kịp chào lại nó đã biến ngay vào nhà trong.

Đoàn rót một ly rượu thuốc đậm đặc đưa cho tôi:

"Nào, làm ngọt đi. Thang đặc biệt đó. Mình Mạng mười nắng mười sương."

Đoàn cũng cạn một ly, rồi quay lại đám bạn, lớn tiếng tiếp tục bảo vệ luận án.

Khách đến mỗi lúc một đông. Đoàn phấn khởi ra mặt:

"Chà! Vui quá! Mời một, đến mười. Thế mới tình nghĩa chứ. Cu đâu?"

"Dạ."

"Đem bát đũa thêm con. Còn gì mang ra thết khách."

Thằng Cu xuất hiện với mâm bát đũa, thức ăn.

"Chạy ra bà Tư lấy cho bố gói thuốc."

"Dạ."

Nó chạy nhoáng và mang thuốc về.

Thỉnh thoảng Đoàn đi một vòng khách, cụng ly.

Hủ rượu năm lít vơi dần, rồi hết nhẵn.

"Cu đâu?"

"Dạ."

"Ra bà Tư đong cho bố ba lít rượu ngon."

"Dạ."

Nó chạy đi và mang rượu về.

"Này cu."

"Dạ."

"Lấy thêm bao thuốc nữa nghe con."

Nó tần ngần, gãi đầu.

"Thì nói bà Tư cứ ghi sổ, bố thanh toán sau."

"Dạ."

Nó lại chạy đi.

Non ba tiếng đồng hồ, tiếng réo "Cu đâu" của Đoàn và "Dạ" của thằng Cu trở nên như một điệp khúc chìm lim trong không khí náo nhiệt. Tiếng réo của Đoàn đầy khí thế, còn thằng Cu mình mướt mồ hôi, thản nhiên dạ to, chạy đi, chạy về thi hành lệnh.

Lúc bắt tay Đoàn, tôi hỏi:

"Này, hôm nay có gì vui mà bạn bè đến đông vậy?"

Đoàn nhả ngụm khói lớn, mắt lờ đờ:

"Nó đó, thằng Cu."

Thấy tôi chưa hiểu, Đoàn nói thêm:

"Thì thằng Cu nhà mình. Ngày trọng đại của... nó. Hôm nay... sinh nhật... nó đấy."

Tôi đưa mắt tìm không thấy nó đâu.

Khi dắt xe ra khỏi cổng tôi nghe tiếng Đoàn:

"Cu đâu, dọn dẹp con."

Tôi bùi ngùi nghĩ thầm: tội nghiệp, như vậy là ngày trọng đại của thằng Cu kết thúc rồi.❐

Tuyển tập 21 truyện ngắn của
Trần Hoài Thư
RA BIỂN GỌI THẦM

Tuyển truyện được chọn từ Bách Khoa, Văn, Thời Tập (trước 1975) và trên một số tạp chí văn học khắp thế giới trong 15 năm qua

Liên lạc: Trần Quí Sách, 719 Coolidge Street
Plainfield, NJ 07062 USA
Phone: 908-769-8459
Sách dày 224 trang, giá 12 MK.NGoài USA thêm 2 MK bưu phí.

---

giữa người đọc và người viết

Qua hay quá?

Tạ Quốc Tuấn

Trong bài "Văn-học Trong Kim-Dung" (Văn Học số 110, tháng 6.1995, trang 3-18), tác-giả bác-sĩ Trần-văn-Tích đã ba lần viết tên nhân vật nam chính trong truyện *Thần điêu Hiệp lữ* của Kim Dung (bản dịch Việt ngữ đổi tên là *Thần điêu Đại hiệp*) DƯƠNG QUÁ là DƯƠNG QUA và trong bài "Từ Trong Truyện Kim Dung" (*Văn Học*, số 113, tháng 9.1995, trang 15-44), tác giả đã lại 6 lần viết như vậy. Chúng tôi mong rằng đây là lỗi in lầm (tác giả có lần đã than phiền là có nhiều bài tác giả tự tay đánh máy lấy nhưng lúc in đã bị sửa sai, thí dụ chữ CHIỂU trong tên sách Nho Y Nguyễn Đình Chiểu đã bị sửa thành CHIỄU), vì nếu không thì tên Dương Qua chẳng những không có ý nghĩa gì mà lại còn không diễn tả được mục đích nhân vật chính được đặt tên là QUÁ.

Thực vậy, từ QUÁ trong tên DƯƠNG QUÁ viết bằng Hoa ngữ là 過 (phồn thể) hay 过 (giản thể). Theo chú thích phiên thiết của bộ từ điển Từ-hải (Đài-loan Trung-hoa Thư-cục, Đài-bắc, tu-đính bản thứ 19, 1979, hạ sách, tr. 2855), từ này có hai cách đọc là QUA (cô oa thiết) và QUÁ (cổ ngọa thiết) và đọc theo Hoa-ngữ Quan-thoại là KUO và KUò (phiên âm theo pinyin hay phanh âm là GUO và GUò).

Từ này có nhiều nghĩa khác nhau tùy theo đọc là QUA hay QUÁ. Tuy nhiên, hai bộ Hán-Việt Tự-điển của Thiều-Chửu và Từ-điển Trung-Việt của Văn-Tân vì không phân biệt hai cách đọc nên chỉ giải thích nghĩa theo âm QUÁ. Trái lại, hai bộ Hán-Việt Từ-điển của Đào-duy-Anh và của Nguyễn-văn-Khôn tuy có phân biệt hai cách đọc nhưng lại chỉ cho nghĩa của âm QUÁ, còn âm QUA thì ghi là xem

âm QUÁ. Mặt khác, tuy hai bộ Từ-điển Trung-Việt của tập thể 12 tác giả và Từ-điển Hán-Việt Hiện-đại do Nguyễn-kim-Thản làm chủ biên đã phân biệt hai cách đọc QUA và QUÁ và cho nghĩa theo hai âm này, nhưng đã lẫn lộn nghĩa của âm QUA và nghĩa của âm QUÁ.

Vẫn theo Từ-hải, nếu đọc là QUA, từ này có ba nghĩa là: [a] đi qua, sang (độ dã) hay trải qua (kinh quá dã); [b] tên một nước thời xưa (cổ quốc danh), đó là nước của chư hầu Kiêu vào đời nhà Hạ (2205-1766 TCN), sau bị Thiếu Khang (2079-2058 TCN) diệt, nay là làng Qua, huyện Dịch, tỉnh Sơn đông; [c] tên họ (tính dã), đặt theo tên nước Qua (nói bên trên). Mặt khác, từ này có bốn nghĩa nếu đọc là QUÁ. Đó là: [a] vượt, quá chừng (việt dã) hay được hơn, lấy sức mà khuất người (thắng dã); [b] lầm lỗi, lỗi (quá thất dã) hay sai lầm (mậu ngộ dã); [c] trách, trách mắng (trách dã); và [d] dĩ vãng (dĩ vãng viết quá).

Ngoài những nghĩa cổ điển nói trên, từ này trong bạch thoại còn nhiều nghĩa khác nữa (phần lớn xoay quanh hay bắt nguồn từ các nghĩa chính kể trên). Nếu có dịp chúng tôi sẽ xin trình bày thêm.

Chúng ta biết rằng người Hoa, cũng như người Việt, rất chú trọng đến việc đặt tên người, dù là người thực hay người hư cấu trong tiểu thuyết. Tên đó bao giờ cũng có ý nghĩa, và ý nghĩa đó thường mang hoài bão của cha mẹ gửi gấm nơi người con, hoặc quyết tâm, chủ trương, triết lý, v.v..., của người mang tên nếu là tên sau này người đó tự chọn lấy. Vì thế, chúng ta mới thấy người Hoa ngoài tên do cha mẹ đặt ra còn có nhiều tên khác nữa. (Về tên của người Việt, xin xem bài "Tên, Tự, Hiệu" trong quyển Sự Muôn Năm Cũ, cũng của tác giả Trần-văn-Tích, Làng Văn, 1992, tr. 11-27). Hơn nữa, tác giả Trần-văn-Tích cũng đã viết là "tên và biệt hiệu đa số nhân vật Kim Dung đều được tác giả chú ý đặt có ý nghĩa. Qua tên và biệt hiệu, chúng ta hiểu được thái độ tác giả đối với nhân vật, đồng thời chúng ta cũng gợi lên thần thái nhân vật." (Văn học Trong Kim Dung, tr. 7).

Vì thế, nếu căn cứ vào các nghĩa theo Từ-hải, tên nhật vật nam chính của Thần điêu Hiệp lữ không thể là DƯƠNG QUA được vì nó không diễn tả một ý gì thích hợp cả.

Thực vậy, trong ba nghĩa của âm QUA, chúng ta phải loại bỏ nghĩa "tên họ" (nghĩa thứ ba) và nghĩa "tên một nước thời xưa" (hai nghĩa này có liên quan với nhau) bởi vì nhân vật chính đã có họ là Dương rồi. Còn như nghĩa thứ nhất, đi qua hay trải qua, nếu dùng làm tên người thì nó không mang một ý nghĩa gì hết. Chúng ta nên nhớ là nhân vật nam chính của truyện Thần điêu Hiệp lữ được đặt tên là DƯƠNG QUÁ khi hãy còn quá nhỏ, không cha không mẹ,

không nhà không cửa, không danh không hiệu, lại chưa tạo nên một sự nghiệp gì để có thể được đặt tên theo nghĩa "đi qua" (độ) hay "trải qua" (kinh quá) được vì đã trải qua nhiều kinh nghiệm đáng chú ý.

Trái lại, đứa bé con trai của Dương Khang được đặt tên là DƯƠNG QUÁ để nhắc nhở đứa bé sau này khi lớn lên tránh không làm những điều lầm lỗi như cha nó. Ý định đặt tên đứa bé như vậy rất có nghĩa vì, như chúng ta đã nói ở bên trên, một trong những nghĩa của QUÁ là lỗi lầm (quá thất) hay sai lạc lầm lẫn (mậu ngộ). Ngay dù không kể lý do đặt tên như vậy, đem nghĩa thứ nhất (việt hay thắng) của từ QUÁ mà đặt cho đứa bé vẫn được như thường. Chỉ có nghĩa thứ ba (trách) hay tư (dĩ vãng) mới không thích hợp thôi.

Nói tóm lại, theo ngu ý của chúng tôi, tên nhân vật nam chính của truyện Thần điêu Hiệp lữ nên đọc sang âm Việt là DƯƠNG QUÁ cho phù hợp với câu chuyện hay cho nó có một ý nghĩa hợp lý.

Chúng tôi xin bác sĩ Trần-văn-Tích chỉ giáo nếu nhận xét bên trên của chúng tôi sai hay không chấp nhận được. Kính xin đa tạ trước.

...tìm đọc

nhớ đất thương trời

thơ trần hồng châu

tác giả tập tùy bút Thành Phố Trong Hồi Tưởng
và tập thơ Nửa Khuya Giấy Trắng

Thế Kỷ xuất bản, Giá 10 Mỹ kim.
Tìm mua tại các hiệu sách hoặc liên lạc nhà xuất bản Thế Kỷ
11022 Acacia Pkwy # A, Garden Grove CA 92640 USA
Phone :714-638-9510

Ghi Chép

Nguyễn Huy Thạch

● Nhà thơ Nguyễn Chí Thiện trả lời phỏng vấn

Nhà thơ đấu tranh Nguyễn Chí Thiện đã đặt chân xuống phi trường San Francisco vào lúc 2 giờ chiều thứ Tư 1.11, sau khi được chính quyền Hà Nội để cho rời Việt Nam theo yêu cầu của chính phủ Hoa kỳ. Chuyến đi của Nguyễn Chí Thiện do sự vận động tích cực của cựu đại tá không quân Mỹ Nobaru Matsuoka với cả hai chính phủ Mỹ và Hà Nội. Đại tá Matsuoka cũng là người giúp đưa cựu trung tá Bùi Quyền và cựu thiếu tá Nguyễn Qúy An rời Việt Nam trước đây. Ông Nguyễn Chí Thiện năm nay 56 tuổi đã bị Cộng Sản VN nhốt tù tổng cộng 27 năm. Trong giai đoạn bị nhốt nhà thơ đã sáng tác trên 400 bài thơ mô tả nỗi thống khổ của những tù nhân của chế độ cũng như tố cáo sự tàn ác của giới lãnh đạo đảng CSVN.

Nguyễn Chí Thiện được coi là một "văn sĩ", một "ngục sĩ" và một "nạn nhân" tiêu biểu của chế độ cộng sản Hà Nội.

Tập thơ *Hoa Địa Ngục* do ông sáng tác trong tù đã được phổ biến rộng rãi trên thế giới và đã được giáo sư Huỳnh Sanh Thông chuyển sang Anh ngữ và đại học Cornell xuất bản. Dưới đây là bài phỏng vấn nhà thơ Nguyễn Chí Thiện của cô Đỗ Mùi, Đài Truyền Hình Việt Nam Tự Do San Jose thực hiện ngay sau khi ông vừa đặt chân lên bến bờ tự do.

Hỏi: *Cảm nghĩ của ông khi rời Việt Nam?*

NCT: "Tây họ có câu rằng đi là chết ở trong lòng một ít. Nhưng riêng đối với tôi thì đi là để sống thêm một tí. Tôi vừa đặt chân lên đất Hoa Kỳ, tôi quan niệm là tôi đặt chân lên thủ đô của thế giới tự do, và đây là giấc mơ từ bao nhiêu năm nay. Thế cho nên các bạn cứ tưởng xem tôi vui sướng như thế nào, nhưng mà tất nhiên hiện còn có những điều u uẩn ở trong lòng, còn nhiều thứ nhưng tiếc rằng hôm nay tôi qúa mệt, không nói được. Sẽ hẹn lại các bạn lần sau, bây giờ

sơ bộ nói như thế thôi. Thế còn gặp lại anh em thân quen, dù là chưa biết mặt hoặc bây giờ mới biết nhau, chúng ta đã có được một cái sự đồng thanh tương khí..., đồn thanh tương ứng, đồng khí tương cầu.

Hỏi: *Theo Ông tại sao Hà Nội để cho ông đi?*

NCT: Chính quyền Hà Nội cho tôi đi là vì bây giờ đến cái giai đoạn này họ thấy cho tôi đi có lợi cho họ hơn. Tôi muốn nói..., vì Lenin đã nói "..Không có cái đạo lý nào đối với chúng ta cả ngoài cái đạo lý có lợi cho đảng.."

Hỏi: *Ông có còn là một đe doạ cho CSVN ?*

NCT: Tôi làm sao mà đe doạ nổi. Nhưng mà bây giờ họ quan niệm những tiếng nói ở nước ngoài, cách cả một cái đại dương mà bên trong họ bịt lại không ảnh hưởng lắm và cho tôi đi để lấy tiếng với các bạn. Là một cái người chống họ như thế, đối với họ như thế mà bây giờ họ vẫn cho đi. Và cũng còn là một cái tiêu chuẩn để được tối huệ quốc. Cho nên nó là nhiều thứ lắm, và nó không phải như thế đâu. Tôi xin nói nhiều về sau này.

Hỏi: *Ông có còn chống đối chế độ cộng sản không ?*

NCT: Như thế này...Chúng ta gọi họ là cộng sản thì oan uổng cho họ quá. Họ bây giờ là tư bản đỏ. Cộng sản Mác-Lê chết rồi. Không còn có một ai tin kể cả những ông trung ương, những ông lãnh tụ theo học thuyết Mác Lenin không một ai tin cả, phải nhớ những điều như thế nhé...Và bây giờ họ là gì ? Họ là một cái nền độc tài thông thường. Và chính vì là một cái nền độc tài không thường, không phải là nền độc tài Mác Xít, cho nên nó còn nhẹ hơn một chút. Độc tài Mác Xít là gì ? Là xây dựng con người mới xã hội chủ nghĩa, là phải theo cái khuôn nhất định, con người ấy phải mặc áo, phải ba cùng, phải trung với đảng, phải hiếu với dân, đâu cần thanh niên đó phải đi hết. Nhưng bây giờ cái vở ấy tạnh hết rồi, người mẫu hoa hậu múa may quay cuồng phải không ạ ? Tha hồ nhạc vàng nhạc khô tha hồ, miễn là không được bàn đến đa nguyên đa đảng, không được bàn đến tự do dân chủ. Cái đó đe doạ đến địa vị của họ. Mác Lê không ai theo nữa. Không có một ai tin Mác Lê nữa đâu. Nên nhớ như vậy nhé. Mác Lê là cái nhãn hiệu dán vào, là cái chỗ để cho họ dựa vào... Bây giờ họ bỏ Mác Lê họ còn cái lý do nào mà tồn tại nữa?

Hỏi: *Ông sẽ làm gì khi ông bước chân đến Hoa Kỳ này. Dự định của ông là gì?*

NCT: Cái việc đầu tiên của tôi là chữa bệnh. Sau khi kHỏi bệnh rồi, cái nhiệm vụ gọi là chống lại cái ác đó mà! Tôi không hận thù ai đâu, mà tôi xem là công lý chống lại tội ác là cái nhiệm vụ con người phải làm cho đến ngày tận thế.

Hỏi: *Ông sẽ làm g ?*

NC T: Tôi làm với cái khả năng của tôi, có nghĩa là, cứ bảo là chúng

ta đừng nên dùng bạo lực, lấu đâu ra bạo lực mà dùng với nó, phải không nào ? Tôi lấy đâu ra súng đạn để mà chống họ. Cứ bảo là chúng ta nên hoà hợp trong khi họ cưỡi trên đầu tôi, mà tôi nằm dưới, mà cứ bảo, vỗ xuống dưới mà hoà hợp. Muốn hoà hợp thì bảo nó cứ xuống đó, hai người ngồi mà nói chuyện với nhau. Chứ còn nó đang cưỡi lên cổ tôi đây này, nó bịt mồm tôi, nó nhét tai, mà nói bảo rằng thì là hoà hợp thì cái chuyện đó...Cái người nói chuyện đó làm cho người ngồi bên dưới họ đau lòng lắm. Tôi muốn nói như thế đó.

Hỏi: *Ông là một người coi như hoàn toàn tự do rồi, trên đất tự do, cảm tưởng của ông như thế nào ?*

NCT: Cái cảm tưởng của tôi thì, tôi thấy cái không khí mà tôi thở nó cũng khác. Và tất cả những người gặp ở đây kể cả từ lúc lên sân bay là tôi đã thấy khác, khác hoàn toàn ở trong nước. Ở trong nước thì lúc nào cũng có những cái bóng. Cho nên ông Nguyễn Tuân trước khi chết, uống một cốc rượu, nâng lên và bảo "..các anh có biết tại sao tôi tồn tại không ? (Nguyễn Tuân) chỉ vào cái bóng và nói là tôi sợ. Tôi sợ một cách vô hình. Và chính vì cái sợ đó cho nên tôi mới sống được đến ngày hôm nay." Đó là lời của Nguyễn Tuân nói. Cho nên tôi muốn nói trong nước nó là như thế đó.

Hỏi: *Hiện nay ông đang bị ho lao phải không ?*

NCT: Không, tôi không bị ho lao đâu Cô. Tôi chỉ bị thần kinh suy yếu, yếu thần kinh và không ăn không ngủ được. Rất yếu.

Hỏi: *Trước đây một tuần phía Hà Nội không để cho ông đi. Họ nói ông bị ho lao?*

NCT: Không, thưa đó là tham nhũng. Tham nhũng bây giờ khắp nơi, khắp chốn, khắp ngành. Nó là một cái hiện tượng hoàn toàn...Nếu mà không có cái đó thì cán bộ không sống nổi. Tham nhũng là khắp nơi khắp chốn...

Hỏi: *Ước vọng của ông là gì, Ông có ước vọng gì ?*

NCT: Tôi có một ước vọng rất to, và ước vọng duy nhất là được nhìn thấy những giá trị đích thực của công lý ngự trị trên tổ quốc của chúng ta trong một tương lai gần. Đó là ước vọng duy nhất của tôi.

Xin cám ơn Ông Thiện, và chúc Ông được may mắn.

Thi sĩ Nguyễn Chí Thiện đã tiếp tục hành trình sang miền đông Hoa Kỳ nơi đó ông sẽ sống cùng với gia đình của người anh trai. Nhà thơ theo dự trù sẽ nghỉ ngơi dưỡng bệnh trong vòng hai tuần lễ và sau đó sẽ du hành nhiều nơi tại Hoa Kỳ và trên thế giới để thực hiện các buổi nói chuyện thể theo lời mời của các tổ chức và đoàn thể người Việt. Xin chúc mừng nhà thơ Nguyễn Chí Thiện đã đến được bến bờ tự do và cầu chúc nhà thơ được khoẻ mạnh và thành đạt được mọi ước nguyện cùng tất cả những lý tưởng đấu tranh cho một Việt Nam dân chủ tự do.

• Giải Goncourt 1996, trao cho nhà văn gốc Nga Andrei Makine

Nhà văn gốc Nga, Andrei Makine, hôm 13 tháng Mười Một đã được trao tặng một trong những giải thưởng văn chương cao quí nhất của Pháp, đó là giải Goncourt, qua tiểu thuyết mang dạng hồi ký *Le Testament Francais* (Chúc Thư Pháp).

Đây là giải thưởng văn chương kép của nhà văn Andrei Makine, 37 tuổi này, sau khi chính tác phẩm này, cũng vừa được trao tặng Giải văn học Medicis. *Le Testament Francais*, kể về một em trai cùng chia sẻ các nền văn hóa Pháp và Nga. Đây là lần đầu tiên, 10 nhà văn kỳ cựu của ban giám khảo Goncourt, từng được thành lập từ 92 năm nay, lại trao giải thưởng cho một tác phẩm đã đoạt giải.

Nhà văn Francois Nourrissier, khi loan báo kết quả của Giải Goncourt năm nay, ngay trên đài truyền hình Pháp, cho biết rằng ban giám khảo đã chọn ngay tác phẩm của Andrei Makine để trao giải thưởng, ngay trong vòng bỏ phiếu đầu tiên. Các giám khảo đã bỏ 6 phiếu cho tác phẩm của Makine, so với 4 phiếu cho tác phẩm *La Souille* (Bùn Lầy) của tác giả Franz Olivier Giesbert, chủ bút của nhật báo *Le Figaro*. Makine đã đến cư ngụ tại Pháp từ tám năm qua.

Giải thưởng Goncourt, được dành để trao cho một tiểu thuyết bằng Pháp ngữ, có số tiền thưởng chỉ lên đến 50 Francs (tiền Pháp), tương đương 10 đôla, nhưng nhờ giải thưởng mà tác phẩm có thể bán vượt lên đến cả nửa triệu bản, và thường trở thành món quà quí, tặng nhau mùa Noel tại Pháp. Tác phẩm *Le Testament Francais*, viết bằng Pháp ngữ, là tiểu thuyết thứ tư của nhà văn Andrei Mekine, trong khi các cuốn tiểu thuyết trước, đều được viết bằng tiếng Nga. *Le Testament Francais* đã đoạt giải Medicis, cùng với tác phẩm *La Langue Meternelle* (Tiếng Mẹ Đẻ) của nhà văn Hy Lạp Vassiles Alexakis.

• Thế giới xúc động về việc Nigeria xử tử nhà văn chống chính phủ

Nhà văn gốc Nigeria từng đoạt giải Nobel về văn chương, ông Wole Soyinka, hôm Chủ Nhật 12 tháng 11 đã bàng hoàng khi nghe tin chính quyền quân sự Nigeria đã xử tử chín người với lý do là có những hoạt động chống chính phủ. Soyinka, hiện đang tham dự một diễn đàn tại Nhật liên quan đến hướng sáng tác tiến đến thế kỷ 21, cho cho tờ báo lớn nhất nước Nhật *Yomiuri Shimbun* hay là ông đã xúc động đến độ nghẹn lời. Chính quyền quân sự tại Nigeria đã xử tử ông Ken Saro-Wiwa, một nhà văn nổi tiếng và 8 người khác hôm Thứ Sáu, mặc cho sự kêu gọi của

thế giới là có hành động ân giảm cho những người này. Ông Soyinka đoạt giải Nobel về văn chương năm 1986, đã đến Tokyo hôm Thứ Sáu sau khi ngừng lại Auckland, Tân Tây Lan, nơi ông kêu gọi các nhà lãnh đạo khối Thịnh Vượng Chung hãy làm tất cả những gì có thể làm được để ngăn cản việc xử tử này.

Hôm Thứ Bảy vừa qua, khối Thịnh Vượng Chung với 52 hội viên, gồm Anh Quốc và các quốc gia từng là thuộc địa của họ, đã có biện pháp trừng phạt bằng cách tạm thời trục xuất Nigeria ra khỏi khối. Thủ tướng Tân Tây Lan, ông Jim Bolger, hiện là chủ tịch cuộc họp của các giới lãnh đạo chính phủ trong khối Thịnh Vượng Chung đã loan báo biện pháp trừng phạt trên— một điều chưa từng xảy ra trong lịch sử tổ chức này. Nigeria đã tuyên án tử hình chín người này hồi tuần qua trong một phiên xử được dàn dựng sẵn với lý do là họ đã dính líu vào vụ ám sát bốn nhân vật lãnh đạo nhóm dân thiểu số Ogoni. Cả 9 người đều không nhận tội. Ông Saro-Wiwa là một nhà văn và nhà làm phim nổi tiếng, người gốc bộ lạc Ogoni tại Nigeria. Ông Sar-Wina từ trước đến nay vẫn chống lại chính quyền quân sự của tướng Sani Abacha, người đã lên cầm quyền sau khi hủy bỏ kết qủa cuộc bầu cử năm 1993 và luôn tranh đấu cho quyền lợi của nửa triệu người Ogoini tại Nigeria.

• Nigeria hành quyết 9 nhà đấu tranh nhân quyền và môi sinh

Hôm thứ Sáu 10.11, các nhà lãnh đạo quân sự của Nigeria bất chấp dư luận thế giới, đã treo cổ ông Saro-Wiwi và 8 thành viên khác thuộc Phong Trào Tranh Đấu Cho Sự Sinh Tồn của Nhân Dân Ogoni (MOSOP). Ông Ken Saro-Wiwi, một nhà tranh đấu cho nhân quyền tại Nigeria, đã có lời nhận định đăng trên báo *Newsweek*, số phát hành ở Hoa Kỳ, cho biết là ông đang chờ đợi bị hành quyết trong bàn tay của "những nhà độc tài thời đại đồ đá say mê máu" đang cai trị quốc gia của ông. Ông Saro-Wiwi là một tác giả, nhà văn, nhà viết kịch khá nổi tiếng. Hồi tháng 5.94, ông đã gởi một lá thơ cho tuần báo *Newsweek* cầu cứu, chuyển lén ra từ các ba-rắc ở Port Harcourt thành phố mạn Đông Nam Nigeria nơi ông đang bị giam tù. Ông viết: "Tôi không sợ hãi bị hành quyết. Tôi chờ đợi nó. Những người mà chúng tôi đang đối phó chẳng có đầu óc, là các nhà độc tài ở Thời Đại Đồ Đá say mê máu". Báo *Newsweek* đã cho đăng tải lời nhận định của ông trước đây, trong ấn bản quốc tế. Lần này, lời viết của ông xuất hiện trên ấn bản *Newsweek* nội địa. Nhà văn Saro-Wiwi viết: "Các nhà lãnh đạo Nigeria chịu trách nhiệm cho những ác mộng Phi Châu. Họ lo sợ trong lúc mình là những người có tư tưởng. Họ là những kẻ cướp bóc ban ngày, giết người vì tiền". Ông

Saro-Wiwi 54 tuổi, đã lãnh đạo một cuộc vận động cho nền tự lập và quyền tự quyết của 500,000 người thuộc sắc dân Ogoni, và bảo vệ môi sinh nơi xứ sở của họ, là nơi đã bị khai thác bởi các công ty dầu hoả ngoại quốc từ năm 1954.

Hồi tháng 5.1994, 9 nhà đấu tranh nhân quyền Nigeria đó đã bị Toà kết án tử hình, sau khi có 4 tù trưởng Ogoni thân chính quyền Nigeria bị giết chết. Theo ông, thì "tất cả những bản án đó đều được bịa đặt. Từ lâu, tôi quyết định không đề cao phiên toà bằng sự hiện diện của tôi, thách thức nhà cầm quyền cứ tiến tới và làm điều tồi tệ nhất. Những đồng nghiệp trẻ hơn thì không mấy hiểu điều này, nhưng bây giờ tôi nghĩ họ đã bắt đầu nhìn thấy lập trường của tôi là điều tốt nhất". Ông Saro-Wiwi cho biết những vụ kết án đó vô lý, dù cho nếu được xét xử bởi những phiên toà đầy tham nhũng ở Nigeria. Toà án nhân dân đã được sử dụng để nhà cầm quyền đạt được điều họ mong muốn".

Thế giới tự do đã cứng rắn lên án những án tử hình treo cổ ở Nigeria. Hoa Kỳ, các quốc gia thuộc cộng đồng Âu Châu, và các quốc gia Tây Phương khác đã triệu hồi các nhà ngoại giao cao cấp của họ về nước. Chính quyền Hoạ Thịnh Đốn cho biết là đã tham khảo với Liên Hiệp Quốc về những biện pháp thích hợp đối với Nigeria. Khối Thịnh Vượng Chung, là nhóm 52 quốc gia khá mạnh gồm có Anh Quốc và các quốc gia thuộc địa cũ đã huỷ bỏ thành viên Nigeria, và đã đưa ra hạn kỳ 2 năm để lãnh tụ quân sự tại Nigeria là tướng Sani Abacha tái thiết lập nền chính trị dân chủ cho quốc gia này. Hôm Chủ Nhật tuần rồi, Úc Châu quyết định tham gia cùng với Hoa Kỳ và 15 nước thành viên của Liên Minh Âu Châu, rút hết những phái bộ ngoại giao ra khỏi Nigeria, để phản ứng về vụ hành quyết 9 nhà tranh đấu nhân quyền.

Ngoại trưởng Úc ông Gareth Evans đã phát biểu trong một bản tuyên bố phổ biến từ thủ đô Canberra rằng: Sự triệu hồi này đồng nhịp với quyết định trục xuất thành viên Nigeria ra khỏi Khối Thịnh Vượng Chung. Ông Evans nói rằng Đại Sứ Howard Brown đã trở về Canberra để cấp tốc tham khảo. Quyết định trở lại của đại sứ Brown sẽ được thực hiện, sau khi ngoại trưởng Evans thảo luận với ông về tình hình Nigeria. Thủ tướng Úc ông Paul Keating cũng đã tham gia cùng với các nhà lãnh đạo Khối Thịnh Vượng Chung trong việc trừng phạt Nigeria, vì Nigeria đã hành quyết nhà văn nổi danh Ken Saro-Wiwi và 8 nhà đấu tranh cho quyền độc lập tự trị của sắc tộc Ogoni.

TÒA SOẠN VỚI BẠN ĐỌC

• Thư từ nhận được liên quan tới việc mua báo, gia hạn, đổi địa chỉ

Đỗ Lệ Chi Dallas TX, Phạm Dũng Madison WI; Thai Nguyên Chicago IL; Nguyễn Trọng Hạo Nhiên Montréal Canada, Nguyễn Công Khanh Des Moines WA, Phạm văn Minh Georgehall NSW Australia, Bửu Hậu Garden Grove CA; Nguyễn Thanh Quan The Netherlands; Moonee Valley Lib Australia; Chapman Br Lib Salklake Cy UT; Carrie Estelle Lib Camarillo CA; Univ. Washington Seattle WA, Trương Mỹ Văn Vancouver Canada; Mai Trúc Sơn Arleta CA; Dong N. Tran San Jose CA; Phùng Nguyễn Bakersfield CA; Tran Anh Can Germantown MD; Footscray Lib Service Australia, Lib. Ville Montre6al Canada; Lib Western Sydney Australia; Lib Menzies Canberra Australia; Lib. Univ. Berkeley CA; Nam Trung Bach Lynnwood WA; Hanh H. Le Lexington KY; Thnah Lan Le M.D. San Jose CA; Doan Khoach San Diego CA; Nga Lam Seattle WA; Tưởng Năng Tiến San Jose CA; Nguyễn Nguyên Phương Denver CO; Nguyễn Do Kính San Diego CA; Lý văn Nam St Louis MO; Trần T. Lệ Chi San Jose CA; Nguyễn Thanh Quang Vienna CA; Nhon Ton Rockville MD; Pham Thoan SF CA; Anh Ho (đổi địa chỉ), Lê Bình Phương France; Ecole Francaise d' Extrême Orient (đổi địa chỉ); Hanh Doan Chatsworth CA; Chu Hai Alexandria VA; Trần Ngọc Toàn Spingfield VA; Tuyết Nguyễn (đổi địa chỉ);

• Thư từ liên quan đến bài vở nhận được trong tháng

Bến bờ đợi mong gửi từ Upand CA; Kẻ sĩ Nga sơn gửi từ Góc phố chiều hôm, Nhớ ba, Thoángnhớ, Thu Nguyệt, Người mười năm cũ, Nếu biết trước gửi từ Westminster CA; Tìm, Ý thu, Thơ xuân điệp ngữ, Mùa Xuân và Tuyết gửi từ Fountain Valley CA; Về Văn học Nga sau Cải tổ gửi từ Moscow Russia; Thư ô. Đào văn Lễ Houston TX; Dõi chuyến phà sương và bản tin gửi từ Kent WA; Hãy tìm đến bên nhau gửi từ Westminster CA; Vẫn thấy mẹ về trong giấc mơ, Mưa vẫn mưa ngày cũ gửi từ Montréal Canada; Bên dòng Skagit gửi từ Alief TX; Bên mép lưỡi dao cạo gửi từ Footscray VIC; Cho một lần gặp gỡ gửi từ Hoà Lan; Gabriel-Ernest gửi từ Paris France; Về Cà mau gửi từ Downsview Canada; Trong vòng tay mọi có gì không em?, Vết thương trở mùa, Hoen ố, Thì gửi từ Mountain View CA; Đi dạo trong vườn Địa đàng, thơ dịch Georges Evans gửi từ San Francisco

CA; Kết thúc gửi từ Portland OR., Bao giờ gửi từ Montreal Canada; Có chở trăng về kịp gửi từ Dortmund Germany; Tản mạn, Kẻ đếm sao gửi từ Paris France, Xóm nghèo gửi từ Huntington Beach CA

Văn Học cũng đã nhận được các câu trả lời phỏng vấn và thơ văn của một số văn hữu như Trần Long Hồ, Tường Năng Tiến, Phan Ni Tấn, tài liệu về Võ Hoàng.

Tùy theo thứ tự thời gian nhận được hoặc tùy theo chủ đề ,Văn Học sẽ lần lượt đăng tải ý kiến và văn thơ tiêu biểu của quí vị, từ nay đến cuối năm. Trong thời gian đó, Văn Học **tiếp tục phỏng vấn** và nhận những ý kiến của các văn hữu khác, và mục ***Tác giả và Tác phẩm* sẽ kéo dài đến tháng 5.1996.** Hy vọng sau cuộc phỏng vấn rộng rãi này, nhà xuất bản Văn Học sẽ tổng kết và xuất bản được một bộ sách đồ sộ về toàn cảnh của Văn học Việt Nam Hải ngoại.

Văn Học trân trọng cảm tạ sự đóng góp của quí văn hữu. Mong nhận được sự cộng tác thường xuyên của quí bạn. Trừ thơ vì nhận được quá nhiều Văn Học sẽ lựa đăng dần, các tiểu luận và truyện ngắn nếu đăng được Văn Học sẽ liên lạc với quí văn hữu bằng thư hoặc điện thoại.

GIỚI THIỆU SÁCH MỚI

📖 ***Cuộc đời Chúa Giêsu***, tuyển tập thơ của Phạm văn Tiên, Văn Phạm Foundation, Inc. Springfield, Missouri xuất bản, sách dày 154 trang, giá 10 Mỹ kim. Đáy là một tuyển tập gồm trên 100 bài thơ về tôn giáo, tình yêu, quê hương, gia đình và xã hội, trong đó bài "Cuộc đời Chúa Giêsu' là bài dài nhất được tác giả chọn làm nhan đề cho toàn tập. Địa chỉ liên lạc:

Văn Phạm Foundation, Inc PO Box 8716 Springfield, MO 65801.

📖 ***Vết xước đầu đời***, tập truyện ngắn đầu tay của Trần Doãn Nho, Thanh Văn xuất bản, bìa Đinh Cường, sách dày 252 trang, giá 12 Mỹ kim. Bạn đọc Văn Học đã đọc nhiều truyện ngắn của Trần Doãn Nho trên Văn Học, nay có dịp đọc lại một mạch toàn bộ những truyện ngắn của ông, sẽ thấy rõ hơn tài năng của nhà văn này. Trên Văn Học số trước, nhà văn Nguyễn Mộng Giác đã có bài điểm sách về tác phẩm. Sách do Nhà Văn Nghệ tổng phát hành, hiện có bày bán tại các hiệu sách.

📖 ***Tuyển tập Once Upon A Dream*** - The Vietnamese-American Experience (Hoài vọng, Kinh nghiệm Người Việt tại Mỹ) do

Andrew Lâm, Trần Đệ, Nguyễn Đại Hải biên tập, với sự hợp tác của Nguyễn Quí Đức (nhóm văn hữu Mực & Máu). Nhật báo San Jose Mercury News bảo trợ, Andrews and McMeel (một trong những nhà xuất bản lớn nhất của Mỹ) xuất bản.Nhà báo lão thành Stanley Karnow viết bài giới thiệu.

Sách khổ lớn, 48 trang hình màu, gồm truyện ngắn, tiểu luận, thơ, tranh, và ảnh của 25 nhà văn/ký giả, 7 nhà thơ, 9 hoạ sĩ, 3 nhiếp ảnh gia.

Tuyển tập có nhiều bài của những nhà văn hải ngoại đã thành danh, viết tiếng Việt và được dịch sang Anh ngữ , như Nguyễn Ngọc Ngạn, Nguyễn văn Ba, Nguyễn Mộng Giác, Hoàng Liên, Nguyễn Bá Trạc, Trần Kim Lan. Những cây bút trẻ viết thẳng bằng Anh ngữ gồm Lại Thanh Hà,Khôi Lưu, Trần Tương Như, Trần Tường, Phạm Mộng Lan, Andrew Lâm, Trần Đệ, Nguyễn Quí Đức, Chu Bảo Long, Nguyễn Đức Minh, Nguyễn Thanh Việt, Lily Dizon (Nguyễn Tấn Băng Phương) v.v...

Phần nhiếp ảnh có ảnh của Nguyễn Ngọc Hạnh, Nguyễn văn Hân, Jim Gensheimer, David Phạm, Nguyễn Quí Đức v.v...

Phần hội họa có tranh của Trần Quốc Trung, Nguyễn Long, Lý Vi, Hoàng Vũ, Minhquang Nguyễn, Ann Phong, Liên Shutt v.v...

Bài vở chia làm bốn chương phản ảnh những giai đoạn khác nhau trong cuộc sống người Việt hải ngoại:

- Exodus: giai đoạn cuối cuộc chiến, cuộc di tản
- Elegies: Ký ức sau 1975, trại tị nạn
- Vietnamertica: Vấn đề hội nhập, dị biệt văn hóa
- Homecoming: Trở về quê hương, Khó khăn, Định nghĩa về thế hệ tương lai.

Đây là nỗ lực đầu tiên của nhóm những cây bút trẻ trưởng thành trên đất Mỹ, đánh dấu hai mươi năm định cư tại nước ngoài. Vì thế phần lớn bài vở được viết theo nhãn quan của những người trẻ tuổi.

Các bài trong tuyển tập đều có giá trị văn chương, nhưng đặt nặng vai trò người viết là chứng nhân của lịch sử, ghi lại đời sống hai mươi năm của người Việt hải ngoại.

Giá mỗi tuyển tập là 19.95 Mỹ kim. Sách hiện có bày bán tại các hiệu sách lớn. Nếu muốn đặt mua, xin gọi số 1-800-642-6480.

📖 ***Lịch sử ngàn người viết*** của Nguyên Sa-Lê Bá Chư, Đời xuất bản, sách dày 192 trang, giá 12 Mỹ kim. Theo lời Tựa của nhà thơ Nguyên sa, đây là một cố gắng dài hạn ghi nhận những lời chứng trung thực của lịch sử VN hiện đại, về nhiều ngành khác nhau, nhằm cải chính những xuyên tạc tai hại của chính quyền cộng sản bên nhà, như trường hợp chính nhà thơ

Nguyên Sa bị phỉ báng đến độ không thể tưởng tượng nổi trên báo chí quốc nội.

Sách chia làm hai phần: Phần Một Nhân chứng, do Lê Bá Chư ghi thuật. Phần Hai Kỷ niệm Hai mươi năm của Nguyên Sa.

Trong phần phỏng vấn các nhân chứng lịch sử của Lê Bá Chư, có các nhân chứng: Bà quả phụ Lê văn Hưng, Ngô Quang Trưởng, Lê Quang Lưỡng, Bùi Thế Lân, Lê Khắc Lý, Lê văn Phát, Đào Thiện Tuyển, Phạm văn Chung, Nguyễn Hữu Duệ, Dương văn Minh, Vũ văn Mẫu.

📖 ***Vàng đen***, tiểu thuyết của Nguyễn Dũng Tiến, Mimosa xuất bản, tựa của Nguyên Sa, bạt của Nhã Ca, Du Tử Lê, Nguyễn Xuân Hoàng, Nguyễn Mạnh Trinh, sách dày 582 trang, giá 25 Mỹ kim. Đây là tác phẩm thứ nhì của Nguyễn Dũng Tiến, sau "Lính đánh thuê" đã xuất bản. Như tác phẩm đầu tay vốn là một truyện dài đăng từng kỳ trên Việt báo Kinh tế, "Vàng đen" có những yếu tố tình tiết ly kỳ cần thiết cho một feuilleton để lôi kéo sự chú ý của độc giả. Truyện có đầy đủ những thứ gây tò mò: ma túy, bạo lực, dục tính, phiêu lưu mạo hiểm, cảnh nước lạ non xa. Ôm đồm như vậy dĩ nhiên tác giả không quan tâm nhiều đến bề sâu của tâm lý nhân vật hoặc những tư tưởng triết lý đau đầu. Một truyện đọc để giải trí, đọc cho vui.

CÙNG QUÝ ĐỘC GIẢ DÀI HẠN

Ban Chủ trương tạp chí Văn Học một lần nữa xin gởi đến quý độc giả dài hạn lời cám ơn chân thành đã tích cực ủng hộ Văn Học bằng cách mua báo dài hạn trong nhiều năm qua, cũng như cổ động thân hữu trở thành độc giả dài hạn của Văn Học.

Ban Chủ trương cũng biết rằng vì quá bận rộn, nhiều lúc không để ý đến hạn báo, nên không thể gia hạn kịp thời. Theo thông lệ, Văn Học nhắc độc giả gia hạn báo **hai tháng trước số báo cuối cùng** bằng cách **ghi lên nhãn lời nhắc gia hạn**, cùng với **thiệp báo tin gia hạn** gởi tiếp theo sau đó.

Trên nhãn địa chỉ gởi báo, con số ở góc phải hàng trên cùng, gồm bốn con số: đó là số báo cuối cùng quý vị sẽ nhận được. Hai số đầu chỉ tháng, hai số sau chỉ năm. Ví dụ: **1195** có nghĩa là số báo sau cùng quý vị đã đặt mua là số báo **tháng 11 năm 1995**.

Văn Học mong được sự hợp tác của quý độc giả bằng cách gởi chi phiếu gia hạn ngay, giúp Văn Học có đủ phương tiện trang trải chi phí ấn loát và bưu điện cho các số báo kế tiếp.

Trân trọng.

ĐÓN ĐỌC

Tuyển Tập
"THƯ GỬI BẠN TA"
của *Bùi Bảo Trúc*

Do Nhà VĂN NGHỆ ấn hành

- Đã từng bị lôi cuốn bởi những *Lá Thư Gửi Bạn Ta* đều đặn từ mấy năm nay qua một ngòi bút đầy phong độ, văn phong bay bướm, linh hoạt, châm biếm thú vị... càng đọc càng thích, càng đọc càng thấy đời đỡ tẻ, chắc chắn bạn đọc sẽ hài lòng khi có trong tay ***Tuyển Tập Thư Gửi Bạn Ta*** với 300 lá thư chọn lọc từ hàng ngàn trang thư đã viết xuống — những lá thư từ tháng 6 đến tháng 12 năm 1994.
- Những lá thư khác viết trong khoảng thời gian trước đó cũng sẽ được chọn in trong những cuốn kế tiếp.
- Nhà xuất bản Văn Nghệ hi vọng hoàn tất và trình làng cuốn sách ưng ý của Bùi Bảo Trúc trong tháng 12 tới đây.
- Hàng ngày, hàng tuần, hàng tháng... những *Lá Thư Gửi Bạn Ta* của Bùi Bảo Trúc đã được đọc khắp nơi trên đất Mỹ, Gia Nã Đại và Úc, chỉ vì qua những lá thư này, độc giả thấy được Người và Việc, những hình ảnh của cuộc đời chung quanh, những cái nhìn, những tâm sự... chúng ta đối diện hằng ngày. Cuốn sách đó không thể thiếu trong tủ sách gia đình của bạn đọc.

Sách được bày bán tại các nhà sách hoặc tại nhà xuất bản. Giá 15 Mỹ kim. Ngoài nước Mỹ 18 Mỹ kim.

NHÀ XUẤT BẢN
VĂN NGHỆ
P.O. Box 2301
Westminster, CA 92683
(714) 527-5761

KHU VƯỜN MÙA MƯA

KHU VƯỜN MÙA MƯA là một truyện dài viết theo ngôi thứ nhất, theo thời gian tuyến rất cổ điển. Cổ điển, như thể thơ lục bát hay nguyên tắc ba thống nhất trong kịch, khó, nhưng có cái mạnh của nó mà muốn khai thác phải lão luyện. Lão luyện đến mức giản dị như trong văn Thế Uyên thường làm cho người đọc bị lôi cuốn vào tình ý, sự kiện, mà quên văn...Lịch sử, xã hội, tâm lý, sinh lý, quan hệ người với người được đan kết tế nhị, được mô tả nhiều khi táo bạo và luôn luôn hấp dẫn. Một vài chuyện người điểm sách này hơi khó tin, chẳng hạn tại sao nhân vật nữ chính quá ngây thơ. Nhưng không sao, "sự thực" của một tác phẩm văn học nhiều khi có thể chưa bao giờ xảy ra, mà vẫn thực hơn là sự thực.
Hàn Thủy (Diễn Đàn Forum, Paris)

KHU VƯỜN MÙA MƯA là quyển truyện mới nhất của nhà văn Thế Uyên. Truyện dựa trên những nhân vật có thật cũng như những nhân vật không có thật, trong một bối cảnh chính trị mù mờ của những ngày "tiền đảo chánh 1963". Nhà văn Thế Uyên là một khuôn mặt quen thuộc của văn học Việt Nam cả trong nước cũng như ngoài nước, trước hay sau 1975. Ông có bút pháp táo bạo, và là một trong vài nhà văn tiền phong dám đưa ngòi bút mình vào lãnh vực tình dục, một lãnh vực đại kỵ trong sinh hoạt văn học của chúng ta...Tuy đề cập tới chuyện chính trị, cách mạng, đảo chánh, nhưng không phải vì thế mà tình dục không có chỗ chen chân vào. Mười một chương sách, chương nào cũng có những trang viết về, viết tới vấn đề này. Khi thì làm tình thật, khi thì nói tới một vụ làm tình nào đó...
Văn Học số 93-94, California

Cuốn sách gần đây nhất của Thế Uyên in tại hải ngoại là tiểu thuyết KHU VƯỜN MÙA MƯA. Đây là cuốn sách hay, văn phong tươi mát, giàu chất thơ và rất Thế Uyên.
Cánh én số 48, Germany

KHU VƯỜN MÙA MƯA, 372 trang, giá $15.
Đặt mua tại nhà xuất bản Xuân Thu
P.O. Box 97 Los Alamitos, CA 90720. Phone: (714) 828-9222

PHIẾU MUA/GIA HẠN BÁO

Họ và tên _____

Địa chỉ _____ Apt.____

Thành phố_____Tiểu Bang_____Zip_____

Quốc gia_____

Đồng ý ☐mua ☐gia hạn báo Văn Học trong thời hạn_____năm, từ số_____tháng_____,gởi hạng_____

Đính kèm chi/ngân phiếu số tiền US$_____, đề trả cho Văn Học

PHIẾU GIỚI THIỆU ĐỘC GIẢ MỚI

Tôi giới thiệu thân hữu dưới đây làm độc giả mới của Tạp chí Văn Học:

Họ và tên_____

Địa chỉ_____Apt.____

Thành phố_____Tiểu bang_____Zip_____

Người giới thiệu_____

Địa chỉ_____Apt.____

Thành phố_____Tiểu bang_____Zip_____

GIÁ BÁO DÀI HẠN

HOA KỲ

Hạng tư (Fourth Class)

Một năm .....US$42.00

Hạng nhất (First Class)

Một năm.....US$50.00

CANADA

Đường bộ (Surface)

Một Năm.....US$46.00

Máy Bay (Air Mail)

Một Năm.....US$54.00

ÂU, Á VÀ ÚC CHÂU

Đường thủy (Surface)

Một năm .....US$56.00

Máy bay (Air Mail)

Một năm.....US$94.00

THƯ VIỆN/LIBRARY

US/ First Class/1 yr.....US$50.00

Overseas/AirMail/1yr. US$100.00

Trả bằng Mỹ kim (US dollar). Ngoài Hoa Kỳ, xin trả bằng International money order. Ngân, chi hay lệnh phiếu để trả cho Văn Học. Please send check or international money order payable in US dollar, to Van Hoc.

THANH VĂN
P.O.Box 411723
Los Angeles, CA 90041

ĐÃ IN

TỪ CHỐN LƯU ĐÀY
Hoàng Nguyên Nhuận - $13.00
ĐƯỜNG TU KHÔNG HAI
Minh Tâm - $8.00
BA TRỤ THIỀN
Philip Kapleau - Đỗ Đình Đồng dịch - $20.00
TÌM THƠ TRONG TIẾNG NÓI
Đỗ Quý Toàn - $14.00
NGHỀ LÀM VUA
Lệ Hằng - $12.00
BỤI VÀ RÁC
Nguyễn Xuân Hoàng - $13.00
PHẬT HỌC KHÁI LUẬN
Thích Chơn Thiện - $20.00
NỬA KHUYA GIẤY TRẮNG
Trần Hồng Châu - $10.00
CÁT BỤI CHÂN AI
Tô Hoài - $12.00
QUYỂN TRUYỆN KHÔNG TÊN
Hồ Dzếnh - $7.00
QUÊ NGOẠI II-TIẾNG HÁT THIÊN NGA
Hồ Dzếnh - $7.00
HOA TẠNG TRẦM TƯ
Tịnh Liên Nghiêm Xuân Hồng - $6.00
PHƯƠNG TIỆN THIỆN XẢO
Tarthang Tulku - Phạm Công Thiện dịch - $12.00
MỘT KHOẢNH VIỆT NAM CỘNG HÒA NỐI DÀI
Tạ Chí Đại Trường - $16.00
MÂY TRẮNG THONG DONG
Huyền Không - $10.00
TRĂNG HOÀNG CUNG
Phùng Quán - $8.00

Sách có bán tại các tiệm sách
hoặc liên lạc:

VĂN NGHỆ
P.O.Box 2301
Westminster, CA 92683
Tel: (714)527-5761

MỘT NỬA ĐÀN ÔNG LÀ ĐÀN BÀ

Tiểu thuyết của Trương Hiển Lượng,
Phan Thịnh dịch

Trương Hiển Lượng là một tiểu thuyết gia hàng đầu hiện nay của Trung Quốc. Ông bị tù năm 21 tuổi chỉ vì một bài thơ và suốt hai mươi năm bị chuyển từ trại cải tạo này đến nông trường khổ sai khác. Kinh nghiệm lao tù của ông trở thành chất liệu mang nhiều tính tự truyện của ***Một Nửa Đàn Ông Là Đàn Bà***, tác phẩm đã đưa Trương Hiển Lượng thành nhà văn có tầm mức quốc tế. Với kinh nghiệm lao tù, những suy tư của người trí thức trong cái hỗn loạn phi nhân của "cách mạng văn hóa", Trương Hiển Lượng dùng tài năng của mình biến thành một tuyệt phẩm đa diện gồm đủ: tình yêu, tình dục, triết lý nhân sinh, triết lý chính trị, cái thi vị của thiên nhiên, cái bi hùng của đời sống... Một **"Bác sĩ Zhivago Trung Quốc"**, và đối với bạn đọc Việt Nam (nhất là những người đã từng sống dưới chế độ cộng sản), đọc Trương Hiển Lượng thú hơn đọc Boris Pasternak vì gần gũi hơn, Đông Phương hơn.

Sách dày 368 trang.
Giá 16 MK. Ngoài nước Mỹ thêm 3 MK.

Nhà xuất bản Văn Nghệ
P.O. Box 2301
Westminster, CA 92683
Phone (714) 527-5761

Giá:$4.00